

CỎ THƠM

CHỦ NHIỆM

NGUYỄN THỊ NGỌC DUNG

PHÓ CHỦ NHIỆM

PHAN KHÂM

ĐỒNG CHỦ BÚT

TRẦN BÍCH SAN
NGÔ TĂNG GIAO
PHẠM VĂN TUẤN
NGUYỄN THỊ NGỌC DUNG

TỔNG THƯ KÝ

ĐỖ TRÀNG MỸ HẠNH

WEBSITE

PHAN ANH DŨNG
NGUYỄN VĂN BÁ
THỦY SENSER
www.cothommagazine.com

TRÌNH BÀY

DZUNG SENSER

TÒA SOẠN

11623 CHAPEL CROSS WAY
RESTON, VA 20194, USA
TEL. (703) 471-1271
FAX (703) 471-1196
Email: dsenser@yahoo.com

BAN BIÊN TẬP

HỒ TRƯỜNG AN. QUỲNH ANH.
Ý ANH. VIỆT BẰNG. HẢI BẰNG H.D.B.
NGUYỄN NGỌC BÍCH. ĐÌNH CƯỜNG.
HOÀNG DUNG. PHAN ANH DŨNG.
VŨ THÁI HÒA. VŨ HỐI. PHAN KHÂM.
VI KHUÊ. HUY LÃM. NGUYỄN LÂN.
NGUYỄN PHÚ LONG. VŨ NAM.
CAO MỸ NHÂN. ĐẶNG NGUYỄN.
DIỆU TẦN. NGUYỄN VĂN THÀNH.
TIỂU THU. HỒNG THỦY.
LÊ THƯƠNG. TRƯƠNG ANH THUY.
BÙI THANH TIÊN. THANH TRANG.
HÀ BÌNH TRUNG. TẠ QUANG TRUNG.
NGUYỄN ĐĂNG TUẤN. KIM VŨ.

ĐẠI DIỆN

TRẦN BÍCH SAN: New Orleans, LA
VŨ MẠNH PHÁT: San Jose, CA
HẢI BẰNG HDB: Chandler, AZ
VĂN T. KIỀU ANH: Minneapolis, MN
NGUYỄN ĐĂNG TUẤN: Riverview, FL
VƯƠNG ÁNH HẰNG: W. Seneca, NY
LŨU HỒNG PHÚC: Dallas, TX
LAM ĐIỀN NGUYỄN THỦ: Charlotte, NC.
TIỂU THU: Québec, Canada
VŨ NAM: Germany



THÁNG 9 NĂM 2009

MỤC LỤC

TRANH			
VŨ THÁI HÒA: Tình Khúc	Bìa		
ĐẶNG GIAO: Xóm Nhỏ	16		
TÁ CHI TRƯỞNG CAM KHẢI tranh lụa.	36		
VĂN			
NGUYỄN THỊ NGỌC DUNG:	3		
Cánh Nạ Mùa Thu.			
HỒ TRƯỞNG AN: Bình Nguyên Lộc,	6		
Tổng Quan Văn Chương.			
TIỂU THU: Ngày Đón Chúng Minh	17		
PHẠM TRỌNG LÊ:	30		
Phong Kiều Dạ Bạc.			
NGUYỄN THỊ NGỌC DUNG	37		
Sài Gòn Ở, Giã Biệt			
NGÔ TĂNG GIAO:	45		
Trương Bảo Sơn Thượng Thọ Tuổi 95			
THẢO NGUYÊN: Từ châu Dạ	51		
Thơ Chữ Hán của Nguyễn Du			
LAURENCE VŨ:	54		
HẢI BĂNG HOÀNG DÂN BÌNH	56		
Vũ Hối 50 Năm Văn Học Nghệ Thuật			
NGÔ TĂNG GIAO: Phật Dạy Chăn Trâu:	63		
NGUYỄN LÂN: Tìm Một Cõi Về	67		
PHẠM VĂN TUẤN: Paul Gauguin	72		
PHẠM THỊ NHUNG: Nét Đẹp Cửa	89		
Phụ Nữ Việt Nam Xưa Qua Ca Dao			
LÊ THƯỜNG: Bài Về	97		
ĐỖ BÌNH: Đường Đi Không Mỏi	104		
LAM ĐIỀN NGUYỄN THỦ:	112		
Năm Nghe Mẹ Kể Quán Âm			
TRẦN THỊ HƯƠNG CAU:	118		
Biển Đời LaoĐao.			
NGUYỄN THỊ XUÂN NGA:	125		
Những Ngày Tái Ngộ Khó Quên.			
LÊ LUYỄN: Người Khắc Tên Bia Mộ	133		
NGUYỄN NGỌC BÍCH: Giới Thiệu	139		
<i>Phù Thuật của BS Lê Văn Lân</i>			
NGUYỄN KINH BẮC:	144		
Thi Sĩ Nga Alexander Pushkin			
VŨ NAM: Mưa Hè Ở Salzburg	152		
NGUYỄN PHÚ THỨ:	156		
Đêm Năm Canh Ngày Sáu Khắc			
ĐỖ PHÚ: Như Cánh Bèo Trôi	159		
PHẠM XUÂN THÁI: Lễ Mãn Khóa			
Lớp Hè Tiếng Việt Thứ 33	167		
PHONG THU: Cánh Hoa Trước Gió	171		
PHẠM TRẦN: Nhạc Sĩ Nguyễn Túc	184		
Không Còn Nữa			
THƠ			
HÀ BÌNH TRUNG: Yêu	16		
YÊN VI: Tuổi Ngọc	16		
PHAN KHÂM: Yên Ổn Đợi Chờ	28		
PHAN KHÂM: Lương Thu Thủy	28		
LÊ NGỌC KHA: Nhân Cư	29		
LÝ HIẾU: Chuyện Tuổi Già	29		
HỒ CÔNG TÂM: Thơ Là Bạn	29		
CAO MỸ NHÂN: Chỉ Còn Thơ	29		
NGUYỄN THỊ SÂM:	39		
Hiu Hắt Người Về			
UYÊN PHƯƠNG MINH NGUYỆT	52		
Bên Ấy Bên Đây			
PHẠM TẤN TRUNG CHÍ: Vũ Hối	56		
NGUYỄN PHÚ LONG: Khu Phố Cũ	62		
ĐẶNG NGUYỄN: Một Thoáng Mơ Qua	62		
ĐỖ THỊ MINH GIANG: Lá Úa Mùa Thu	71		
BÙI THANH TIỀN:	71		
Em Tôi, Mầu Thu Trong Mắt			
KIỀU ANH: Còn Lại Mấy Vân Thơ	88		
HOÀNG SONG LIÊM:			
Vầng Trăng Và Nỗi Nhớ	88		
VIỆT BĂNG: Nụ Hôn	96		
HỒNG THỦY: Chỉ Có Một Người	96		
ĐOÀN NGỌC KIỀU NGA:	101		
Xé Nửa Vầng Trăng			
HỒ CÔNG TÂM: Trăng Đất Khách	101		
QUỲNH ANH: Trăng Thu Bằng Bạc	101		

DƯ THỊ ĐIỂM BUỒN: Nếu Ai Có Hỏi	111
HOÀNG DUNG: Đám Cưới Trắng	124
TẠ QUANG TRUNG: Tĩnh Biên Và Nỗi Nhớ	132
YÊN VI: Cứ Đám Ta Đi	142
VĨNH LIÊM: Tiễn Người Đi	183

GIAO ĐIỂM

MINH CHÂU: Impressions d' Automne	117
NGUYỄN SA: Cần Thiết	143
KIM VŨ: Indispensable	143

NHẠC

VŨ THÁI HÒA: Thu Qua Lặng Lẽ Buồn	53
NGUYỄN TƯỜNG VÂN: Yêu Một Lần Đi	102
THANH TRANG: Liễu Buồn Xanh Ngắt Mùa Thu	151

SÁCH MỚI

CÒN VƯƠNG TỶ LÒNG Nguyễn Phú Long	44
XÉ NỬA VẰNG TRẮNG	101
PHÙ THUẬT VIỆT NAM: Lê Văn Lân	142
CÒN VƯƠNG TỶ LÒNG: Vĩnh Liêm	183
NHA TRANG DẤU CHÂN KỶ NIỆM, TÌNH TRÊN ĐỈNH SẦU,	193

KHỎANG CÁCH CỦA BIỆT LY, HAI CHỊ EM – Cung Thị Lan MÓN ĂN THEO BƯỚC DI TẢN của 14 tác giả.	194
---	-----

GIỚI THIỆU

HA NGUYEN & ASSOCIATES Bìa trong, trước.	
VĂN PHÒNG LS IVAN M. WALDMAN & ASSOCIATE : bìa trong, sau.	

Phòng Mạch BS NGUYỄN KIM DUNG	50
SOVEREIGN REALTY, INC,	55
Phòng Mạch BS NGUYỄN QUỐC QUÂN	117
BUDDY PHOTO	186
Phòng Mạch BS VÕ ĐẠM	192
HARVEST MOON	195
Thư Mời Tham Gia TCNS Cỏ Thơm	196
Phiếu Tham Gia TCNS Cỏ Thơm	197
Danh Sách Mạnh Thường Quân	198
Phiếu Mua – Gia Hạn – Quảng Cáo	199
Tủ Sách Hội Viên	200

HÌNH ẢNH SINH HOẠT

Ngày Vinh Danh Nhạc Sĩ Nguyễn Túc	187
50 Năm Văn Học Nghệ Thuật Vũ Hối	189

Canh Nhận Mùa Thu

Nói đến Mùa Thu là nói đến khung trời mênh mang, heo may lành lạnh, rừng cây đổi màu, lá vàng rụng rơi, nai vàng ngơ ngác... Thực vậy, trong vùng Tòa Soạn Cỏ Thơm, thỉnh thoảng tôi bắt gặp mấy cô chú nai tơ ngây thơ vô tội đứng bên bờ rừng vào những buổi sáng còn ướt sương đêm trước. Vườn rau có rào thấp để ngăn các chú thỏ ngọc, nhưng vẫn được các chàng và nàng nai tự nhiên kiễng chân thò cổ vào trong hàng rào thưởng thức rau tươi, đậu ngọt. Sau đó thực khách bốn chân đứng đỉnh ra con suối cuối vườn giải khát rồi lững thững vào rừng xào xạc lá vàng rơi. Vâng, trong Xứ Tình Nhân, Virginia For Lovers, tuy *ngựa xe như nước, áo quần như nêm* nhưng rừng cây, vườn cỏ, suối hồ còn được giữ lại rất nhiều trong những khu vực dân cư, để cảnh mùa thu vẫn thơ mộng. Những màu áo, khăn quàng tím, nữ trang, giấy, ví tím thấp thoáng khắp

nơi, không chỉ riêng phái nữ. Phái nam cũng mặc áo sơ-mi tím, thắt cà-vạt tím làm mùa thu dễ thương hơn, lãng mạn hơn. Tuy nhiên, người Cỏ Thơm vẫn chưa quên được những mất mát vui buồn vừa xảy ra trong mùa hè vừa qua.

Michael Jackson, một thiên tài không thể thay thế trong nền nhạc Rock Hoa Kỳ đã bất ngờ lìa trần thế ngày 25 tháng 6, 2009, hưởng dương 50 tuổi. Không ai muốn Michael chết và chính Michael cũng chưa muốn chết. Nhưng có lẽ vì sự bất cẩn của những người xung quanh có nhiệm vụ chăm lo sức khỏe cho Michael hay sự cầu thả của chính Michael đã gây ra cái chết đột ngột của King of Pop's. Cả toàn cầu bất kể các nước tự do dân chủ hay cộng sản độc tài đã thương tiếc, đổ nước mắt nhiều cho một thiên tài ca vũ nhạc Rock này. Những ngày sau đó, nhóm *Line Dancing* thân hữu Cỏ Thơm tuần nào cũng nhảy bài Billie Jean để ngậm ngùi tưởng niệm một ngôi sao vừa rụng. Người ta hết khóc lại cười, nhảy múa, ca hát những bản nhạc của Michael để vinh danh một thần tượng vừa nằm xuống mặc dầu thần tượng này thuở sinh thời có nhiều tài, nhưng cũng lắm tật, thật đáng thương, đáng tiếc.

Một nhạc sĩ kỳ cựu trong cộng đồng người Việt Hoa Thịnh Đốn từ 40 năm nay, Nhạc Sĩ Nguyễn Túc cũng đã đi theo Nhạc Sĩ Văn Phụng và Nhật Bằng về nơi tiên cảnh ngày 3 tháng 7, 2009, hưởng thọ 87 tuổi. Cỏ Thơm vừa mới trao tặng quà và *plaque* kỷ niệm trong ngày vinh danh ông một tháng trước, ngày 7 tháng 6, 2009, những tưởng sẽ chỉ đăng bài tưởng thuật chung vui với ông. Nay Cỏ Thơm lại phải có bài chia buồn. Xin xem thêm chi tiết trong bài viết của Nhà Báo Phạm Trần trang 184. Gần như khắp cộng đồng ai cũng có hình ảnh ông chụp. Thuở Nhạc Sĩ Nhật Bằng còn sống, chúng tôi thường tới nhà Nhạc Sĩ Nguyễn Túc tập hát, thổi băng, ăn phở Club du Jeudi của ông. Trên kệ sách của tôi có nhiều quyển *album* ảnh do ông chụp trong các sinh hoạt của hội đoàn Trưng Vương và Cơ Sở Cỏ Thơm mà chúng tôi tham dự. Chủ Biên Website Cỏ Thơm, Phan Anh Dũng biên soạn rất công phu các tài liệu về Nhạc Sĩ Nguyễn Túc với nhiều bản nhạc của ông do Nhạc sĩ Linh Phương độc tấu dương cầm hay Mai Hương, Băng Tâm, Nga Mi, Trần Lãng Minh, Tâm Hảo... trình bày. Nguyễn cầu hương linh Nhạc Sĩ Nguyễn Túc sớm được về cõi vĩnh hằng.

Frank McCourt, một nhà văn đương thời Hoa Kỳ mà tôi ngưỡng mộ cũng vừa qua đời ngày 19 tháng 7, 2009 tại New York, hưởng thọ 78 tuổi. Tôi đã được đọc tập hồi ký đầu tay, *Angela's Ashes* của Frank McCourt xuất bản năm 1997, khi ông 60 tuổi, nghĩa là sau *Phượng Vãn Nở Bên Trời Hà Nội* và *Sài Gòn Nắng Nhớ Mưa Thương* của Nguyễn Thị Ngọc Dung 3, 4 năm. *Angela's Ashes* là *best seller* cả trăm tuần liền trên toàn cầu sau khi phát hành. Frank McCourt là giáo sư văn chương trung học ở New York. *Angela's Ashes* là hồi ký về cuộc đời cùng cực hơn tất cả những cuộc đời cùng cực nào khác của Frank McCourt từ thuở ấu thơ tại Ái Nhĩ Lan (Ireland) đến khi tự tìm đường tới New York năm 19 tuổi. Quyển sách đã được giải thưởng Pulitzer và được chuyển thành phim. Tôi đã xem phim *Angela's Ashes* chiếu lần đầu ở rạp rồi xem trên màn ảnh TV

vài lần vẫn cảm thấy thương xót cho cậu bé Frank McCourt. Tác phẩm thứ hai của ông có nhan đề *Ti's* (1999) viết về cuộc đời tiếp theo Angela's Ashes. Toàn thế giới ngưỡng mộ ông nhưng quê hương Ái Nhĩ Lan đã chỉ trích Frank McCourt là kẻ phản bội đất nước vì đã phơi bày những tệ đoan xấu xa của người đối với người. Có bao giờ người ta dám nhận những cái xấu của mình? Hay chỉ những cây bút cách mạng mới dám viết lên sự thực mà người ta muốn che đậy?

Có những chuyện buồn thì cũng có những chuyện vui để cuộc sống được cân bằng. Hầu hết tao nhân mặc khách vùng Hoa Thịnh Đốn thể theo lời mời của Thư Họa Gia Vũ Hối đã tham dự Kỷ Niệm 50 Năm sinh hoạt nghệ thuật của ông tại Falls Church, Virginia. Quan khách quần là, áo lượt đông đảo cứ như đi dự đám cưới, vui ơi là vui! Bởi vì Họa Sĩ Vũ Hối thân mật, dễ thương với tất cả mọi người. Hầu như trong nhà nào cũng có nét bút của ông trên giấy, lụa, trên đĩa sứ hay bằng gỗ như tại tệt xá Nguyễn Thị Ngọc Dung vậy. Cơ Sở Cỏ Thơm cùng nhiều hội đoàn khác đã tặng Thư Họa Sĩ Vũ Hối những tấm *plaques* và quà kỷ niệm để vinh danh người đã làm vẻ vang cộng đồng Việt Nam trên khắp thế giới trong địa hạt thư họa. Xin xem thêm nhiều tài liệu đặc biệt về Họa Sĩ Vũ Hối trong bài viết của Nhà Văn Hải Bằng Hoàng Dân Bình, trang 56.

Thưa quý vị, số báo Cỏ Thơm này sẽ được Nguyễn Thị Ngọc Dung đem đi Pháp tham dự buổi Chiều Thu Tao Ngộ tại Paris, ngày 4 tháng 10, 2009 do Nhà Thơ Đỗ Bình, Nhà Văn Hồ Trường An cùng nhiều văn thi nghệ sĩ thân hữu tiếp tay tổ chức. Cỏ Thơm sẽ được giới thiệu với các tao nhân mặc khách nghệ sĩ của Kinh Thành Ánh Sáng cùng với tập truyện *Món Ăn Theo Bước Di Tản* của 12 tác giả là Hồ Trường An, Nguyễn Phan Ngọc An, Dư Thị Diễm Buồn, Nguyễn Thị Ngọc Dung, Hoa Hường Dương, Duy An Đông, Tôn Nữ Mặc Giao, Thái Quốc Mưu, Vũ Nam, Lê Nguyễn, Cao Thanh Tâm, Tiểu Thu và Phong Thu. Dư Thị Diễm Buồn chủ trương và xuất bản.

Hai tuần sau khi trở về từ Paris, Nguyễn Thị Ngọc Dung sẽ cùng 56 văn thi nghệ sĩ, độc giả và thân hữu Cỏ Thơm làm một chuyến *bus*, ca hát dọc đường và du ngoạn Grounds For Sculpture để thưởng thức mấy trăm bức tượng được triển lãm trong một bảo tàng viện ngoài trời. Xin quý vị đón đọc bài tường thuật những sinh hoạt trên và xem hình ảnh trong số báo sau.

Một tin mừng nữa, ái nữ của Họa Sĩ Vũ Thái Hòa, trong Ban Chủ Biên Cỏ Thơm, được nhận làm Bí Thư riêng của Ông Jacques Barrot, Phó Chủ Tịch Liên Hiệp Âu Châu (Vice Président Commission Européenne). Toàn thể ban Chủ Trương và Biên Tập Cỏ Thơm xin có lời chúc mừng cùng Họa Sĩ Vũ Thái Hòa và gia đình.

Kính chúc quý vị một Mùa Thu thơ mộng và hạnh phúc.

Nguyễn Thị Ngọc Dung

BÌNH NGUYÊN LỘC, TỔNG QUAN VĂN CHƯƠNG

Hồ Trường An

(Tiếp theo)

Miền Nam vào thời chiến tranh Đông Dương có 3 nữ tiểu thuyết gia, nổi tiếng nhất là Bà Tú Hoa, Bà Tùng Long và Bà Lan Phương. Bà Tú Hoa trước đó, vào thời tiền chiến đã đoạt giải Tự Lực Văn Đoàn qua cuốn tiểu thuyết *Bóng Mơ*. Sau đó, bà viết thêm vài cuốn tiểu thuyết nữa cũng khá ăn khách, tuy nhiên không hiểu sao bắt đầu từ năm 1964, bà ngưng viết luôn. Rồi đó, vào thuở cuộc chiến tranh Đông Dương bùng nổ, sự xuất hiện của Bà Tùng Long (gốc người Quảng Nam, nhưng sinh sống lâu năm trong Nam) qua các quyển *Lầu Tỉnh Mộng*, *Nhị Lan*, *Giang Sơn Nhà Chồng* gây náo nhiệt trong quần chúng thuộc giai cấp trung lưu Nam Kỳ hơn. Nhưng Bà Tùng Long vốn ưa văn dĩ tải đạo hơi nhiều, làm cô giáo dạy luân lý cho học trò độc giả ở bất kỳ tác phẩm nào nên thét rồi độc giả hơi nhàm. Đúng lúc đó tên tuổi Bà Lan Phương vụt sáng lên. Bà viết rất có ý thức, các nhân vật của bà rất người, có tánh tốt trà trộn tánh xấu. Đặc biệt nhất bà viết về tánh ghen tương ganh ghét của đàn bà thiên hình vạn trạng nên văn chương bà rất hấp dẫn. Còn Cô Hoàng thị Như Mai qua quyển *Hai Dòng Con*, Cô Thanh Tùng vốn

là tác giả các quyển *Sống Trên Nhung Lụa và Một Tâm Hồn Trong Sương Lạnh*, Tô Hằng Nữ Sĩ với quyển *Ái Tình và Sắc Đẹp* đều không không phải là đào chính cống, mà là thứ đào lộn hột, chu choa ời, lộn tới hai hột, trời ạ. Cho nên trong một sớm một chiều họ chuồn êm ra khỏi làng văn trận bút. Cũng như các nhà văn Ngọc Sơn, Thanh Thủy, Dương Hà, Trọng Nguyên, hay nhóm nhà văn vào thuở Nam Bộ Kháng Chiến, ba nữ sĩ Tú Hoa, Tùng Long, Lan Phương viết văn bằng giọng văn Bắc Nam pha trộn, nhưng rất mềm dịu du dương với ngôn ngữ dân đô thị lúc viết nhật ký hay lúc viết thư tâm sự hay thư tình. Thế có nghĩa dù viết văn không có chêm những tiếng nhĩ, nhé, ư, ạ, eo ời, thảo nào, thế à... nhưng ngôn ngữ được xử dụng rất trung tính (neutre), không phảng phất sương khói ngôn ngữ Bắc Kỳ, không vết điêu khắc giọng văn Huế, không đậm đặc ngôn ngữ Nam Kỳ.

Tiểu thuyết của Bình Nguyên Lộc không kén độc giả bao giờ. Văn phong anh dí dỏm, tương đối khá Nam Kỳ (thứ ngôn ngữ Nam Kỳ ở đô thị). Ý tình anh trong sáng, ít có dấu vết khách sáo qua nét thêu thùa chạm khắc; thế có nghĩa là ý tình trong các tác phẩm của anh xuê xòa, bộc trực được diễn tả bằng thứ ngôn ngữ tượng thanh lẫn tượng hình. Cái cõi mở khả ái đó, chúng ta có thể

thấy trong truyện ngắn *Ba Con Cáo*, ở cảnh nhà của lẩn vào đất nghĩa trang.

Người sống còn biết đau lòng khi phải dẫm lên những gò mả còn mới rành rành (nhiều mộ bia thánh giá để năm chôn 1951) nhưng ác thay, họ cũng biết lạnh. Cho nên họ cất nhà trên những nấm đất ấy, nhưng người chết thú lỗi, miễn là có chỗ núp mưa, thế thôi.

Không bao giờ kẻ sống và người chết lại sát cánh nhau đến thế. Ông đã chết rồi, ông choán đất làm chi cho nhiều, trong khi tôi không có một vuông đất nhỏ mà cắm cột gỗ, vậy ông thú lỗi nhé. Rồi ngày sau tôi hoàn đất lại cho ông vậy mà; trần gian này chỉ là cõi tạm thôi, tranh nhau làm gì.

(trang 38)

Ở truyện ngắn *Rung Cây Dừa*, những hình ảnh đặc sắc được tác giả vẽ từng nét rõ vào ấn tượng độc giả:

Giữa những cù lao trong quần đảo Củ Tron là những vuông biển nhỏ im lặng như mặt hồ. Bơi xuống trên bao nhiêu là hồ ấy, đi từ đảo này qua đảo kia là một thú vui vô song nhắc nhở người xưa chu du năm hồ bốn biển, cảnh Từ Thúc chèo thuyền chợt gặp Đào Nguyên.

Nhút là những hòn đảo này là những hòn non bộ thiên nhiên mà trong đất liền, nghe nói, ai cũng thèm nhuộm nước miếng.

Đảo đá vôi lồi lõm những gộp đá hình thù kỳ dị, những hang non hiểm hóc và những động là là mặt nước trông như cửa động Đào; gộp đá vôi thì mỗi gộp mỗi màu, trên ấy mọc lên những lùm cây mà hình dáng cằn cõi như cổ thụ, và tất cả soi bóng

in hình một cách trung thành, đầu lộn ngược, trên mặt biển đang nhạt màu trời và phẳng như gương.

(các trang 124, 125)

Văn phong, bút pháp tượng thanh của Bình Nguyên Lộc có thể được thể hiện ở trang đầu truyện ngắn *Lầu 3 Phòng 7*:

Ục...ục...ục... ụt...

Quyên vội bịt lỗ tai lại. Chàng rất sợ tiếng nước ở bồn rửa mặt của phòng bên cạnh. Nó kêu như ai ăn phải của khó tiêu, bị sôi ruột kêu ột ột. Đáng ghê nhứt là cái tiếng “ụt” sau cùng, kéo dài bất tận.

Ở đây có những tiếng động khiếm nhã khác nữa. Đó là tiếng đế giày nện lên gạch, tiếng nước cầu xí, tiếng đòn vĩa cầm của ai mới học kéo ọ ẹ suốt ngày.

(trang 105)

Trong sự nghiệp văn chương của Bình Nguyên Lộc gồm các truyện ngắn lẫn truyện dài của anh, ngoài việc phân tích tình đời và tâm trạng các nhân vật thì văn phong anh cũng chỉ tung hoành ngoạo mục ở hình thức ngoài 3 đặc tánh ấy mà thôi.

*

Bối cảnh, khí hậu trong đa số tác phẩm của Bình Nguyên Lộc, phần nhiều khác biệt với bối cảnh và khí hậu trong các tác phẩm của Sơn Nam. Trừ truyện ngắn *Rừng Mắm* và truyện ngắn *Rung Cây Dừa* thì hầu hết truyện dài lẫn truyện ngắn khác của Bình Nguyên Lộc đều lấy bối cảnh ở Biên Hòa, Bình Dương, Lái Thiêu, Tân Uyên,

Đất Bái, tức là miền Đông Bắc của thủ đô Sài Gòn. Còn Sơn Nam thì lấy bối cảnh miệt Cực Nam đất nước như Chác Bàng, Cà Mau, U Minh Thượng, U Minh Hạ (các cuốn *Hương Rừng Cà Mau*, *Hai Cõi U Minh*, *Vạc Nước Giồng Trăng*), hoặc lấy bối cảnh ở chốn hải giác thiên nhai từ mũi Cà Mau trông ra biển như cuốn *Vạch Một Chân Trời*, cuốn *Bà Chúa Hòn*.

Những truyện ngắn viết về quê hương đất nước trong quyển *Hương Rừng Cà Mau* của Sơn Nam đều hay, quan niệm sống của tác giả được gán vào miệng của lớp người khai hoang khẩn đất đều cận nhân tình, vốn sống của tác giả rất phong phú. Những truyện ngắn *Rừng Mắm* của Bình Nguyên Lộc dĩ nhiên đều thua các truyện ngắn ấy về tài liệu sống, thua những cái kỳ bí lạ lùng ở trên vùng đất Hậu Giang. Nhưng nó trội hơn ở chỗ gọi cho chúng ta niềm ngậm ngùi thương cảm về đức hy sinh cao cả của lớp người tiên phong tìm đất mới, ở cái dũng mãnh kiên cường của chí khí dân tộc, ở niềm tin rục rờ của lớp hậu sinh về đất nước mai sau nói thêm chiều dài trên biển Nam Hải. Nhân vật chánh là cậu trai mới lớn tên Cộc sống với ông nội và tía má cậu ở rạch Ô Heo, một vùng cùng thôn tuyệt tái của đất Nam Kỳ. Trước khi vào truyện, họ đã đến đây khẩn đất. Cộc lớn lên, đang lúc thể chất phát triển vì lao tác nên thèm ăn chè và thèm được bầu bạn với một cô gái trang lứa. Nhưng đất ở đây chưa thể trồng mía được nên không có ai làm ra đường. Lại không có gia đình lân cận nào nên không có một cô gái trang lứa với cậu nên cậu muốn bỏ đi tìm vùng thổ ngơi nào có chè lẫn có gái. Cậu

thấy cây mắm mọc lơ thơ ven biển cho rằng đó là thứ cây vô tích sự, cho nên ông nội cậu giải bày như sau:

-- *Bờ biển này mỗi năm được phù sa bồi thêm cho rộng ra bằng mấy ngàn thước. Phù sa là đất mềm lũng và không bao giờ thành đất thịt được để ta hưởng, nếu không có rừng mắm mọc trên đó cho chắc đất. Một khi kia mắm sẽ ngã rạp. Giống trầm lại nổi ngòi nó. Rồi sau mấy đời trầm, đất thuần, cây ăn trái mới mọc được.*

Thấy thằng cháu nội ngơ ngác chưa hiểu, ông cụ vịn vai nó mà tiếp:

-- Ông với lại tía con là cây mắm, chơn giằm trong bùn. Đời con là đời trầm, chơn vẫn còn lấm bùn chút ít, nhưng đất đã gàn thuần rồi. Con cháu của con sẽ là xoài, mít, dứa, cau. Đời mắm tuy vô ích, nhưng không uổng, như lính ngoài mặt trận vậy mà. Họ ngã gục cho kẻ khác là con cháu họ hưởng. Con, con sắp được hưởng rồi, sao muốn bỏ mà đi. Và lại con không thích hy sanh chút ít cho con cháu của con hưởng hay sao?

(trang 22)

Trước năm 1975, đa số truyện dài của Bình Nguyên Lộc đều lấy bối cảnh ở đô thị. Còn Sơn Nam có cuốn *Hình Bóng Cũ* chỉ lấy bối cảnh đô thị ở phần chót, còn hai phần đầu lấy bối cảnh ở miền quê đất nước Hậu Giang. Nhưng riêng quyển *Chim Quyên Xuống Đất* thì lấy hoàn toàn cảnh đô thị để dựng nên cái phong cho sự diễn biến câu chuyện. Rất tiếc, các phê bình gia, các học giả chỉ ca tụng quyển *Hương Rừng Cà Mau* của anh mà bỏ rơi hai kiệt tác phẩm ấy. Chính ở hai quyển này, Sơn Nam mới bùng nổ cái tài hoa dựng truyện và thần trí sáng

tạo của mình ở những chất liệu dựng truyện không đặc sắc. Ở đây, độc giả mới thường cảm lớp thanh niên bỏ học để tham gia vào lịch sử trong cuộc chống Pháp. Rồi sau Hiệp Định Genève, họ sống bơ vợ lạc loài vì lỡ vận ở Miền Nam Việt Nam bằng nghề cầm bút; cuộc mưu sinh không lóc lên một viễn ảnh tươi sáng, một tương lai đảm bảo nào. Họ ngơ ngác trước cuộc đời dẫu bề, trước khúc quanh lịch sử, trước thế sự thăng trầm. Hai cuốn này vẫn là hai cột trụ trong văn nghiệp của Sơn Nam, ăn đứt các truyện dài của Bình Nguyên Lộc. Vì sao? Những tác phẩm truyện dài của Bình Nguyên Lộc đa số là truyện tâm lý ái tình, không phản ảnh đến biến chuyển của thời cuộc, của thế hệ lớp người trưởng thành trong cuộc chiến tranh Đông Dương giữa Pháp và Việt Minh, không vẽ được các bức tranh xã hội trong các thập niên 50, 60 và 70. Ngoài ra, nhân vật chính trong hai quyển truyện dài của Sơn Nam bị guồng máy vận mệnh tổ quốc đẩy đưa vào cảnh ngộ thương tâm, lỡ khóc lỡ cười; trong khi đó những nhân vật của Bình Nguyên Lộc có nếp sống vật chất đầy đủ hơn, nên tâm cảnh của họ không bị xáo trộn nhiều về các tấn thảm kịch trong cuộc sinh hoạt chung quanh họ. Điều dễ hiểu là Sơn Nam đã tham gia vào cuộc kháng chiến chống Pháp, có lý tưởng về quốc gia dân tộc. Dù anh lầm đường lạc lối theo bọn Việt Minh, dù lý tưởng anh có đặt sai chỗ chẳng nữa, nhưng cuộc đời lăn lóc của anh bao năm ở khu 9 (một mặt khu vùng Hậu Giang của bọn Việt Minh) cũng tạo cho anh nhiều cơ hội sống chung với dân quê, sống trong vùng tân bồi miền Cực Nam đất nước. Anh

có thể suy nghĩ nhiều những điều mà những kẻ có cuộc sống an phận thủ thường ở đô thị trong đó có Bình Nguyên Lộc không có điều kiện lẫn cơ hội nghĩ ra.

Chọn đô thị làm bối cảnh cho truyện ngắn, Bình Nguyên Lộc thêm một lần nữa thành công về phương diện nghệ thuật ở truyện ngắn *Ba Con Cáo*. Đây là câu truyện xảy ra tại nghĩa trang hoang vu, có vài kẻ lác đác cát chòi là để cư ngụ. Trong số đó có một người đàn ông trốn pháp luật, một á gái điếm trốn lính kiểm tục. Đó là hai con cáo theo nghĩa bóng vì họ khôn lanh quỷ quyết, cái quỷ quyết đó do xã hội và hoàn cảnh phong trần dày dạn của họ tạo ra. Kẻ thứ ba là con cáo thú thật, chuyên bắt gà vịt trong xóm và đào hang ở gần chỗ của hắn ta trú ngụ. Vì ở chỗ tha ma mộ địa, hắn ta và y thị tỏ bày tâm sự với nhau. Còn con cáo vì được hắn ta đuổi chó săn để cứu sống nên nó tỏ ra thân thiện với họ. Nhưng họ không dám chui ra khỏi nghĩa trang để kiếm sống. Quá đói lòng, hắn ta giết con cáo thú thật để cùng y thị đồ dạ. Nhưng rồi vì không đào ra được cái ăn, cho nên y thị đi tố cáo hắn để nhận tiền thưởng. Tuy nhiên, khi y thị trở về trở trời một mình tại nghĩa trang, nhìn chỗ cả hai nằm thục thâu đêm để tâm sự với nhau, y thị bỗng cảm thấy không khí sao mà quá quạnh quẽ thê lương. Cùng lúc đó, thiên lương trong sáng trở về với y thị:

Chị ôm mặt khóc òa, rồi lẩm bẩm van vái lẩm thảm:

-- Trời Phật ơi, Chúa ơi, tha tội cho tôi, ngày mai tôi ra khỏi chỗ này và ra khỏi vực đen của đời tôi nữa.

(trang 47)

Gặp phút xuất thần Bình Nguyên Lộc viết khá nhiều truyện ngắn tuy không bằng *Rừng Mắm* và *Ba Con Cáo*, nhưng rất chứa chan tình người và thấp sáng thiên lương nhân loại và niềm tin yêu đối với cuộc đời. Như tôi đã nói, anh thành công về truyện ngắn hơn thành công ở truyện dài. Nhưng chính những truyện dài tâm lý ái tình của anh dù có giảm thiểu phẩm chất nghệ thuật ít nhiều, nhưng chúng lại hợp với cảm quan của giới độc giả thích dùng văn chương để giải trí; bởi đó mà chúng được họ ái mộ nồng nhiệt. Cho nên bất cứ quyển truyện dài nào của anh dù chưa được xuất bản mà chỉ được đăng từng ngày trên nhật báo cũng thu hút độc giả mãnh liệt. Cho đến nỗi dân ở Lục Tỉnh mỗi ngày phải ra bến xe đò, đợi xe chở báo về, chộp lấy báo nào có đăng truyện theo thể thức feuilleton của Bình Nguyên Lộc đọc trước cho sốt dẻo, trước khi đọc các tiết mục khác.

Như thế, Sơn Nam chỉ khua động trên văn đàn và thấp sáng niềm ái mộ của giới sành điệu trong khi đó Bình Nguyên Lộc được mọi giới nhiệt thành ủng hộ và chiêm ngưỡng.

*

Kể từ tháng 7 năm 1987 tôi viết bài *Tổng Quan Về Sự Nghiệp Văn Chương của Bình Nguyên Lộc* cho tới nay (vào cuối tháng 8 dương lịch năm 2007) thì đã hơn hai mươi năm trôi qua. Nhìn trước ngoảnh sau, tôi nhận thấy một điều: về phương diện sáng tác, Bình Nguyên Lộc được nhắc nhở nhiều qua truyện dài *Đò Dọc* cùng hai truyện ngắn *Rừng Mắm* và *Ba Con Cáo*. Nhưng *Đò Dọc* thật sự chưa phải là cái tinh túy trong số lượng phồn thịnh của tác phẩm anh. Nó chỉ là một chai lọ thủy tinh được Giải Thưởng

Văn Chương Nghệ Thuật Toàn Quốc như ánh mặt trời soi rọi đến nên mới chiếu sáng hơn các truyện dài khác được tượng trưng qua các món ngoạn hảo bằng pha lê quý giá hơn. Tập truyện *Nhốt Gió* của anh là con chim én báo tin xuân. Còn tập truyện *Ký Thác* trong đó có hai truyện ngắn *Rừng Mắm* và *Ba Con Cáo* mới là mùa xuân huy hoàng thật sự trong văn chương của anh. Hơn thế nữa, *Rừng Mắm* đã là một nén nhang tạ ơn công lao người dựng đất, làm cho lớp hậu sinh chúng ta cảm khái hơn.

Bình Nguyên Lộc viết văn bằng cái trong sáng của thiên lương. Anh không làm dáng trong bút pháp và văn phong nhiều (trừ những cuộc đối thoại của những kẻ tân học). Anh không muốn bày trò rắc rối tối tăm trong cách cấu trúc tác phẩm và cách dàn xếp nội dung của nó. Cho nên anh không cho độc giả có thời giờ và cơ hội để suy nghiệm những gì anh viết. Anh cứ phóng bút tới tấp một cách thống khoái. Anh cứ giải thích tuồn tuột và xôn xao những điều ẩn mật của tác phẩm mình. Anh không cho độc giả tìm gặp cái ý tình thâm trầm cần phải có của một cây bút có ý thức về thẩm mỹ. Anh không tạo được cái mênh mông thăm thẳm của câu truyện. Điều này, anh chúng tỏ cái tánh hồn nhiên khả ái của người Nam Kỳ nói chung, cái bộc trực của đa số cây bút gốc Nam Kỳ nói riêng.

Lại nữa trong ba tập truyện *Mùa Thu Nhớ Tầm*, *Tinh Đất* và *Cướng Rún Chua Lia*, Bình Nguyên Lộc cứ kêu gào nổi nhớ quê, cứ ó ré tình quê cha đất tổ. Sự khơi dậy cảm xúc bị nhiều lượt lăm phen đem ra triển lãm trưng bày một cách suồng sã hớ hênh

như thế đã lần hồi nếu không làm tắt nghẹn thì cũng chận ngăn ít nhiều mạch cảm xúc của độc giả đi. Nếu anh bỏ bớt cái tánh chất nòng nân đến chỗ sa đà thái quá của người Nam Kỳ đi thì sự truyền cảm sâu đậm hơn, thấm đượm hơn.

*

Trong cuốn *ăn học Miền Nam Tổng Quan* do Văn Nghệ xuất bản, Võ Phiến có viết:

Cá tính văn học miền Nam là điều không thể phủ nhận, và nó rất hấp dẫn. Sự phát huy bản sắc miền Nam là một đóng góp thật quan trọng vào nền văn học Việt Nam. Đâu có phải chuyện gì xấu xa đâu mà vội khỏa lấp.

Về sắc thái đặc biệt, điều nhận thấy trước nhất là những từ ngữ địa phương, những cách nói riêng của địa phương. Từ ngữ riêng của miền Nam thật nhiều, càng ngày càng lộ ra nhiều. Trước 1954, dĩ nhiên nó vẫn phong phú, nhưng nó không hay xuất hiện trên sách báo, thậm chí trong tự điển là nơi lẽ ra phải tập trung đầy đủ tiếng nói dân tộc, cũng không có được bao nhiêu tiếng địa phương miền Nam. Lúc bấy giờ địa vị của tiếng nói miền Nam hãy còn khiêm tốn, ngay những học giả người miền Nam vẫn còn ngần ngại chưa muốn đưa những tiếng cà tàn, cà ràn, chiếc nóp, lục cù v.v... vào sách. Sau này mỗi lúc các ông Bình Nguyên Lộc, Lê Xuyên mới trình ra, tuôn vô số, chừng ấy mới biết là chúng ta còn có cả một kho vô tận chữ nghĩa mấy trăm năm chưa xài đến! Chuyện đó thì “mắc mớ” gì tới tui? Tui thì “kể số” gì? Tui có ăn nhậu gì “trông” đâu nà? Ôi nghe lạ mà vui biết bao nhiêu!

(các trang 129, 130)

Vào thời tiền chiến, trong các nhà văn nhà thơ gốc miền Nam đã chối bỏ ngôn ngữ miền Nam như Đông Hồ, Mộng Tuyết thì đã có Nguyễn Chánh Sắt, Lê Hoàng Mutu (bút hiệu Mộng Huê Lầu), Hồ Biểu Chánh. Lại thêm một vương tôn gốc Huế là Nguyễn Phúc Bửu Đình vì sống trong Nam đã lâu và lấy vợ người tỉnh Gò Công nên khi viết hai quyển *Cậu Tám Lộ* và *Mảnh Trăng Thu* bằng giọng Nam và ngôn ngữ miền Nam đặc sệt. Hồ Biểu Chánh là một tiếng nói lạc lõng, lẻ loi ở ngoài lề văn học sử, tác phẩm của ông chỉ được giới bình dân ở miền Nam đọc mà thôi. Nhưng nhà phê bình Vũ Ngọc Phan là người sáng suốt. Khi thực hiện bộ sách *Nhà Văn Hiện Đại* liền dành cho Hồ tiên sinh một chương khá tỉ mỉ với lời nhận xét ưu ái qua cuốn *Cha Con Nghĩa Nặng*. Trong khi đó, ông Vũ gạt những bài du ký của Đông Hồ, những bài tùy bút của Bà Mộng Tuyết và Bà Mai Huỳnh Hoa (lấy bút hiệu Quỳnh Hoa) qua một bên. Có lẽ Vũ tiên bối bị dị ứng với lối ăn điệu đà thêu hoa dệt gấm của họ chăng? Bà Quỳnh Hoa là cháu kêu nhà Chí Sĩ Nguyễn Đình Chiểu bằng ông cố, kêu Nữ Sĩ Sương Nguyệt Anh bằng bà ngoại. Bà là vợ nhà cách mạng Đệ tử Cộng Sản Phan văn Hùm và cũng là mẹ ruột của kịch tác gia Phan Tùng Mai.

Phải đợi đến sự xuất hiện của Bình Nguyên Lộc trên văn đàn, thì giọng văn miền Nam, ngôn ngữ miền Nam mới được chiếu cố khá nồng nhiệt. Nồng độ nhiệt thành càng tăng thêm qua các tác phẩm của Sơn Nam và của nhà văn nữ Vân Trang, tác giả tập truyện *Một Lá Thư Tinh*. Bà Vân Trang vào năm 1957 tới năm 1965 là một

cộng tác viên cần mẫn trong ban biên tập của tạp san Bách Khoa, Mai. Đến khi có sự xuất hiện của Lê Xuyên trên các nhật báo, qua loạt tiểu thuyết đăng từng ngày như *Vợ Thầy Hương, Chú Tư Cầu, Rặng Trâm Bàu, Kính Cầu Muống, Xinh, Nguyệt Đòng Xoài* v.v... thì ngôn ngữ miền Nam được đương sự khai thác sung mãn và lộng lẫy. Trong nhóm nhà văn trẻ ở bán thập niên cuối của thập niên 60, chỉ có Nguyễn Thị Thụy Vũ gốc miền Nam viết văn miền Nam khá tới. Trong khi đó, Triệu Triệu, Tiêu Kim Thủy, Hàn Song Thanh, Dương Trử La, Trương Đạm Thủy, Hoài Điệp Tú, Phương Triều thì viết văn theo kiểu Bắc Nam lẫn lộn, rau muống trộn giá sống, mắm tôm pha mắm sặt.

Vậy thì Hồ Biểu Chánh là kẻ làm cho độc giả bắt đầu yêu thích lối viết văn miền Nam, nhưng phải đợi 20, 30 năm sau, chính Bình Nguyên Lộc không cần mang cờ quạt, biểu ngữ, nhưng vẫn làm cuộc hành trình vào ngôn ngữ miền Nam, gây nhiều tiếng vang tốt đẹp và gieo niềm tin cho người cầm bút miền Nam để viết văn bằng ngôn ngữ, bằng giọng điệu miền Nam.

Vậy thì hẳn nói tới ngôn ngữ và văn chương miền Nam là phải nghĩ ngay tới Bình Nguyên Lộc cũng như nói tới sóng thì phải nghĩ ngay tới nước: Bình Nguyên Lộc là sóng, cõi văn chương miền Nam là nước vậy.

Bình Nguyên Lộc suốt 20 năm văn học miền Nam (1954 - 1975) đã lôi kéo (bằng ảnh hưởng của văn chương anh) một số người cầm bút miền Nam viết văn rặc giọng điệu và ngôn ngữ miền Nam như Sơn Nam, Lê Xuyên, Huyền Phong Tú (tác giả quyển tiểu thuyết *Ông Xã Hòa*), hai bà Vân Trang

và Nguyễn Thị Thụy Vũ. Anh còn quyến rũ nhiều nhà văn gốc Bắc như Nguyễn Hoạt, Vũ Bằng, Thanh Tâm Tuyền, Nhật Tiến, Viên Linh, Nguyễn Thụy Long, những nhà văn gốc Trung như Võ Phiến, Nguyễn Văn Xuân, Phan Du viết văn theo phong cách văn miền Nam. Trong số này thì có Võ Phiến, Thanh Tâm Tuyền, Viên Linh và Phạm Hồ viết rất vững vàng. Còn những người khác thì viết ba trật bốn vuột, nhưng cũng tếu đậm như các cây bút Nam Kỳ chính cống, cũng toát ra cái phong thái hào sảng, cái vẻ phơi phới thật quyến rũ. Thật tình, Bình Nguyên Lộc không bao giờ cổ võ, hô hào ngôn ngữ miền Nam gì ráo. Anh cũng chẳng xúi giục, dụ dỗ ai hết. Nhưng văn chương miền Nam dưới ngòi bút anh và nhất là của Lê Xuyên rất tượng hình, tượng thanh, duyên dáng lạ kỳ, dễ thương độc đáo nên để lôi cuốn các cây bút miền Bắc có lòng với ngôn ngữ miền Nam.

Trong cuốn *Văn Học Miền Nam Tổng Quan*, nhà văn Võ Phiến có viết:

... Có thể nói tất cả sáng tác của Bình Nguyên Lộc, Ngọc Linh, Sơn Nam, Vũ Bình, Nguyễn thị Thụy Vũ đều chú trọng vào nếp sống, vào xã hội, phong tục miền Nam. Và đó là cả một lãnh vực tân kỳ phong phú. Chúng ta đã có miền Nam từ ba trăm năm, nhưng người Việt miền Bắc miền Trung mấy ai biết về đời sống trong Nam trước “*Rừng Mắm*” của Bình Nguyên Lộc, “*Hương Rừng Cà Mau*” của Sơn Nam. Những sáng tác như thế mở ra trước con mắt của đồng bào khắp nước một thế giới vừa thân yêu, vừa mới lạ biết chừng nào.

(trang 32)

Viết về đất nước miền Nam, bằng ngôn ngữ văn chương miền Nam, Bình Nguyên Lộc lẫn Sơn Nam viết bằng cả tâm tư. Động lực nào thúc đẩy họ? Hãy nghe Võ Phiến cũng trong cuốn *Văn Học Miền Nam Tổng Quan* phân trần như sau:

... Nhất là những tác giả như Bình Nguyên Lộc như Sơn Nam, vốn tha thiết với quê hương rất mực. Một vị “chuyên trị” miền Đông, một vị “chuyên trị” miền Tây, một vị chiếm lĩnh Tiền Giang, một vị Hậu Giang, họ đi sâu vào cuộc sống, vào lịch sử địa phương, phát huy cái hay cái lạ làm cho miền Nam càng ngày càng bày ra những cái quyến rũ không ngờ. Những “Đò Dọc”, “Rừng Mắm”, “Ba Con Cáo”, “Hương Rừng Cà Mau”, “Thổ Ngòi Đồng Nai”, “Tìm Hiểu Đất Hậu Giang” v.v... của họ đã hay, sở dĩ càng hay là vì sự thưởng thức đầy cảm tính và kích lệ của đồng nghiệp Trung và Bắc...

(trang 34)

Cuộc nội chiến Quốc Cộng đã giới hạn tầm mắt của thị dân, đã đưa một số trường giả chốn hương thôn ra định cư ở các thành phố, đã đóng khung cõi văn chương đa số người cầm bút. Những nhà văn trang lứa với bút giả như Thế Uyên, Trần Hoài Thư, Y Uyên, Nguyên Vũ chỉ viết thôn quê qua các bối cảnh tiền đồn, những vùng xôi đậu, những nơi có xảy ra các cuộc hành quân, các cuộc chạm súng. Cái thôn quê thuần túy bị “chiến tranh hóa”, bị “thời cuộc hóa” nên mất mát nhiều bản sắc nguyên sơ. Chỉ có những người cùng lớp thế hệ với Bình Nguyên Lộc, Sơn Nam, Lê Xuyên và có óc quan sát tinh nhuệ và có rung cảm sâu sắc

như họ mới viết được cảnh hương thôn trên dải đất Nam Kỳ Lục Tỉnh vào thuở cội trào va nhất là vào thời tiền chiến mà thôi.

*

Những lớp nhà văn hậu sinh của Bình Nguyên Lộc, Sơn Nam và Lê Xuyên tức là những người gốc miền Nam thì chỉ có Xuân Vũ, Hồ Trường An là có thể lấy bối cảnh vào thời tiền chiến. Vào thời tiền chiến, Xuân Vũ đã là một cậu trai mới lớn, trí óc có thể thu nhận những gì mà mắt thấy tai nghe đang hoạt diễn trước mắt. Hồ Trường An phải cậy nhờ sách vở, những câu chuyện kể của các bậc trưởng thượng vì vào năm 1945 khi ngòi lửa chiến tranh vừa ngùn cháy toàn cõi Đông Dương thì đương sự chỉ có 5 tuổi. Nhưng khi vừa vào trung học, đương sự ham học hỏi ở các nông dân lão thành, ở các khách thương hồ lịch duyệt, nhất lại nhờ ông thân sinh Mặc Khải mà đương sự biết mọi cơ cấu hành chánh trong làng. Thuở ấy trong mỗi làng có ban Hương Chúc Hội Tề gồm 12 hai vị: Hương cả, hương chủ, hương sư, hương trưởng, hương chánh, hương giáo, hương bộ, xã trưởng, hương quản, hương thân, hương hào và chánh lục bộ. Các ông kỳ lão từ hương cả cho tới hương chánh là đại biểu tiếng nói của dân chúng trong làng. Họ chủ tọa các buổi lễ cúng đình, cùng lễ kỳ yên (tức là lễ cầu an). Còn hương giáo thì phân xử việc kiện cáo nhỏ nhỏ xảy ra trong làng, trong xã, trong xóm. Hương quản coi việc an ninh. Chánh lục bộ coi sổ hộ tịch: làm khai sanh, làm giấy khai tử v.v... cho dân làng, trước khi di chuyển công văn ra tổng, huyện, phủ, tỉnh. Lại có thêm thầy thôn chuyên lo việc công nho (tức là ngân

khoản tài chánh trong ban Hương Chúc Hội Tề). Ngoài ra, ban này cất đặt thêm các ông hương nhứt, hương nhì, hương việc để lo sắp đặt trà rượu, tiệc tùng khi có quan trên tới viếng. Ông hương kiêm chuyên kiểm kê tài sản, ruộng vườn của làng, rồi giao tiền thu hoạch cho thầy thôn. Ông hương cũng chuyên việc mua sắm thực phẩm để dọn tiệc cúng đình, cúng lễ kỳ yên: mua vài con heo để quay và nấu cháo lòng, mua nếp để dọn hàng chục mâm xôi. Ngoài ra ông ta còn lựa hàng chục chĩnh rượu và hàng chục thứ linh tinh khác cho chú hương bếp điều khiển các phụ nữ trong làng nấu nướng.

Làng thôn thời tiền chiến bước sang thời Đệ nhất Cộng Hòa biến thành xã ấp. Còn ban Hương Chúc Hội Tề biến thành Hội Đồng Xã. Vào thời Đệ nhị Cộng Hòa, trên các tuyến đường quốc lộ, hương lộ, các chòi canh thay thế đồn bót Nghĩa quân. Các quận có chi y tế, chi Thông Tin, chi bưu điện. Duy đình làng vẫn còn đó. Nhà việc làng dành cho ban Hương Chúc Hội Tề trước kia thì giờ đây trở thành trụ sở Hội Đồng Xã. Mỗi năm vẫn có lễ cúng đình, rước sắc thần từ nhà việc làng qua đình bằng kiệu bông có hương án long trọng.

Ở hải ngoại, các cây bút miền Nam viết truyện miền Nam như Nguyễn Văn Sâm, Võ Kỳ Điền, Nguyễn Tấn Hưng, Nguyễn Đức Lập, Phan Thị Trọng Tuyến, chỉ viết về cảnh sống ở tỉnh lỵ hoặc ở Thủ đô Sài Gòn. Nguyễn Thị Ngọc Nhung có thể lặn sâu ngòi bút vào thời chiến tranh Đông Dương, chị viết về những cuộc xung đột giữa Hoà Hảo và Việt Minh dọc theo Sông Hàm

Luông. Kiệt Tấn viết cuốn truyện dài *Lớp Lớp Phù Sa* ở miệt Hậu Giang, chỉ kể chuyện sa đà mà không viết nổi khung cảnh cuộc đất thắm phèn chua cùng con cá lá rau ở đó. Ngô Nguyên Dũng viết về cuộc chiến tranh giữa Pháp và Việt Minh ở miền Tiền Giang đất nước Nam Kỳ qua cuốn *Núi Đọan Sông Lĩa* mà không nói tới mặt trận Cao Hoà Bình (Cao Đài, Hòa Hảo, Bình Xuyên). Bác sĩ Huỳnh Hữu Cửu viết về cảnh thôn quê khi còn thơ ấu, nhưng sự thu thập kiến thức về khung cảnh địa phương không được nhiều vì thuở ấy, anh còn bé quá, óc quan sát chưa nảy nở. Nguyễn văn Ba qua cuốn *Làm Mai, Lành Nợ, Gác Cu, Cầm Chầu* và Phùng Nhân qua truyện dài *Vàm Cỏ Cao* chỉ viết miền quê Tiền Giang vào hai thời Cộng Hòa. Trần Long Hồ với bộ trường giang *Dung Thân* nói về cuộc đời ở miệt Hậu Giang sau cơn quốc nạn 30/4/1975. Sĩ Liêm với hai tập truyện *Tình Nghĩa Thầy Trò, Những Mảnh Đời Chắp Vá* thì viết về nếp sinh hoạt ở Thủ đô Sài Gòn sau ngày Việt Cộng bạo chiếm miền Nam, đôi khi đương sự viết về miền quê ngoại của mình nằm bên sông Vàm Cỏ Tây.

Những kẻ sinh ra vào 5 năm chót của thập niên 30 trở về sau thật sự đánh mất thôn quê nguyên sơ, thuần túy hướng hồ là những nhà văn sinh vào thập niên 50. Dù không viết được một thôn quê tiền chiến, song ngôn ngữ miền Nam, văn chương theo giọng điệu miền Nam mà Bình Nguyên Lộc khởi công dựng lại trên cái nền tảng của Hồ Biểu Chánh đã hướng dẫn các cây bút gốc miền Nam ở hải ngoại kết thành một lực

lượng hùng hậu. Xin kể thêm các nữ sĩ gốc Nam Kỳ Lục Tỉnh như Song Thi với tập bút *Đổ Giấc Đêm Dài*, Hoàng Dược Thảo với quyển *Tiểu Thu*, Hồng Lan với tập truyện *Như Khói Lam Buồn*, Dư Thị Diễm Buồn với các quyển tiểu thuyết *Chân Trời Hạnh Phúc*, *Trong Lâu Đài Kỷ Niệm*, *Xa Bến Thiên Đường*, *Vén Màn Sương Áo Mộng*, *Ngoài Ngưỡng Cửa Chiêm Bao*, *Một Góc Trời Thôn Dã*, *Thời Biển Lặng Sông Trong..*, Tiểu Thu với *Sóng Nước Tình Quê*, Việt Dương Nhân với hai tập truyện *Gió Xoay Chiều* và *Đàn Chim Việt* v. v...

Đa số những kẻ viết về Bình Nguyên Lộc chỉ nói tới sự nghiệp văn chương và sự nghiệp biên khảo của anh rất nhiều, nhưng họ không nói tới (hoặc nói rất ít) ảnh hưởng của anh trong công việc viết văn bằng giọng điệu ngôn ngữ miền Nam. Thật là một sự thiếu sót! Cái ảnh hưởng ấy vẫn còn theo chân một số người cầm bút gốc miền Nam đi tản ra bốn phương trời hải ngoại. Văn chương của họ thao thức mãi trong cõi thường ngoạn của độc giả kiêu bào đã từng sống ở Miền Nam Việt Nam từ Sông Bến Hải trở vào (gồm người Bắc di cư và người Nam bản xứ). Văn chương ấy kéo dài mãi trong niềm khao khát những kẻ yêu mến một miền đất nước tự do dân chủ xa xưa, nơi ấy nồng ấm tình người, phong phú con cá lá rau, tràn đìa món ngon ngọt béo bùi thắm đượm quốc túy quốc hồn. Và có quá ngắn lắm hay không vì nó chỉ kéo dài trên 20 năm mà thôi? □

TIỂU SỬ BÌNH NGUYÊN LỘC

Tiên sinh tên thật là Tô Văn Tuấn, sinh ngày 07/ 03/ 1914 tại làng Tân Uyên, tỉnh Biên Hòa. Ông cộng tác với rất nhiều nhật báo ở Sài Gòn trong thập niên 60 trong đó có tờ Tiếng Chuông. Ông chủ trương tờ tuần san Vui Sống không được bao lâu thì tạp chí này phải đình bản. Về các tạp chí văn chương, ông cộng tác với Văn Hóa Ngày Nay, Bách Khoa, Nghệ Thuật, Văn... Ông sáng tác gần 100 tác phẩm, nhưng chỉ xuất bản trên 40 quyển gồm tập truyện, truyện dài, khảo cứu dân tộc học và khảo cứu ngôn ngữ học. Ông đoạt giải Văn Học Nghệ Thuật Toàn Quốc năm 1960 qua quyển truyện dài *Đò Dọc*.

Các tác phẩm nổi tiếng của tiên sinh gồm: *Đò Dọc*, *Giao Gió Gặt Bão*, *Nhện Chờ Mối Ai*, *Hoa Hậu Bờ Đào*, *Bóng Ai Qua Ngoài Sông Cửa*, *Một Nàng Hai Chàng*, *Uống Lộn Thuốc Tiên*, *Khi Từ Thức Về Trần...*

Các tập truyện gồm có: *Nhốt Gió*, *Ký Thác*, *Tâm Trạng Hồng*, *Mưa Thu Nhỏ Tầm*, *Tình Đất*, *Cuống Rún Chưa Lìa...*

Các quyển biên khảo gồm có: *Nguồn Gốc Mã Lai*, *Lột Trần Việt Ngữ*. Còn quyển *Những Bước Lang Thang Của Gã Bình Nguyên Lộc* là loại truyện phóng sự. Riêng quyển *Một Nàng Hai Chàng* được diên ảnh gia Lê Dân chuyển thể thành phim ảnh với cái tựa *Hồng Yến* do Kiều Chinh, Tâm Phan và Trần Quang chia nhau thủ vai chính.

Bình Nguyên Lộc định cư tại Rancho Cordova (California) vào năm 1986 và từ trần tại đây vào ngày 07/03/1987.

YÊU

Yêu là chẳng hẹn hò nhưng vẫn đợi
Không gặp nhau mà nghĩ vẫn gần nhau.

Yêu là thấy chợt trong lòng bồi rối
Mơ tưởng người không nhớ gặp nơi đâu.

Yêu là thấy lòng bỗng dưng tiếc nuối
Chuyện tình qua, dù đã dứt từ lâu.

Yêu là thấy băng khuôn trong bóng tối
Mơ hình ai trong giấc mộng ban đầu.

Cứ yêu nhé! Khi tuổi đời vừa chín
Không ngại ngần tính toán chuyện yêu nhau.

Cứ nhớ mãi chuyện tình xưa hò hẹn
Và chung tình cho đến mãi ngàn sau...

TUỔI NGỌC

Thương em mắt biếc tuổi người,
Thương em rục rờ tiếng cười cỏ non.

Thương em tuổi độ trăng tròn,
Thương em tóc độ mây còn mới lên.

Thương đôi vai trẻ thon thon
Thương đôi tay bút vẫn còn búp măng.

Thương em má hồng hừng đông,
Thương em gió mộng trong lòng tuổi hoa.

Thương em thương hết tuổi già,
Thương em thương hết những là lụa em.

Thương em con phố về đêm,
Đã đi không hết những đêm nhớ người!

Hà Bình Trung (Virginia)

Yên Vi (Minneapolis)



XÓM NHỎ, tranh sơn mài của ĐẶNG GIAO

NGÀY ĐÓ CHÚNG MÌNH

Tiểu-Thu

*Em là cô gái trời cho xấu
Xấu cả vành môi cả nụ cười*

Tình cờ đọc lại những vần thơ này của nữ thi sĩ Lê Khánh, lòng tôi không khỏi bồi hồi. Ngày xưa, tôi và Lê Khánh có chung một hoàn cảnh và vì vậy mà tập thơ của nàng là quyển sách gối đầu giường của tôi...

Dĩ nhiên là tôi không xấu đến nỗi ma chê quỷ hờn, nhưng khổ nỗi trên gương mặt tròn xoe như cái bánh bao của tôi không có điểm nào xem cho ra hồn cả! Da tôi ngăm đen, cặp mắt mí lót hơi nhỏ, hàm răng hơi vô trật tự, chiếc mũi tuy không thuộc loại cà chua nhưng hơi gầy và cuối cùng là tôi còn hơi thiếu thước tắc... Dù chỉ là hơi thôi, nhưng tất cả những cái “hơi” này hợp lại thì thật là tai hại vô cùng! Tôi luôn luôn là một cái bóng mờ, một người vô hình bên cạnh những đứa bạn xinh đẹp, từ thuở thơ dại cho đến ngày khôn lớn. Mặc cảm tự ti khiến tôi trở nên nhút nhát kinh khủng. Tôi lại không có tài ăn nói. Nghĩ sao là nói ra tuôn tuột như vậy, nên hay làm mất lòng người chung quanh. Nỗi buồn trong tôi càng ngày càng lớn theo thời gian. Tôi oán ông Trời, oán ba mẹ tôi...

Ngay từ lúc chỉ là một con bé vô tư lự, tôi chỉ thích chạy theo chơi với lũ con trai con của cậu tôi. Tụi tôi bày trò đánh giặc,

trèo cây. Chán lại nhảy xuống sông lội đùng đùng cả buổi. Da tôi đen như cục than Cấn Đước. Mái tóc cắt bum bê phơ nằng cả ngày nên vàng hoe như râu bắp. Riêng mấy chiếc răng cửa được các anh chị ưu ái kêu là mấy tấm thớt!

Chẳng bù với con Thúy, con Mai con cô Năm tôi. Đứa nào cũng da trắng, tóc dài, quần áo sạch sẽ thơm tho. Tụi nó chỉ thích chơi cát nhà chòi, nấu nướng với lũ con gái hàng xóm. Tôi có muốn nhập bọn cũng bị mấy con nhỏ đồng đánh này chun chun chiếc mũi xinh xắn, chê tôi khét nằng không cho chơi chung! Thỉnh thoảng mấy bác tôi ở Sài Gòn về chơi, con Thúy là đứa được nhiều quà nhất. Ai cũng nựng nịu, hôn hít và khen nó xinh. Tôi chỉ dám đứng đằng xa, nhìn cảnh đó với tất cả sự thèm muốn. Ngay cả trong trường, tuy rằng tôi học không thua con Thúy, nhưng đứa được cô giáo cưng nhất vẫn là nó. Ngày nào con Mai và nó cũng được cô giáo giao nhiệm vụ ôm chồng vở cho cô về nhà. Tôi nhớ có lần cô cho nó tấm cạt có in hình con mèo lông xù trắng như bông đang giỡn với một cuộn len màu hồng. Con Thúy đem khoe âm cả lớp và mặt thì cứ vác hất lên trời. Lòng ghen tức bị đè nén từ lâu được dịp bùng nổ. Giờ ra chơi, nhân lúc con nhỏ mê mải ngắm tấm hình, tôi cầm chiếc kéo nhỏ cắt thủ công, len lén đến sau lưng, lẹ tay cắt phẳng một mảng tóc. Sửng sốt vài giây, cô nàng mới ré lên khóc bù lu bù loa. Trả

được mối hận lòng, nhưng hậu quả cũng thể thảm. Chẳng những bị cô giáo phạt quỳ ở trường, mà về nhà còn bị mẹ tôi tặng thêm mấy cú roi mây đau thấu trời xanh!

Mẹ bận buôn bán suốt ngày nên ít có thì giờ dòm ngó đến tôi. May mà nhà bà ngoại ở ngay bên cạnh (mẹ ngày xưa là “cô láng giềng” của ba tôi). Lúc tôi được đầy năm thì mẹ đã gửi cho bà để trở ra chợ buôn bán. Chắc vì vậy mà trong đám cháu, bà thương tôi nhất. Có món gì ngon bà cũng để dành cho tôi. Đi học hay đi chơi về là tôi qua thẳng nhà bà. Những hôm thấy tôi mồ hôi mồ kê nhễ nhại, bà vừa lau mặt mũi cho tôi vừa mắng mỏ:

- Con gái gì mà y như thằng con trai. Tối ngày chạy nhong nhong ngoài đường. Coi nè, đầu cổ tóc tai khét nghệt mùi nắng! Cái ngữ này mai mốt lớn lên ai mà dám rước! Rồi lại ở giá như con Tâm con chú ba Lâu...

Tôi ôm bà, cười toe toét:

- Lớn lên cháu ở với bà. Cháu không thèm lấy chồng đâu.

Bà cười, mắt hấp háy:

- Cám ơn cô. Tôi lột da sống đời với cô chắc!

Tôi thường xách nước phụ bà tôi tưới vườn rau. Ngoại tôi trồng đủ thứ. Quanh năm nhà tôi không mấy khi phải mua rau ngoài chợ, vì vườn ngoại tôi có đủ cả. Nấu nồi canh chua thì đã có sẵn bạc hà, ngò gai, cà chua. Bún bi', bún nem đã có tía tô, dấp cá, húng lủi, rau chua... Còn rau muống thì ôi thôi là khủng khiếp! Bà tôi siêng tưới, chăm bón đến nỗi đám rau muống cứ lớn lên phơi phơi. Rồi thì rau

muống có mặt đều đều trong mỗi bữa cơm: rau muống luộc chấm tương, rau muống xào, rau muống nấu canh thịt, rau muống chẻ trộn dầu giấm... tóm lại là rau muống bảy món. Có nhiều bữa thấy tụi tôi có vẻ né đĩa rau muống, ngoại tôi phải cổ võ:

- Ăn đi các cháu. Rau muống bổ lắm.

Tụi tôi nhìn nhau cười cười, nhưng thằng Cường nhăn nhó:

- Bà ơi, tụi cháu biết là bổ, nhưng ngày nào cũng rau muống ngán quá hà!

Ngoại tôi lên lớp:

- Tụi bây cứ được voi đòi tiên. Nhà nghèo cầu có rau muống mà ăn!

Sau cùng tụi tôi phải ráng thanh toán đĩa rau muống cho ngoại tôi vui lòng. Nhưng món tụi tôi thích nhất vẫn là bánh xèo. Trong bột bà trộn nước cốt dừa, ngoài thịt ba chỉ xắt mỏng, vài con tép cắt đầu cắt đuôi, bà còn rải thêm một lớp đậu xanh hấp chín nên cái bánh vừa giòn rụm vừa bùi, vừa béo và thơm phưng phức. Cải xanh non mơn mớn nhỏ từ vườn vào cùng với đủ thứ rau thơm. Cuốn bánh xèo chấm vào chén nước mắm tỏi ớt, trộn cà rốt xắt chỉ ngâm giấm và củ kiệu thì ngon không thể tả được!

Ngoại tôi sung sướng khi nhìn thấy đám con cháu thưởng thức tận tình những món ăn do bà nấu nướng. Món bánh canh giò heo của ngoại tôi cũng ngon bất hủ. Bánh bà tự làm lấy vừa dẻo vừa trong vắt. Những khoanh giò heo hầm thật khéo, vừa vặn mềm và giòn. Ngoại không thích đi ăn tiệm. Bà nói tiệm ăn họ làm nhiều dầu mỡ lại kém vệ sinh dễ sanh bệnh. Mà thật, mỗi lần đi ăn phố tàu là mẹ lại kêu đau bụng!

Bà được dịp tổ khổ mấy nhà hàng tàu là tổ sư xài bột ngọt!

... Đến năm tôi được mười hai tuổi thì ba tôi bị chuyển lên một tỉnh ly miền cao nguyên Trung phần. Năm này tôi vào lớp Đệ thất. Có lẽ muốn cho tôi “hiền như ma sơ” nên mẹ xin cho tôi vào trường mấy bà sờ, rất nữ sinh. Phải trông lên mình chiếc áo dài trắng lướt thướt là một cực hình cho con nhỏ quen leo trèo, nhảy nhót như tôi. Mỗi lần chơi nhảy dây, nhảy lò cò là tôi cột phăng hai vạt áo dài vào nhau cho khỏi vướng, nên áo tôi không rách cùi cũng tét hông, sứt gấu! Mẹ thường nhìn tôi với cặp mắt ngao ngán. Rầy hoài cũng mỗi miệng, bà đành phó mặc, hy vọng thời gian sẽ đem lại cho tôi ít nhiều thay đổi tươi sáng hơn chẳng?

Những năm đệ thất, đệ lục tôi học rất thường, vì nghĩ tới nhảy lò cò, nhảy dây, đánh chuyền hơn là bài vở. Giáo sư, bạn bè cũng chẳng ai để ý gì đến tôi, bởi lẽ tôi chẳng có gì để lôi kéo sự chú ý của họ. Tôi cứ tà tà lên xuống chút đỉnh khoảng từ hạng mười lăm tới hai mươi trên bốn mươi nữ sinh. Nhưng đến năm đệ ngũ thì đúng là kỳ tích xuất hiện! Sơ Francois từ nhà giòng chính đổi lên dạy học. Sơ dạy sử địa, công dân và vẽ. Bà độ hăm hai, hăm ba gì đó, người dong dỏng cao, nước da bánh mật mịn màng như nhung, cặp mắt bồ câu, sống mũi dọc dừa, cặp môi đỏ tươi như thoa son lúc nào cũng cười để lộ hàm răng ngà trắng tấp. Chẳng những lớp đệ ngũ của tôi mà cả lũ nhóc các lớp đệ lục, đệ thất cũng bị Sơ hấp hồn! Ngay cả khi biết mình vô lầm lớp đệ tứ, bà đỏ mặt, lật đật đứng lên

đi ra, nhiều tiếng gọi với theo đầy tiếc rẻ: ma sơ... ma sơ đừng đi... Có lẽ trong lịch sử của tuổi học trò, chưa từng có giáo sư nào bị học trò thương “hội đồng” như sơ Francois! Vì bà mà tôi tụng sử địa, công dân như cháo chấy. Trả bài lúc nào cũng được 18/20. Tôi thấy học cũng không có gì là khó nếu biết cố gắng. Tôi từ từ tiến lên danh sách năm đứ đứng đầu lớp. Mẹ tôi hài lòng ra mặt khi thấy cô con gái chẳng những học khá lên mà quần áo, tóc tai bây giờ cũng sạch sẽ gọn ghẽ hẳn ra. Tuy vậy tôi vẫn là con bé Lọ lem khi đứng cạnh những người đẹp trong lớp. Con Mỹ Linh xí xọn trước khi đi học đã biết lén mẹ xoa một lượt phấn nọ lên mặt. Diện áo dài nhấn eo và đánh tóc rối, xịt keo cứng ngắt. Con Bích Ngọc đâu chịu kém với mái tóc uốn dợn sóng xõa ngang lưng. Má lúm đồng tiền và cặp mắt lá răm có đuôi. Ông trời còn phú cho nó một giọng ca ngọt ngào truyền cảm. Năm nào cô nàng cũng lượm giải nhứt đơn ca nữ do Ty Thông Tin tổ chức. Con bé Cẩm Yến còn lộng lẫy hơn, tiệm hình nào cũng chụp ảnh của nó. Con bé này có lối nói chuyện duyên dáng đặc biệt. Mỗi lần nghe nó kể chuyện là mặt tôi cứ nghệt ra! Trong lớp, tôi có cảm tình nhất với con Ái Châu. Con nhỏ này vừa xinh lại học giỏi. Thường thường là đứng đầu lớp. Nó còn là cục cưng của hầu hết các Sơ, từ bà Nhất cho đến sơ Hiệu trưởng. Tuy vậy Ái Châu đối với bạn bè thật dễ thương, nhã nhặn, không vênh váo như con Thúy con cô năm tôi ngày xưa. Ngay bây giờ, nhớ lại nét mặt hời hững và giọng la thất thanh của nó khi bị tôi cắt

mất một mảng tóc, là tôi không nín cười được. Thiệt là uống thuốc liều!

Có đà rồi, qua năm đệ tứ tôi vẫn học rất khá. Tất nhiên là cũng được vài đứa bạn tìm cách làm thân. Như con Thu, có biệt danh là người đẹp Phù Tang, bàn tay thắp bút của nó đẹp trứ danh. Nhà còn có vườn rộng trồng đủ thứ trái cây bên Phương Hòa. Thỉnh thoảng nhỏ đem cho tôi khi thì chùm nhãn ngọt ngào, khi thì một miếng mít nghệ thơm như... mít, lúc lại một trái măng cầu chín mọng. Không phải nó thương yêu đặc biệt gì tôi, nhưng có qua thì phải có lại, khi con bé bí toán, lý hóa thì tôi có bốn phen phải cho nó sao y bốn chánh, nếu không nhỏ sẽ lãnh một cái trứng vịt tròn vo của sơ Madeleine thân tặng. Bà này nghiêm số một, đừng có mà giỡn mặt.

Năm này lớp tôi có thêm chị học trò mới. Bố chị là Sĩ quan, gia đình trước đó ở Ban mê Thuật. Bị bệnh một thời gian nên tuy học cùng lớp mà Lệ Phương lớn hơn tôi hai tuổi. Chị học rất giỏi và đẹp nảo nùng. Dáng người gầy gầy thật hợp với mái tóc mây đen huyền xõa ngang vai. Đôi mắt nâu to lúc nào cũng mơ màng. Nụ cười của chị thật quyến rũ với chiếc răng khểnh duyên dáng. Đã vậy chị còn làm thơ hay tuyệt cú mèo. Tôi âm thầm ngưỡng mộ chị, chỉ âm thầm thôi vì chung quanh chị còn có cả đám “em tinh thần” bao vây! Nhưng chị thân nhất với Ái Châu. Những tâm hồn đồng điệu dễ cảm thông, con nhỏ Ái Châu cũng làm thơ, viết văn lai rai. Tuy không hay như Lệ Phương, nhưng nhiều bài cũng khiến tụi nhóc chúng tôi phục sát đất. Cờ tuổi này đang mộng mơ, than mây khóc

gió, tuổi của những cuốn lưu bút ngày xanh và sưu tầm thơ Xuân Diệu, Huy Cận v...v... chép đây vào những trang vở bìa màu xanh, màu tím! Thơ chị Lệ Phương phảng phất thơ Hàn Mặc Tử. Nhà thơ bạc mệnh này là thần tượng của chị. Biết Lệ Phương thích hồng bạch, mỗi lần cây hồng bạch, rất cứng của mẹ tôi, trổ nụ hàm tiếu là tôi lén cắt rồi gói trong giấy cẩn thận, sáng đến trường thật sớm, mắt trước mắt sau len lén để đóa hồng vào học bàn của Lệ Phương. Chỉ cần thấy nét ngạc nhiên đầy thích thú của chị khi khám phá ra đóa hồng, cái cung cách đưa lên mũi hít một hơi dài, cặp mắt lim dim như đang tận hưởng cái mùi thơm tinh khiết của đóa hoa quý kia, cũng đủ cho tôi vui vẻ cả ngày. Nhưng khi chị hỏi của ai thì tôi cũng làm ra vẻ ngờ ngác như những đứa khác. Cho đến một hôm tôi bị con Thanh Trúc bắt gặp. Bị cả lớp chọc ghẹo, tôi mắc cỡ thiếu điều độn thổ, nhưng chị Lệ Phương nắm tay tôi, nói, giọng đầy cảm động:

- Trời ơi, vậy mà cứ giữ bí mật mãi! Cám ơn Ngân thật nhiều. Lần sau cứ đưa thẳng cho Phương nha. Hồng nhà Ngân đẹp quá.

Tôi ngượng ngịu gật đầu. Và từ đó Lệ Phương đối với tôi thân mật hơn trước. Thỉnh thoảng ngày nghỉ chị rủ Ái Châu và tôi lại nhà chị chơi. Tụi tôi được chị cho ăn những trái hồng quân ngọt lịm, những trái mít non chấm muối ớt, cả bọn vừa ăn vừa hít hà. Ôi, những ngày xưa thân ái!

Cuối năm đó tụi tôi đều thi đậu Trung học đệ nhứt cấp. Trường Sơ hết lớp nên tụi tôi phải chuyển ra trường Công. Thanh, Mỹ

Linh, Ái Châu Ngọc và tôi. Tụi tôi nhất lăm vì chưa từng học chung với con trai. Nói gì cũng chỉ dám thì thầm với nhau. Nhưng khổ nỗi càng nhất tụi tôi càng bị chọc dữ. Như cái hôm nhỏ Mỹ Linh đi học trễ (con bé này đáng được đời tôn vinh là Nữ Hoàng Trễ Hẹn. Lúc nào tụi tôi cũng phải nói với cô ả sớm hơn độ một tiếng đồng hồ khi cả đám có cuộc hẹn hò ở đâu đó!), xui xẻo là phải đi ngang qua hai dãy bàn nam sinh mới đến chỗ ngồi. Mọi người đang im lặng nghe thầy giảng bài, bỗng mọi ánh mắt đồng loạt hướng ra cửa khi nghe tiếng guốc lóc cóc của con nhỏ này và một giọng nói ồm ồm từ cuối lớp vang lên:

- Quân ơi, má mày tới! (anh chàng tên Quân này đang tán nhỏ Mỹ Linh sát sàt sạt). Đám con trai cười ầm lên, thầy Trung phải suýt suýt mấy tiếng mới chịu im. Nhỏ Mỹ Linh mắc cỡ đến phát khóc!

Cái trường công lập kỳ cục này chỉ rất có nam giáo sư. Riêng lớp tôi có năm thầy. Đặc biệt nhất là thầy Trung. Thầy không đẹp trai. Dáng người trung bình, gương mặt xương xương đầy góc cạnh. Nhưng trên khuôn mặt đó lóng lánh một cặp mắt đen huyền thật linh động. Nó khiến cho gương mặt thầy trở nên quyến rũ lạ lùng. Tụi con gái tặng thầy danh hiệu “Trung mắt nhung”. Với giọng trầm ấm, thầy giảng bài ngắn, gọn và dễ hiểu. Và than ôi, một lần nữa con tim non nớt của tôi lại bắt đầu thổn thức! Như nhà thơ Xuân Diệu đã từng viết:

*Làm sao cắt nghĩa được tình yêu
Có nghĩa gì đâu một buổi chiều
Nó chiếm hồn ta bằng nắng nhạt*

Bằng mây nhẹ nhẹ gió hiu hiu...!

Tôi không biết đó có phải là tình yêu hay không, nhưng đến giờ của thầy là tôi thấy hồi hộp. Tôi say mê nghe thầy giảng. Mắt không rời khuôn mặt thầy để đôi khi tìm đau nhói vì thấy ánh mắt thầy thường hay đậu lại trên khuôn mặt khả ái của con nhỏ Ái Châu. Có lần làm như vô tình nói với nó:

- Nè Châu, tao nhận thấy thầy Trung có cảm tình đặc biệt với mi.

Con nhỏ trả lời tỉnh queo:

- Vớ vẩn! Tao có thấy gì lạ đâu?

Trời! Một là con nhỏ này lúc nào cũng ở trên mây, hai là trái tim nó bằng thép! Sau này tôi mới biết nó có mộng đi du học, nên bao nhiêu sức lực nó chỉ dành để gào bài hầu giật cho được mảnh bằng tú tài. Yêu đương đối với nó chỉ là chuyện vớ vẩn! Tôi không nén được tiếng thở dài. Ông trời hà tiện gì mà không ban cho tôi được một phần sức quyến rũ của con nhỏ Ái Châu? Trong lớp này thôi, chắc cũng có tới cả chục trái tim thổn thức vì nó. Không kể cái đám mày râu lượn qua lượn lại trước nhà hàng ngày, Ái Châu còn nhận được thơ tình hàng tá. Xanh, hồng, vàng, tím đủ cả. Tất nhiên là chẳng có chàng nào may mắn nhận được hồi âm, dù là một hai dòng ngắn ngủi! Tụi tôi cùng nhau thưởng thức những áng văn chương tuyệt tác này, rồi cùng nhau “bình loạn” với những tràng cười nghiêng ngửa. Riêng tôi tuy cũng cười đùa với tụi nó, nhưng trong lòng buồn lăm! Ai đó nói thật là hay: Cười là tiếng khóc khô không lệ! Biết bao lần tôi đã âm thầm nuốt vào lòng những dòng lệ khô cực kỳ cay đắng này! Mối tình cảm với thầy

Trung vẫn da diết trong tôi, nhưng thay vì ghen tức với Ái Châu, tôi lại thật tình khâm phục nó và để quên đi mối “hận tình”, tôi cắm cúi học như điên. Kết quả là cả Ái Châu và tôi đều thi đậu. Nhờ xin đi du học Canada theo chương trình Colombo và tôi được ba mẹ cho về Sài Gòn học tiếp.

Không có bà con ngay trong thành phố, nên tôi ở ký túc xá Regina Pacis đường Tú Xương và ghi tên học Văn Khoa. Tôi muốn trở thành giáo sư Việt văn. Vào đây, giữa một rừng mỹ nhân từ khắp các miền đổ về, tôi có cảm tưởng mình là một cô mán rừng! Chị Mai Thu gái Cần Thơ, có bộ ngực chỉ kém Brigitte Bardo chút đỉnh. Cô đâm lai Alice, với bộ giò trường túc và dáng đi nhún nhảy khiến phái nam nhìn rớt con mắt. Hai nhân vật này khoái lén đi bùm. Có lần vừa rón rén trở vào là đụng ngay soeur Aimée đang đứng chờ sẵn để chào mừng (Chắc ai cũng đoán được đoạn kết!...) Có một gia đình gồm bốn chị em cũng từ một tỉnh miền cao nguyên về trọ học. Tôi không thể nào hiểu tại sao bà Cụ lại có thể sanh một lèo bốn cô con gái dung mạo khác hẳn nhau, nhưng có thể nói họ đúng là bốn cô tố nữ, mỗi người một vẻ mười phần vẹn mười. Chị lớn Mai Loan có làn da trắng như tuyết, cặp mắt bồ câu đen láy, bàn tay búp măng tuyệt đẹp. Cô em kế Thanh Loan, mình hạc xương mai, cao hơn chị cả một cái đầu. Cặp mắt cũng đẹp, nhưng không tròn và đen như bà chị. Tôi chưa từng gặp một cô gái nào nói năng dịu dàng, nhỏ nhẹ hơn Thanh Loan. Tới cô em kế nữa là Tuyết Loan, cũng trắng trẻo như

hai chị, nhưng cặp mắt mí lót đầy vẻ huyền bí. Cuối cùng cô em út Vân Loan thì cặp mắt chỉ có một mí, nhưng nụ cười tươi tắn và tính tình liến thoắng khiến ai cũng yêu mến. Có lẽ vì cùng có họ xa gần với sơn nữ Phà Ca nên tôi cũng được bốn chị em nhà này dành cho rất nhiều ưu ái... Ngang phòng tôi là phòng chị Kim. Kim có cặp mắt nâu to tròn và cái miệng móm duyên rất dễ thương. Gia đình chị ở Mỹ Tho rất giàu. Giá tiền một cái áo chị mặc cũng ngang với tiền mẹ cho tôi tiêu hàng tháng. Chị Kim có lần tâm sự:

- Kim mà đậu tú tài như Ngân là Kim lấy chồng liền. Học hoài mau già lắm!

Sự thật thì Kim khoái bát phở lựa vãi vóc, son phấn hơn là chúm đầu vô sách vở, nên chị giậm chân ở lớp đệ nhị ba năm liền. Thỉnh thoảng tôi được chị rủ về nhà chơi cuối tuần. Má chị nấu ăn tuyệt cú mèo! Thấy tôi mặc cảm xấu xí, chị Kim nói :

- Tại Ngân cứ nghĩ vậy, chớ trời sanh ra đàn bà, không người nào xấu cả. Tại mình không biết cách làm tăng cái ưu điểm của mình mà thôi. Ngân thấy không, con nhỏ Mai Thu cả gương mặt có gì đặc sắc đâu, nhưng nó biết cách khai thác thân hình bốc lửa của mình, vậy là a lê hấp, các ông nhìn nó cứ là... nhỏ dãi!

Tôi nghe lời chị bỏ mái tóc dài, cắt ngắn đến vai, phía trước thả vài lọn lò xo. Đôi mắt kẻ một lần chì đen cho có vẻ to ra và mơ màng hơn. Quần áo cũng chọn những màu hợp với nước da bánh mật của tôi. Đi chơi tôi còn biết xoa một chút phấn hồng lên má, một chút son màu nhạt lên môi. Mỗi lần gội đầu tôi không quên tráng

một lần nước chanh tươi cho tóc óng mềm. Nhìn vào gương, tôi thấy mình khác xa con bé lo lem của những năm về trước.

... Mưa Sài Gòn chợt đến chợt đi... Buổi sáng vội vàng tôi quên không mang dù theo. Trưa ở lại thư viện học bài nên tôi không biết trời đẹp hay xấu. Buổi chiều, ra khỏi thư viện, vừa đi được một quãng ngắn là cơn mưa ập tới. Lính quỳnh, tôi đưa cặp lên che đầu, băng qua bên kia đường núp vào hiên của một cửa tiệm. Vậy mà cũng bị ướt nhẹp! Cơn mưa càng lúc càng lớn nên có thêm vài người chạy vào núp chung. Sát bên tôi là một anh chàng trên đầu trùm chiếc áo mưa. Tôi ôm cặp sát vào ngực, mắt nhìn trời lo lắng. Áo ướt khiến tôi lạnh run mỗi khi có cơn gió tạt nước mưa vào chỗ chúng tôi núp. Chợt anh chàng bên cạnh cúi xuống nói khẽ vào tai tôi:

- Chết chưa, áo cô ướt hết rồi. Lấy áo mưa của tôi trùm lên người cho đỡ lạnh. Không khéo bị cảm đó.

Rồi không đợi tôi có đồng ý không, anh ta tự động khoác chiếc áo mưa lên người tôi. Có lẽ do hơi ấm của anh chàng mà tôi thấy mình hết run. Nhưng tôi ngại ngùng cách gì. Phần thì anh ta hoàn toàn xa lạ, sau nữa khi nghe giọng Bắc Kỳ là tôi «rét». Tụi bạn vẫn kháo nhau con trai Bắc là vua tán gái đó mà! Nhưng cuối cùng tôi cũng lí nhí cảm ơn. Có tiếng cười khẽ đáp lại... rồi cả hai im lặng ngó ra đường. Những sợi mưa vẫn mịt mù đan vào nhau không ngắt. Độ mười lăm phút sau cơn mưa mới chịu dứt hột. Tôi định trả áo thì bị anh chàng ngăn lại:

- Cô cứ mặc về nhà ngày mai trả cho tôi cũng được. Áo cô ướt đi ngoài đường không tiện. Về lại nhà tôi không còn xa lắm đâu.

Nhìn bộ quần áo toàn tơ màu vàng nhạt của mình đang dán sát vào người, tôi không khỏi đỏ mặt và thầm cảm ơn sự tế nhị của anh chàng Bắc Kỳ xa lạ. Tôi hẹn ngày mai gặp chàng ở trường. Anh tên Nhân, năm thứ ba ban Anh Văn.

Trên đường về tôi chợt nhớ đến bài dân ca:

Yêu nhau cởi áo cho nhau,

Về nhà mẹ hỏi...

Ừ, nếu mẹ hỏi thì anh chàng sẽ trả lời ra làm sao há? Không lẽ nói con cho một người con gái lạ hoặc lạ huơ mượn rồi? Mẹ có sẽ tin hay không? Những câu hỏi lằng lằng này theo tôi suốt quãng đường về ký túc xá. Tôi không ngăn được nụ cười cứ chực nở trên môi. Lần đầu tiên trong đời mới có người “săn sóc” như vậy, bảo sao tôi không vui?

Rồi từ đó, không hiểu vô tình hay hữu ý mà tôi gặp anh chàng Bắc Kỳ này rất thường trong thư viện. Chúng tôi cũng chỉ thăm hỏi nhau năm ba câu. Có lần tôi đang hí hoáy biên biên chép chép, không để ý đến người vừa kéo ghế ngồi bên cạnh. Đợi lâu không thấy tôi nhìn sang, anh chàng lên tiếng:

- Gớm, Ngân chăm học quá nhỉ. Anh ngồi đây cả buổi mà cũng chả thèm để ý!

Tôi giật mình. Trời đất! Dám tự động cho mình lên chức, xưng anh với người ta. Tuy vậy tôi chỉ cười:

- A! Xin lỗi, tại Ngân bận viết. Với lại đâu biết là anh Nhân.

Nói chuyện năm ba câu rồi Nhân bỗng hỏi thường thường thứ bảy, Chúa Nhật Ngân có hay đi chơi đâu không. Tôi trả lời thảnh thỏng theo chị Kim về Mỹ Tho ăn... hủ tiếu. Khi nhiều bài vở thì ở lại ký túc xá gạo, kéo cuối năm đập vở chuối mắc công khóc. Đi bát phở một mình thì chán thấy mề. Nhân cười hỏi tôi có dám đi bát phở với chàng hay không. Bảo đảm hai mình sẽ vui lắm. Nghĩ là anh nói giỡn, tôi đùa lại, bảo rằng phải nghĩ kỹ mới dám trả lời. Hơn nữa có gì bảo đảm đi chơi với anh sẽ vui? Nhân nói muốn biết thì phải thử chứ. Tôi hứ một tiếng rồi vội vàng ra hiệu cho anh chàng im. Có những đôi mắt cú vọ đang chiếu về phía hai đứa. Nhân đứng lên. Trước khi đi ra, anh chàng nói Ngân hứa với anh rồi nhé, xong đi thẳng ra cửa không đợi tôi trả lời.

Tôi chống tay vào cằm tư lự. Cảm tình của Nhân dành cho tôi có thật hay không? Tại sao trong trường Văn Khoa có đầy đủ người đẹp mà chàng lại chọn tôi? Tuy thay đổi nhiều, nhưng mặc cảm xấu xí vẫn không thể hoàn toàn biến mất trong tôi. Những lần về nghỉ hè với gia đình, gặp lại vài đứa bạn cũ, tụi nó khen tôi dạo này xinh ra, khác hẳn lúc xưa. Tôi tự hỏi tụi nó khen thật hay muốn cho tôi vui? Vì vậy thấy Nhân sẵn đón tôi lại bản khoăn, không hiểu chàng có thật lòng hay không?

... Sáng Chúa Nhật trời thật đẹp. Bầu trời trong xanh, vài cụm mây trắng bay hờ hững. Hàng sứ Thái lan nở rộ khoe sắc thắm trước nhà nguyện. Dãy trúc đào đơm bông

trắng, hồng lộng lẫy dưới nắng vàng. Tan lễ sáng cũng đã mười một giờ. Theo giòng người bước ra khỏi thánh đường, đứng ngắm hoa một lúc tôi lại lững thững trở lên dortoir- Nhà nguyện nằm trong khuôn viên trường Regina Pacis. Nhìn cái dortoir trống trơn tôi không nén được tiếng thở dài. Sắp chịu một ngày Chúa Nhật buồn như chấu cấn nữa đây. Vừa định thay chiếc áo dài thì con bé Thúy Linh, trực phòng khách, chạy ùng ùng lên cầu thang, đến trước phòng tôi kêu chị Ngân xuống phòng khách mau lên. Có người kiểm.

Tôi tròn mắt ngạc nhiên :

- Có người kiểm chị? Đàn ông hay đàn bà?

Con bé cười chúm chím :

- Đàn ông. Vừa trẻ vừa đẹp trai nữa nè. Chị xuống mau lên.

Tôi vừa đi vừa nhú mày. Ai vậy kìa? Hay người nào từ Kontum xuống, mẹ tôi nhắn gửi gì chẳng?... Nhưng khi bước vô phòng khách, tôi không khỏi sửng sốt khi thấy anh chàng Nhân đang lù lù đứng đó! Nhìn vẻ ngạc nhiên của tôi Nhân cười :

- Bất ngờ quá hả. Anh đến mời Ngân đi ăn trưa. Chàng nhìn đồng hồ rồi tiếp, bây giờ mười một giờ rưỡi, tụi mình ra Thanh Thế ăn. Sau đó nếu không có gì trở ngại anh mời Ngân đi ciné luôn. Rex đang chiếu phim của Catherine Deneuve hay lắm.

Tôi ngẩn người! Trời đất, cái gì mà đánh mau đánh mạnh quá vậy nè? Chưa biết người ta có chịu đi ăn hay không mà còn thông thêm cái màn xi la ma. Chưa thấy ai tự tin bằng! Tôi mở miệng định từ chối thì bị chặn ngang :

- Hôm trước trong thư viện Ngân hứa với anh rồi đó.

Tôi lắc đầu chào thua. Vừa tự tin lại vừa bẻm mép. Tuy vậy cũng phải từ chối cho có lệ :

- Ngân không sửa soạn coi luộm thuộm quá...

Mắt anh chàng sáng lên :

- Tưởng gì! Anh thấy như vậy là đẹp rồi. Ngân không cần sửa soạn rườm rà gì cả. Anh chờ Ngân lấy ví rồi tụi mình đi nhé.

Nhìn nét mặt khấn khoản của Nhân tôi làm sao từ chối được, đành bảo chàng chờ một tí tôi xuống liền. Nói vậy chờ tôi cũng vội vàng thay cái áo dài santung màu ngà điểm những chùm lilas tím nhạt vừa may tuần trước. Xoa tí phấn hồng lên má và một lượt son màu cam lên môi, tôi cầm chiếc ví tay nhỏ trở xuống phòng khách. Nhìn vào mắt Nhân, tôi sung sướng nhận ra mình không đến nổi tệ!

Nhân đến đón tôi bằng Vespa. Tôi ngượng ngùng ngồi lên phía sau lưng chàng. Trước khi cho xe chạy, Nhân ngoái cổ lại nhìn tôi, cười:

- Cẩn thận nhé. Tốt nhất nên ôm eo ếch anh là an toàn trên xa lộ.

Tôi đỏ mặt nguýt anh chàng một phát và nghĩ thầm “nghèo mà ham”! Nhân cười dòn rồi phóng xe đi.

Món gà quay của nhà hàng Thanh Thế ngon có tiếng, nhưng tôi đâu dám “chiều cổ tận tình” như lúc ăn với mấy nhỏ bạn. Cũng phải ra vẻ nữ thực như miêu chớ bộ. Trong suốt bữa ăn, Nhân kể chuyện làm tôi cười chảy cả nước mắt. Anh chàng có lối kể chuyện thật có duyên. Tôi được biết

Nhân có một bà chị đã lập gia đình và hai cô em gái. Tôi hỏi:

- Nhà chỉ có anh là trai, chắc được cưng lắm phải không?

Anh chàng nhăn nhó, ra vẻ đau khổ vô cùng:

- Chết thật, ai cũng tưởng vậy! Có biết đâu những việc được liệt vào loại nặng nhọc trong gia đình là anh lãnh đủ. Nhân liếc tôi một cái thật tình tứ rồi nói bâng quơ, thế có đáng thương không chứ ỉ! Có gì mà đáng thương? Đàn ông con trai thì gánh vác việc nặng nhọc là đúng rồi. Nghĩ thì nghĩ vậy thôi chớ tôi chỉ cười không phát biểu gì cả.

Lần đầu đi xi nê với một kẻ không phải phe tóc dài nên tôi ngượng lắm. Tôi ngồi cứng đơ, không dám cựa cựa vì sợ chạm vào người Nhân. Mắt nhìn trần trời lên màn ảnh, nhưng thật tình hôm đó tôi không biết Catherine Deneuve diễn cái gì nữa! Trong lòng cứ lo lắng, lỡ mà Nhân cầm tay hoặc nỡ hứng hôn tôi thì tôi phải đối phó ra sao? Không lẽ tặng hẳn một cái tát tai nẩy lửa, hoặc đứng lên bỏ về? ... May quá, lần đó không có gì xảy ra và tôi trở về ký túc xá an toàn! Đêm nằm nghĩ lại tôi thấy đi chơi với Nhân thật vui, vì vậy những lần kế tiếp sau đó tôi không còn phải viện cớ để từ chối. Lại còn oái oăm hơn nữa là một vài tuần không gặp Nhân tôi đâm ra... nhớ! Tuy vậy tôi vẫn giữ một khoảng cách với anh chàng, không bao giờ tỏ ra quá thân mật. Cho đến một hôm Nhân rủ tôi đi cine⁷. Vừa đến ngã bảy Sài Gòn, để tránh một người băng qua đường, Nhân thẳng gấp. Tôi mất thăng bằng ngã chúi vào

lưng chàng và suýt nữa té xuống đường. Bị một phen hú vía! Nhân quay lại nói:

- Thấy nguy hiểm chưa. Anh đã bảo Ngân chịu khó ôm ngang lưng anh. Không nghe lời, bị té anh không chịu trách nhiệm à nghen!

Thôi thì đành chịu khó vậy. Rủi té mang thương tích càng nguy hơn. Nghĩ vậy tôi rụt rè vòng tay ôm ngang bụng Nhân. Chàng cười khẽ, đặt một tay lên tay tôi bóp nhẹ. Kỳ ghê, tự nhiên như có một giòng điện thật ấm áp chạy khắp châu thân. Tôi mắc cỡ nhưng không giựt tay lại, mà giả lơ như... không có gì cả!

Lần này trong rạp hát “hấn” tiến thêm một bước. Choàng tay qua vai tôi, anh chàng cúi xuống thủ thỉ:

- Ngân ơi tự nhiên bữa nay anh thấy vui ghê! (Vô duyên chưa. Có gì vui đâu? Trên màn ảnh, Roméo và Juliette đang khóc lóc thảm thiết. Vậy mà Nhân tuyên bố là vui quá. Anh chàng này cái đầu chắc là có vấn đề!) Tôi liếc anh ta một phát bèn ngót ngụ ý trách móc, rồi quay trở lại màn ảnh. Cuốn phim đang hồi gay cấn. Roméo vào nhà mồ, tưởng Juliette chết thiệt chàng ta khóc quá trời. Không cầm được nước mắt, tôi sụt sùi khóc theo. Nhân ôm vai tôi bóp nhẹ tỏ dấu an ủi. Đang xúc động mạnh, tôi ngả đầu vào vai chàng lúc nào không hay. Một lúc sau Nhân cúi xuống thì thầm:

- Tội nghiệp quá. Anh mong là chúng mình không bao giờ gặp hoàn cảnh này!

Như choàng tỉnh một cơn mơ, tôi xấu hổ ngồi thẳng lên và bỗng đứng thắc mắc tại sao Nhân lại nói “chúng mình”? Không lẽ ...? Tôi len lén đưa mắt nhìn sang Nhân.

Ánh mắt và nụ cười của chàng khiến tôi đỏ mặt, nhưng đồng thời một cảm giác êm dịu, ngọt ngào lâng lâng như sương khói choáng ngợp tâm hồn tôi. Trời đất, không lẽ tôi bị sa chân vào lưới tình? Không đâu, không đâu. Chúng tôi chỉ là bạn thôi mờ!

Xem phim xong, Nhân rủ vào quán kem Mai Hương. Anh chàng đoan chắc kem lạnh sẽ khiến tinh thần tôi dịu xuống, bớt xúc động vì cuốn phim. Ngồi đối diện với Nhân, lần đầu tiên từ hồi quen biết, tôi ngắm kỹ chàng. Nhân không có dáng bạch diện thư sinh. Làn da ngăm khỏe mạnh. Cặp mắt sâu dưới hàng lông mày rậm. Chiếc mũi thẳng, cái miệng tươi, lúc nào cũng sẵn sàng khoe cái núm đồng tiền “hoi” lỏm ở má phải. Tiếng Nhân làm tôi giật mình:

- Quan sát kỹ chưa cô bé? Thấy anh thế nào. Đáng bao nhiêu điểm?

Tôi làm bộ suy nghĩ. Nhân nhìn tôi chăm chăm. Tôi gật gù:

- 18/20 chịu chưa?

Cả hai cùng cười. Nhân hài lòng ra mặt. Bỗng dưng tôi có cảm tưởng nếu không còn được gặp chàng nữa chắc tôi sẽ buồn ghê gớm. Tôi sẽ chết héo chết mòn. Rồi thay vì chất kem lạnh làm tim tôi bớt đập, đàng này nó còn đập mạnh hơn. Tôi e dè đưa mắt ngó quanh, chỉ sợ người ta “nghe thấy!” Từ giây phút này tôi biết không thể nào thiếu Nhân trong cuộc đời. Tất cả những mối tình cũ, những mối tình con, những thầy Trung... phút chốc đã tan thành mây khói. Trong tim tôi bây giờ chỉ có Nhân. Tôi đưa mắt nhìn chàng âu yếm.

Nhân hiểu nên đưa tay qua nắm tay tôi để trên bàn siết chặt. Tôi để yên và mỉm cười.

Hè năm đó Nhân theo tôi lên Kontum chơi hai tuần, tiện thể ra mắt gia đình tôi. Anh yêu cái tỉnh lỵ nhỏ bé, hiền hòa này ngay từ phút đầu đặt chân xuống phi trường. Những ngọn núi xanh lam bao quanh thành phố thật hùng vĩ. Dòng sông Dakbla trôi êm đềm giữa hai bờ cát trắng phau. Đứng bên này ngó về hướng thành phố, hàng phượng vĩ dọc bờ sông trở bóng rục rỡ, đỏ như xác pháo ngày cưới (đó là lời ví von của Nhân!).



Ban đầu thấy chàng là dân Bắc kỳ chính cống, mẹ tôi hơi ngại. Một con bé thiếu nữ tính trầm trọng như tôi mà dám lăm le “nhào đô” trong một gia đình người Bắc, thì chao ôi... bà không dám nghĩ tiếp! Bà nói người Bắc vốn rất tế nhị, ăn nói rào trước đón sau, cái kiểu ăn nói thẳng thừng, huých toẹt như tôi thì ba bảy hăm một ngày, thế nào cũng có đụng chạm... nháng lửa chớ hồng chơi! Tôi vội vàng kể cho mẹ nghe những lần Nhân đưa tôi đến chơi nhà chàng. Cả nhà, có nghĩa là từ bố mẹ đến chị em Nhân đều đối với tôi thật tốt. Tôi còn được thưởng thức những món bắc ngon tuyệt cú mèo như bún chả, bún thang, chả cá... do mẹ chàng đích thân nấu nướng. Bà thương tôi xa gia đình, mà ăn uống trong ký túc xá thì xin miễn bàn! Vì vậy bà hay làm những món ngon mỗi khi có tôi đến chơi. Coi vậy chớ những câu

nói đặc sệt Nam kỳ, đôi lúc ngỡ ngẩn nhưng thật thà của tôi đã từng cố gắng hiểu cho họ nhiều trận cười đầy thú vị. Nói cho cùng, tôi cũng “khôn” ra nhiều từ khi sống chung với hơn bốn chục nàng trong ký túc

xá Régina Pacis. Tôi học được một chiêu thật lợi hại là ai nói gì mình cũng nghe răng ra cười là xong chuyện, không cần tranh hơn thiệt, vừa tốn sức lao động vừa mua thêm oán thù! Tôi biết chắc Nhân yêu tôi vì tôi. Chàng đã từng nói không thích cái nhan sắc thật hoàn hảo nhưng trơ, lạnh. Cô nhỏ Ngân tuy không phải chim sa cá... rụng (rời), nhưng có

duyên ngầm! Nhan sắc có thể phai tàn, nhưng cái duyên thì muôn thuở. Mẹ nhìn tôi ngạc nhiên nhưng có vẻ yên lòng. Chỉ hai tuần thôi mà khi Nhân rời Kontum, ba mẹ tôi tỏ ra rất bịn rịn. Ôi cái anh chàng Bắc Kỳ lém lỉnh của tôi!

Số tôi tiền hung hậu kiệt. Sau khi xong cái cử nhân văn chương, tôi và Nhân đồng ca bài *Qua Cầu Gió Bay: Yêu nhau cởi áo cho nhau...*

Tôi chỉ ước mơ có một mái gia đình, một hạnh phúc thật giản dị, như chuyện cổ tích mà có lẽ ai cũng từng nghe qua:... và họ lấy nhau, sau đó sanh thật nhiều con...!!!

TIỂU-THU
(Canada)

YÊN ỔN ĐỢI CHỜ

Không có dòng sông nào không uốn khúc
Không có tuần trăng nào tròn trịa cả tuần trăng
Mười ngón tay dài ngắn có bao giờ cảm thấy ăn năn
Cuộc đời con người, thế gian vũ trụ
Không biết có bao nhiêu mới gọi là thừa
Không biết có bao nhiêu mới cho là đủ
Những khát vọng rồi bời, những ao ước trong mơ
Chen chúc đi hay dừng lại sống sờ
Nơi ngõ vắng, bên vệ đường... ..
lao xao lá cây, mờ sương ngọn cỏ
Có những hồi chuông nghe trong hơi thở
Chuông gọi hồn, hay đang gọi xác thân ai
Chưa qua đêm sao lại biết đêm dài
Cứ chờ nhau, như những gì đã cùng nhau hò hẹn
Cứ chờ nhau, dẫu muộn màng rồi sẽ đến
Xin hiểu cho nhau, yên ổn đợi chờ

Phan Khâm

LƯƠNG THU THỦY

Mỹ Tho quê quán Thủy Thu Lương
Nay đã cách xa vạn dặm đường
Như cánh lục bình trên sóng nước
Gập ghềnh dòng chảy nhớ Đông Phương

Phan Khâm

(Maryland)

NHÀN CỬ

(Xương)

Bảy mươi rồi chẳng sợ chi già
Hoa cảnh vun trồng sống nhõn nha
Đi đứng vững vàng người khí khái
Nói năng vốn vã tính hài hòa
Chén trà càng thấm tình thân hữu
Tiếng nhạc thêm nồng khúc dạ ca
Đàn cháu sum vầy mừng nội ngoại
Vợ chồng đầm ấm thật vui nhà.

Lê Ngọc Kha

*

CHUYỆN TUỔI GIÀ

(Họa)

Nợ thừa ngày xanh, trốn tới già
Lánh tình chẳng khác lánh sai nha
Bạc bài lỡ vận không mong thắng
Cờ quạt thất cơ hết gỡ hòa
Hạ đến thả hồn mơ cuộc gọi
Xuân tàn tỉnh mộng nhớ oanh ca
Ưu phiền chất chứa đầy tâm sự
Ngán ngẩm xui quên chuyện cửa nhà.

Lý Hiếu

(Virginia 7/09)

THƠ LÀ BẠN

Cảm tác thi phẩm *Quán Thơ* của Cao My Nhân

Sau Con Hồng Thủy, chỉ còn Thơ
Thơ ấp trong tim, ủ ngọn cờ
Cải tạo, vượt biên cùng chiến đấu
Vỡ về, chia sẻ, luận quân cơ
Thơ trên lưng ngựa, ra biên ải
Thơ cưỡi đầu voi, giữ cõi bờ
Phá Tống, bình Ngô, thơ đuổi giặc
Vịn Thơ đứng dậy, đẹp như mơ!

Austin, April 24, 2009

Hồ Công Tâm

*

CHỈ CÒN THƠ

Họa:

Còn thơ, vâng vẫn chỉ còn thơ
Bên cạnh thời gian dưới bóng cờ
Luận cổ suy kim từng thế trận
Bình Tây dẹp Bắc mỗi thời cơ
Xuân Thu cứ tưởng thuyền xa bến
Chiến Quốc xem như nước vỡ bờ
Ngôn ngữ trường sinh trên thảm chũ
Chỉ còn thơ tán tụng niềm mơ.

Cao My Nhân

Hawthorne 27-4-2009

Bài Thơ Phong Kiều Dạ Bạc

Chuyển Sang Tiếng Anh

Phạm Trọng Lê

su r tâm

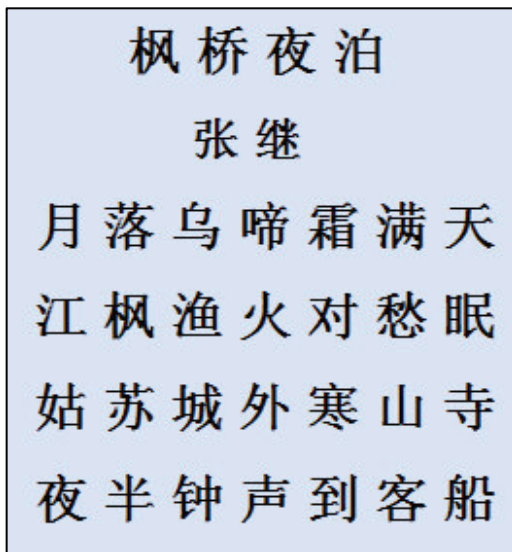
Bài thơ Phong Kiều Dạ Bạc của Trương Kế (Zhang Ji, hay Chang Chi, 769-830), thi sĩ đời Đường, chỉ vòn vẹn có 4 câu, mỗi câu 7 chữ, mà từ xưa đến nay ai cũng chịu là hay mà không biết vì sao (W.J.B. Fletcher, GEMS OF CHINESE LITERATURE 1919, p. 159). Bài thơ này được nhiều học giả và thi sĩ chuyển sang thơ Việt và được bàn nhiều. Bài viết này chỉ sao lại một số bài dịch sang tiếng Anh của học giả và thi sĩ ngoại quốc, kèm theo vấn đề của người dịch là khi dịch thơ Trung Hoa (đơn âm, tone language, noninflectional) sang tiếng đa âm như tiếng Anh, bản dịch có cần có vần không, dịch nguyên văn hay dịch thành thơ, xếp chữ thế nào hay chuyển cú pháp ra sao cho lọt được cái “hồn” của bài thơ gốc.

A. Phong Kiều Dạ Bạc

1. Bản Hán văn

Nguyệt lạc ô đề sương mãn thiên
Giang phong ngư hỏa đối sầu眠
Cô-tô thành ngoại Hàn san tự
Dạ bán chung thanh đảo khách thuyền

Trương Kế



Hình 1: bản Hán văn bài Phong Kiều Dạ Bạc

2. Nguyên văn:

Ban đêm thuyền đậu bến Phong Kiều
Trăng lặn, quạ kêu, sương đầy trời
Hàng cây phong bên sông, ngọn lửa thuyền
chài ở trước giấc ngủ buồn
Từ ngoài thành Cô-tô có chùa Hàn San
Lúc nửa đêm, tiếng chuông chùa vẳng đến
thuyền khách

(Theo Trần Trọng San, THƠ ĐƯỜNG, nxb Bắc Đẩu, in tại Scarborough, Ont., Canada, 1993, p. 127.

3. Word-for-word translation:
Maple/bridge/night/moored
Moon/ falls/ crows/ caw/ frost/ fills/ sky
River/ maples/ fishermen's/ fires/ facing/
sorrowful/ sleep
Suzhou/ city wall/ Cold mountain Temple
Night/ mid/ bell/ sound/ reaches/ traveler's/ boat

4. Transliteration 1:

Feng Qiáo Yè Bó

Yuè luò wú tí shuang mǎn tiān
Jiǎng fēng yú huò duì chóu mián
Gù Sù chéng wài hán shān sì
Yè bàn zhōng shēng dào kè chuán

(Vu Dinh Dinh, cited below)

Transliteration 2:

yuè lwò wu tí shwang mǎn tyen

jiang feng yú hwo dwèi chóu myén
Gu su chéng wài Hán Shan sz
Yè bàn jung sheng dào kè chwán
(Greg Whincup, cited below)

4. Bản dịch của Tân Đà:

Ban đêm thuyền đậu bến Phong kiều

Trăng tà, tiếng quạ kêu sương,
Lửa chài, cây bến, sầu vương gác hồ.
Thuyền ai đậu bến Cô-tô,
Nửa đêm nghe tiếng chuông chùa Hàn San.

Tân Đà dịch, 1935-36

[In lại trong Việt Nam Văn Chương Trích
Diễn của Lý Văn Hùng, Saigon, 1961 và

Nguyễn Quảng Tuân, Thơ Đường Tân Đà
Dịch, nxb Trẻ, Hội Nghiên Cứu và Giảng
Dạy Văn học TPHCM, 1989, tr. 95.]

Chú thích: Cũng có nguồn nói rằng bản
dịch này là của Nguyễn Hàm Ninh (1808-
1867), như sau:

Quạ kêu, trăng lặn, trời sương,
Lửa chài le lói sầu vương gác hồ.
Thuyền ai đậu bến Cô Tô,
Nửa đêm nghe tiếng chuông chùa Hàn San

[Vu Dinh Dinh, The Writers Post, v. 11,
n.1, Jan., 2009.]

B. MƯỜI HAI BẢN DỊCH SANG TIẾNG
ANH

Bản dịch 1: Witter Bynner, 1929

A Night-Mooring Near Maple Bridge

While I watch the moon go down, a crow
caws through the frost
Under the shadows of maple-trees, a
fisherman moves with his torch;
And I hear, from beyond Su-chou, from the
temple on Cold Mountain.
Ringing for me, here in my boat, the
midnight bell.

[Translated by Witter Bynner, THE JADE
MOUNTAIN, New York: Knopf, 1929. p. 4]

Nhân xét 1: Witter Bynner là một thi sĩ
Mỹ, từng sống ở Trung Hoa, và khi dịch
300 bài thơ Đường trong “Đường thi tam
bách thủ” có một nhà khảo cứu người
Trung Hoa là Kiang Kang-hu hỗ trợ. Bài
thơ 28 chữ trong bản gốc dùng 48 chữ
trong tiếng Anh để diễn tả. Câu cuối

“midnight bell” đặt sau cùng, tả tiếng chuông vắng đến thuyền khách, như để lại dư âm trong lòng người đọc.

Bản dịch 2: Ting-kan Tsai, 1932

Anchored at Night by the Maple Bridge

The moon is setting, rooks disturb the
frosty air,
I watch by mapled banks the fishing-
torches flare.
Outside the Suchow walls, from Han-shan
Temple's bell
I hear its sound and feel its midnight's spell.

[Translated by Ting-kan Tsai, CHINESE
POEMS IN ENGLISH RHYME. Chicago: The
University of Chicago Press, 1932, p. 114.]

Nhận xét 2: Ting-kan Tsai làm đô đốc hải quân, người duy nhất trong 12 dịch giả trong bài này, dịch sang thơ có vần.

Bản dịch 3: Soame Jenyns, 1940:

At Anchor in the Night by the Maple Bridge

The moon sets, the crows caw, hoar frost is
in the sky
By the maples at the riverside twinkles the
light of the fisherman's boats as I take my
troubled rest
Outside the city of Soochow stands the
Han San Monastery
And at midnight comes to me in my boat
the tolling of the temple bell

[Translated by Soame Jenyns,
SELECTIONS FROM THE THREE
HUNDRED POEMS OF THE T'ANG

DYNASTY. London: Wisdom of the East
Series, 1940, p. 26)

Nhận xét 3: Bài dịch này dùng chữ “as I take my troubled rest” để dịch “sầu miên” thì cũng khá lắt. Cũng hay như bản của Bynner, vì giữ được nhịp thơ. “Ô đề” dịch là “the crows caw,” dịch giả nghĩ rằng có nhiều tiếng quạ kêu, chứ không phải một con quạ kêu như Bynner. Tuy nguyên bản tiếng Trung Hoa không nêu rõ một con quạ hay nhiều con quạ, nhưng nếu chỉ nghĩ là một con quạ thì nghe lạnh lạnh và cô đơn. Chữ “tolling” tả tiếng chuông rất khéo. So sánh ý này với bản của Shi Shun Liu bên dưới.

Bản dịch 4: Shi Shun Liu, 1966

Anchored at Maple Bridge

The moon was down, the crow cawed and
the frost was sharp;
With sadness in my heart I fell asleep,
While maple leaves and fishing lights
could be seen dimly.
Soon the bell of Han-San temple beyond
Soochow sounded,
And its deep booming was carried to my boat,
And it still seemed midnight.

[Translated by Shi Shun Liu. ONE
HUNDRED AND ONE CHINESE
POEMS. New York: Oxford University
Press, 1966, p. 51)

Nhận xét 4: Dịch giả là người Trung Hoa, uyên thâm Anh ngữ, nên bài dịch đủ ý, nhưng dịch giả muốn giải thích thêm nên dùng câu “Yet it seemed midnight” để dịch chữ “ạ bán” mà nhiều dịch giả hiểu là nửa đêm, nhưng theo Vu Đình Đình đoán

chừng hai giờ sáng. Bài này là bài duy nhất dùng thì quá khứ past tense. Độc giả có cảm thụ khác không nếu dùng động từ ở thì hiện tại như các bài khác?

Bản dịch 5: Kenneth Rexroth, 1970:

Night At Anchor by Maple Bridge

The moon sets.
A crow caws
Frost fills the sky.
Maple leaves fall on the river.
The fisherman's fires keep me awake.
From beyond Su Chou
The midnight bell on Cold Mountain
Reaches as far as my little boat.

[Translated by Kenneth Rexroth, LOVE AND THE TURNING YEAR: ONE HUNDRED MORE POEMS FROM THE CHINESE. New York: New Directions Books, 1970, p. 64)

Nhận xét 5: Xếp lại bài thơ thành 8 hàng, Rexroth là người dịch nhiều thơ Trung Hoa và Nhật Bản. Nhưng “giang phong” mà dịch là “maple leaves fall on the river” thì hơi xa nguyền bản.

Bản dịch 6: Burton Watson, 1984

Tying Up for the Night at Male Bridge

Moon setting, crows cawing, frost filling
the sky,
through river maples, fishermen's flares
confront my uneasy eyes
Outside Ku-su city, Cold Mountain Temple -
late at night the sound of its bell reaches a
traveler's boat.

[Burton Watson, THE COLUMBIA BOOK OF CHINESE POETRY: FROM THE EARLY TIMES TO THE THIRTEENTH CENTURY. New York: Columbia University Press, 1984, p. 280.]

Nhận xét 6: Burton Watson là một dịch giả thơ Trung Hoa có tài, ông viết rằng những thi sĩ và học giả như Pound và Waley, qua công trình dịch thuật, gây ảnh hưởng lớn tới các thi sĩ đương thời làm thơ bằng tiếng Anh: “As the result of their pioneering efforts, the poetry of premodern China...has become a major influence on contemporary poets writing in English.” (“Introduction,” work cited above, p. 13)



Hình 2: cô gái Cô Tô. Nguồn: Francis Chin, “Fun with Tang Poetry”
<http://bystander.homestead.com/intro_tang.html>

Bản dịch 7: Whincup, 1987

Night Mooring at Maple Bridge

Moon sets.
Crows caw.
Frost fills the air.
Maple trees by the river

And the lamps of fishermen
I face
In a sorrowful drowse
From Cold Mountain Monastery,
Beyond the old city-wall,
Reaching the traveller's boat
Comes the sounds
Of the midnight bell.

[Translated by Greg Whincup, THE HEART OF CHINESE POETRY. New York: Anchor Books, 1987, p. 145)

Nhận xét 7: Dịch giả Greg Whincup, người Gia Nã Đại, có bằng về Hán học biết rút ưu khuyết điểm của những bài dịch trước, lại biết dịch thành 12 câu ngắn, như Rexroth đề bài dịch trông như bài thơ mới và giữ được nhịp và chỗ ngưng của bài thơ gốc. Ông là tác giả cuốn The Heart of Chinese Poetry trong đó có 57 bài dịch và mỗi bài có phần Hán văn, phần ghi cách phát âm theo đại học Yale, và phần dịch sang thơ mới.

Bản dịch 8: Wai-Lim Yip, 1997

Moondown: crows caw. Frost, a skyful.
River maples. Fishing lamps, sad drowsiness.
Beyond Su-chou city, the old Mountain Temple
Rings its midnight bell, reaching this
visitor's boat.

[Translated by Wai-Lim Yip. CHINESE POETRY: AN ANTHOLOGY OF MAJOR MODES AND GENRES. Durham and London, Duke University Press, 1997, p. 241.]

Nhận xét 8: Wai-lim Yip, giáo sư văn chương tại University of California at San Diego, là một học giả và thi sĩ, lập-luận rằng muốn dịch thơ Trung Hoa, người Mỹ

phải quên những gò bó vì cú pháp và các thì (tenses): "For example, although the Chinese language has articles and personal pronouns, they are often dispensed of in poetry. This opens up an indeterminate space for readers to enter and reenter for multiple perceptions rather than locking them into some definite perspectival position or guiding them in a certain direction. Then there is a sparseness, if not absence, of connective elements (prepositions or conjunctions), and this lack, aided by the indeterminacy of parts of speech and no tense declensions in verbs, affords the reader a unique freedom to consort with the objects and events of the real-life world." ("Preface," p. xiii, cited above). Ông về phe với những nhà thơ thuộc phái ảnh tượng (imagists) như Ezra Pound và William Carlos Williams.

Bản dịch 9: Gary Snyder, 1999

Maple Bridge Night Mooring

Moon sets, a crow caws frost fills the sky
River maple, fishing fires
crosses my troubled sleep
Beyond the walls of Soochow
from Cold Mountain temple
The midnight bell sounds
reaches my boat

[Translated by Gary Snyder. In Victor H. Main, ed, THE SHORTER COLUMBIA ANTHOLOGY OF TRADITIONAL CHINESE LITERATURE. New York: Columbia University Press, 1999, p. 100.]

Nhận xét 9: Gary Snyder, nhà thơ Mỹ trong phái Beat poets, từng sống ở Nhật và học

Thiên, xếp đặt lại số chữ và dùng những chỗ xuống giọng hay lùi vào giúp giữ lại được những chỗ ngưng trong bản gốc.

Bản dịch 10: Innes Herdan, 2000

Anchored at Night by Maple Bridge

Moon sets, crows caw, sky is full of frost;
River maples, fishing-boat lights break
through my troubled sleep
Beyond the city of Suzhou lies Han Shan
monastery,
At midnight the clang of the bell reaches
the traveller's boat.

[Innes Herdan. THE THREE HUNDRED TANG POEMS. Taipei, Taiwan: The Far East Book Co., Ltd., 2000, p. 676; cited in Vu Dinh Dinh, "A Famous Chinese Poem often Misunderstood by Readers," THE WRITERS POST, vol. 11. n.1, Jan. 2008.] <http://www.thewriterspost.net/V11111_ffl_vudinhdinh.htm>

Bản dịch 11: Barnstone and Ping, 2005

Moored by the Maple Bridge at Night

The moon sets, ravens crow, and frost fills
the sky.
River maples, fishermen's lanterns. I face
sorrow in my sleep.
The Hanshan Temple is outside Gusu city.
At midnight the bell rings--the sound rocks
my traveler's boat.

[Translated by Tony Barnstone and Chou Ping, THE ANCHOR BOOK OF CHINESE POETRY. New York: Anchors Books, 2005, p. 157.]

Nhận xét 11: Bài dịch khá hay, chỉ hiềm chữ "rocks" quá mạnh; "reaches" có lẽ sát nghĩa hơn.

Bản dịch 12: Harris, 2009,

Moored at night by Maple Bridge

Crows caw, and frost fills the sky under a
sinking moon
Downcast I doze by the riverside maples,
across from fishermen's fires.
Outside the walls of Suzhou city, in Cold
Mountain Temple,
The sound of a bell rung for midnight
reaches as far as my boat.

[Translated by Peter Harris, THREE HUNDRED TANG POEMS. New York: Everyman's Library Pocket Poets, 2009, p.259.]

Nhận xét 12: Peter Harris dịch cuốn Đường Thi Tam Bách Thủ sang tiếng Anh lời dịch dễ hiểu, gọn; các tác giả các bài thơ tác giả xếp theo thứ tự ABC nên dễ tìm, và dễ dùng, không có vắn, nhưng giữ nhịp điệu. Khó nhỏ bỏ túi tiện lợi khi đi đường, chờ xe buýt hay ngồi trên xe điện ngắm đọc rất tiện.

C. KẾT LUẬN:

Bài thơ hay vì âm nhạc trong thơ, vì hình ảnh, vì cảnh khuya khoắt nơi tâm hồn khách phương xa đối với tiếng chuông từ ngôi chùa vọng đến như còn vương trong trong âm điệu của những vần thơ trác tuyệt, khiến đọc xong còn cảm thấy dư ba. Độc giả sẽ đánh giá mỗi bài dịch và chọn bài nào mình thích nhất. Cũng nên hiểu là những bản dịch này nhắm vào độc giả tiếng Anh, nên có người thì dịch sát nghĩa, có



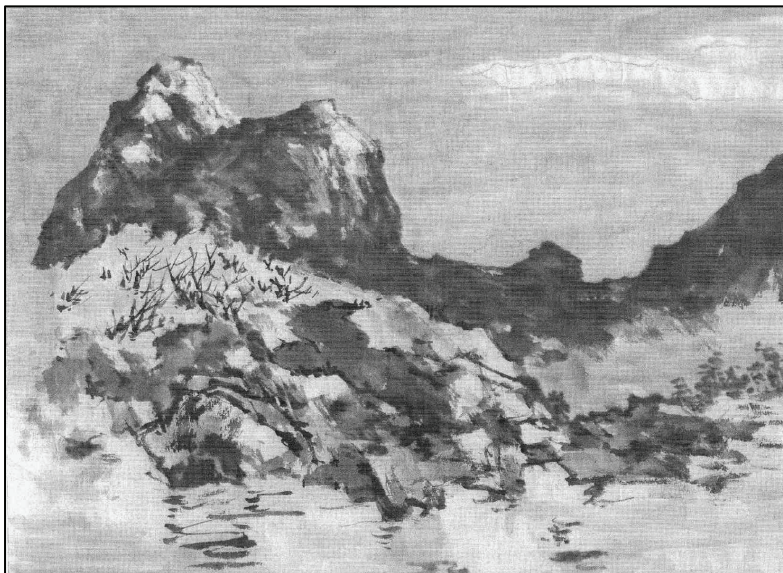
Hình 3: Tượng Trương Kế, Statue of Zhang Ji, by Gisling 2005 at Maple Bridge, Sushou.
Nguồn: [Wikimedia.org/wiki/Zhang_Ji_poet](https://www.wikimedia.org/wiki/Zhang_Ji_poet)

người thì thêm chữ cho rõ nghĩa, có người thì xếp đặt các chữ cho có những khoảng trống mỹ thuật (an aesthetic space) để gợi những hình ảnh trong lòng độc giả, hay để giữ nhịp của bản gốc và nhịp của thơ Anh, có người thì dùng ít cú pháp tiếng Anh,

dùng nhiều danh từ và động từ. Cách nào cũng là những thí nghiệm của mỗi dịch giả muốn tới gần bản gốc. Như Burton Watson đã viết: “At the present time, some translators of Chinese poetry into English continue to press in the direction of even greater freedom, while others experiment in the reintroduction of rhyme and other formal elements that were earlier jettisoned. My own belief is that all types of innovation and experiment are to be welcomed, for from them hopefully will evolve even more effective methods for bringing the beauties of Chinese poetry over into English.” (cited above, p. 13)

Phạm Trọng Lệ

(viết xong tại Virginia, 4/20/94; sửa lại 8/30/09)



Tranh lụa của cố Họa Sĩ Tá Chi Trương Cam Khải.

SÀI GÒN ƠI, GIÃ BIỆT!

Nguyễn Thị Ngọc Dung

Sau 3 ngày thăm viếng Đà Lạt vợ chồng Phước, Hà cùng hai người bạn và tôi trở lại Sài Gòn chiều ngày 15 tháng 12, năm 2004. Tính từ ngày 26 tháng 11 rời Virginia, chúng tôi về thăm Việt Nam đến nay đúng 20 ngày.

Tôi không mệt vì hành trình du lịch liên miên từ Sài Gòn ra Vũng Tàu, đi Hà Nội, Chùa Hương, lên Sa Pa, qua Vịnh Hạ Long, xuống Phát Diệm và lại lên Đà Lạt, nhưng tôi mệt vì cái ho đã đến với tôi từ mấy hôm nay. Cái ho không phải vì khí hậu nóng lạnh mà vì không khí ô nhiễm. Khói đen, bụi đỏ, bụi vàng trong các thành phố và đường trường chúng tôi đi qua, đã bám vào cuống họng, buồn phổi. Cứ nói vài câu tôi lại lên cơn ho rất cổ. Có lẽ ho cũng vì trong 20 ngày qua đã nói nhiều với bạn đồng hành, với bà con, họ hàng, bạn bè và cố nhân. Thực ra nói với cố nhân thì rất ít, gần như chẳng nói gì ngoài vài câu thăm hỏi thông thường. Tôi không nói chàng cũng đã biết về tôi qua bạn bè. Ngược lại qua bạn bè, tôi cũng đã biết về cuộc đời sự nghiệp của chàng hiện tại. Muốn nhìn lại dung nhan mùa đông của nhau thì đã được toại nguyện. Tôi đã coi chàng như một người thân từ khi chia tay nhau 33 năm trước. Bốn đứa con vẫn là cái cầu không gian giữa chúng tôi. Chàng khỏe mạnh, hạnh phúc là tôi mừng.

Về phía chàng, tôi nghĩ rằng chàng cũng có một thứ tình cảm của những kẻ cao thượng khi trở thành cố nhân. Vả lại, tôi nghe nói gia đình ba người con khác của chàng với bà mẹ và người cha dượng vài ngày nữa cũng sẽ về thăm tác giả *Ngã Tư Hoàng Hôn*. Chắc chàng cũng đang hồi hộp, xốn xang lắm! Tội nghiệp! Tôi thông cảm điều ấy nên muốn để chàng có thời giờ dọn dẹp tình thân đón tiếp họ. Tôi gọi điện thoại chào tạm biệt cố nhân, lấy lý do ho quá, bệnh quá mà còn vài cái hẹn với mấy người bạn, mấy đứa cháu từ ngày về vẫn chưa gặp. Tôi hứa với chàng nếu lần sau về tôi sẽ đem theo con tôi về gặp bố. Chúng tôi lại làm ra vẻ bình thường như hai người bạn chia tay nhau trong điện thoại cũng như 33 năm về trước...

Dù lòng còn bâng khuâng, bồi hồi, tôi lại nhắc điện thoại gọi cho Hoàng Thị Vấn và mời bạn cùng Nguyễn Thị Sâm ngày mai ăn trưa tại khách sạn Hilton... Vấn và Sâm hai người bạn đệ tam và đệ nhị “C” Trương Vương của tôi.

Để có thời giờ nhiều cho nhau, để đi dạo phố cho mát, sáng sớm hôm sau Vấn và Sâm đã đến khách sạn gặp tôi, ôm nhau mừng mừng tủi tủi. Lần cuối cùng tôi gặp Vấn và Sâm cách đây hơn 30 năm tại bữa cơm tôi tạm biệt các bạn cùng lớp Trương Vương cũ ở một biệt thự của Tòa

Đại Sứ trên đường Bà Huyện Thanh Quan, Sài Gòn mà Robert và tôi ở trước khi về Mỹ.

Thuở đó chưa nàng nào phải đeo kính và có tóc bạc. Nay tóc tôi đã phải nhuộm và tóc hai bà bạn tôi để tự nhiên nên đã bạc phơ. Cả ba chúng tôi đã phải lên mực kính mới nhìn thấy chi tiết trên những khuôn mặt đã xạm màu thời gian. Tôi chỉ khác hai người bạn mộc mạc là tôi có trang điểm nên trông trẻ hơn họ. Sâm và Vấn độc thân cả đời và ở lại Sài Gòn sau tháng 4, năm 1975, đã phải nhìn bao cảnh tang thương, chịu bao nỗi vất vả, nên có lẽ vì thế họ rất thân nhau.

Chúng tôi đi bộ ra Bến Bạch Đằng. Khách Sạn Majestic vẫn được giữ nguyên hình dáng thuộc địa quý phái. Vài du thuyền đậu bên bờ Sông Sài Gòn. Nhà hàng nổi được trang điểm rườm rà, lòe loẹt hơn. Bờ sông bên Thủ Thiêm trước kia chỉ thấy đồng cỏ chạy thẳng tới chân trời nay cũng mọc lên vài nhà hàng nổi khác. Những tấm biển quảng cáo vĩ đại nhô lên giữa đám nhà cửa, cơ xưởng san sát. Nhìn đâu cũng có hình ảnh dĩ vãng. Nếu tôi chưa viết tập hồi ký *Sài Gòn Nhớ Muta Thương* thì sẽ phải viết ra đây cả chục trang nữa cũng chưa hết. Ba bà bạn già thay phiên nhau chụp hình kỷ niệm. Chúng tôi không đi tới bức tượng Trần Hưng Đạo vì nắng đã lên cao. Ở xứ nhiệt đới, nhưng đàn bà con gái Hà Nội, Sài Gòn rất ghét và không chịu được cái nắng cháy da thịt.

Gần 11 giờ chúng tôi tản bộ đi trở lại Khách Sạn Sheraton trên Đường Tự Do

cũ. Tôi đưa hai bạn vào khu vực “all you can eat” dưới một sân rộng có mái kính, máy lạnh, bồn nước, cây cảnh, hoa lá tươi mát. Từ ngày về thăm Việt Nam, tôi chỉ cảm thấy thoải mái và yên tâm, ăn ở những khách sạn hay nhà hàng như vậy.

Đủ các món Việt, Mỹ, Tây, Tàu, Nhật... được bày biện đẹp đẽ, sạch sẽ, thực khách tự ý lựa chọn hay đặt làm ngay tại chỗ và “ăn bằng thích”.

Khi ăn tới món tráng miệng, Vấn mở một cái gói và nói:

“Tôi có món này cho bạn chắc là bạn ít khi ăn ở bên Mỹ.”

“Khoai lang đỏ, khoai lang vàng và chuối luộc hả? Ủ Minh không mấy khi ăn ở bên Mỹ.” Tôi trả lời bạn.

“Không phải. Củ màu vàng là khoai từ đấy! Đứa nào về đây cũng mê món này lắm!”

“Củ từ hả? Ủ nhỉ, từ ngày rời Việt Nam đến giờ tôi không nhìn thấy và cũng quên rằng có củ từ trên trái đất này.”

Tôi cầm lấy gói quà và bóc một củ từ nhỏ hơn củ khoai lang, vỏ màu vàng như khoai tây nhưng dày và tróc ra rất dễ. Củ từ có ruột cũng màu vàng nhưng trong, giòn và ngọt hơn khoai tây. Đây là món quà sáng hay quà vặt mà tôi thường được ăn hồi còn nhỏ ở Hà Nội hay hồi con gái ở Sài Gòn. Bây giờ, nhất định là tôi phải thưởng thức lại món này. Và củ từ hôm ấy đã là món tráng miệng của tôi.

Chúng tôi ngồi ăn và hàn huyên hơn hai tiếng đồng hồ không dứt, đến khi cô

HIU HẮT NGƯỜI VỀ

Đầy trời tím ngắt hoàng hôn
Ai ngâm “Tống Biệt” cho hồn xót xa!
Khói cay hay mắt lệ nhòa
Đôi theo mỗi bước chân xa lặng buồn.
Có còn trống vắng nào hơn
Tùng ngày đếm bóng hoàng hôn ngậm ngùi!
Người đi có héo môi cười
Kẻ về lòng lạnh mấy mươi đêm này.
Không rượu tiễn, bỗng thềm say
Chim trong vang bóng những ngày vui qua.
Ngập ngừng giây phút chia xa
Thâm tình đôi mảnh quê nhà trông theo.
Ngàn trùng nhớ sớm thương chiều
Trời không lạnh bỗng hắt hiu người về.
Tiễn xưa hát khúc “Biệt Ly”
Bây giờ biết nói lời gì được đây!
Sân ga vắng bóng khăn tay
Giờ là những dấu lặng đầy nhớ nhung.
Xưa than “đàn lẻ tơ trùng”
Giờ gom nỗi nhớ trong lòng lặng thinh.
Tiễn nhau bằng chữ ân tình
Tràng đình chẳng có, đoàn đình cũng không.
Đưa nhau “ngỏ ý tơ lòng”
Nước đi hỏi có chờ mong về nguồn.
Đường xưa vẫn đỏ lối son
Lá sen tươi ủ cốm non đợi người...

NGUYỄN THỊ SÂM

(Sài Gòn 1992)

chiêu đãi viên lượn qua lượn lại có vẻ sốt ruột, tôi phải nói rằng chúng tôi hơn 30 năm mới gặp lại nhau và sẽ cho cô tiền uống nước gấp đôi. Chúng tôi trao đổi quà kỷ niệm. Vấn tặng tôi quyển lưu bút đã vàng ố của lớp đệ nhị ban văn chương, 1957-1958. Bìa sau có hình lớn của Hồng Hảo, một người đẹp bé bỏng thùy mị của Trưng Vương, cô em út Ban Hợp Ca Học Thành với Nhạc Sĩ Nhật Bằng, Nhật Phượng và Thế Tân nữa. Hồng Hảo được rất nhiều các chị và các bạn Trưng Vương mê điên đảo.

Trang đầu của cuốn lưu niệm có hình của Hoàng Thị Vấn với dòng chữ :

Các bạn thân mến,

Hãy ghi lại đây một hình ảnh của thời học sinh để nhớ.

Mùa phượng 58.

Vấn

Như vậy, quyển lưu niệm này đã được truyền tay các cô bạn Trưng Vương trước khi thi tú tài I và các cô bạn Gia Long của Hoàng Thị Vấn trước khi thi tú tài II. Hình ảnh các cô nữ sinh từ 17 đến 19 tuổi thật trong trắng, ngây thơ. Bút tích các nàng thật ngây ngô đại khờ, trong đó có cả tác giả bài bút ký này. Con tìm lại bồi hồi, xao xuyến. Từ trang tiếp theo, tôi tìm thấy những hình ảnh và những dòng lưu niệm của Nguyễn Kim Bảo, Kim Anh, Vân Khanh, Thanh Lan, Thiên Hương, Lưu Kim Ngọc, Trọng Hiên, Nguyễn Kim Dung, Nguyễn Thụy An, Lưu Phượng, Nguyễn Bảo Quỳnh, Nguyễn Phước Liên, Vũ Thị Kim Dung, Bùi Thu Hòa, Nguyễn Thị Ngọc Dung, Nguyễn Thị Thu, Đinh

Thị Phấn, Khúc Kim Dung, Diễm Khanh, Lê Thị Hồng Diệp, Bùi Thị Dung, Phạm Tố Lan, Vân Dung, Bùi Kim Oanh, Ngọc Hoa, Thu Hiền, Thục Chiêm, Nguyễn Kim Loan, Nguyễn Quỳnh Nga, Võ Thị Ngọc Dung, Bích Liên, Kim Khuê, Mộng Hoàn... Có vài hình bị mất, vài dòng lưu niệm chỉ có chữ ký, không đề tên, tôi không nhận ra tác giả nào...

Tôi nhớ được những tên bạn sau đây đã thiếu trong quyển lưu niệm của Hoàng Thị Vấn là: Nguyễn Thị Thiều, Nguyễn Thị Sâm, Ngọc Quyển, Tố Thi, Lương Thị Nghệ, Mạnh Quang, Thiếu Lan, Nguyễn Thị Hoàn... Tôi cố gắng, nhưng chỉ nhớ được từng đó. Người đẹp Nguyễn Thị Thiều đã ra người thiên cổ. Tôi cũng có ý định *photocopy* cả tập đóng thành nhiều bản tặng các bạn Trương Vương thương mến của tôi. Nhưng đời sống tất bật với bốn phận nội trợ, làm vợ, làm mẹ, bà nội, bà ngoại, chủ nhiệm, chủ bút Tam Cá Nguyệt San. Dù báo Cỏ Thơm có phó chủ nhiệm nhà thơ Phan Khâm, tổng thư ký nhà thơ Ý Anh, và bốn đồng chủ bút biên khảo gia Trần Bích San, văn thi sĩ Ngô Tăng Giao, nhà văn nhiếp ảnh gia Phạm Văn Tuấn tiếp tay tôi vẫn nhận và đọc một phần bài vở, viết báo, trình bày sách báo, gửi báo, kế toán, thủ quỹ báo, tôi vẫn chưa thực hiện được ý định đó.



Trong buổi gặp gỡ tại Sài Gòn tháng 12, 2004, Nguyễn Thị Sâm tặng tôi một tập thơ viết tay hay đánh máy trên giấy mỏng đã vàng ố. Thơ Sâm rất truyền cảm, là thơ của một thi sĩ nòi thực sự, không phải thi sĩ nhất thời, giai đoạn. Một bài thơ của Sâm được kèm theo bài bút ký này.

Hai bà bạn đi bộ đưa tôi về tận khách sạn và chúng tôi bịn rịn chia tay nhau, hẹn hò, ước mong sẽ gặp lại hai bạn tại Sài Gòn hay bên Mỹ. Nhưng năm sau dù bạn học bên Mỹ có ý định tặng vé, Sâm cũng không thể đi được vì lý do sức khỏe. Chỉ có Vấn thực hiện được chuyến du lịch Hoa Kỳ và ghé thăm Virginia. Niên khóa 52-59 có một buổi hội ngộ cùng Hoàng Thị Vấn. Chúng tôi lại có thêm hình ảnh kỷ niệm mới.

Sau khi tạm biệt hai bà bạn học cũ, tôi lên phòng khách sạn cố nhắm mắt cho hai cánh cửa sổ của linh hồn được nghỉ ngơi vì ít ngủ. Nhưng chỉ được vài phút cô em Hà đã sang gõ cửa, gọi đi đến thăm gia đình hai người cháu, con bà chị Minh Tâm.

Anh chị Tâm, Lân và ba người con chưa đến tuổi trưởng thành, chưa lập gia đình đã được theo cha mẹ di cư sang Mỹ từ năm 1989. Nhưng hai người con trai lớn là Quân và Tuấn đã lập gia đình nên phải ở lại. Anh chị tôi đã làm đơn xin bảo lãnh, tốn bao tiền bạc và nhớ thương,

vẫn chưa được đoàn tụ với con cháu. Giới cầm quyền, thương gia giàu có được sang Mỹ ùn ùn. Dân nghèo không có tiền, không quen biết một ông lớn nào để lo chạy chọt, phải đợi chờ, trông ngóng con cái, cha, mẹ ở ngoại quốc hàng chục năm, đến vàng vọt, xanh xao cả người cũng chưa được sum họp.

Chiều ngày 16 tháng 12 chúng tôi lại được tài xế Cường, cháu của Hội bạn Hà đem xe van đến đón, đưa đến nhà cháu Thân Trọng Quân ở Bình Thạnh. Khu vực này cách trung tâm Thành Phố Sài Gòn vào khoảng 10 cây số về phía tây mà trước năm 1972 tôi không hề đặt chân tới.

Xe đưa chúng tôi qua chợ Bến Thành, Ga Xe Lửa, Chợ Thái Bình, Rạp Hát Khải Hoàn, Nhà Thương Từ Dũ, Chợ Hòa Hưng. Chưa tới giờ tan sở, đường phố đã đông nghẹt xe cộ. Xe hai bánh gắn máy, xe đạp nhiều nhất. Xe nhà, xe taxi vẫn ở trong số hiếm hoi. Lác đác vài xe xích lô lạc lõng trên dòng xe cộ ngược xuôi, lúc nào cũng che kín mặt đường. Tuyệt nhiên không thấy bóng dáng một tà áo dài nào.

Đường Lê Văn Duyệt cũ đưa chúng tôi thẳng lên ngã tư Bảy Hiền, qua Bà Quẹo, Bình Khánh. Đã là ngoại ô thành phố, vẫn có những căn lầu gầy cao lêu nghêu mọc lên giữa đám nhà cửa san sát, lụp xụp. Nhưng có được một chỗ ở là may mắn lớn, là tài sản bự đối với đại đa số đồng bào ta nghèo.

Vợ chồng Quân cũng có được căn nhà khang trang tươi tắn. Ở đây, chúng tôi gặp cả gia đình cháu Tuấn với vợ và hai

con gái. Vợ chồng Quân có một trai, hai gái và sợ rằng khi được giấy tờ đi Mỹ thì đứa con trai sẽ quá tuổi vị thành niên và phải ở lại. Quân chơi đàn guitar cho các ban nhạc. Tuấn là giám đốc cho một hãng computer. Hai cô vợ lo buôn bán thêm. Là con cái chế độ cũ, nhưng giấy rách vẫn giữ lấy lề, vợ chồng con cái các cháu chúng tôi vẫn sáng sủa, thông minh, có tư cách và lễ độ. Đời sống gia đình Quân, Tuấn cũng tạm đủ, nhưng vẫn muốn được sum họp với cha mẹ, và các em bên Mỹ. Ruột thịt như bị cắt sẻ đau đớn từ nhiều năm vẫn không thể xa rời mãi mãi, vẫn muốn có một ngày nối liền, sum họp. Và, vẫn minh, tự do, dân chủ vẫn là lý do chính đáng quyến rũ con người. Đã có 50 năm dưới chế độ độc tài, chuyên chế mà cái nước Việt Nam chỉ mới có được vài cái khách sạn văn minh vay mượn, thì đến kiếp nào đời sống dân nghèo mới được nâng cao hơn túp lều tranh lụp xụp.

Chúng tôi bù ngùi từ giã các cháu, những khuôn mặt đăm chiêu như muốn gửi lời nhớ thương cha mẹ và các em bên trời Mỹ quốc bên kia bờ Thái Bình Dương.¹

Trời đã tối và tối đầy lòng tôi. Nếu ở trong trường hợp chia đàn sẻ nghé như anh

¹ Khi độc giả đọc đến đoạn văn này thì gia đình hai cháu Quân, Tuấn cùng vợ con đã được đoàn tụ với anh chị tôi ở San Jose. Tuy nhiên con trai lớn nhất của Quân trên 22 tuổi lại kẹt ở lại với ông bà ngoại, đợi khi nào cha mẹ có thể xanh mới bảo trợ cho con sang được. Mong rằng không lâu 20 năm như sự chờ đợi của ba mẹ cháu.

chị tôi và các cháu, tôi sẽ đau khổ lắm, đau khổ như hồi tôi phải xa hai cậu con trai 10 và 12 tuổi trong 10 tháng mà thời gian quẩn quại như 10 năm.

Thành phố đã lên đèn. Các cửa hàng sáng choang nối tiếp nhau. Nhưng người ta vẫn nhìn thấy cái tối tăm, tiêu tụy bên trong. Mặt tiền nhà nào cũng là cửa hàng buôn bán. Trên vỉa hè tràn đầy các xe bán nước uống, quà bánh khác nữa. Ai cũng muốn buôn bán một thứ gì đó có chút đỉnh tiền sống bám vào cái thành phố mà nạn nhân mãi đã lên đến tột độ.

Vì chúng tôi muốn về thăm xóm cũ sau Nhà thờ Phú Nhuận, xe đến ngã tư Bảy Hiền thì rẽ qua Đường Võ Tánh cũ. Con đường này tối tăm thiếu ánh đèn vì ít hàng quán hơn. Cô em Song Hà về Sài Gòn vài lần rồi nên nhớ đường, bảo tài xế rẽ vào một cái ngõ tối hù. Cư xá Công Chức Sở Chức Bạ cũ



vẫn có cái cổng và cầu thang rộng. Hành lang trên tầng một vắng vẻ, vẫn là gạch vuông tráng men trắng, đỏ. Nhà cũ của chúng tôi là căn thứ tư có lầu, không biết bây giờ gia đình ai đang ở. Tôi được biết vẫn còn con cái vài vị công chức ở lại trong cư xá dù cha mẹ đã ra người thiên cổ. Cửa sổ và cửa ra vào trước kia bố tôi cho sơn màu xanh lá cây sậm, bây giờ là màu vàng nhạt. Chúng tôi đã trải qua một thuở con gái ngập ngừng, hẹn hò với bao chàng trai

sau cánh cửa che đầy đầy rung động, xao xuyến một thời kia.

Bố chúng tôi đã mất và để lại bao luyến thương cho mẹ tôi cũng trong căn nhà đó. Em trai út và vợ con đã ở với mẹ tôi cho đến khi tất cả được di cư sang Mỹ năm 1982 do ông xã tôi bảo lãnh. Chúng tôi chẳng ai luyến tiếc căn lầu này khi mẹ và chị em chúng tôi được đoàn tụ và thoát ra khỏi cái đất nước thuộc địa cộng sản.

Khu cư xá chìm trong bóng tối, các nhà cửa đóng im lìm. Không một bóng người đi lại trong khu cư xá. Phước chụp cho Hà và tôi mấy tấm hình trước cửa nhà, cuối hành lang và đầu cầu thang đã in dấu

những bước chân son thiếu nữ mộng mơ.

Kể bao nhiêu, viết bao nhiêu cũng không vừa. Xin ngưng ở đây, cất tất cả kỷ niệm vào kho tàng dĩ vãng. Bây giờ trở lại với thực tại một đêm tháng 12 của Sài Gòn

2004.

Rời khu cư xá Công Chức Chức Bạ cũ, xe đưa chúng tôi theo đường Hai Bà Trưng, qua Nhà Thờ Tân Định. Ngọn thánh giá vẫn được thấp sáng như bao nhiêu năm về trước. Về đến bùng binh Nhà Thờ Đức Bà, Diamond Department Store (Hãng thầu xây cất RMK-BRJ cũ, nơi tôi đã làm việc mấy năm) và Dinh Độc Lập xưa, dòng xe Honda hai bánh còn đông hơn ban ngày. Tôi ngạc nhiên hỏi:

“Người ta làm gì, đi đâu mà đông vậy!”

“Người ta đi hóng gió đấy cô ạ!” Tài xế trả lời. Hà tiếp:

“Các anh chị hẹn hò đi ngắm cảnh Noel đấy mà.”

Tài xế nói thêm:

“Các cô, các cậu hẹn hò nhau đi mua thiệp Noel gửi cho người thân, bạn bè bên Mỹ, đi ăn cây kem, uống ly nước mía hay hóng mát, tình tự bờ sông!”

Ừ nhỉ, từng cặp, từng cặp trai gái trẻ trung chạy xe lướt qua chúng tôi. Tài xế với sơ-mi tươm tất hơn. Những cặp đôi váy cao, những ống quần bó chèn vắt vẻo trên yên xe sau. Những mái óc dài nghiêng nghiêng xuống mái tóc ngắn. Những vòng tay nàng ôm chàng khấn khít hơn lúc ban ngày. Thời mình đã qua lâu rồi nên quên mất. Một phút rộn ràng dâng lên trong tâm hồn, mừng vui cho đàn con cháu có một lúc hạnh phúc trong cuộc sống đảo điên này.

Bùng binh Nguyễn Huệ, Lê Lợi trước tòa Thị Chính, trước Nhà Hát Lớn Thành Phố càng nhộn nhịp, sáng chói hơn. Những cao ốc, khách sạn lớn, những bảng quảng cáo vĩ đại được giăng hàng ngàn bóng đèn đủ màu. Dòng xe cộ không ngớt chạy vòng vòng bùng binh chung quanh Khách Sạn Palace đầu Đường Nguyễn Huệ, nơi tôi ở. Khung cảnh lộng lẫy này có thể đánh lừa con nít và giới nông cạn, vô tâm về cái văn minh vay mượn, giả dối của Hà Nội và Sài Gòn. Giới hiểu biết và quan tâm tới tiền đồ Việt Nam vẫn chỉ thốt ra những tiếng thở dài, thương xót cho số phận hẩm hiu của con dân nước Việt. Sài Gòn năm xưa chỉ

còn trong kỷ niệm, trong tiềm thức, luyện tiếc nhớ thương.

Giờ này bên trời Mỹ mới thật sự tưng bừng, nhộn nhịp của một nước văn minh giàu mạnh nhất thế giới. Chồng, con, cháu đang mong đợi tôi trở về sửa soạn mừng lễ sinh nhật thứ 2004 của Chúa Jesus Hải Đông. Tôi về phòng sắp xếp lại hành lý, để sẵn bộ quần áo mặc lên máy bay ngày mai trở về quê hương thứ hai mà tôi đã cư ngụ từ tháng 12 năm 1972.

Qua một đêm ít ngủ, tôi lại dậy sớm cùng Hà xuống phòng ăn sáng, chẳng còn biết làm gì nên chúng tôi lại tản bộ ra Đường Tự Do giết thời giờ. Tôi mua được hai cái áo cánh cho cô con gái và con dâu, một bộ áo bà ba xẻ cao hai bên eo, với cái quần lãnh quần quanh người và mở hai bên chân đến đầu gối, kín kín hờ hờ nhưng không *sexy* lắm. Các bạn cùng tuổi, cùng lớp với tôi chắc chẳng ai dám mặc cái kiểu “tân thời” này, nhưng Ngọc Dung mà, soi gương thấy mình mặc cũng “cute” và em mình bảo chị mặc đẹp là được rồi!

Chiều nay, 17 tháng 12, 2004, chỉ có tôi trở về Mỹ một mình. Bích, bạn Hà cũng sẽ ra phi trường sau tôi mấy tiếng đồng hồ và đi chuyến máy bay khác. Hà Phước còn ở lại thêm gần một tuần nữa để đi Mũi Né, Phan Thiết, rồi cùng cô cháu Nguyệt Ánh đi Lộc Ninh thăm cố nhân của tôi cho biết nơi ẩn dật thú điền viên của chàng. Tiếc rằng thời gian có hạn, tôi không đi theo họ được. Tôi phải lo sửa soạn lễ Giáng Sinh cho chồng con cháu và nhất là con cháu ở xa về nên không thể ở lại lâu hơn.

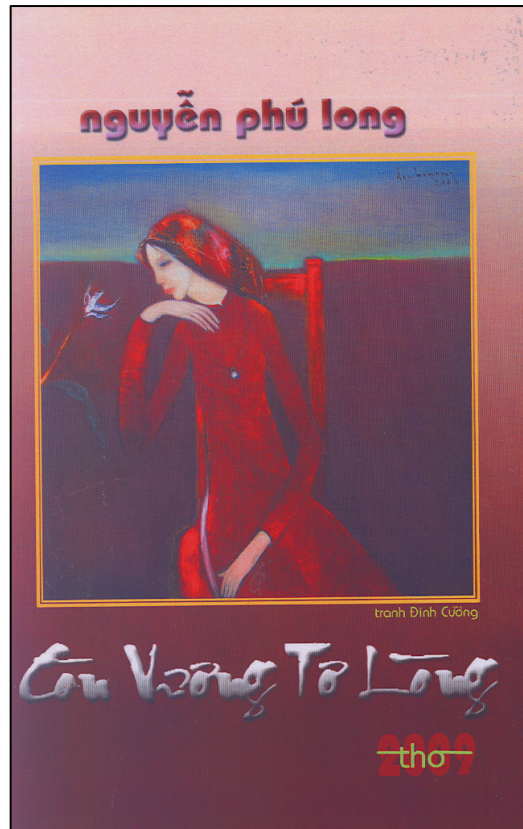
Hai giờ chiều, tài xế Cường lại đến đón tôi ra phi trường. Hà Phước cũng lên xe đưa tiễn tôi. 3 giờ 55 máy bay cất cánh. Quang cảnh dưới đất hiện ra như bức tranh được vẽ những cái bánh màu mè, những đồ chơi lòe loẹt rẻ tiền bên cạnh những đồng rác bẩn thỉu. Sài Gòn năm xưa bây giờ là thế. Ôi Sài Gòn! Sài Gòn lụi dần. Sài Gòn xa dần! Nghe như có tiếng nấc trong tim. Giã biệt người! Giã biệt quê hương!

8 giờ 25, máy bay tới Taipei. Tôi phải đổi chuyến bay khác và tới San Francisco 11 giờ 30. Rồi lại sang máy bay khác, tôi tới Dulles Airport, Virginia 7 giờ 30 sáng 18 tháng 12 như thời biểu, chấm dứt một cuộc phiêu lưu dài nhất trong đời. Không nơi đâu thoải mái và hạnh phúc hơn “home sweet home”. Cảm ơn Thượng Đế, tôi đã trở về với gia đình bình an, vô sự!

Sự ham muốn về thăm quê hương với cô em, tôi đã không quản ngại cuộc hành trình đơn độc và dài dằng dặc. Sau 20 ngày, tôi chỉ thăm thú được vài địa danh, nhưng cũng đủ có khái niệm và thất vọng về đất nước mình hiện tại.

Cầu mong nhà cầm quyền mở mang trí tuệ, thương nước, thương nòi, khai khẩn đất đai, nâng cao đời sống dân quê được khá hơn, được tự do như thời Cộng Hòa không có chiến tranh cũng đủ may mắn cho dân ta nhiều lắm rồi!

NGUYỄN THỊ NGỌC DUNG
(Virginia)



Tập thơ

Con Vương Tô Lòng

Liên lạc tác giả:
MR. NGUYỄN PHÚ LONG
11617 Norwich PKWY
Glen Allen, VA 23059
Tel. (804) 360-1394

TRƯƠNG BẢO SƠN

thượng thọ tuổi 95



Ngày 19-07-2009 tại “Viện Lão Học thuộc Trường Đại Học Montréal” Canada có lễ MỪNG THƯỢNG THỌ TUỔI 95 của chí sĩ Trương Bảo Sơn, một dịch giả kiêm nhà văn, nhà báo và nhà giáo.

Ông tên thật là Trương Cam Bình, sinh ngày 02 tháng 03 năm 1916, tại Hà Nội (năm Kỷ Mão).

Ông hoạt động cách mạng trong nhóm Việt Nam Quốc Dân Đảng dưới danh xưng Trương Bảo Sơn và văn hóa với bút hiệu Bảo Sơn. Ông còn mấy bút hiệu nữa như Cẩm Bình, Ngọc San, Trường Sơn nhưng ít dùng.

Sinh trưởng trong một gia đình trung lưu, ông Bảo Sơn bắt đầu bằng nghề dạy học, rồi viết văn, làm báo.

Sau khi Việt Minh lên nắm chính quyền, ông và một số đồng chí trong nhóm VNQDD phải chạy qua Hồng Kông ẩn trốn trên núi Happy Valley.

Vào khoảng 1952, ông lại về Hà Nội. Nhưng ông cũng chỉ ở đây được một thời gian ngắn. Năm 1953 ông cùng các thành viên trong VNQDD được lệnh đem gia đình di chuyển vào Nam để bảo toàn an ninh.

Cuộc hôn nhân thứ nhất của ông với nhà văn Nguyễn Thị Vinh sinh được người con gái duy nhất là Trương Kim Anh.

Cuộc hôn nhân thứ hai của ông với bà Nguyễn Nữ Nghi, không có con. Hiện cả hai ông bà cùng sống trong Viện Lão Học ở Montréal, Canada.

Viết văn, ông chuyên dịch truyện ngoại quốc nhiều hơn là sáng tác. Về văn hóa và cách mạng, có thể tóm tắt những hoạt động của ông như sau:

VĂN HÓA:

- Năm 1946, Biên tập viên nhật báo Việt Nam, Chính Nghĩa tại Hà Nội.

- Năm 1957, Hội viên hội Văn Bút (P.E.N quốc tế). Cộng tác với Nhất Linh Nguyễn Tường Tam thành lập những nhà xuất bản Phương Giang, Đồi Nây, Quốc Bảo, xuất bản giai phẩm Văn Hóa Ngày Nay.

- Năm 1959, Chủ nhiệm giai phẩm Tân Phong.

- Năm 1965, Giám đốc chính trị tạp chí Đông Phương. Soạn giả sách giáo khoa Anh ngữ và dịch giả nhiều sách và truyện hay thế giới.

- Năm 1988, ông cùng Nguyễn Khắc Ngải và Đỗ Quý Toàn sáng lập hội Văn Bút Việt Nam Hải Ngoại, trung tâm Quebec Canada.

- Ông viết cho các tạp chí Văn Nghệ Tiền Phong (Hoa Kỳ), Lửa Việt, Vượt Biển, Năng Mới (Canada), Độc Lập (Đức) và các đặc san tại Montréal, Trung Tâm Người Việt Cao Niên, Rừng Vàng, S.A.I.M.

- Ông thường xuyên hoạt động trong hội Văn Bút, Cộng đồng người Việt Tự Do, Trung tâm giúp người vượt biển, Trung tâm dịch vụ xã hội giúp người cao niên tại Montréal và hướng dẫn tập Tài Chi cho các bạn cao niên người Việt và Gia Nã Đại.

CÁCH MẠNG:

- Từ năm 1940 đã từng gia nhập Việt Nam Quốc Dân Đảng để chống thực dân Pháp.

- Từ năm 1945 đến 1946 ông cùng các đồng chí thành lập Đệ Tam chiến khu Việt Quốc chống Cộng và giữ chức vụ bí thư của chiến khu này.

- Năm 1946, trưởng phái đoàn Việt Quốc hòa giải với Việt Minh tại Vĩnh Yên sau khi chính phủ liên hiệp Quốc Cộng được thành lập.

- Từ cuối năm 1946 đến năm 1952 ông lưu vong ra hải ngoại (Trung Hoa rồi Hồng Kông) tham gia mặt trận Quốc Gia Thống Nhất của Nguyễn Hải Thần, Nguyễn Bảo Toàn, Nguyễn Tường Tam tại Thượng Hải.

- Năm 1960 ông cùng với Nguyễn Tường Tam tổ chức Mặt Trận Quốc Gia Đoàn Kết. Tham gia ngày 11-11-1960, bị bắt tù 3 năm và bị Tòa án quân sự kết án 5 năm lưu đày ra Côn Đảo năm 1963. Được tự do sau vụ đảo chánh 1-11-63.

- Năm 1964 ông đứng ra thành lập và làm tổng thư ký Quốc Dân Đảng biệt bộ Nguyễn Tường Tam, làm tổng thư ký hội Bảo Vệ Nhân Quyền và Dân Quyền Việt Nam, tổ chức phong trào chống Hiến chương Vũng Tàu và độc tài quân phiệt...

- Năm 1978 ông vượt biển tới Pulau Bidong (Mã Lai) và định cư tại Gia Nã Đại từ 1979.

DỊCH PHẨM:

1. *Tình Nghĩa Vợ Chồng* (Dịch “Le Bonheur Conjugal” (1859) của Leon Tolstoi.)

2. *Con Nai Tơ* (Dịch “The Yearling” của M. K. Rawlings.)

3. *Một Bản Đàn*. (Dịch “The Kreutzer Sonata” (1889) của Leon Tolstoi.)

4. *Gió Đông, Gió Tây* (Dịch “East Wind, West Wind” (1930) của Pearl S. Buck.)

5. *Ngư Ông Và Biển Cả* (Dịch “The Old Man and The Sea” của E. Hemingway.)

6. *Đỉnh Gió Hú* (Dịch “Wuthering Heights” của Emily Bronte. Dịch tiếp di cao của Nhất Linh - 1971)

7. *Chiếc Lá Cuối Cùng* (Dịch “The Last Leaf” của tác giả O' Henry. Tuyển tập nhiều truyện ngắn quốc tế. Cùng dịch với Võ Hà Lang và Cam Vĩnh.)

8. *Viên Ngọc Trai* (Dịch “The Pearl” của John Steinbeck.)

9. *Trà Đạo*. (Dịch “The Book of Tea” của Okakura Kakuzo.)

10. *Cuộc Đời Bác Sĩ Arrowsmith* (Dịch “Arrowsmith” của Harry Sinclair Lewis.)

11. *Mặc Cho Gió Dập Tuyệt Vùi* (Dịch “Let The Hurricane Roar” của Rose Wilder Lane. Cùng dịch với Cam Vĩnh.)

12. *Ngược Dòng Thời Gian* (Dịch tuyển tập truyện ngắn quốc tế.)

13. *Phố Chính* (Dịch “Main Street” (1920) của Sinclair Lewis.)

14. *Những lỗi thông thường về Anh Văn.*

*

Nhân sinh nhật thứ 95 của phụ thân, ái nữ Trương Kim Anh từ Na Uy đã qua Canada tổ chức Lễ Sinh Nhật và Thượng Thọ nói trên và gom góp tất cả văn thơ cùng lời chúc mừng của thân nhân và thân hữu gửi tới thành một tuyển tập lấy tên là “VƯỜN HOA MUÔN SẮC”.

Trong tuyển tập này người con rể là nhà thơ DUƠNG KIẾN, gốc luật sư, có văn thơ từ Na Uy gửi tới kính tặng nhạc phụ :

NÚI

*Núi bạc đầu chưa? Núi vẫn cao,
Trái tim vẫn nóng chí anh hào,
Ngày nao cờ dựng khơi hồn nước,
Giờ vẫn lòng chung nổi khát khao.
Núi lộng trời cao, non nước vẫn,
Nước về biển rộng, nước non trào,
Không tung vó ngựa sa trường nữa,
Vẫn đẹp uy nghi nếp chiến bào.*

Nhóm Tam Cá Nguyệt San Văn Học CỎ THƠM ở Virginia Hoa Kỳ góp mặt gửi lời chúc mừng nhân dịp này thầy có: Nguyễn Ngọc Bích, Trương Anh Thụy, Nguyễn Thị Ngọc Dung và Tâm Minh Ngô Tằng Giao.

Giáo Sư NGUYỄN NGỌC BÍCH:

“Kính mừng anh Trương Bảo Sơn nhân ngày Lễ Thượng-Thọ 95! Chúc Anh còn khoẻ mạnh và sáng suốt trong nhiều

năm tới... Cám ơn Anh đã nêu gương đẹp cho thế-hệ đàn em trong suốt cuộc đời đấu tranh cho quê hương chúng ta!”

Nhà văn, nhà thơ TRƯƠNG ANH THỤY có văn thơ mừng ông anh họ Trương Bảo Sơn:

CHÍN LĂM

*Ba chục năm trời tưởng giấc mơ
Niềm vui tao ngộ chữa phai mờ!
Chú* về đất Phật miền Tây Trúc,
Cháu nán dương gian nơi “quán chờ”
Chính trị buông xuôi đành vận bĩ
Văn chương áp ủ níu duyên hò!
Chín lăm năm trước vèo qua cửa!
Thì sống đầy trăm ngắm cuộc cờ!*

(* Chú: Cụ Tá Chi Trương Cam Khải quy tiên năm 1997.)

Chủ nhiệm CỎ THƠM, nhà văn nhà thơ NGUYỄN THỊ NGỌC DUNG có bài thơ chúc thọ :

TRỖI TIẾNG TƠ

*Tuổi hạc chín lăm thoáng cuộc cờ
Rung đùi vui miệng mấy vần thơ
Đời đem tâm huyết dâng sông núi
Nghiep lấy tài năng hiến cõi bờ
Thế sự xoay vần trang sử mộng
Tang điền biến đổi mảnh trời mơ
Đất người mong đợi tin tri kỷ
Thi hữu vẫn đàn trỗi tiếng tơ.*

TÂM MINH NGÔ TĂNG GIAO gửi đôi văn thơ để chúc mừng, đồng thời để nhớ lại kỷ niệm thuở xa xưa trong những ngày được hân hạnh gặp gỡ và mạn đàm cùng Cụ Trương Bảo Sơn tại thành phố sương mù Đà Lạt mấy chục năm về trước:

TUỔI HẠC

*Ghé tạm rong chơi chốn bụi trần
Chín lăm mùa đẹp dạo vườn Xuân
Luận bàn báo chí truyền tư tưởng*

*Dịch thuật văn chương giúp thế nhân
Thành bại coi như cơn ảo mộng
Lợi danh xem tựa áng phù vân
Lộc trời tuổi hạc ung dung hưởng
Mặc lá thu vàng rụng cuối sân!*

TÌNH THƠ

*Trần gian quán trọ đẹp vô bờ
Dừng bước tao nhân dệt mộng mơ
Phượng múa dòng văn luôn khởi sắc
Rồng bay nét bút mãi vương tơ
Ý tình thuở trước thường lai láng
Thi tứ giờ sao lại hững hờ
Mái tóc tuy màu sương trắng điểm
Lông son ấp ủ mãi Nàng Thơ!*

Ngắm nhìn bức hình chụp Cụ Trương Bảo Sơn nhân ngày 27-2-2007 là ngày Cụ làm lễ quy y Tam Bảo tại Chùa Huyền Không (Montréal, Canada) vào lúc 93 tuổi, với pháp danh Nguyên Hiên, Tâm Minh Ngô Tằng Giao ghi chú thêm **CẢM ỨNG:**

*Đẹp thay tuổi hạc chín ba
Cửa Thiên tìm bóng Phật Đà nương thân
Mai này giữ sạch bụi trần
Thênh thang Cõi Tịnh đón chân
người về!*

Một cộng tác viên của “CỎ THƠM” là **UYÊN PHƯƠNG MINH NGUYỆT** cũng gửi thơ chúc mừng:

*Cả đời mài miệt với văn thơ
Nét bút trào tuôn ngập bến bờ
Vun xới cùng xây Văn Bút hội
Chủ trương giai phẩm thỏa nguồn mơ*

*Dịch thuật đã từng nhiều sách hay
Văn chương lưu mãi đến đời này
Cuộc đời dâu bể cây thay lá*

Yêu mãi thơ văn bút mộng say

*Bạn tác hương cùng giờ đã qua
Than chi cũng chỉ cõi ta bà
Nhất Linh mô đã rêu in dấu
Đất khách niềm tây hồn vọng xa*

*Bên song lã chã tuyết buồn rơi
Thơ nghen ngào tuôn dạ rối bời
Xếp bút đã lâu sâu tuổi hạc
Chín lăm mà mộng vẫn chơi voi.*

*Sinh nhật năm nay nhận bốn bề
Thơ vượn cánh mộng rục bay về
Bao lời chúc tụng trăm năm thọ
Của khách làng thơ thắm thiết đề.*

*

Mở cuốn “VƯỜN HOA MUÔN SẮC” trong những văn, thơ cùng lời chúc mừng gửi đến từ khắp muôn phương người ta thấy có một số khuôn mặt văn học nghệ thuật thân quen như: **HÀ THƯỢNG NHÂN, VÕ PHIÊN, NGUYỄN XUÂN HOÀNG, NHẬT TIÊN, PHẠM PHÚ MINH, LINH BẢO (DIỆU VIÊN), NGUYỄN THỦY NAM, MIỄN DU DALAT, ÁI CƠ HOÀNG THỊNH, HOÀNG DUNG HƯƠNG KIỆU LOAN, TIÊU ĐAO BẢO CỰ** và **BẠCH YẾN** v.v...

Trong ngày lễ ngoài một số thân nhân trong gia đình, còn có sự tham dự của nhiều người thuộc các thành phần khác nhau tại địa phương như: Hội Cao Niên S.A.I.M, Văn Lâm Xã, Cộng Đồng Người Việt, nhóm Tài Chi, Viện Dưỡng Lão.

Đặc biệt có **HỘI VĂN BÚT** do nhà thơ **LUÂN HOÁN** đại diện. Ngoài ra còn có nhà văn **SONG THAO (TẠ TRUNG SƠN)**, nhà văn **VÕ KỶ ĐIỀN**, nhà thơ **LƯU NGUYỄN**,

nhà văn THÁI VIỆT (NGUYỄN VIỆT ANH), DƯƠNG TỬ (DƯƠNG KHẮC ĐỆ) và Luật sư TRẦN THANH HIỆP (France).

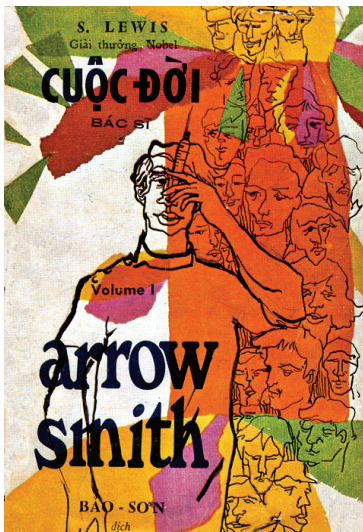
Xin ghi lại đây một bài thơ của chí sĩ TRƯỜNG BẢO SƠN:

XUÂN

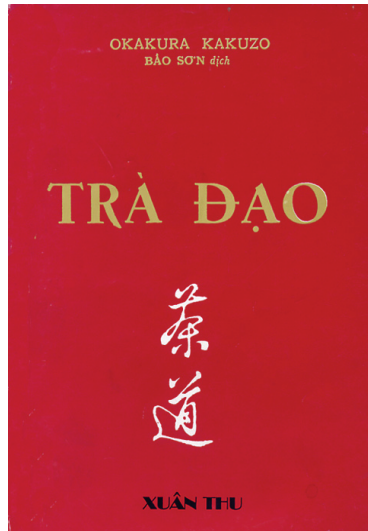
*Ngoài sân tuyết vẫn rơi
Trong nhà hoa chưa nở
Năm mới có gì mới
Thế nước vận còn sôi*

*Lòng người ngày một đổi
Xuân xanh lũ cò môi
Chúng đâu thương gì nước
Lợi danh đó mà thôi*

*Tuổi đã quá cao rồi
Vẫn không yên đứng ngồi
Vẫn có mươi năm chót
Thực hiện mộng hằng nuôi:
Tuyệt diệt lũ độc tài!*

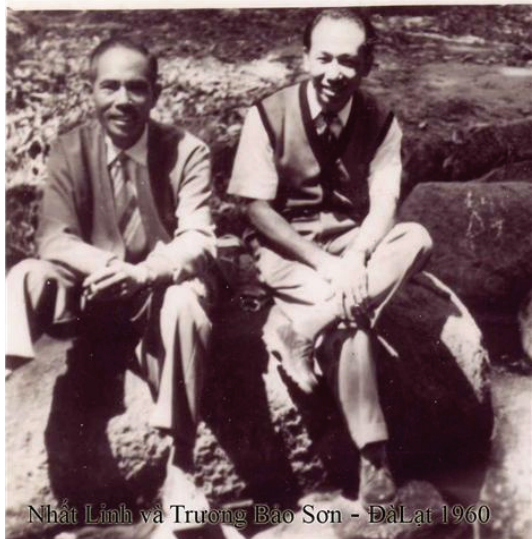


Ngày kỷ niệm Sinh Nhật tuổi 95 và ngày Lễ Thượng Thọ của chí sĩ TRƯỜNG BẢO SƠN đã diễn tiến thật tốt đẹp và đầy tình văn nghệ.



Tâm Minh
NGÔ
TÀNG
GIAO

(Virginia,
USA,
tháng 8
năm 2009)



Nhật Linh và Trường Bảo Sơn - Đà Lạt 1960



Sài Gòn 1960, trong buổi họp Văn Hóa.

Hàng ngồi, từ trái qua phải: Linh Bảo - Quỳnh Hương - Nguyễn Thị Vinh.
 Hàng đứng, từ trái qua phải: Bình Nguyễn Lộc - Duy Lam - Đỗ Đức Thu
 - Nhật Linh - Tường Hùng - Nguyễn Thành Vinh - Trương Bảo Sơn.
 Đến năm 2009, hơn nửa số nhà vẫn hiện diện trong hình đã quý tiên.

Bác Sĩ NGUYỄN THỊ KIM DUNG

Board-Certified Internal Medicine



- Nguyên Bác sĩ nội trú Trung Tâm Bệnh Nhiệt Đới
(Bệnh Viện Chợ Quán cũ)
- Tốt nghiệp hậu đại học Nội Khoa tại New York
- Bác sĩ điều trị tại bệnh viện Alexandria, Virginia

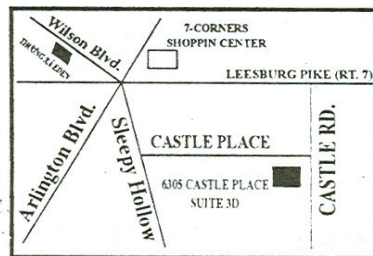


CHUYÊN KHOA NỘI THƯỜNG VÀ Y KHOA TỔNG QUÁT

6305 Castle Place, suite 3D, Falls Church, VA 22044
 Tel. (703) 538-2200 -- Fax: (703) 538-2201

GIỜ LÀM VIỆC

Thứ Hai - Thứ Sáu:
 9:00 AM - 6:00 PM
 Thứ Bảy: 10:00 AM - 2:00 PM
 Chủ Nhật: Theo hẹn
 Nhận Medicaid, Medicare,
 và các loại bảo hiểm.



THƠ CHỮ HÁN CỦA NGUYỄN DU

TỪ CHÂU ĐẠ

Hành lộ tị can qua
Nghiêm đông dạ độ hà
Nguyệt lai Nam Quốc đại
Sơn nhập Bắc Từ đa
Thànhngoại liệt binh giáp
Thành trung văn huyền ca
Khô dương tam bách thụ
Thụ thụ hữu đề nha

Nguyễn Du

ĐÊM TỪ CHÂU

Đi vòng tránh loạn lạc
Đêm lạnh vượt sông xa
Trăng mọc Nước Nam lớn
Núi nhiều Từ Bắc ra
Ngoài thành trung gươm giáo
Trong thành nghe đàn ca
Ba trăm cây liễu héo
Quạ kêu từng cây qua.

Thảo Nguyên

Bình Chú:

Từ Châu: Vùng đất phía bắc tỉnh Giang Tô.

Nguyễn Du đã từng trải qua bao nhiêu năm tháng loạn lạc điêu đứng, cái nhìn thương xót của thi nhân đối với một thành trì trong con binh lửa thật là thâm thúy:

*Ngoài thành trung gươm giáo
Trong thành nghe đàn ca.*

Không cần tả cảnh chiến tranh máu lửa gì cả, chỉ với một hàng liễu héo và mùi từ ngấn ngủi trong hai câu thơ cuối, thi hào chỉ cho ta thấy cả một thế giới thê lương tới rợn người:

*Ba trăm cây liễu héo
Quạ kêu từng cây qua.*

Sứ đoàn Việt Nam đi dưới hàng dương liễu khô héo không người coi sóc. Từng cây, từng cây.. đây quạ đói đậu

trên cành đợi xác người, kêu gào náo loạn. Từng cây, từng cây..

Bài thơ có một giá trị phản chiến cao độ, khiến ta phải tự hỏi :

Nhà cửa, dân chúng đâu hết rồi?

Cuộc đời có còn không?

Tại sao loài người đã gây ra thảm cảnh này?

(Trích trong “Độc và dịch thơ chữ Hán của Nguyễn Du”, 2007)



**THẢO
NGUYỄN**
(New York)

BÊN ẤY BÊN NÀY

Bên ấy Đông sang có lạnh không
Sương rơi có đọng những cành thông
Hoàng hôn có vội tìm nơi ẩn
Người có còn đây những đợi mong.

Bên này gió thổi những hơi buồn
Nghiệt ngã cuộc đời tóc điểm sương
Một khối u hoài đầu vương lấy
Mảnh trăng tròn mỗi mái sầu vương

Bên ấy tuyết còn ngập lối về
Người còn chân bước chốn sơn khê

Hồn còn phiêu lãng trên đầu ngàn
Non núi trở ngăn có tử tề

Bên này mây thả những tơ sầu
Sưởi hết tuôn vai bởi bể dâu
Hoa lá rũ tàn thôi trở nhánh
Nhện kia thôi dệt bởi vì đâu

Bên ấy bên này xa quá xa
Mà sao lạnh vẫn thấm chiều tà
Ngân hà sầu tủi đưa nhau tới
Mộng vỡ còn đâu khúc ái ca.



Uyên
Phương
Minh
Nguyệt
(Texas)



Cỏ Thơm trong buổi giới thiệu
Tác Phẩm Đẹp Của Bạn của Hồ Trường An 01/30/2001 tại Virginia.

THU QUA LẠNG LẼ NỖI BUỒN

* Nhạc và Lời thơ: VŨ THÁI HÒA

The musical score is written in 3/4 time with a key signature of one flat (B-flat). It features a piano introduction with triplets, followed by three vocal lines. The lyrics are in Vietnamese and include three alternative versions for the first line. The score concludes with a 'FINE' marking and a final line of lyrics.

Introduction

1. Thu đến nơi này, anh có
2. Sơn phần bây giờ, quên mất
3. Phố vắng anh rồi, mưa vẫn

hay ? - Ngoài kia lá đỏ, trời heo may
mỗi - vàng phai cơn mộng, tình ngàn đời
rời - Đường quen hieu quanh, buồn xa xôi

- Sương mù cuối nẻo, chân trời tím - Em ở nơi
- Phố buồn, gác lạnh - em một bóng - Ôm mãi ân
- Đâu rồi tháng ngày thơ mộng ấy! - Lá khóc xa

1. này nghe đắng cay ! FINE
tình trên mắt... môi. - Thu nhớ thương
cảnh, mây biếng... trôi ./ (HẾT)

ai ? - sao lá rơi ! - khung trời ngày đó, lệ đêm dài

- Gối chán hôn dỗi, trắng non dợi - Hỏi người hôm nào ai chờ

ai ? - Hỏi người hôm nào ai dợi ai ?

MỘT THIẾU NỮ VIỆT NAM LÀM BÍ THƯ RIÊNG CHO PHÓ CHỦ TỊCH LIÊN HIỆP CHÂU ÂU



- Hình chụp Ông Jacques Barrot – Phó Chủ Tịch Liên Hiệp Châu Âu (ngồi giữa các cộng sự viên của Ông) - (Cô Laurence Vu mặc áo sọc ngang)



Cô : Laurence Vu, Bí thư riêng của Ông Jacques Barrot (Phó Chủ Tịch Liên Hiệp Châu Âu)

Người Việt định cư ở Hải Ngoại ngày càng có được những địa vị cao quý và quan trọng tại nước định cư của mình - Đây là thành quả lớn của từng cá nhân và là một Vinh Dự cho người Việt Nam.

Trên trang web của Phó Chủ Tịch Liên Hiệp Châu Âu (Mr. Jacques Barrot) có giới thiệu một thiếu nữ Việt Nam làm việc cho Cơ Quan này, Đó là cô Laurence Vu,

- Website : Vice-Président de la Commission Européenne

http://ec.europa.eu/commission_barroso/barrot/myteam/default_fr.htm

- Cô Laurence Vu là một người Pháp gốc Việt, là Bí thư riêng của Ông Jacques Barrot - Hiện là Phó Chủ Tịch Liên Hiệp Châu Âu (Vice-Président de la Commission Européenne),
- Laurence Vu, sinh năm 1977 tại Sài Gòn (Nam Việt Nam), cùng gia đình đến Pháp định cư năm 1984, Cô tốt nghiệp Cử Nhân Hành Chánh tại Pháp và Cao Học tại Hoa Kỳ, - Được nhận vào làm việc tại Commission Européenne từ năm 2002 ,
- Cô Laurence Vu là Ái nữ đầu lòng của Ông Vũ Thái Hòa một Hòa Nhạc sĩ nổi tiếng tại Pháp cũng như VN (Hiện cư ngụ tại Pháp), Ông có tranh lưu giữ trong Viện Bảo Tàng Pháp và tranh của Ông được Cơ Quan Văn Hóa Quốc Tế UNESCO trao tặng Huy Chương Hội Hòa Picasso-Miró (UNESCO) – Ông còn là tác giả nhiều bài Tình Ca, Thánh Ca./.

SOVEREIGN REALTY, INC.

3907 Annandale Road, Annandale, Virginia 22003

- Member of Million dollar President's Club
- NVAR Multi-Million Dollar Sales Club
- NVAR, Top Producer
- Chuyên viên địa ốc nhiều kinh nghiệm



Xin gọi
DIANA DUYÊN NGUYỄN
Office: (703) 941-3650
Fax: (703) 941-4692
Cell: (703) 598-6374



DIANA DUYÊN NGUYỄN

BẢO ĐẢM UY TÍN, KÍN ĐÁO, CHUYÊN NGHIỆP

VŨ HỐI: 50 NĂM VĂN HỌC & NGHỆ THUẬT

Ngày 2 Tháng Tám, 2009, Harvest Moon, Falls Church, VA

Hải Bằng.HDB

Vũ Hối là một nhà thơ và cũng là một nhà thư họa (viết chữ đẹp bằng kỹ thuật họa) nổi tiếng khắp thế giới và đã mang về vang lại cho nòi giống Việt.

Ngày 2 tháng 8, 2009 là ngày Kỷ Niệm 50 Văn Học & Nghệ Thuật của Nhà Thư Họa Vũ Hối và được tổ chức tại Nhà Hàng Harvest Moon, 1260 Arlington Blvd., Falls Church, VA 22042, lúc 12 giờ trưa.

Thanh phần ban tổ chức gồm:

Lê Tổng Mộng Hoa, Dương Nguyệt Ánh, Phan Anh Dũng & Tâm Hào, Kiều Thu, Đào Hiếu Thảo & Thuận, Đỗ Hồng Anh, Lê Trọng Lộc, Đoàn Hữu Định, Lý Hiền Tài, Hồng Thủy, Đỗ Trang Mỹ Hạnh Bằng, Phan Khâm, Đặng Nguyên, Minh Phước, Christine Nguyễn, Phong Thu, và Tín Lưu.

Nghệ sĩ góp mặt: **Mỹ Lan – Anh Chí (Cali), Đặng Thế Luân (Maryland), Thúy Vân (Dallas), Thái Hà (Canada), Hoàng Tường (Houston), Thanh Vũ (Cali), Vũ Phong (Louisiana), Tâm Hào**



& Anh Dũng (Virginia), Vũ Á Mỹ (Maryland).

Âm nhạc: *Đàn tranh: Giáo Sư Kim Oanh; Sáo: Thanh Hà, Đào Công Minh; Ban Nhạc: Trần Thạch, Minh Tiến, Dương Hiến; Âm Thanh: Tiến Kèn.*

Sau đây là bài tóm trình về thân thế, sự nghiệp, và khuynh hướng văn học & nghệ

thuật của Vũ Hối do nhà thơ & nhà văn Hải Bằng Hoàng D. Bình biên soạn.

*Dòng đời định mệnh một nhân duyên
Thư họa rồng bay khắp mọi miền
“Không sắc, sắc không” hồn bút mực
Danh tài Vũ Hối Nhất Nam Thiên
Phạm Tấn Trung Chí*

I. Thân Thế

Vũ Hối sinh năm Nhâm Thân, 1932 tại Tam Kỳ, Quảng Nam. Xuất thân là giáo sư Hội Họa (Trường Thủ Đô, Hậu Giang). Một nhà thơ biệt hiệu là Hồng Khôi, hội viên Hội Văn Bút VN và Hội Nhà Văn VN.

Một họa sĩ kiêm nhiếp ảnh gia và là nhà thư họa nổi tiếng thế giới.

Nếu tin vào tướng số thì số của con người nghệ sĩ tài hoa Vũ Hối có ba điểm son: (1) Sinh vào tuổi **Nhâm Thân** (nam

Nhâm, nữ Quý); (2) Lớn lên ở miền đất Quảng Nam mệnh danh là “**địa linh, nhân kiệt**”; và (3) **Có hoa tay trên 10 ngón tay** mà nhà biên khảo Bác Sĩ Lê Văn Lân, Houston, TX, đã nhận ra trên mười ngón tay của anh.

Tuy nhiên, sau năm 1975, Vũ Hối bị Cộng Sản Hà Nội bắt giam tại nhà tù Phan Đăng Lưu và nhà tù Chí Hòa cùng với thi sĩ Vũ Hoàng Chương, tác giả hai câu thơ đối tài tình:

Nam Kỳ khởi nghĩa tiêu Công Lý
Đông Khởi vùng lên mất Tự Do

Vũ Hối bị tra tấn đến hư một con mắt và bị liệt một chân khi được thả bởi vì anh đã không chịu nhận tội gì cả.

Năm 1989, nhờ quốc tế can thiệp, Vũ Hối ra khỏi tù và được qua Hoa Kỳ năm 1992.

Hiện nay, đại gia đình gồm 16 người cùng sống chung trong một khu nhà tại thành phố Laurel, Maryland.

Quê hương của Vũ Hối là tỉnh Quảng Nam nổi tiếng là vùng “**địa linh, nhân kiệt**” với nhiều phong cảnh kỳ tú, nhiều hang sâu (Thiên Long Cốc), động thẳm (Động Huyền Không), nhiều chùa chiền cổ kính (Chùa Tam Thai), nhiều huyền thoại về những vị thần đã xuất hiện nơi đây, và nhiều vị hiền tài khoa bảng nổi tiếng xuất thân từ miền đất này.

Sơ Lược Lịch Sử Vùng Đất Quảng Nam

Ca dao có câu:

Đất Quảng Nam chưa mưa đã thấm
Rượu Hồng Đào chưa uống đã say
Bạn về đừng ngủ gác tay
Nơi mô nghĩa nặng, ân dày thì theo

Một chút lịch sử: Vùng đất Quảng Nam xưa kia vốn thuộc dân tộc Chăm, một vương quốc lâu đời và tự chủ từ năm 859 trong khi nước ta giành lại quyền tự chủ năm 939 với Triều Đại Đinh Tiên Hoàng.

Chăm quốc bao gồm 5 tiểu quốc nằm rải rác các vùng Quảng Trị, Quảng Ngãi, Phú Yên, Phan Rang, và Ninh Thuận ngày nay. Tuy nhiên, Vương quốc Chăm đã bị mất dần đất qua các triều đại vua chúa VN.

Nếu Vua Lê Đại Hành (thế kỷ 10) là vị vua đầu tiên có chinh chiến với Chiêm Thành thì Vua Lý Thánh Tông (thế kỷ 11) phát động khai mở đất nước xuống phương Nam. Còn các vua Triều Nguyễn (thế kỷ 19) thì coi vùng đất Quang Nam là nơi khởi đầu sự nghiệp nên đã xuống chiếu cho xây dựng và tu bổ các chùa chiền, hang động, và các di tích Chăm cổ xưa.

Năm 1307, sau khi Vua Chiêm là **Chế Mân** dâng hai **châu Ô** và **châu Rí** (Lý) làm sính lễ cưới **Công Chúa Huyền Trân**, con của Vua **Trần Nhân Tông**. Châu Ô đổi tên thành **Thuận Châu** (phía bắc đèo Hải Vân); Châu Rí đổi tên thành **Hóa Châu** (phía nam đèo Hải Vân). Nhưng sau đó, con cháu Chế Mân nhiều lần khơi chiến đò lại hai Châu Ô và Rí vì Công Chúa Huyền Trân đã trốn về nước sau khi Vua Chiêm qua đời.

Tới năm 1470, Vua **Lê Thánh Tông** dẹp loạn Chiêm Thành, bắt được Vua Chiêm Trà Toàn, lấy lại Hóa Châu bao gồm cả đất Chiêm Động, Đồ Bàn, Đại Chiêm, Cổ Lúy, và **đổi tên Hóa Châu thành Đạo Quảng Nam**¹. **Từ đó xuất hiện địa danh Quảng Nam trong lịch sử VN.**

¹ Đơn vị hành chính của nước ta từ Nhà Đinh có những tên là Đạo (Thập Đạo Tướng Quân Lê Đại Hành); Châu (Trần Anh Tông: Thuận và Hóa Châu), Phủ và Huyện (Chúa Nguyễn Hoàng:

Năm 1831, Vua **Minh Mạng** đổi địa danh “Trần” và “Doanh” thành “Tĩnh”. Tên “**Tĩnh Quảng Nam**” bắt đầu từ đó.

Ngũ Hành Sơn: Xứ Quảng Nam nổi tiếng với phong cảnh kỳ tú của 5 hòn núi gọi là **Ngũ Hành Sơn** – Kim, Mộc, Thủy, Hỏa, Thổ - quần tụ từ bờ biển Mỹ Khê đến bán đảo Tiên Sa, vùng Hòa Quế, Điện Bàn, QN, cách Đà Nẵng 7 km.

Vua Minh Mạng đích thân đặt tên **Ngũ Hành Sơn** cho 5 hòn núi đó mà từ xa xưa, dân địa phương đã từng gọi là **Núi Non Nước**, rồi **Ngũ Uẩn Sơn**, **Ngũ Chi Sơn**, **Núi Cẩm Thạch**, **Núi Tam Thai**. **Công Chúa Ngọc Lan, con của Vua Gia Long**, đã xuất gia vào ẩn tu ở hang động “**Phổ Đà Sơn**”, **Ngũ Hành Sơn**.

Phong cảnh **Ngũ Hành Sơn** thật là lôi cuốn. Danh Nho **Nguyễn Thượng Hiền** làm bài thơ ca ngợi và **Huỳnh Thúc Kháng** dịch Nôm như sau:

Hai mươi năm lẻ xuống trần gian
Ngoảnh lại bồng lai gắm dở dang
Kia động Tàng Chân nay được đến
Dâng hoa, quét lá, lễ tiên ban

Linh Ứng đền xây giữa núi sâu
Tàng Chân động cổ đá thừa rêu
Gió thu tựa cửa từng quang ngắm
Hạc biển bay mà chẳng thấy đâu

Non cao mấy chén rượu từng say
Xa tục tiên ông ở chốn này
Tung tích người xưa ôi chớ hỏi
Chòm mây muôn dặm tự do bay

Phủ Diên Khánh, ...); Doanh hay Dinh (Nguyễn Phúc Khoát: Chính Dinh tức Thừa Thiên, Long Hồ Dinh, ...); Doanh và Trần (Đời Gia Long có 27 Trấn: Quảng Ngãi Trấn, Trực Lệ Doanh tức Thừa Thiên, Quảng Nam Doanh...); Tĩnh (Minh Mạng: Tĩnh Quảng Nam).

Quảng Nam: Địa Linh Nhân Kiệt

Ngày nay, Quảng Nam đặc biệt chiếm vị trí trung tâm của đất nước ta, nằm cách Hà Nội 860 km và cách Saigon 865 km, bao gồm Thành Phố Đà Nẵng, hai thị xã Tam Kỳ và Hội An, 6 huyện đồng bằng và 6 huyện sơn cước; và chỉ còn lại một số người Chăm, vài di tích văn hóa Chăm khá thu hút, đặc biệt là **Tháp Chăm** và **Thánh Địa Mỹ Sơn** mà cơ quan UNESCO, Liên Hiệp Quốc, đã công nhận là di sản văn hóa thế giới vào ngày 4 tháng 2, 1994.

Câu nói của người xưa: “Địa linh, nhân kiệt” ứng vào đất **Quảng Nam** cũng có cơ sở.

Tục ngữ có câu “**Có thờ có thiêng; có kiềng có lành**”: ở đâu có thờ phương, ở đó có linh ứng. Đất Quảng Nam quả có rất nhiều chùa chiền, miếu mạo cổ xưa thờ phượng rất nhiều vị Thần, Phật nên vùng đất đó trở nên linh thiêng và đã sản sinh ra nhiều nhân vật khoa bảng nổi tiếng.

Năm 1898, Khoa Thi Mậu Tuất, toàn quốc có **18 vị Tân Khoa**, thì Quảng Nam chiếm 5 vị: 3 Tiến Sĩ và 2 Phó Bảng. Đây là một vinh hạnh hi hữu vì nước ta chưa từng có nơi nào, trong cùng một Khoa Thi, 5 người đồng hương cùng có tên trên Bảng Vàng. Vì thế, Vua **Thành Thái** đã ban tặng 4 chữ: “**Ngũ Phụng Tề Phi**”. Năm vị đó là các ông **Phan Liệu, Phan Quang, Phạm Tuấn, Ngô Lý, và Dương Hển Tiên**.

Năm 1901, Khoa Tân Sửu có 4 vị nữa đậu đồng khoa Phó Bảng được mệnh danh là **Tứ Kiệt**. Đó là các ông: **Nguyễn Đình Hiến, Nguyễn Mậu Hoán, Vũ Sỹ, và Phan Chu Trinh**.

Điểm son nữa là đa số những danh sĩ Quảng Nam là những nhân vật nổi tiếng yêu nước, thương nòi. Điển hình là các nhân vật nổi tiếng sau đây:

- Phạm Phú Thứ (Đông Bàn, Điện Bàn)
- Hoàng Diệu (Xuân Đài, Điện Bàn)
- Phan Chu Trinh (Tây Lộc, Tiên Phước)
- Trần Quý Cáp (Bát Nại, Điện Bàn)
- Huỳnh Thúc Kháng (Thanh Bình, Tiên Phước)
- Thái Phiên (Hòa Phát, Hòa Vang)
- Trần Cao Vân (Tur Phú Điện Bàn)

Quang cảnh những ngày đất thần kinh Huế mở khoa thi là những ngày tung bừng đặc biệt đối với các thiếu nữ đang tuổi kén chồng thi nhau điểm trang cho giấc mơ “Ngựa anh đi trước, võng nàng theo sau”. Các chàng và các nàng là những nhân vật hạnh phúc nhất trong những biến cố trọng đại đó. Ca dao có hai câu truyền miệng, không biết câu nào có lý hơn:

Học trò trong Quảng ra thi
Thấy cô gái Huế chân đi không đành
 Và:

Học trò trong Quảng ra thi
Mấy cô gái Huế chân đi không đành

Trong thực tế, Quảng Nam là nơi tiếp cận sớm nhất và nhiều nhất với người ngoại quốc qua hai cảng Đà Nẵng và Hội An. Đó đó, QN có nhiều luồng văn hóa giao lưu: văn hóa Chăm, Ấn Độ, Mã Lai, Trung Hoa, Nhật, Pháp, Hòa Lan, v.v. và có thể nói QN là trung tâm văn học và nghệ thuật thứ hai của đất nước sau cố đô Thăng Long, Hà Nội.

Ngày nay, Quảng Nam lại ghi thêm một nhân vật kiệt kiệt nữa là nhà thơ họa nổi tiếng năm châu: Vũ Hối. Nhưng, Vũ Hối đã đạt những thành tích hiếm có trong địa hạt văn học và nghệ thuật như thế nào?

II. Sự Nghiệp của Vũ Hối

Thành tích: Với tác phẩm mang tên “Mộng Hòa Bình, Vũ Hối đoạt **Giải Khôi**

Nguyên Hội Họa Quốc Tế tổ chức tại Hoa Kỳ năm 1963 với 32 quốc gia tham dự.

Vũ Hối dùng nét vẽ tài hoa họa chân dung Tổng Thống **Kennedy** và Đại Tướng **Creighton W. Abrams**.

Triển lãm tại Hoa Kỳ, Pháp, Ý, Anh, Đại Hàn, Phi, và Đức.

Năm 1963, Trung Tâm Vô Tuyến Truyền Hình Columbia mời Vũ Hối diễn thuyết về Hội Họa và Thi Ca

Tên tuổi ông được nêu trong Văn Học Tự Điển, Việt Nam Cộng Hòa, trong Về Vang Dân Tộc II, trong **Tự Điển Danh Nhân Thế Giới ấn hành tại Anh Quốc năm 1997**, trong cuốn 5000 Personalities of the World của American Biographical Institute 2000, trong tuyển tập L’Art d’Écriture, Paris, 1993, và **Tuyển Tập Thơ Đạo của Nhật Bản, 2006**.

Được vinh danh về “**Tinh Sáng Tạo trong Nghệ Thuật**” tại Atlanta, 5/11/1994.

Được Quốc Hội Hoa Kỳ vinh danh là **Chiến Sĩ Văn Hóa và Chiến Sĩ Nhân Quyền**.

Những tác phẩm đã xuất bản:

Mùa Giao Cảm (Thơ, 1958)

Vân Thơ Màu Trắng (Thơ, 1959)

Những Dấu Chân Đi (Truyện ngắn, 1960 và 1963)

Chiêm Bao Trở Giác (Thơ, 1997)

Nghìn Thương Đất Mẹ (Thơ và Thơ Họa, 1999)

Thơ Nhạc trong Tranh (CD, 2000)

Mây Ngàn (Thơ & Thơ Họa, Norway, 2003)

Nghệ Thuật Thơ Họa (2007)

Sẽ xuất bản:

Tác Phẩm và tác Giả

III. Khuynh Hướng Văn Học và Nghệ Thuật của Vũ Hối

Trong sự nghiệp văn học và nghệ thuật, Vũ Hối đã thực sự **nâng cao tâm hồn** lên bằng cách chọn cho mình một hướng đi dứt khoát: Vũ Hối **dùng ngòi bút để phục vụ cho đại chúng** thay vì tự giam mình trong cái gọi là “**Tháp Ngà**” của **tôi đáng ghét**.

Vũ Hối rất tâm đắc với hai câu: “**Văn dĩ tải Đạo**” và “**Nghệ thuật vị nhân sinh**”. Đây chính là những quan điểm cao quý của những nhà tư tưởng cổ, kim, đông, tây từng đề cập đến.

Chẳng hạn:

Văn hào Leon Nga Tolstoi (1828-1910) viết: “**Nhà văn nghệ không thể làm mỗ chợ, cũng không thể làm đồ đùa cho giai cấp đặc quyền**”.

Gorky (1868-1936) phát biểu: “**Nhà văn nghệ phải làm cho loài người tự hiểu mình, tự tin mình, và càng khát mơ chân lý**”.

George Herbert (1593-1633) khẳng định: “**Văn nghệ là lương tâm của loài người**”.

Và, Thái Dịch Lý Đông A (Nguyễn Hữu Thanh (1929 -), tác giả của *Huyết Hoa* và *Đạo Trường Ngâm*, lên tiếng: “**Nhà văn nghệ phải phát thệ yêu thương bởi yêu thương là huyết tính của loài người. Nhà văn nghệ phải thể hiện được yêu thương trong sinh mệnh của lịch sử hiện tại và tương lai trong loài người, trong sống thật, sống máu, và đấu tranh của loài người. Nhà văn nghệ phải ca ngợi cái đặc thắng của Vô Ngã**”.

Với những ý niệm thăng hoa đó và bằng những nét vẽ không mang tính *quy ước, mô phỏng, hay bắt chước*, mà biểu lộ **đầy tinh thần sáng tạo mang tính đột phá** và **mới lạ**, Vũ Hối hoàn thành bức họa “**Mộng Hòa Bình**” vẽ **ba chim bồ câu trắng** và **một thiếu nữ Việt mặc áo dài trắng**. Bức tranh đó đã giúp Vũ Hối chiếm Giải Khôi Nguyên Hội Họa Quốc Tế, Hoa

Kỳ, 1963 không những vì nét họa tài tình mà đặc biệt còn vì **nội dung bức họa đó đã nói lên ước vọng tha thiết nhất của thời đại - ước vọng của mọi người cho một nền hòa bình chân chính không những tắt tiếng súng mà còn phải chấm dứt cả trả thù, đàn áp, và khủng bố**.

Nhưng, tại sao lại vẽ tới ba con bồ câu mà không phải là một cặp hay chỉ một con? Và cũng không biết con bồ câu hòa bình nào là thiệt, là giả; hay cả ba cùng giả cả? Còn thiếu nữ Việt thì trông đầy vẻ ngây thơ nếu không muốn nói là đại khờ.

Tính sáng tạo: điểm nổi bật nhất trong thư họa của Vũ Hối là anh đã dựa vào những vẻ đẹp của thiên nhiên để chế ra những dạng chữ mệnh danh là **Thủy Tự, Hỏa Tự, Nguyệt Tự, Trúc Tự, Vân Tự, v.v.** để viết những câu thơ liên hệ tới nước, lửa, trăng, mây, ... khiến cho những nét thư họa trở nên linh hoạt khác thường.

Nhà thơ có tâm đạo: ngoài Hội Họa và Thư Họa, Vũ Hối còn là một nhà thơ một nhà thơ yêu nước, thương nòi, và đề cao chữ **Tâm** như anh đã dùng thư pháp viết câu thơ: “**Chữ tâm kia mới bằng ba chữ tài**” (*Kiều, Nguyễn Du*).

Thơ của Vũ Hối dễ đi vào lòng người nhờ sử dụng những từ ngữ dân dị, trong sáng, và **trung thực với cuộc sống thực tế**.

Vũ Hối cống hiến nửa cuộc đời cho gia đình và một nửa cho đại chúng: Vũ Hối hiến một cánh tay cho nghệ thuật hội họa nhưng lại mất đi một con mắt bởi chính sách hận thù trí thức.

Xin hãy nghe Vũ Hối tâm sự qua những câu thơ:

Thuyền ra giữa bến thuyền dừng
Ai đi thương nước, nửa chùng lại thôi?
Trách ai tình nước như voi
Thù nhà, nợ nước, buông trôi giữa dòng

Nửa

Đời ta nửa tỉnh, nửa say
Nửa đen, nửa trắng, nửa ngày, nửa đêm
Nửa vui với nửa ưu phiền
Nửa sông còn cát, nửa triền núi cao
Nửa thương, nửa nhớ nghẹn ngào
Nửa cười tha thiết, nửa ngao ngán tình
Nửa hôn đau kiếp phù sinh
Chênh vênh nửa cuộc hành trình bẽ dẫu
Chập chờn nửa giấc canh thâu
Cười say bên ngọn đèn dầu nửa khuya

Sau đây là phần kết luận về Vũ Hối.

Vũ Hối là một trong những nghệ sĩ tài hoa ít có trong thế kỷ 20.

Với ngòi bút thần về thơ họa, Vũ Hối đã làm rạng danh dân tộc Việt khắp năm châu. *Người ta thích thơ và tranh họa của Vũ Hối vì tác phẩm của anh phản ánh đậm đà những tình tự ngàn năm của giống nòi Việt và mang những màu sắc triết lý sâu xa.*

Vũ Hối đã trở thành con người của quốc tế, nhưng anh cũng là con người của gia đình.

Được biết Vũ Hối có sáu người con và hiện nay tất cả con, cháu, dâu, rể, mười sáu người, vẫn chung sống như một đại gia đình – tam đại đồng đường - dưới sự chăm sóc chu đáo của người bạn đời của anh, vì thế anh đã có thì giờ để sống với tha nhân. Anh cho đó là do phúc đức của ông bà để lại và cần phải bồi đắp thêm, vì người xưa nói rằng: “**Có phúc, có phần**” hay “**Có đức mặc sức mà ăn.**”

Tính tình anh đôn hậu, khiêm tốn, hòa nhã, và chính trực. Kết thân với anh, mọi

người đều cảm thấy thoải mái và **không bao giờ sợ bị phản bội.**

Một điểm cuối cùng tôi muốn nhấn mạnh nói về Vũ Hối là trong suốt cuộc đời làm một nghệ sĩ, **anh đã không bị lạc lõng.** Không lạc lõng ở đây, ý tôi muốn nói rằng **ngòi bút của Vũ Hối đã không bao giờ xa rời cuộc sống thực tế** hằng chất chứa những khát khao chân chính mà những thức giả phải tự nhận lãnh trách nhiệm thực hiện. **Vũ Hối đã sống đúng với tinh thần của một Kĩ Sĩ chân chính**

Tấm lòng đôn hậu: Vũ

Hối là một con người có một tấm lòng đôn hậu chung cho tất cả mọi người nên anh đã không cô đơn. Ở đâu anh cũng được quảng đại quần chúng ngưỡng mộ, tiếp đón nồng hậu và chân tình. Trên cõi đời này, những con người có tấm lòng đôn hậu sẽ không bao giờ bị lạc lõng.

Và, đây là bài thơ thơ tặng Vũ Hối:



THẬP HOA THIÊN BẨM

Hoa tay mười ngón hiện ràng ràng
Vũ Hối, Quảng Nam, đoạt Giải Vàng
Họa động đường tô ngời thủ lãnh
Pháp thư nét vẽ bậc đàn anh
Nhân Quyền Chiến Sĩ giành kỳ vị
Văn Hóa Hiền Tài chiêm mỹ danh
Tự điển tên ghi Thư Đạo Nhật
Khiêm cung, chính trực, lợi không màng

HẢI BĂNG HDB (Arizona)

KHU PHỐ CŨ

Làm duyên treo tấm màn màn
Một cây trứng cá cành xanh là đà.
Nhà tôi đó, số bấy ba
Bấy lăm, bấy mốt đều là cận lân
“Anh em xa, lảng giềng gần.”
“Tắt đèn, tối lửa” khi cần ới nhau.
Sang ngang... chẳng phải bắc cầu!
Bấy hai, bấy bốn thêm lầu, ban-công
Chiều chiều gió mát, ở không
Bà con tiêu khiển, ngồi trông xuống đường
Tôi ôm một xi thân thương
Băng qua góp mặt, khiêm nhường
chung vui.
Đêm về lụi lụi, lụi cui
Phủ chân, lủi thủi, rồi chui vô mùng.

Nguyễn Phú Long

(Còn Vương Tư Lòng)

Virginia

VAN THU ĐỪNG ĐẾN

Nào tôi có gọi Thu đâu!
Mà Thu cứ đến làm tôi thấy buồn.
Giọt thương nặng trĩu nửa hồn!
Nửa kia bão táp sóng cồn nhớ nhung!

Lê Hoàng Long

MỘT THOÁNG MƠ QUA

Gửi Huế đôi lời thơ nhớ mong
Người em ngày cũ có còn không
Con đường nhỏ nhỏ quanh hàng trúc
Dáng dấp ai buồn bên bến sông.

Người đi để lại buồn trong mắt
Tóc xõa bờ vai thấp thoáng trông
Nón lá che nghiêng ai đứng đợi
Bên cầu Gia Hội nước còn trong.

Một thoáng mơ qua, sớm vội tàn
Bởi đời đôi ngã, bước ly tan
Thương hoài mái tóc trắng thề ấy
Bên phố thu xưa nhạt lá vàng.

Bao năm không gặp, dài nhưng nhớ
Chép lại bài thơ quá muộn màng
Sầu cũ chưa phai, sầu mới đến
Chuông chùa Diệu Đế mãi vang vang.

Đặng Nguyên

Maryland Chớm Thu 2009



PHẬT DẠY CHẶN TRÂU

Tâm Minh Ngô Tăng Giao

(chuyển dịch thơ tiếng Việt)

(Đề tài chung của các loại “Tranh Chăn Trâu Thiền Tông” là đường lối tu tập để “điều tâm”, để “luyện tâm”. Tâm ở đây được tượng trưng là con trâu.)

1. The Search for the Bull

In the pasture of this world,
I endlessly push aside the tall grasses
in search of the bull.
Following unnamed rivers, lost upon the
interpenetrating paths of distant mountains,
My strength failing and my vitality exhausted,
I cannot find the bull.
I only hear the locusts chirring
through the forest at night.

1 - TÌM TRÂU

*Trong đồng cỏ cõi nhân gian
Ta liên tục vén cỏ làn qua bên
Quyết tìm trâu, trí vững bền
Ta theo những nhánh sông hiền vô danh
Lạc vào bao nẻo loanh quanh
Lối mòn giăng mắc núi xanh xa vời
Sức suy nhược, thân rã rời
Bóng trâu nào thấy tấm hơi trong vùng
Chỉ nghe vọng giữa mông lung
Ve kêu rả rích khắp rừng đêm nay.*

*

2. Discovering the Footprints

Along the riverbank under the trees,
I discover footprints!
Even under the fragrant grass I see his prints.
Deep in remote mountains they are found.
These traces no more can be hidden
than one's nose, looking heavenward.

2 - THẤY TRÂU

*Dọc bờ sông, dưới tàn cây
Ta nhìn ra dấu chân đầy ở quanh
Và ngay dưới đám cỏ mảnh
Dấu chân cũng hiện rành rành rõ thêm
Thăm sâu rặng núi trong miền
Vết chân trâu cũng thấy liền lộ ra
Khó mà che khuất mắt ta
Như là mũi ngược trời xa ngóng nhìn.*

*



3. Perceiving the Bull

I hear the song of the nightingale.
The sun is warm, the wind is mild,
willows are green along the shore,
Here no bull can hide!
What artist can draw that massive head,
those majestic horns?

3 - THẤY DẤU

*Họa mi vắng tiếng hót lên
Vàng dương ấm áp, gió êm dịu dàng
Liễu xanh bờ suối giăng hàng
Trâu nào có thể ẩn tàng nơi đây!
Nào ai vẽ được khéo tay
Đầu kia to lớn, sừng này oai nghi?*

*

4. Catching the Bull

I seize him with a terrific struggle.
His great will and power are inexhaustible.
He charges to the high plateau
far above the cloud-mists,
Or in an impenetrable ravine he stands.

4 - BẮT ĐƯỢC TRÂU

*Sau hồi chiến đấu gớm ghê
Ta nay tóm bắt trâu kia được rồi
Trâu mang ý chí tuyệt vời
Lại thêm sức lực trâu thời vô song
Leo cao trâu cứ vẫy vùng
Cao nguyên xa khuất mấy tầng mây che
Hay là đứng dưới lòng khe
Lũng sâu thăm thẳm có chi đường vào.*



5. Taming the Bull

The whip and rope are necessary,
Else he might stray off down some dusty road.
Being well trained, he becomes naturally gentle.
Then, unfettered, he obeys his master.

5 - CHẶN TRÂU

*Roi và dây cần thiết sao
Kéo thân trâu lại vẫn lao toi bờ
Xuống nơi bụi bặm mù trời
Lạc đường, lạc nẻo vào nơi nào rồi
Được rèn luyện kỹ bởi người
Tự nhiên trâu sẽ tới thời hiền lương
Rồi khi không bị buộc ràng
Trâu tùng phục chủ dễ dàng êm xuôi.*

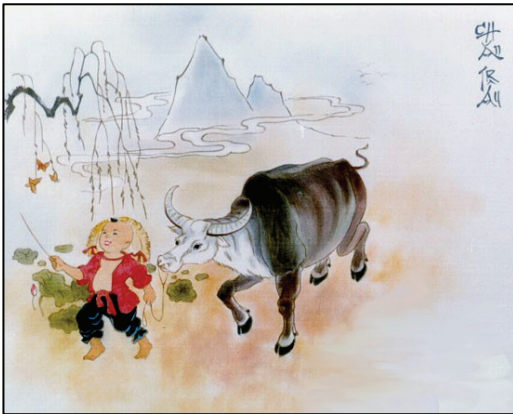
*

6. Riding the Bull Home

Mounting the bull, slowly I return homeward.
The voice of my flute intones through the evening.
Measuring with hand-beats the pulsating
harmony, I direct the endless rhythm.
Whoever hears this melody will join me.

6 - CƯỠI TRÂU VỀ NHÀ

*Leo lên trâu cưỡi thành thơ
Ta quay chậm rãi về nơi hướng nhà
Sáo ta chiều vọng ngân nga
Tay ta gõ nhịp luôn hòa điệu ru
Ai nghe nhạc khúc thiên thu
Xin cùng ta tấu lên cho nhịp nhàng.*



*

7. The Bull Transcended

Astride the bull, I reach home.
I am serene. The bull too can rest.
The dawn has come. In blissful repose,
Within my thatched dwelling I have abandoned
the whip and rope.

7 - QUÊN TRÂU

*Cưỡi trâu thong thả trên đường
Về nhà bình thản chẳng vương bận lòng
Và trâu cũng nghỉ ung dung
Bình minh vừa tới rạng hồng nơi nơi
Trong nhà tranh nghỉ thành thơ
Roi, dây đem cất, ta thời cần đâu.*

*

8. Both Bull and Self Transcended

Whip, rope, person, and bull –
all merge in No-Thing.
This heaven is so vast no message can stain it.
How may a snowflake exist in a raging fire?
Here are the footprints of the patriarchs.

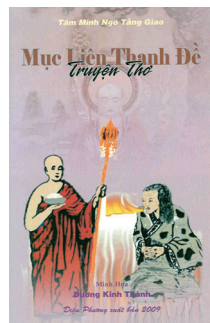
8 - CẢ TRÂU VÀ NGƯỜI ĐỀU QUÊN

*Roi, dây, người với lại trâu
Cùng nhau tất cả tan vào Hư Không
Cõi trời thời quá mênh mộng
Không còn dấu tích lưu trong chốn này
Một bông tuyết mỏng manh thay
Làm sao tồn tại khi bay vật vờ
Gặp lửa hồng toả nhiệt ra
Vết chân chur Tổ chính là đây thôi.*

*

9. Reaching the Source

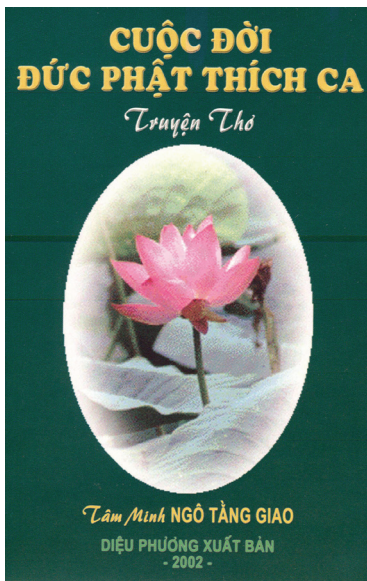
Too many steps have been taken returning to
the root and the source.
Better to have been blind and deaf
from the beginning!
Dwelling in one's true abode,
unconcerned with that without --
The river flows tranquilly on
and the flowers are red.



9 - VỀ NGUỒN

*Phải qua nhiều đoạn đường đời
Mới quay về được tới nơi cội nguồn
Từ đầu mù, điếc đi luôn
Thế mà nghĩ lại thấy còn hay hơn
Và ta trú ngụ trong am
Nhà mình thực sự bình an lâu rồi
Quan tâm chi đến cảnh ngoài
Sông trôi êm lặng, hoa thời đỏ tươi.*

*



10. In the World

Barefooted and naked of breast,
I mingle with the people of the world.
My clothes are ragged and dust-laden,
and I am ever blissful.
I use no magic to extend my life;
Now, before me, the dead trees become alive.

10 - TRONG CỘI NHÂN GIAN

*Ngực trần, chân đất thành thơ
Ta hoà nhập với con người dương gian
Áo quần rách rưới làm than
Nhưng ta hạnh phúc vẹn toàn biết bao
Ta nào cần pháp thuật đâu
Để mong cuộc sống thêm lâu thêm dài
Trước ta hiển lộ ra rồi
Muôn cây khô héo tới thời hồi sinh.*

*

(Trích dẫn "10 bulls by Kakuan" trong cuốn "Zen Flesh, Zen Bones" Thiền cốt, Thiền nhục, Anchor Books, 1989. NYOGEN SENZAKI và PAUL REPS chuyển ngữ tiếng Anh)

TÂM MINH NGÔ TẮNG GIAO

(Virginia)



TÌM MỘT CỠ VỀ

Bài nói chuyện của

NGUYỄN LÂN

(Tại Hội Trường James Lee Virginia ngày 30 tháng 5 năm 2009)

Chúng ta đang sống, đang thụ hưởng những gì ta có thể làm được trên thế gian này. Mỗi ngày qua đi, chúng ta càng bước tới gần nắm mồ của mình. Nói thế, nghe rợn người và đáng sợ. Sao ta không nghĩ, mỗi ngày qua đi, ta càng tới gần chân lý, càng gần một nơi vĩnh cửu đẹp và thơ mộng như ta hằng mơ ước?

Nhưng ta chưa sửa soạn cho NGÀY VỀ đó vì ta còn nhiều việc phải làm, nhiều chương trình chưa hoàn tất, nhiều ước muốn chưa thực hiện, và ngay cả tình yêu nhiều khi chưa trọn vẹn. Vì thế trước lần về cuối cùng, chúng ta vẫn phải có một chỗ về tạm bợ nhưng dễ chịu, thoải mái nơi trên trần thế. Đây là con đường chúng ta đang đi, con đường của Tìm Một Cỗ Về.

Trên con đường đó lúc nào cũng có hai hình ảnh, một bên u sầu ảm đạm, một bên sáng lạn huy hoàng, rõ ra là hai khía cạnh xấu tốt, hai màu tương phản xám hồng. Thì cứ nhìn khía cạnh tốt, cứ nhìn hưởng màu hồng để mà ung dung tự tại. Ngay trong đời sống dù bị sa lầy, thua kém, thất bại chất chồng, cũng đừng thối chí, nản lòng. Cứ coi như có thể có nếm mùi thất bại mới có kinh

nhệm để vươn tới thành công. Trong cái rủi vẫn ẩn cái may, trong khổ đau vẫn nấp mầm hạnh phúc. Những chông gai, những khó khăn trước mắt chỉ là những thử thách để kích động ý chí tiến thủ, coi như là chất xúc tác làm cho giấc mơ càng khó càng đầy thi vị, càng thúc đẩy dẫn tới đích mình mong muốn.

Mỗi người có một lối sống, mỗi người có một quan niệm khác biệt về cuộc đời. Nhưng không ai là không kinh qua những giai đoạn đau thương, không ai là không một lần vấp ngã. Thì cứ đứng dậy, gượng cười mà đi. Coi như là cái NGHIỆP phải trả. Có thể, mới thấu hiểu cái KHÔNG, cái VÔ THƯỜNG trong cuộc đời. Hay nói một cách khác, cứ coi như Đấng Sáng Tạo bày ra như thế, Trời muốn thế.

Trong cuốn TMCV, tác giả đi tìm một điểm tựa cho những thăng trầm của đời người, tìm một nơi ẩn nấp để trọn vẹn nghỉ ngơi và muốn biết rồi ra mình sẽ tới đâu? Trong TMCV tôn giáo được nhắc nhở đến nhiều lần, đạo Phật và cuối cùng là đạo Thiên Chúa, như một cứu cánh, một điểm tựa. Ngay mặt sau cuốn sách, ta đã thấy ý chính của TMCV:

Cuộc sống này chỉ là cõi tạm. Nhưng trong cõi tạm này vẫn cần một nơi nghỉ ngơi thoải mái, một nơi mà niềm tin, niềm thương yêu bền bỉ, một cõi về cho thân xác tạm bợ và cho linh hồn vĩnh cửu.

Ngay từ những trang đầu, cuốn sách đã hé mở cho độc giả thấy quan niệm sống của tác giả: một đời sống thoải mái, thanh thản mà sống động - một đời sống yên lặng, bình dị mà đầy cuốn hút. Điểm quan trọng để thấy mình đáng sống là nhìn được bản thân có hữu ích không, cho mình mà cũng cho người “vì ai mà sống, vì ai mà hi sinh”. Đó, tư tưởng thanh cao với ý chí tiến thủ cho một lý tưởng. Đó, để giữ cho tâm hồn quân bình trong một thể xác lành mạnh, tươi đẹp. Đó là chìa khóa của Hạnh Phúc.

Nhân vật chính trong truyện cũng có số phận khắc nghiệt như ai, khiến tâm hồn con người bình thường đó phải trải qua những đoạn đời sôi động bất thường. Hẳn có thể làm cho độc giả bực mình, cũng có thể làm cho độc giả thương cảm. Ở hẳn, có những điểm khác biệt với một người bình thường mà cũng có nhiều điểm tương đồng với đại chúng. Ở hẳn, bên cái rủi vẫn có cái may. Từ những đam mê xốc nổi, hẳn dần dà hiểu được thân phận mình, hiểu được bàn tay kỳ diệu của Tạo Hóa. Từ đó, hẳn đi tìm một cõi về, cõi về ấm cúng nơi trần thế, cõi về thanh bình trong tâm tưởng.

Với những kinh nghiệm đã trải qua, tác giả khơi dậy nguồn tươi trẻ từ :

- Hoạt động thể xác
- Hoạt động tinh thần
- Tình người, một điểm tựa cần có.

Tình người? Tình gia đình, tình bằng hữu, tình thầy trò, tình xã hội và cũng không thể quên được tình yêu.

Với tình yêu của các nhân vật trong truyện, chúng ta như thấy những cảnh ái ân trước mắt qua những đoạn tả cách thương yêu của đôi người theo nhiều cung cách khác biệt tùy cá tính, tuổi tác, hoàn cảnh, thời gian, không gian. Và lại, ai trong chúng ta trừ những người có cốt cách luyện đạo, trừ những bậc chân tu, lại không có ít nhất một lần trong cuộc đời với một tình yêu hoặc lãng mạn vắn vơ hoặc cuồng si sôi động.

Yêu là thế nào?

Là “ thấy cả cuộc đời lên sắc thắm” hay là “chìm xuống đáy vực sâu thẳm thẳm”?

Dù gì đi chăng nữa thì:

“ Đời không ân ái, đời vô vị

Kiếp sống không yêu, kiếp sống thừa”

Vì vậy, người xưa có câu:

“ Tự cổ chí kim, yêu là khổ

Tự kim chi cổ, khổ vẫn yêu”

Do đó, trong TMCV phải có những cảnh yêu đương khác biệt. Có những đoạn “yêu” thật lãng mạn, thật mộng mơ - nhưng có những sen “yêu” thật vũ

bão, thật cuồng nhiệt - lại có những pha “yêu” đầy tính man rợ, rùng rú.

Những cảnh ân ái trong TMCV rất “nóng” nhưng rất “người”. Có gợi lòng dâm dục hay không là tùy ở người đọc lòng thanh hay tục. Một áng văn, một bài thơ, một bức họa, một pho tượng điêu khắc đều là những sản phẩm nghệ thuật. Nếu ngắm một bức tượng khỏa thân hay xem một tấm tranh mô tả hành động ái ân của một đôi trai gái, người lòng thanh chỉ thấy cái nét khắc tuyệt vời của điêu khắc gia, ngọn bút sống động của nhà họa sĩ. Nhưng người lòng tục nhìn thấy những cái đó lòng dục sẽ dậy lên. Thì văn chương, thi phú đối với con người cũng vậy.

Trở lại Tìm Một Cõi Về, nhân vật chính, giáo sư Phong, một con người lãng mạn, có lý tưởng nhưng thiếu thực tế, một con người được Thượng Đế ban cho nhiều ưu điểm làm thăng hoa cuộc sống nhưng lại có những khuyết tật đáng kể. Nhân vật Phong đã trải qua nhiều mối tình. Mỗi mối tình có cái quyến rũ riêng của nó. Cái đặc biệt đầy lãng mạn tính của Phong đã dám thương một người mắc bệnh phong (cùi), cô Lệ, và tận hưởng thú hi sinh cho một tình yêu không bền vững:

Thời gian hạnh phúc được bao nhiêu lâu? Không thành vấn đề. Lệ được quyền biết có người thành thực yêu thương nàng, lo cho nàng dù nàng mắc bệnh nan y, dù trên trần thế nàng chỉ có một khoảnh khắc ngắn ngủi. Người đó không

coi là sự hi sinh. Người đó coi sự gần gũi với nàng là nguồn hạnh phúc.

Một nhân vật nam hoàn toàn khác biệt với Phong là nhà báo Trần Bình, một người thầy trong làng báo chí, một người thực tế, sắc sảo, nhiều cơ mưu mảnh lối xảo quyệt nhưng bất đắc chí trong trường đời và trong tình trường. Tới bất mãn cùng cực với cuộc đời, ông đi tìm một cõi về bằng cái chết có tính toán, cái chết để tự quảng cáo, tự đánh bóng mình:

Ông Bình ngồi xếp bằng trong công viên, ngay trước những bậc tam cấp, đường vào điện Capital. Một buổi sáng vắng lặng. Ông tưới xăng cùng mình, khắp đầu cổ. Ông nhắm mắt khoảng mười giây tận hưởng cái lạnh lẽo hắc nồng của hơi xăng đang bốc tỏa. Ông bật que diêm châm ngay trên mái tóc bạc. Lửa bùng lên. Que diêm thứ hai dí trên khuôn mặt dẫm xăng. Cả hộp diêm tung tóe trên mình phụt theo ngọn lửa đỏ. Ông đê mê. Trong cơn đắm, ông đi vào thiên thu.

Có nhân vật nam thì phải có nhân vật nữ.

Những nhân vật nữ hầu hết nếu không là những trang tuyệt sắc thì là những nữ lưu đa tài. Nếu không phải là đóa sen tinh khiết thì là bông hồng thắm máu trên cành đầy gai nhọn hay trong trắng ngát hương như nhánh thủy tiên hoặc dậy mùi thơm nồng của hoa xươg

rông. Mỗi nhân vật một cá tính riêng tiêu biểu cho từng loại người.

Kính thưa quý nữ lưu. Nơi đây chắc có nhiều vị khá giống những nhân vật nữ trong *Tim Một Cõi Về*. Xin để quý vị tự kiểm lấy bóng dáng và tài hoa của mình trong cuốn truyện.

Đọc *Tim Một Cõi Về*, độc giả sẽ thấy tác giả là người say mê cái đẹp, và nhìn thấy cái đẹp thật cao quý, đáng tôn kính. Từ cái hoa mỹ của văn chương nghệ thuật đến cái diệu kỳ của khoa học, của kỹ thuật. Trong vũ trụ, tác giả mên mộ tất cả những tác phẩm của thiên nhiên, từ cái đẹp của cây cỏ đến cái đẹp của con người - từ phẩm chất đến linh hồn - những tác phẩm tuyệt diệu của Đấng Sáng Tạo.

Trong *Tim Một Cõi Về*, độc giả sẽ lặng ngắm nét họa tuyệt vời của Đất Trời trải qua bốn mùa: xuân, hạ, thu, đông.

Những đoạn tả cảnh lồng trong nỗi xuyên xao, rung động của một tâm hồn nhạy cảm, nhân vật Phong trong chuyện để có thể hiểu vì sao người đó lại dễ lấy cảm tình của phái nữ.

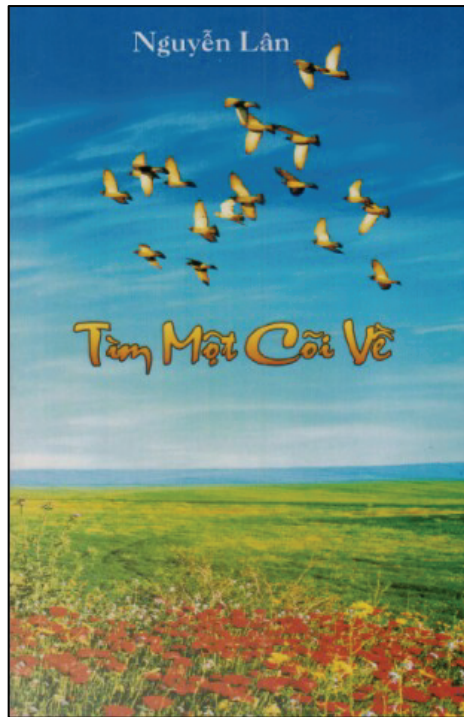
Điều đáng nói trong TMCV là độc giả thấy lại ý tưởng hưởng thưởng của Tự Lực Văn Đoàn: CHÂN, THIỆN, MỸ mà tác giả chịu ảnh hưởng ngay từ thuở thiếu thời - những công việc xã hội đầy tính từ thiện mà tác giả hằng ấp ủ, những công tác giáo dục tại nước nhà mà tác giả đã dự phần, những công tác văn nghệ để trau giồi văn hóa Việt và làm cho cuộc sống tươi đẹp, có ý nghĩa hơn dần trải trong toàn bộ truyện. Đó là niềm mơ ước của một cuộc đời.

Trên hết, con đường hạnh phúc mà tác giả đề cập tới là sự cần thiết có một Đức Tin nơi Đấng Tối Cao. Đi tìm một niềm tin, manh nha lúc khởi đầu, càng về sau càng đậm nét, nhân vật

Phong dần dần thấy ánh sáng le lói xa xa trên con đường tìm một cõi về và an tâm cho cái NGÀY VỀ vĩnh viễn không xa

Tác giả chân thành mong độc giả có những giây phút thoải mái khi đọc cuốn chuyện này và kỳ vọng TMCV mang đến quý vị vài điều nhỏ nhoi hữu ích.

NGUYỄN LÂN
(Virginia)



LÁ ÚA MÙA THU

Thu đến thu đi rồi thu lại tới
Dòng thủy triều dâng khi đầy lại vơi
Tình đã qua không bao giờ trở lại
Nụ hoa nào tàn trong buổi sớm mai .

Ta mãi nhìn nhau quên cả nhìn trăng
Kỷ niệm xa xôi có nhớ gì chẳng
Dòng sông nào rồi cũng xuôi ra biển
Tình lợi ngược dòng gợn sóng bắn khoản.

Cuộc đời sẽ trôi, trôi đi mãi mãi
Thời gian, dung nhan, có còn lại gì
Ta vẫn là ta trải bao thay đổi
Thì xin già biệt, lệ mờ hoen mi .

Lá úa chiều nay rụng rơi theo gió
Thu về man mác những nỗi niềm riêng
Cứ ngỡ như vừa qua cơn mộng ảo
Dĩ vãng phai mờ, tình đẹp triển miên.

ĐỖ THỊ MINH GIANG



EM TÔI, MÀU THU TRONG MẮT

Sớm hôm nay cùng em ra biển vắng
Bỗng đâu đây có chiếc lá vàng rơi
Cơn gió lùa lành lạnh chút heo may
Cầm tay em ngoan mềm, nghe ấm lại...

Đi bên em, mong con đường dài mãi
Rung tiếng lòng nhẹ nhàng, sóng lao xao
Bờ môi hồng tha thiết muốn gửi trao
Ta không nhớ... dòng đời đang có mặt...

Nàng thu tới, hai mảnh hồn se thắt
Nắng long lanh hòa lẫn bóng hương yêu
Ta làm thơ, dù trời đã xế chiều
Ôi ngây ngất vì em và biển mặn!

Bước song đôi, cuộc đời thôi im lặng
Hạ vỹ vàng, đơn lẻ. Chớm thu sang
Hàng cây xanh thay áo mới muện màng
Em tôi đó, màu thu in trong mắt...

Hoa thu nở, men tình lên bất chợt
Rượu đêm tàn... say khướt với môi em...

Ocean City, ngày 29-8-2008.

BÙI THANH TIÊN

Virginia

PAUL GAUGUIN

(1848 - 1903)

Nhà Danh Họa Lập Dị

PHẠM VĂN TUẤN

Paul Gauguin là họa sĩ người Pháp thuộc thời kỳ hậu ấn tượng, đã sáng tác nhiều tác phẩm hội họa trong các năm từ 1891 tới 1893 và từ 1895 tới 1901 tại hòn đảo Tahiti rồi từ năm 1901 tới 1903 trên các đảo Marquesas. Nhà danh họa này đã vẽ các thổ dân, mô tả lối sống thô sơ, mộc mạc của họ, các sợ hãi, dị đoan của vài xã hội sơ khai cũng như các phong cảnh của miền hải đảo.

Paul Gauguin đã từng làm người bán cổ phần ở tuổi 35 rồi do bản chất yêu nghệ thuật hội họa và do tính tình lập dị, tự phụ, ngang bướng, không chịu nhường trong cuộc sống, ông đã theo đuổi cuộc đời của một họa sĩ tiên phong, đi tìm lối sống cô đơn nơi các xã hội “*nguyên thủy*”. Paul Gauguin đã chán nản trước cuộc sống tư sản của thành phố Paris nên đã đi tìm sự thật và bản chất của con người thuộc vùng biển Tây Ấn và phía nam Thái Bình Dương, rồi mô tả bằng cách dùng tới các hình thể đơn giản, các màu sắc chính vừa thuần chất, vừa rực rỡ, phối hợp với các tầng màu bằng phẳng và các đường nét nhịp nhàng, tạo nên các họa phẩm mang nhiều đặc tính trang trí và rất đẹp mắt.

Sự sáng tạo của nhà danh họa Paul Gauguin đã gây được những ảnh hưởng sâu rộng tới các họa sĩ đã thú và ấn tượng thuộc đầu thế kỷ 20 và trong số này phải kể tới họa sĩ người Na Uy Edward Munch, hai nhà danh họa Henri Matisse và Pablo Picasso.

1/ Các năm lập nghiệp.

Bản tính lập dị của Paul Gauguin có thể truy nguyên từ các vị tổ tiên thời trước. Bà ngoại của Paul tên là Flora Tristan, có mẹ là người Pháp, cha thuộc miền Peru, Nam Mỹ. Bà Flora sinh năm 1803, là một phụ nữ đẹp nhưng ưa nói thẳng, thường phản kháng các bất công xã hội trong suốt cuộc đời của bà. Lập gia đình năm 17 tuổi, bà Flora có chồng là André Chazal, một họa sĩ in thạch bản nhưng cuộc sống gia đình không thành công. Qua đời năm 1844, bà Flora để lại một người con gái cô đơn 19 tuổi, tên là Aline. Không lâu sau khi mẹ chết, Aline kết hôn với Cloris Gauguin, lớn hơn 11 tuổi và thuộc một gia đình chủ tiệm khá giả, tại thành phố Orléans, miền trung của nước Pháp. Từ Orléans, ông Clovis

đã di chuyển lên thành phố Paris và làm nghề viết văn, viết các bài bình luận chính trị cho tờ báo Quốc Gia (Le National).

Vào năm 1848, tình hình chính trị của nước Pháp rất xáo trộn. Do cảm thấy chế độ quân chủ có thể trở lại cai trị, một thể chế mà chính ông và tờ báo Quốc Gia thường chống đối, ông Clovis bèn mang gia đình di cư qua thành phố Lima, thuộc nước Peru với hy vọng rằng tại nơi ở mới này, gia đình ông sẽ được sự trợ giúp của một người chú giàu có và ông có thể chủ trương một tờ báo mới. Gia đình Gauguin rời nước Pháp vào ngày 8-8-1849 để đi Peru nhưng trên đường đi, ông Clovis đã qua đời vào ngày 30-10 vì bị đứt mạch máu và bà vợ Aline đã đến xứ Peru như một góa phụ cô đơn với hai con nhỏ. Nhưng bà Aline đã được gia đình giúp đỡ và sống sang trọng như một mệnh phụ Tây Ban Nha quyền quý. Đối với Paul Gauguin, cuộc sống tại miền đất này đã mang lại cho cậu nhiều kỷ niệm đẹp khó quên. Peru là xứ bán nhiệt đới, nhiều động đất và ít mưa, một miền đất với các sắc dân Trung Hoa, Ấn Độ và Phi Châu, một nơi mà người dân thuần hóa các loại khỉ thành các con vật trong nhà, tất cả những đặc điểm này đã để lại các kỷ niệm khó quên trong đầu óc của Paul Gauguin. Tuy nhiên, cuộc sống trường giả tại Peru chấm dứt vào năm 1855 khi bà Aline đưa gia đình trở về nước Pháp vì người cha chồng qua đời, để lại một tài sản cần được dàn xếp. Lý do bà Aline mang các con về Pháp cũng vì nghĩ tới

sự học của chúng: Paul đã 7 tuổi, chỉ biết nói tiếng Tây Ban Nha và quen với cuộc sống dễ chịu, hưởng thụ.

Khi quay lại Orléans, một thành phố màu xám với bầu trời âm u, Paul cảm thấy khác hẳn với phong cảnh trong sáng của miền nhiệt đới. Và trái với lối sống buông thả tại Lima, Paul Gauguin phải tuân theo kỷ luật nơi học đường. Do không thể kiếm ăn tại Orléans, bà Aline dọn nhà lên thành phố Paris, mở một cửa tiệm may nhỏ, để lại đứa con trai sống nội trú vài năm trong một trường học của nhà thờ.

Các năm đi học của Paul Gauguin tại Orléans và tại Paris sau này, đã không mang lại cho Paul các kỷ niệm nào đáng ghi nhớ. Paul chỉ là một học sinh tầm thường, không thiếu thông minh nhưng mang bản chất kiêu căng và cũng vì lý do này mà Paul đã không có bạn và không thành công ngoài xã hội. Vào năm 17 tuổi, cuộc đời đi học của Paul chấm dứt và Paul mơ ước trở nên một thủy thủ để có thể khám phá thế giới, tìm hiểu nhiều xứ sở xa lạ. Tháng 12 năm 1865, Paul Gauguin được tuyển làm thủy thủ cho một con tàu biển chở hàng từ Le Havre, nước Pháp, tới Rio de Janeiro, nước Brazil. Khi con tàu ghé bến Ấn Độ thì Paul Gauguin được tin bà mẹ qua đời khi 40 tuổi tại St Cloud, gần Paris vào ngày 7-7-1867, và đây là một nỗi bất hạnh lớn lao đối với Paul. Tháng 1-1868, Paul Gauguin rời bỏ thương thuyền, nạp đơn vào Hải Quân Pháp rồi hai tháng sau, được chỉ định phục vụ trên tàu Jerome

Napoléon. Con tàu chiến này đã đi tới các miền Biển Đen, Địa Trung Hải và Biển Bắc, ghé bến cảng của các thành phố Corfu, Naples, Trieste, Venice, Bergen, Copenhagen và London...

Sau khi chán cuộc sống đi biển, không ưa kỷ luật quân đội và sự thiếu thiện cảm nơi bạn bè, Paul Gauguin xin ra khỏi Hải Quân vào tháng 4-1871 và trở về St Cloud, tìm lại căn nhà của mẹ thì được biết nơi này đã bị quân Phổ đốt phá vào năm 1870. Paul Gauguin đã bị mất đi một di sản quý báu, đó là các bức tranh và đồ vật mà bà mẹ đã sưu tầm từ khi còn ở Peru. Nhưng Paul Gauguin lại gặp một may mắn khác, là có được một người bà con bảo trợ: ông Gustave Arosa, một thương gia giàu có, một nhà nhiếp ảnh có tài và cũng là một người sưu tầm nghệ thuật với các họa phẩm rất giá trị của Delacroix, Corot, Courbet, Daumier cũng như nhiều họa sĩ sau này nổi danh, thuộc trường phái Ấn Tượng.

Ông Arosa đã giúp đỡ Paul Gauguin phụ việc cho một nhân viên bán cổ phần chứng khoán tên là Paul Bertin. Với công việc mới này, Paul Gauguin đã thành công, thế nhưng ngoài các giờ làm việc, Paul lại trở về với bản chất cô đơn, lui về sống trong căn nhà hạng trung và tìm đọc các văn phẩm của Edgar Allen Poe, Charles Baudelaire và Honoré de Balzac. Vào các chiều thứ bảy, Paul Gauguin thường lui tới các vũ trường và ưa thích giao du với vài phụ nữ. Paul Gauguin tuy là một con người cô đơn, tính tình ngang bướng nhưng cũng có một

người bạn trẻ hơn 3 tuổi rưỡi, cùng nơi làm việc, tên là Claude Emile Schuffenecker, được gọi tắt là Schuff. Điều kết thân hai người này lại với nhau là tình yêu hội họa trong khi đó, địa vị xã hội của Paul khá vững vàng nhờ công việc làm ăn phát đạt và chàng Paul bèn nghĩ tới việc lập gia đình.

Mùa thu năm 1872, Paul Gauguin gặp một thiếu nữ tên là Mette Sophie Gad. Sinh trên một hòn đảo thuộc xứ Đan Mạch, Mette và các anh chị em được bà mẹ nuôi dưỡng và do cuộc sống tự lập từ thuở nhỏ, Mette Sophie Gad mang một bản tính độc lập, tháo vát. Năm 17 tuổi, Mette giữ chân coi trẻ cho gia đình của vị thủ tướng Đan Mạch, nhờ đó có cơ hội tiếp xúc với giới thượng lưu trong xã hội, có tầm kiến thức rộng mở, hiểu biết hơn về thế giới bên ngoài. Vào năm 22 tuổi, Mette được cha của một người bạn gái tên là Marie Heegaard nhờ cùng đi với con gái của ông ta tới thành phố Paris và trong kỳ du lịch này, Paul Gauguin đã gặp hai thiếu nữ người Đan Mạch. Paul đã cảm thấy hấp dẫn nơi người thiếu nữ xa lạ vì nàng Mette có trí thông minh, tính ngay thẳng, khác hẳn với bản chất bình thường của các thiếu nữ Pháp. Hai người đã gặp riêng nhau nhiều lần rồi vào ngày 22-11-1873, một đám cưới đã được cử hành, cô dâu 23 tuổi và chàng rể 25. Cả hai đã sinh sống tại một căn nhà tiện nghi trong thành phố Paris và hi vọng vào tương lai tươi sáng.

2/ Bước vào Hội Họa.

Vài năm sau ngày cưới, Paul Gauguin đã thành công về tài chính mặc dù thị trường chứng khoán có giao động và nền kinh tế của nước Pháp và châu Âu có suy kém. Gia đình Gauguin này đã có 3 người con: con trai đầu Emile sinh năm 1874, con gái Aline năm 1877 và con trai thứ Clovis năm 1879. Trông bề ngoài, nhiều người đều tin rằng đây là một gia đình lý tưởng, hạnh phúc với tương lai giàu có đang chờ đợi. Nhưng cũng trong hoàn cảnh sung túc này, Paul Gauguin đã đam mê một thứ nghệ thuật và trách nhiệm này một phần cũng do người bạn Schuff tạo nên. Cả hai người đã tranh luận về Hội Họa và một số bạn khác đã khuyến khích Paul tập vẽ. Thế rồi vào các ngày chủ nhật, Paul mang giá vẽ và sơn màu ra ngoài ô thành phố Paris, và đôi khi cũng theo bạn bè, tham dự khóa học tại hàn lâm viện Colarossi. Được các bạn ca ngợi là có tài, Paul càng bỏ thời giờ vào nghệ thuật rồi tới năm 1876, bức họa phong cảnh của Paul Gauguin đã được Phòng Triển Lãm của chính quyền chấp nhận và treo bên cạnh các tác phẩm của các họa sĩ chuyên nghiệp, và rồi một bài báo đã ngợi khen cách sáng tạo độc đáo của Paul.



Lòng đam mê Hội Họa của Paul Gauguin còn được một người khác thúc động, đó là ông Gustave Arosa. Các bức tranh treo tại nhà ông Arosa cùng với các lần thăm viếng nhiều viện bảo tàng tại Paris đã làm phát triển sự hiểu biết về kỹ thuật và nghệ thuật sáng tác, tạo cho Paul đạt được cách nhìn đề tài sắc bén. Paul Gauguin còn bị lôi cuốn bởi một nhóm họa sĩ đang chủ trương một đường hướng khai phá mới, họ thuộc Nhóm Ấn Tượng: Claude Monet, Pierre August Renoir, Alfred Sysley và Camille Pissaro... Những họa sĩ sáng tạo này có lối làm việc khác hẳn các nhà danh họa thời trước, họ trực tiếp đi vào thiên nhiên, ghi lại cảnh vật bằng các nét bút nhỏ, các nét chấm phá có màu sắc thuần chất, rực rỡ, để ghi lại các ấn tượng thoáng qua. Thế nhưng, các sáng tạo táo bạo này chưa được đa số dân chúng đương thời chấp nhận và ban giám khảo của các Phòng Triển Lãm công lập thường từ chối treo các họa phẩm mang tính cấp tiến.

Đối với các họa phẩm ấn tượng, Paul Gauguin lại bị lôi cuốn bởi những đặc tính riêng, những khám phá mới và ngoài ra, các tác phẩm treo trong nhà ông Arosa cũng làm cho họa sĩ tập sự Paul say mê. Paul Gauguin bắt đầu sưu tầm

một số họa phẩm rồi tới năm 1880, đã có tại nhà riêng một bộ sưu tập. Qua sự trung gian của ông Arosa, Paul còn được gặp gỡ nhiều nghệ sĩ, đáng kể là họa sĩ Camille Pissaro, vị thầy trực tiếp đầu tiên về hội họa.

Camille Pissaro sinh năm 1831 trên đảo St. Thomas, có cha là người Bồ Đào Nha gốc Do thái, mẹ thuộc đảo Tây Ấn. Năm 12 tuổi, Camille được cha mẹ gửi tới thành phố Paris để theo bậc trung học và chính nơi này đã làm phát triển lòng yêu thích nghệ thuật của cậu Camille. Năm 1852, Camille Pissaro trốn gia đình, qua xứ Venezuela vì không muốn theo nghề làm chủ tiệm nhỏ của cha, và sau đó đã được phép cha mẹ trở lại thành phố Paris để theo đuổi nghệ thuật. Tại kinh thành này của nước Pháp, do các họa phẩm bị ban giám khảo bác bỏ nhiều lần, Camille Pissaro phải cộng tác với nhiều họa sĩ khác để tìm ra đường lối cải tiến nghệ thuật hội họa.

Camille Pissaro đã hướng dẫn Paul Gauguin từ một họa sĩ tài tử, có năng khiếu, thành một họa sĩ chuyên nghiệp hữu hạng. Cả hai người đã vẽ cùng nhau trong các năm từ 1879 tới 1881 tại Pontoise, một ngôi làng nhỏ gần thành phố Paris và Paul Gauguin đã học được từ Pissaro cách dùng màu chính: đỏ, xanh, vàng và các màu thứ: lục, cam và tím. Cũng nhờ Pissaro, Paul Gauguin được giới thiệu với các họa sĩ ấn tượng và các nghệ sĩ này đã mời Gauguin gửi các họa phẩm trưng bày tại các kỳ triển lãm riêng của họ, và Gauguin đã đóng

góp bằng hai bức tượng bán thân của con trai, của bà vợ Mette cũng như một số tranh phong cảnh.

Trong kỳ triển lãm Ấn Tượng thứ 6 vào tháng 4-1881, các họa phẩm của Paul Gauguin đã được nhiều người ca ngợi, đặc biệt bởi Joris Kar Huysmans, một tiểu thuyết gia kiêm nhà thơ và cũng là một nhà phê bình có hạng. Về bức tranh khỏa thân “*Suzanne đang may*” của Gauguin, ông Huysmans đã viết: “*trong các họa sĩ vẽ khỏa thân, chưa có ai diễn tả sự thật một cách say đắm như vậy*”. Lời phê bình này đã là điều khuyến khích mạnh mẽ đối với chàng họa sĩ, cho nên vào kỳ triển lãm thứ 7, Gauguin lại đóng góp 13 họa phẩm. Paul Gauguin đã dùng các phương pháp của họa phái Ấn Tượng nhưng không có cùng quan điểm là nhấn mạnh vào tính linh hoạt nơi đề tài, mà dùng hội họa để ghi lại đặc tính bình yên, phẳng lặng, nhưng chứa nhiều sức sống của nhân vật trong tranh. Vào lúc đang say mê hội họa, Paul Gauguin phải chọn lựa hoặc là nghệ thuật, hoặc là ngành thương mại.

Tháng 1 năm 1882, thị trường chứng khoán tại Paris suy sụp. Các nhà đầu tư lớn nhỏ đã bị mất tiền, các công ty gặp cảnh phá sản, nhiều nhà môi giới chứng khoán bỏ nghề. Đây cũng là hoàn cảnh bắt buộc Paul Gauguin cống hiến mọi năng lực cho ngành Hội Họa. Tin tức Paul Gauguin bỏ nghề buôn chứng khoán đã là một điều xúc động lớn đối với bà vợ Mette. Tuy đã biết chồng say mê Hội Họa nhưng bà Mette không hiểu rõ rằng

độ say mê nghệ thuật đã làm cho Paul Gauguin sao lãng việc lo lắng tài chính cho gia đình, và bà Mette cùng các con từ lâu vẫn quen với cuộc sống phong lưu. Trước hoàn cảnh kinh tế khó khăn, Paul Gauguin nghe theo các lời khuyên bảo của Pissaro nhưng chính Camille Pissaro cũng là một họa sĩ nghèo, đã từng gặp gian nan trong nhiều năm khi theo đuổi Nghệ Thuật. Và rồi Pissaro cũng không ngờ Gauguin nhất quyết không từ bỏ thú đam mê của mình: trên bản khai sinh của đứa con thứ năm Pola, vào ngày 6-12-1883, Paul Gauguin đã kê khai nghề nghiệp là “*Họa Sĩ*”.

3/ Theo đời nghệ sĩ.

Quyết định theo đuổi Hội Họa của Paul Gauguin đã khiến cho gia đình này rẽ qua một khúc quanh đặc biệt. Bà Mette trước kia là phu nhân của một doanh gia giàu có, nay bỗng trở nên vợ một nghệ sĩ không còn tài sản. Vào đầu năm 1884, gia đình Gauguin phải dọn nhà qua miền Rouen, thuộc phía bắc của nước Pháp, là nơi ít đất đỏ hơn. Paul Gauguin khi về nơi ở mới này đã hi vọng rằng có thể vẽ được các tấm tranh và các chân dung để bán cho người dân địa phương cũng như gửi bán tại thành phố Paris. Thế nhưng, cuộc sống không hẳn dễ dàng và hoàn cảnh sống của gia đình nghệ sĩ này thiếu đi các nhu cầu tối thiểu, và chàng họa sĩ trở nên một kẻ xa lạ ngay cả đối với bà vợ Mette. Tháng 10 năm 1884, bà Mette bỏ về Đan Mạch cùng với 5 con rồi một tháng sau, Paul

Gauguin cũng theo qua, xin làm công cho một công ty sản xuất loại vải không thấm nước.

Cuộc sống tại xứ Đan Mạch đối với chàng họa sĩ còn tệ hại hơn thời kỳ lưu ngụ tại Rouen. Paul Gauguin phải cố công học hỏi một ngôn ngữ mới đồng thời vẫn không thể kiếm sống cho gia đình trong khi đó bà Mette phải dạy tiếng Pháp và lãnh dịch các cuốn truyện tiếng Pháp sang tiếng Đan Mạch. Tháng 5-1885, trong một bức thư gửi cho Pissaro, Paul Gauguin đã viết: “*mỗi ngày, tôi tự hỏi có nên lên trên gác thượng và chòng vô cổ sợi dây thừng hay không?*” và “*tôi chỉ còn một khả năng là vẽ. Mọi việc làm khác khiến cho tôi trở thành ngu xuẩn*”.

Tháng 6 -1885, Paul Gauguin trở về Paris với đứa con trai Clovis, 6 tuổi, trong túi không còn tiền và rất ít hi vọng kiếm nổi miếng ăn. Chàng họa sĩ phải sống nhờ vào sự giúp đỡ của một số bạn cũ. Việc bán tranh hầu như rất khó khăn vì nhà buôn tranh Paul Durand Ruel vào lúc này cũng gần như phá sản. Paul Gauguin và đứa con dọn từ căn phòng này qua căn nhà khác, với chiếc rương quần áo cũ mang về từ xứ Đan Mạch, và hai cha con chỉ ăn toàn bánh mì, do mua chịu. Rồi mùa đông tới, cháu Clovis mắc bệnh đậu mùa nhưng được một người quen chăm sóc và chàng họa sĩ Gauguin phải lãnh công việc dán bích chương tại các ga xe lửa với giá 5 quan tiền một ngày. Sau một thời gian làm công việc gian nan này, Paul Gauguin được thăng

cấp thành đốc công và tình trạng tài chính có khả quan hơn.

Vào đầu năm 1886, cuộc triển lãm hội họa ấn tượng đã gặp thất bại, các họa sĩ thành viên đã chia rẽ nhau và 3 họa sĩ đã không chịu tham gia vào nhóm là Renoir, Monet và Sisley, trong khi đó đường lối hội họa chấm điểm (Pointillism) đang được một số họa sĩ theo đuổi. Tất cả các hoạt động về hội họa kể trên đã làm lu mờ 13 họa phẩm và 1 tấm khắc gỗ của Paul Gauguin treo tại các kỳ triển lãm. Vào thời kỳ này, Paul Gauguin và bà vợ Mette chỉ trao đổi với nhau một vài bức thư qua đó Paul trách

vợ chỉ quen sống trong nhung lụa, đã bỏ rơi chàng và bà vợ Mette thì đòi hỏi chồng phải từ bỏ Hội Họa, quay về với ngành doanh thương như thuở trước.

Tháng 7 năm 1886, Paul Gauguin mượn được một người bà con xa một số tiền và chàng họa sĩ bèn cho con trai Clovis vào sống trong một ký túc xá, còn chính mình lên miền Brittany, thuộc vùng tây bắc của nước Pháp, trú ngụ tại làng Pont-Aven, cách bờ biển Đại Tây Dương 12 dặm.

Trong nhiều năm, Pont-Aven là nơi đã hấp dẫn nhiều họa sĩ từ các xứ Na Uy, Anh, Hòa Lan, Hoa Kỳ. Đây là một

làng có nông dân, ngư dân, và loại dân địa phương này đã không bị nền văn minh làm biến chất: các phụ nữ còn mặc các y phục truyền thống với nón trắng, với loại áo ren thêu tay cầu kỳ và chỉ với vài quan tiền, các thiếu nữ địa phương sẵn lòng làm người mẫu cho các họa sĩ sáng tác. Pont-Aven là nơi lý tưởng cho những ai muốn ghi lại trên khung vải các hình ảnh đặc thù của người dân, của



phong cảnh thôn dã, của bầu trời thường u ám, phủ kín nhiều điều bí ẩn của thiên nhiên. Đời sống tại Pont-Aven lại không đắt đỏ, nhất là khi họa sĩ thuê được một căn phòng của bà Marie Hoanne

Gloanec, chủ quán trọ, và bà chủ này không bao giờ bắt các nghệ sĩ trả tiền phòng đúng hẹn.

Thế rồi họa sĩ Paul Gauguin cũng thuê được một căn phòng phía trên của bà Gloanec, và do bản tính kiêu căng cố hữu, chàng họa sĩ đã không có bạn bè trừ một người mới quen biết tên là Charles Laval, trẻ hơn 14 tuổi. Người dân miền này đã coi chàng họa sĩ là một con người lập dị, sống cô đơn, không trò chuyện với ai, mỗi ngày mang giá vẽ ra đi, mặc một chiếc áo màu xanh của ngư phủ và đội một mũ nổi lếch qua một bên. Thế nhưng, sự táo bạo và sinh lực thể hiện trong các

họa phẩm của Paul Gauguin đã làm cho nhiều người phải nể trọng và Gauguin đã viết thư về cho vợ: *“anh được kính trọng là họa sĩ bậc nhất tại Pont-Aven... Mọi người đều bàn tán về anh”*.

Thời gian sáng tạo tại Pont-Aven của Paul Gauguin tới lúc kết thúc và đây cũng là lúc Paul Gauguin sống xa ảnh hưởng của Pissaro và các họa sĩ ấn tượng khác để làm phát triển một đường lối hội họa mới, đặc thù của chính mình. Trở lại thành phố Paris, Paul Gauguin lại nhận ra rằng rất khó mà sống bằng nghệ thuật sáng tạo. Chàng họa sĩ cũng thử bắt tay vào ngành đồ gốm nhưng bộ môn nghệ thuật nào cũng chỉ mang lại lợi nhuận tối thiểu và Paul đã viết thư cho vợ, nói rõ ý muốn ra đi một nơi hoang sơ, có khí hậu ấm áp vì tại đó, chàng có thể sống một cách rẻ tiền và giấc mộng này đã ám ảnh tới cuối đời của nhà danh họa.

Vào tháng 4 năm 1887, bà vợ Mette đã tới Paris, dẫn về Đan Mạch đưa con Clovis và kể từ nay, chàng họa sĩ được hoàn toàn tự do theo đuổi nghệ thuật rồi vài ngày sau đó, Paul Gauguin cùng với Charles Laval đã lên một con tàu biển, đi Panama. Khi tới nơi, cả hai đã thất vọng. Việc xây dựng kênh đào đã làm tăng giá sinh họa địa phương trong khi đó phong cảnh thiên nhiên cũng đã bị biến đổi khác xưa. Vì thế, hai chàng nghệ sĩ này bàn với nhau sẽ qua hòn đảo Martinique, ở xa hơn nữa trong vùng biển Caribbean. Và để có tiền trả cho vé tàu, Laval lãnh việc vẽ chân dung cho khách qua đường, còn Paul Gauguin trở

thành công nhân đào kênh, làm việc 12 giờ một ngày.

Khi đã kiếm đủ tiền vé tàu, hai người ra đi và sau khi bước lên hòn đảo Martinique, họ thuê một chiếc lều tranh bỏ trống, cách làng Saint Pierre vài dặm đường. Paul Gauguin đã khám phá ra ở nơi đây bản chất của màu sắc vì phong cảnh của miền nhiệt đới chan hòa ánh sáng mặt trời, trái hẳn với bầu trời u ám của miền Brittany. Chàng họa sĩ yêu mến miền nhiệt đới, một phần vì muốn thoát ly khỏi nền văn minh gò bó, một phần cũng vì muốn tìm lại niềm hạnh phúc của thời niên thiếu trước kia. Qua một bức thư gửi về cho bà vợ Mette, Gauguin viết: *“anh không thể mô tả nỗi cho em thấy niềm hứng khởi của anh được sống tại các thuộc địa Pháp”*. Thế nhưng, một khuyết điểm khác đã tới với chàng họa sĩ: thời tiết ẩm ướt của miền nhiệt đới cộng với thời gian lao động vất vả tại kênh đào Panama khiến cho Paul Gauguin bị mắc bệnh sốt rét và kiệt lực. Paul Gauguin đành phải quay trở về Pháp để điều trị nhưng trong thời gian sống tại đảo Martinique này, 12 họa phẩm rực rỡ của chàng họa sĩ, với đường nét diễn tả độc đáo, đã là đặc điểm khác hẳn với các họa sĩ đương thời.

4/ Về miền nam nước Pháp.

Paul Gauguin trở về Pháp vào tháng 11-1887, vừa gầy ốm, đau bệnh, vừa nghèo túng, để lại anh bạn Laval sống trên đảo Martinique. Từ lúc này, Gauguin phải sống nhờ vào sự trợ giúp của Schuff,

người bạn cũ. Các tiến bộ về hội họa của Gauguin, cách diễn tả độc đáo của chàng họa sĩ thiên về nghệ thuật hoang sơ (primitive art), đã không được ai chú ý đến, ngoại trừ một họa sĩ gốc Hòa Lan mà Gauguin gặp ít lâu trước khi lên đường đi Panama: Vincent van Gogh. Gauguin và Van Gogh là hai con người có tính khí khác hẳn nhau. Gauguin trầm tĩnh, ưa suy tư trong khi Van Gogh trẻ hơn 5 tuổi, lại là người nông nổi, bộc trực, nhưng cả hai lại có cùng một đam mê, đó là việc đi tìm kiếm đường hướng mới về cách diễn tả và cả hai cùng cộng tác với nhau vì cùng cảm thấy bị cô lập trước các phong trào nghệ thuật đương thời.

Van Gogh tới Paris năm 1886, sống với người em tên là Theo, người làm việc cho một cơ xưởng bán tranh. Và cũng nhờ Theo mà Gauguin đã bán được vài họa phẩm nhưng lợi tức đó không đủ. Sự việc này đã khiến cho Paul Gauguin phải quay về Pont-Aven, một nơi sinh sống rẻ tiền và nhờ vả vào sự rộng lượng của bà Gloanec.

Mùa đông năm 1888 tại Pont-Aven không phải là dễ chịu. Khí hậu nơi này khắc nghiệt, thị trấn vắng vẻ, các nghệ sĩ phương xa chỉ tới đây vào mùa xuân và mùa hè ấm áp trong khi đó Paul Gauguin chưa phục hồi được sức khỏe và lại quá nghèo, không đủ tiền mua vải vẽ. Paul Gauguin đã viết thư cho vợ, mô tả: “*cả ngày trong quán trọ từ sáng tới tối, anh không có ai để trao đổi, hàn huyên*“, còn trong bức thư viết cho Schuff, chàng họa sĩ đã tin tưởng rằng tại miền Brittany

này, nghệ thuật của chàng sẽ trở nên trưởng thành hơn: “*tôi yêu thích miền Brittany, vừa mộc mạc, vừa hoang dã*“, và “*tiếng guốc gỗ của tôi gõ lên sỏi đá, vừa sâu đậm, vừa trống trải, vừa mạnh mẽ, là những nét mà tôi tìm kiếm trong họa phẩm*“.

Cũng vào năm 1888, Van Gogh viết thư cho Gauguin nói về hi vọng sẽ lập nên một nhóm nghệ sĩ để bán tranh và làm thăng tiến nghệ thuật. Van Gogh mời Gauguin xuống Arles, thuộc miền nam, nơi sẽ có một số họa sĩ tham gia. Do Theo van Gogh đã nhận được một di sản nhỏ nhờ vậy nhà buôn tranh này đề nghị trả cho Gauguin mỗi tháng một món tiền để đổi lấy một họa phẩm, với điều kiện Gauguin tới cư ngụ với Vincent van Gogh, và cả hai cùng chia xẻ phí tổn. Vào lúc này Paul Gauguin cảm thấy không cần vội vàng vì mùa hè sắp tới tại Pont-Aven.

Paul Gauguin lại mới quen với Emile Bernard, một thanh niên 20 tuổi, yêu thích văn chương, âm nhạc, triết lý và nghệ thuật. Cả hai người có cùng quan điểm là phải diễn tả nội tâm, bày tỏ cách nhìn sự vật qua họa phẩm, hơn là chỉ sao chép thiên nhiên như các họa sĩ Ấn Tượng chủ trương. Gauguin viết thư cho người bạn Schuff: “*Đừng sao chép thiên nhiên quá đáng. Nghệ thuật là trừu tượng. Hãy vẽ từ thiên nhiên ra nghệ thuật như bạn mơ về sự hiện hữu của thiên nhiên*” và Gauguin cùng Bernard chủ trương đường lối “*Biểu Tượng*” (Symbolism).

Tới mùa thu năm đó, Bernard trở về Paris thì mùa sáng tác cũng chấm dứt. Gauguin đành nhận lời đề nghị của Theo. Cuối tháng 10 năm 1888, sau khi đã gửi đi một số họa phẩm cho Theo, Gauguin xuống miền Arles, nơi mà Van Gogh đang trông đợi và hi vọng Gauguin sẽ sống trong một năm. Hai tháng sống với Van Gogh là thời gian để Gauguin nhận ra sự khác biệt quá xa ở hai con người nghệ sĩ. Gauguin là người ngăn nắp, thích trật tự, đã không chịu nổi sự luộm thuộm, vô thứ tự của Van Gogh và trong khi Gauguin lo nấu ăn, lo xếp dọn thì Van Gogh lại chẳng bận tâm gì cả. Arles là nơi mà Van Gogh yêu mến thì đối với Gauguin, đây là “*thị trấn đơ bẩn nhất của miền nam*”. Người dân nơi đây, kể cả phụ nữ và phong cảnh, đã thiếu hẳn đặc tính ám ảnh và bí ẩn của miền Brittany và vì vậy sẽ xảy ra xung đột giữa hai họa sĩ với tính tình quá tương phản này.

Rồi vào đêm 23 tháng 12, Paul Gauguin nghe thấy tiếng chân một người đuổi theo phía sau, và nhìn thấy Van Gogh đang đe dọa mình bằng một con dao trên tay. Tối hôm đó, Gauguin qua đêm tại một quán trọ và Van Gogh bị hoảng loạn tâm tư, đã dùng dao cắt vành tai bên trái của mình. Sáng ngày 25 sau đó, Paul Gauguin bỏ về Paris. Trong thời gian sinh sống tại Arles, Paul Gauguin cũng sáng tác được một số họa phẩm trong đó có bức chân dung của Van Gogh và bức “*Các bà già tại Arles*” (Old Women at Arles).

Paul Gauguin trở về sống tại miền Brittany trong vài năm. Mùa xuân năm 1889, cả thành phố Paris đang dạo dục chuẩn bị Hội Chợ Thế Giới, kỷ niệm 100 năm cuộc Cách Mạng Pháp. Vào dịp trọng đại này, sẽ có triển lãm hội họa, nhưng Paul Gauguin không có tên trong danh sách các họa sĩ được mời tham dự. Nhưng rồi anh bạn Schuff đã kiếm ra được một căn phòng trưng bày trong một quán cà phê, không xa khu Hội Chợ. Tin này tới Pont-Aven và Paul Gauguin vội vã trở về Paris để trông coi phần trang trí. Gần 100 tấm tranh đã được trình bày, gồm các sáng tác của Bernard, Schuffenecker và Van Gogh, riêng Gauguin có 17 tấm. Mặc dù các cố gắng, phòng triển lãm kể trên đã không thành công, không bán được một họa phẩm nào nhưng bù lại, nhiều họa sĩ đã nhìn nhận Paul Gauguin là người dẫn đầu một phong trào hội họa mới.

Thất vọng, Paul Gauguin trở về Pont-Aven rồi do nhận thấy nơi này quá ồn ào, quá đông loại nghệ sĩ tầm thường, Gauguin dọn tới Le Pouldu cách đó 10 dặm. Paul Gauguin đã tìm thấy tại nơi ở mới này người bạn cũ Laval và người bạn mới Jacob Meyer de Haan, một họa sĩ người Hòa Lan, người cho chia sẻ một phần thực phẩm. Và cùng với một số họa sĩ trẻ, Paul Gauguin đã thảo luận và hướng dẫn họ trên con đường sáng tạo. Trong thời kỳ này, một số họa phẩm của Paul Gauguin đã xuất hiện như bức “*Các người gom rong biển*” (the Seaweed Gatherers) hay bức “*Chúa Ki Tô màu*

vàng” (Yellow Christ). Pissaro đã phê bình nghệ thuật của Paul Gauguin qua họa phẩm này là mang đường hướng chống xã hội, vừa độc đoán, vừa thần bí. Quả vậy, Paul Gauguin là con người của niềm tin và tập quán, ưa chuộng tình cảm và tự do cá nhân. Trong khi các họa sĩ Ấn Tượng tìm kiếm sự đổi mới và tiến bộ, thì Paul Gauguin lại theo đuổi một niềm tin siêu hình. Họa sĩ đã mô tả qua bức họa “*Chúa Ki Tô màu vàng*” hình ảnh của Thượng Đế chết trong thân thể con người, nhưng đây cũng là cách biểu lộ nổi thống khổ của nhà danh họa. Paul Gauguin coi làm nghệ thuật như một sứ mạng, một bổn phận, vì vậy mà bỏ qua hạnh phúc gia đình, với niềm tin là thứ cần thiết cho đời sống, và như vậy nghệ thuật hội họa của Paul Gauguin đã mang một tầm vóc tôn giáo. Nổi buồn miên man của nhà danh họa còn được thể hiện qua họa phẩm “*Chân dung tự biếm họa*” (Caricature Self-Portrait - 1889), với vẻ kiêu hãnh trước kia bị thay thế bằng sự ngả lòng, phiền muộn.

Mặc dù sáng tạo ra các họa phẩm đặc sắc, Paul Gauguin đã không kiếm ra tiền và nổi ám ảnh về cuộc sống tạm đủ trên một hòn đảo xa xôi lại hiện về với chàng họa sĩ. Tháng 2 năm 1890, Paul Gauguin trở về Paris, xin Bộ Thuộc Địa Pháp cho một chức vụ tại xứ bảo hộ Bắc Kỳ, ngày nay là Việt Nam, thế nhưng lời xin này đã không thành. Paul Gauguin lại trù tính xin đi đảo Madagascar để tại đó, sáng tác rồi gửi các họa phẩm về cho Theo van Gogh. Thế nhưng ngày 1 tháng 8,

Gauguin được tin Vincent van Gogh qua đời, Theo phải vào bệnh viện và xin rút lui khỏi cơ sở bán tranh. Từ nay, Paul Gauguin bị mất đi một người yểm trợ đặc lực.

Do tìm đường đi tới một hòn đảo thật xa, Paul Gauguin đã rao bán một số tranh sưu tầm. Vào thời kỳ này, trung tâm của trào lưu văn nghệ là các nhà văn biểu tượng Stephane Mallarmé, Paul Verlaine và Arthur Rimbaud... và đồng thời, Paul Gauguin cũng được coi là một họa sĩ tiên phong về đường lối biểu tượng của bộ môn Hội Họa. Mỗi chiều thứ Ba, các nghệ sĩ đã hội họp tại tư gia của Mallarmé, cùng nhau thảo luận về đường hướng mới của Nghệ Thuật. Cũng vào năm 1886, Jean Moréas đã cho phổ biến Bản Tuyên Ngôn Biểu Tượng (the Symbolist Manifesto) và vì thế nhóm nghệ sĩ này được đặt tên là các nhà biểu tượng (the Symbolists). Do các bài báo của các nhà biểu tượng kể trên, có một số người mua các họa phẩm của Paul Gauguin trong kỳ đấu giá tại khách sạn Drouot ở Paris vào ngày 23 tháng 2 và nhờ đó Paul Gauguin đã có một món tiền để qua châu Mỹ.

Ngày 1 tháng 4 năm 1891, Paul Gauguin xuống tàu qua đảo Tahiti, mang theo bên mình 2 cây đàn măng cầm, 1 cây đàn ghi-ta, 1 cây kèn Pháp và 1 cây súng săn cùng với một số tài liệu về nghệ thuật của các xứ Hy Lạp, Ai Cập, Nhật Bản, nhiều bản chụp các bức tranh thuộc thời kỳ Phục Hưng và Baroque...

5/ Cuộc sống tại Tahiti.

Paul Gauguin tới thành phố Papeete vào ngày 6-6-1891. Đây là thủ đô của hòn đảo Tahiti với dân số độ 3 ngàn người. Người dân địa phương đã chú ý tới chàng họa sĩ lập dị: tóc dài tới vai, đầu đội mũ cao bồi, mặc áo nhung màu nâu, họ gọi Gauguin là “*taata-vahine*” hay người đàn bà nửa đàn ông. Paul Gauguin đã thấy phong cảnh của thành phố này có kiến trúc tây phương, bằng gạch, xây cất lộn xộn còn dân chúng bỏ y phục truyền thống mà ăn mặc theo lối mới, vừa lố lăng, vừa thiếu vẻ đặc thù của địa phương bởi vì họ đã bị ảnh hưởng của các thủy thủ, các nhà buôn, các nhà truyền giáo từ châu Âu.

Ba tháng sau ngày đặt chân lên đảo, Paul Gauguin định cư tại khu vực Mataiea, cách xa 30 dặm về phía bờ biển. Cư dân ở đây chỉ gồm 516 người, sống trong các chòi lá và nhà nhỏ, rải rác nằm dưới bóng các cây gồi. Từ trong chòi lá nhìn ra là biển xanh, rừng dừa và cây cối xanh tươi mọc trong ánh nắng chan hòa. Paul Gauguin bắt đầu làm việc, ghi lại cảnh vật và đời sống của dân địa phương qua trí tưởng tượng và nhận thức cá nhân.

Vào đầu năm 1892, Paul Gauguin mới nhận ra các khó khăn trong cuộc sống tại Mataiea. Số tiền mang theo từ nước Pháp đã cạn trong khi chàng họa sĩ lại không nhận được tiền bán họa phẩm gửi tới từ Paris. Đời sống tại hải đảo này ít tốn kém thật nhưng chỉ với người bản xứ, họ sống bằng cách bắt cá, săn thú,

hái trái cây rừng trong khi chàng họa sĩ lại sống bằng bánh mì và thực phẩm bán tại các cửa hàng. Sau vài tháng, Paul Gauguin bắt đầu lâm bệnh vì suy dinh dưỡng và do không có tiền trả, bệnh viện cũng từ chối chữa trị. Dù vậy, do bản chất ngang bướng, Paul Gauguin định dọn tới các đảo Marquesas nằm cách Tahiti 750 dặm về phía đông bắc, là nơi có thổ dân còn sống trong cảnh hoang sơ, chưa bị nền văn minh làm hư hỏng.

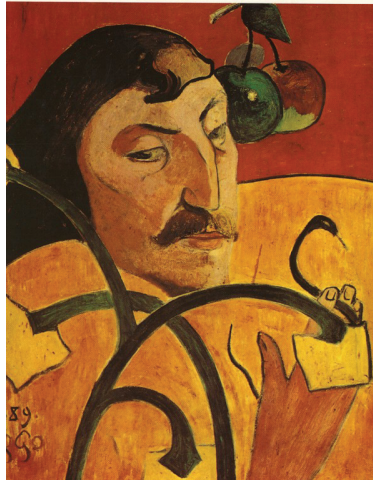
Sau một năm sống tại Tahiti, Paul Gauguin đã hoàn thành được 35 họa phẩm với hàng trăm trang phác thảo để sau này có thể khai triển thành các bức tranh độc đáo. Cũng vào lúc này, chàng họa sĩ thấy không có đủ tiền mua vé tàu biển trở về Pháp mà cũng không còn tiền mua thực phẩm để sống tại địa phương. Paul Gauguin bèn viết một lá đơn về Paris mô tả sự bần cùng của mình và xin chính quyền Pháp trợ giúp. Trong 4 tháng chờ đợi, chàng họa sĩ Gauguin vẫn thực hiện các chuyến đi vào các miền xa xôi, hoang sơ của đảo, hi vọng tìm hiểu về bản tính của các sắc dân địa phương và cũng tìm kiếm một “*vahine*” hay một người vợ trẻ, theo như tập quán của các người tây phương thuộc địa. Thế rồi chàng họa sĩ lập dị cũng trở về Mataiea với một “*vahine*” thổ dân, 13 tuổi, tên là Tehamana. Và cũng từ nay, người vợ nhỏ tuổi này, vừa đẹp, vừa dịu dàng, đã chăm sóc chàng nghệ sĩ từng bữa ăn, từng nếp sống mỗi ngày và Gauguin bắt đầu vẽ, vẽ rất nhiều chân dung của

Tehamana, vẽ các phong cảnh nhiệt đới nhiều màu sắc.

Paul Gauguin rời đảo Tahiti, trở về nước Pháp vào ngày 30-8-1893 với hi vọng 60 họa phẩm sáng tác tại Tahiti có thể mang lại cho mình danh vọng và tiền bạc. Thế nhưng, các may mắn chưa đến và chàng họa sĩ vẫn phải sống nhờ sự trợ giúp rộng lượng của các bạn bè. Vào lúc này, Paul Gauguin được nhà buôn tranh Durand Ruel hứa cho mượn địa điểm triển lãm và qua sự giúp đỡ của một người bạn cũ là Charles Morice, một cuộc ra mắt tranh đã trình bày trước công chúng 41 họa phẩm vẽ từ Tahiti, 3 bức vẽ tại miền Brittany và 2 bức điêu khắc. Trước những đề tài xa lạ, cách dùng màu sắc khác thường như vẽ biển màu vàng, lá cây màu tím, các người xem tranh đã chê bai, diễu cợt cách diễn tả của nhà danh họa và một bài báo đã kể lại rằng một bà xem tranh đã hét lên khi nhìn thấy con chó được mô tả bằng màu đỏ.

Thế nhưng, trước những tiến bộ, những khám phá mới lạ này, cũng có một số người ca ngợi. Nhà thơ số một về đường lối biểu tượng (Symbolist poet) là Stéphane Mallarmé đã viết ra cảm tưởng của mình trước các họa phẩm của Paul Gauguin: *“Thật là đặc sắc vì những kỳ bí như thế được diễn tả ra bằng các vẽ rục*

rở”. Ngày 25-11, kỳ triển lãm tranh của Paul Gauguin chấm dứt với 11 họa phẩm được bán, mang về một số tiền nhỏ đủ trang trải các chi phí. Và mặc dù sự thất bại về tài chính, Paul Gauguin vẫn vui mừng và đã viết thư cho bà vợ Mette: *“Cuộc triển lãm tranh của anh đã không mang lại các kết quả mong muốn nhưng vẫn là một thành công về mặt nghệ thuật*



và nó đã gây nên cả sự giận dữ lẫn ganh ghét”. Trong khi đó bà vợ Mette lại chẳng hề quan tâm tới sự thành công về nghệ thuật của chồng, bà ta đã chán nản trước người chồng bất tài, không thể kiếm đủ tiền nuôi gia đình lại mang tính ích kỷ, vô trách nhiệm. Cuộc hôn nhân như vậy không còn hi vọng hòa giải. Trong khi đó, Paul Gauguin dần

dần nổi danh là một họa sĩ lập dị trong giới trí thức của thành phố Paris.

Vào tháng giêng năm sau, sau hơn một tháng khi phòng triển lãm đóng cửa, Paul Gauguin nhận được một di sản của một người chú để lại, nên đã có tiền thuê 2 căn phòng trên lầu của một tòa nhà tọa lạc tại bên trái bờ sông Seine của thành phố Paris, nơi mà phần lớn các nghệ sĩ sinh sống. Do nổi danh là một con người khác thường, Paul Gauguin đã trang trí các bức tường trong nhà bằng màu vàng bóng và màu xanh ô-liu rồi trên tường treo các họa phẩm ưa thích

cùng với các kỹ vật bằng gỗ, chạm chổ, do chính họa sĩ điêu khắc hoặc mua từ các xứ nhiệt đới. Paul Gauguin cũng sống chung với một thiếu nữ 13 tuổi, người gốc đảo Java tên là Annah cùng với một con khỉ nhỏ Taoa. Tại hai căn phòng trang trí đặc biệt này, Paul Gauguin đã mời tới hội họp vào mỗi tối thứ Năm các họa sĩ, thi sĩ, nhạc sĩ, văn sĩ. Các nghệ sĩ này đã ca hát, thảo luận và nghe Paul Gauguin kể lại các câu chuyện du lịch cùng các ý tưởng về nghệ thuật. Paul Gauguin trở nên một nhân vật trong giới văn nghệ sĩ của thành phố Paris. Cũng vào thời kỳ này, chàng họa sĩ đã không sáng tác mà dồn thời giờ, cộng tác với Charles Morice, biên soạn một cuốn sách có tên là Noa Noa với ý nghĩa là “Đất Thơm” (Fragrant Land) qua đó, Paul Gauguin hi vọng sẽ cất nghĩa các hình ảnh độc đáo của hòn đảo Tahiti, cùng với phần sao chép các bài viết của một người Bỉ về các tập quán và tín ngưỡng của thổ dân.

Sau khi cuốn sách Noa Noa được xuất bản vào tháng 3 năm 1894, Paul Gauguin trở về sống tại miền Brittany nhưng lần này, chàng họa sĩ đã gặp một tai họa. Ngày 25-5 khi cùng với Annah và vài người bạn khác thăm viếng ngôi làng đánh cá nhỏ Concarneau, cô nàng Annah bị một số ngư dân thóa mạ và chàng họa sĩ Gauguin đã xung đột với họ trong một trận ẩu đả. Bị gãy chân, Paul Gauguin đã không đi được, không sáng tác được. Tinh thần của nhà danh họa suy sụp. Gauguin đã viết cho

Schuffenecker: “*kể từ khi theo lối sống đơn giản nơi hải đảo, tôi chỉ nghĩ tới một điều là sống xa lánh các người khác. Người châu Âu đã thù nghịch với tôi, các người hoang dại tốt bụng sẽ hiểu tôi*”. Tối khi trở về Paris vào ngày 14-11, chàng họa sĩ bị sửng sốt vì toàn thể căn phòng đã bị cô gái Annah lục lọi, lấy đi những gì coi là giá trị, chỉ để lại các họa phẩm. Quá chán nản, Paul Gauguin bèn mở một cuộc bán tranh bắt đầu vào ngày 2-12, gồm các bức màu nước, sơn dầu, điêu khắc, khắc gỗ. Đã có nhiều nghệ sĩ, văn sĩ và các nhà sưu tập tới thăm căn phòng bán tranh này nhưng cho tới ngày đóng cửa, số tiền thu được vẫn không đủ cho Paul Gauguin mua nổi một vé tàu đi Tahiti. Rồi một cuộc bán đấu giá thứ hai tổ chức vào ngày 2-2 năm sau cũng không mang lại số tiền mong đợi. Nhà danh họa phải trì hoãn chuyến đi, một phần cũng vì toàn thân bị mụn đỏ, có lẽ do bệnh giang mai.

6/ Chết nơi tha hương.

Ngày 3-7-1895, Paul Gauguin xuống tàu, đi sang đảo Tahiti nhưng vào lần đi này, chàng họa sĩ không có một chủ đích như lần đi trước đó 4 năm, mà chỉ ra đi vì tự cảm thấy cuộc sống của chính mình vô dụng trên đất Pháp và muốn định cư vĩnh viễn tại một xứ nhiệt đới. Paul Gauguin tới thành phố Papeete vào ngày 9-9 và thấy rằng mọi cảnh vật đã đổi khác, vừa văn minh hơn, vừa tây phương hóa. Sau đó, chàng họa sĩ đi tới khu vực Punaauia cách thủ đô Papeete 8 dặm và

thuê tại nơi này một cái chòi lợp bằng lá dừa. Trong năm đầu sống trên hải đảo, Paul Gauguin vẫn phải lệ thuộc vào món tiền và các tin tức từ Paris. Nhà danh họa sống rất cô đơn vì người vợ địa phương Tehamana khi trước, đã lấy chồng khác, thay thế bằng một cô gái tên là Pahura, 14 tuổi, vừa kém thông minh, vừa không biết thông cảm.

Paul Gauguin vào thời gian này lâm bệnh nặng trong khi không có tiền. Tháng 7 năm đó, chàng họa sĩ bị đau đớn toàn thân, rồi được điều trị tại bệnh viện địa phương như một thổ dân. Nhưng rồi cơn bệnh cũng qua khỏi và Paul Gauguin bắt đầu sáng tác. Nhiều họa phẩm đã được hoàn tất trong đó có bức vẽ lớn tên là “*No te aha oe iri*” (Tại sao mà giận dữ - 1896). Nhà danh họa đã gửi về Paris một số tranh rồi tới tháng 12, nhận được một ngân phiếu khá lớn từ một người bán tranh, nhờ đó đã trang trải được một số nợ nần và có thể tiếp tục sáng tác. Trong khi nhà danh họa đang phấn khởi thì lại được bà vợ Mette báo tin đứa con gái Aline, 21 tuổi, đã qua đời vì bệnh sùng phổi. Trong tất cả các con, Paul Gauguin yêu thương Aline nhất. Nhà danh họa trở nên tuyệt vọng và không còn muốn viết thư về cho người vợ nữa.

Từ lúc này, sức khỏe của nhà danh họa dần dần suy kém, làn da sần sùi, mẩn đỏ đã khiến cho các thổ dân lánh xa vì họ cho rằng đó là triệu chứng của bệnh cùi. Luôn luôn cái chết ám ảnh nhà danh họa. Ngày 30-9, Paul Gauguin viết cho người bạn họa sĩ duy nhất là Georges Daniel de

Monfreid: “*Cuộc hành trình tới đảo Tahiti của tôi là một chuyến đi điên khùng, sự việc đã chuyển thành buồn thảm và khốn khổ, tôi không nhìn thấy lối ra ngoài trừ cái chết là thứ giải quyết mọi vấn đề*”. Dùng tới năng lực cuối cùng, Paul Gauguin quyết định vẽ một họa phẩm có tính “*di chúc*” và khi hoàn thành vào cuối tháng 10, nhà danh họa đã đặt tên cho sáng tác này là “*Chúng ta từ đâu tới, chúng ta là gì, chúng ta đi đâu ?*”. Sau đó, Paul Gauguin quyết định chấm dứt cuộc đời. Nhà danh họa đã leo lên một ngọn núi gần đó, chọn lựa một chỗ chết vừa ý rồi uống một liều thạch tín (arsenic) mang theo. Nhưng lượng thạch tín quá lớn khiến cho nhà danh họa bị ói mửa và không chết được.

Trong thời gian 4 năm về sau, Paul Gauguin đã không thể đi đứng dễ dàng nên không thể vẽ được nhiều. Nhà danh họa quay sang viết các bài bình luận có tính chỉ trích chính quyền địa phương cho tờ báo Con Ong Bò Vẽ (Les Guepes). Cũng vào lúc này, nhà buôn tranh ở Paris là Ambroise Vollard đã đề nghị trả hàng tháng cho Paul Gauguin một món tiền để đổi lấy một số họa phẩm ấn định. Vì cảm thấy không còn giàu trí tưởng tượng khi sống tại Tahiti nữa, Paul Gauguin đã thanh toán mọi tài sản rồi tới thị trấn Atuona, là thủ đô của hòn đảo thứ hai Hivaoa vào ngày 16-9-1901. Tại nơi này, nhà danh họa đã mua một căn nhà hai tầng, được đặt tên là “*Căn nhà của niềm vui*” (the House of Pleasure), trên tường có trang hoàng rực rỡ bằng

nhiều họa phẩm, và nhà danh họa cũng kiếm ra được một người vợ địa phương tên là Vaeoho để sống chung và lo lắng công việc trong nhà.

Kể từ tháng 1-1902, sức khỏe của Paul Gauguin khả quan hơn nên nhà danh họa có thể cầm cọ trở lại. Đây là giai đoạn sáng tác khá phong phú với cách thử nghiệm mới về màu sắc. Nhiều họa phẩm được hoàn thành: chân dung, tĩnh vật, phong cảnh, các hoạt cảnh thần thoại, và Paul Gauguin đã viết thư cho Monfreid, cho biết sẽ gửi về 32 tác phẩm, 20 tấm tới nhà buôn tranh Vollard và 12 tấm tới Monfreid. Đây cũng là thời kỳ sáng tác cuối cùng của nhà danh họa.

Do không thể đi đứng và cầm cọ dễ dàng, Paul Gauguin trở nên con người gầy gò, không chịu đóng thuế cho chính quyền và nhà thờ địa phương mà còn xúi dục người dân bản xứ phản kháng, đòi hỏi các quyền lợi. Ngày 27-3-1903, nhà danh họa bị đưa ra tòa vì tội phỉ báng một nhân viên cảnh sát, rồi bị kết án 3 tháng tù. Trước khi bị tổng giam, Paul Gauguin đã ở trong tình trạng rất yếu kém về sức khỏe, thân mình luôn luôn đau đớn và không thể an giấc nếu không dùng tới loại thuốc chứa á phiện (morphine). Nhà danh họa biên thư cho Monfreid, nói rõ ý muốn trở về Paris để tìm cách điều trị nhưng người bạn đã khuyên nhà danh họa không nên trở về, vì *“Anh là một họa sĩ vừa độc đáo, vừa mang huyền thoại, anh đã thuộc về lịch sử của Nghệ Thuật”*. Quả vậy, việc trở

về Paris sẽ phá hỏng huyền thoại đã có và ảnh hưởng tới vị trí của nhà danh họa trong vai trò sáng tạo.

Ngày 8 tháng 5 năm 1903, người thợ mộc Tioka sống gần đó, tạt qua thăm thì đã thấy nhà danh họa bất động. Paul Gauguin đã qua đời trong cô đơn và được chôn cất trong một nghĩa địa công giáo tại Atuona.

Tin về cái chết của Paul Gauguin tới Paris vào tháng 8, khiến cho dân chúng Pháp bắt đầu tìm hiểu về huyền thoại và cuộc đời của nhà danh họa lập dị. Nhiều người đã tới coi Phòng Triển Lãm Ambroise Vollard, nơi trưng bày 50 họa phẩm và 27 bức vẽ nét, tất cả chứng tỏ Paul Gauguin là một nghệ sĩ xuất sắc, độc đáo. Có hàng trăm cuốn sách viết về tiểu sử của nhà danh họa và các Viện Bảo Tàng của nhiều nước trên khắp thế giới đã trưng bày nhiều họa phẩm của Paul Gauguin qua đó, cách dùng màu sắc và hình thể táo bạo của nhà danh họa vừa can đảm, vừa cải cách, đã ảnh hưởng tới hàng chục họa sĩ lớp sau, đáng kể là Henri Matisse và Pablo Picasso.

Nhà danh họa Paul Gauguin đã sống trong hai thế giới và đã mô tả qua các họa phẩm đặc sắc thứ thế giới nguyên thủy, vừa đơn giản, vừa mộc mạc, gần với thiên nhiên, một thiên đường khác biệt với xã hội trưởng giả của thành phố Paris./.

PHẠM VĂN TUẤN

(Virginia)

CÒN LẠI MẤY VẦN THƠ

Chỉ còn vương lại mấy vần thơ
Mây tím thu buồn của Huế xưa
Đỉnh Ngự vẫn gieo ngời ý mộng
Giòng Hương tứ dẹt rạn niềm mơ
Lời ca Lưu Thủy sầu Thiên Mụ
Điệu nhạc Nam Bình nhớ Đế Đô
Ai biết nổi lòng người viễn xứ
Chỉ còn vương lại mấy vần thơ.

KIỀU ANH
(Minnesota)

VẮNG TRẮNG VÀ NỖI NHỚ

*Ngàn sau trăng vẫn trăng xưa
Trăng đêm nay vẫn trăng mơ thuở nào*
HSL

Một vầng trăng thái cổ
Tan giữa ngàn sao sa...
Trăng nào của riêng ta?
Trăng chìm trong biển nhớ!
Trăng nào chung đôi lứa?
Tình nào không phong ba?
Mai anh về, đường xa
Chim bằng đôi cánh mỗi

Lệ em sầu hoen gối
Phố cũ trời giăng mưa...

*

Trên lối nhỏ mòn xưa
Ngã ba buồn mắt đỏ
Em ơi! Vầng trăng vỡ
Tình úa tuổi xuân thì!
Đời được mấy cơn mê
Sao tình nghe vội vã?
Lệ em còn chan chứa
Năm ngón nhỏ tay mềm
Vầng trăng xót nỗi niềm
Đêm đen sầu ngóng đợi.

*

Trăng xưa về dẫn lối
Ru hồn vào cơn say
In dấu cũ phương này
Anh đi tìm bóng vỡ
Vầng trăng và nỗi nhớ
Một thuở tình chia hai!...

HOÀNG SONG LIÊM
(Virginia)



Nhà thơ Hoàng Song Liêm và nhà văn Uyên Thao

NÉT ĐẸP CỦA NGƯỜI PHỤ NỮ VIỆT NAM XƯA QUA CA ĐAO

GS Phạm thị Nhung

KỶ II

NGƯỜI TÌNH NỮ TRONG CA ĐAO VIỆT NAM

Tình yêu, có thể nói, đã hiện hữu từ khi có sự hiện hữu của loài người trong trời đất bao la và miên trường này.

Và ca dao Việt Nam đã phản ảnh tâm hồn lãng mạn cùng tình cảm yêu đương dào dạt, sâu đậm của những người tình đầu tiên, cũng là những người tình muôn thuở của dân tộc. Những câu ca dao ấy tưởng chừng mộc mạc đơn sơ, nhưng có biết đâu đã vô tình chứa đựng cả một triết lý về tình yêu bất tuyệt của loài người :

*Đó ai biết lúa mấy cây
Biết sông mấy khúc, biết mây mấy từng
Đó ai quét sạch lá rừng
Để ta khuyên gió, gió đừng rung cây.*

Tình yêu dang dặc như sông nước, cao rộng như mây trời, mệnh mỏng như đồng lúa và hững hờ sa số như lá rừng rơi, thử hỏi giáo lý nào, quyền lực nào có thể hủy diệt được? Đó chính là lý do dù sống dưới chế độ phụ quyền phong kiến, chịu ảnh hưởng nền giáo dục khe khắt của Nho giáo, người tình nữ trong ca dao VN

vẫn không thôi mơ mộng và tình yêu của các nàng tuy có e ấp nhưng vẫn không giấu được vẻ nồng nàn tha thiết.

Thực thế, người phụ nữ VN với bản tính đa cảm, lãng mạn nên trong tuổi hoa mộng thường hay có những mơ ước vẫn vơ về một cảnh sống hạnh phúc nên thơ :

*Sáng trăng trải chiếu hai hàng
Bên anh đọc sách bên nàng quay tơ.*

Nhưng khi nghĩ đến tương lai đầy bất trắc, làm thân con gái không tự quyết được cuộc đời của mình, mà “*gái chính chuyên chỉ lấy một chồng*”, trong nhờ đục chịu, bảo sao nàng không âu lo, thắc mắc :

*Lênh đênh một chiếc thuyền tình
Mười hai bến nước biết gửi mình về đâu?*

Hoặc :

*Thân em như tấm lụa đào
Phất phơ giữa chợ biết vào tay ai?*

Dẫu sao, nàng phải luôn luôn thận trọng, cân nhắc, vì nhớ lời cha mẹ thường dặn dò trong việc chọn bạn trăm năm :

*Dặn con con có nghe cho
Chọn người quân tử, dối no cũng đành.*

Nhưng người quân tử, mẫu người chồng lý tưởng của nàng như thế nào đây? Sống trong xã hội trọng văn học

như xã hội ta, “người ấy” trước hết phải là một văn nhân trí thức :

*Ước gì cho Bắc hợp Đông
Cho chim loan phượng, ngô đồng sánh đôi.
Ước gì cho quế sánh hồi
Ước gì ta sánh được người văn nhân.*

Lấy được người chồng khôn ngoan học giỏi, tương lai nàng hẳn có phận nhờ:
*Phận gái lấy được chồng khôn
Xem bằng cá vượt vũ môn hóa rồng.*

Song sống ở đời, vàng thau lẫn lộn, mà người lý tưởng lại quá hiếm hoi:
*Một vũng nước trong dăm bảy dòng
nước đục
Một trăm người tục không được một
chục người thanh.
Một mình em đứng giữa mạn thuyền
Biết lấy ai mà trao duyên gởi phận
cho đẹp lòng thế gian.*

Và ngay chính nàng, ai biết được giá trị tài đức của nàng mà tìm đến, nên chi nàng chỉ còn biết mong mỏi chờ trông :

*Còn đang chọn đá thử vàng
Ngọc lành ai quấy ra đường bán rao.
Quan quan hai chữ thư cư
Mong người quân tử hảo cầu kết duyên.*

Nếu không lấy được người văn nhân quân tử thì nàng cũng mong ước được kết nghĩa vợ chồng với đấng anh hùng trượng phu :

*Lộc còn ẩn bóng cây tùng
Thuyền quyền đợi khách anh hùng
sánh vai.*

Người khách anh hùng ấy hẳn phải tìm trong đám tướng sĩ :
Trai khôn kén vợ chợ đông

Gái khôn tìm chồng giữa chốn ba quân.

Hiện giờ trong đám thanh niên trai trẻ, các bậc anh hùng quân tử chưa lộ được chân tướng, thôi thì tốt nhất hãy chọn những người con nhà dòng dõi danh giá hay cha mẹ là người hiền đức, vì :
*Mạch trong nước chảy ra trong
Thế nào đi nữa con dòng cũng hơn.
Và
Cây xanh thì lá cũng xanh
Cha mẹ hiền lành để đức cho con.*

Dầu gì thì nàng cũng mong lấy được người xứng đôi vừa lứa với mình:
*Đào tơ sen ngó xanh xanh
Ngọc lành phải giá, gái lành phải duyên.
Cho hay tiên lại gặp tiên
Phượng hoàng há dễ đứng bên đàn gà.*

Và có lấy được chồng xứng đáng như thế mới bỏ công trang điểm bấy lâu:
*Lấy chồng cho đáng tấm chồng
Bỏ công trang điểm má hồng răng đen.*

Ngay cả những cô gái sống trong gia đình nghèo hèn, tâm thường cũng ước ao lấy được người chồng có dăm ba chữ trong bụng, hơn là hạng giàu có vô học:

*Chẳng tham tựa lúa anh đầy
Tham dăm ba chữ cho tay thế gian.*

Thế rồi một ngày kia cơ duyên đưa đến, nàng đã gặp người trong mộng của mình:

- Có thể do cùng làm việc với nhau:
*Vụ năm cho đến vụ mười
Trong làng kẻ gái người trai đua nghề.*
- Có thể do bạn bè giới thiệu :

*Ấy ai dắt mối tơ lành
Cho thuyền quen bến, cho anh quen nàng.*

- Có thể gặp nhau nơi hội hè đình đám:

*Trèo lên quan đốc
Ngồi gốc cây đa
Ai xui cho đôi mình gặp
Xem hội cái đêm hôm rằm,
rằm tháng giêng.*

- Cũng có thể do sự tình cờ mà hội ngộ:

*Mưa từ trong núi mưa ra
Mưa khắp thiên hạ mưa qua chùa Thầy.
Đôi ta bắt gặp nhau đây
Như con bò gầy gặp bãi cỏ hoang.*

Hai bên, chàng cũng như nàng đang thời mơ hoa, đang khao khát tìm kiếm người tình trong mộng, nay bắt gặp nhau “đồng thanh tương ứng, đồng khí tương cầu”, tiếng sét ái tình tự nhiên phải đến, làm sao tránh khỏi :

*Thiên duyên kỳ ngộ gặp chàng
Khác nào như thể phượng hoàng
gặp nhau.*

Sau đó, người con trai đã kiếm có mời trâu để làm quen:

*Gặp nhau ăn một miếng trâu
Gọi là chút nghĩa về sau mà chào.*

Rồi tỏ tình, cầu duyên:

*Vôi nong trâu thăm ai ơi
Gá duyên chồng vợ ở đời trăm năm.*

Nhưng sống trong xã hội theo Nho giáo kiến xưa, sự tự do luyện ái, tự do hôn nhân không được chấp nhận, lại thêm bản tính người con gái nhút nhát e thẹn, nên dù trong lòng đã yêu ai:

*Từ khi gặp mặt giữa đàng
Thiếp quyết yêu chàng, cha mẹ
nào hay.*

Nàng vẫn phải sống trong vòng lễ giáo, chờ đợi cha mẹ quyết định cuộc hôn phối cho mình :

*Phụ mẫu sở sanh
Để phụ mẫu định.
Trong việc vợ chồng
Chờ lệnh mẹ cha.*

Thế nên, nàng chỉ biết chiều chiều trong những lúc thư nhàn âm thầm nhớ ai, cùng ôn lại những kỷ niệm của ngày tao ngộ :

*Chiều chiều lại nhớ chiều chiều
Nhớ người quân tử khăn điều vắt vai.*

Hay trong khi làm việc, chợt nhớ đến chàng thì nàng không khỏi ngừng thoi mơ mộng:

*Đêm khuya dệt cửu tư vàng
Chợt nhớ đến chàng, cửu lại dừng thoi.*

Và không thể không thầm ước mơ:
*Anh còn son, em cũng còn son
Ước gì ta được làm con một nhà.*

Rồi một ngày đẹp trời nào đó, chàng đã tìm đến làm quen với gia đình. Ôi làm sao nói xiết được nỗi vui mừng của nàng lúc ấy. Nhưng vì sợ cha mẹ, bạn bè đoán biết tình ý đôi bên, sẽ có thành kiến xấu, nên chàng và nàng chỉ dám thoáng đưa mắt nhìn nhau :

*Yêu nhau con mắt liếc qua
Sợ chúng bạn biết, sợ cha mẹ ngờ.*

Song trong khoảnh khắc mà bốn ánh mắt gặp gỡ đó, họ đủ gửi cho nhau bao nhiêu tình ý thiết tha. Từ đấy chàng chăm chỉ qua lại thăm viếng gia đình nàng, và dần dần chiếm được cảm tình của song thân nàng:

Nắng mưa thì giếng nắng đầy

Anh năng đi lại mẹ thấy năng thương.

Nàng nhận thấy, cha mẹ nàng không chỉ có cảm tình với chàng ,mà còn lộ ý sẽ tán thành cuộc hôn nhân duyên đôi lứa, từ đó nàng mới mạnh dạn tiến xa hơn trong cuộc tình.

Lúc chưa chọn được đối tượng thì nàng băn khoăn, lo lắng; khi chọn được rồi thì tình yêu của nàng rất mực lãng mạn, thắm thiết. Nàng những ước mong được gặp ai luôn :

*Ước gì sông hẹp một gang
Bắc cầu giải yếm cho chàng sang chơi.*

Hình ảnh người yêu đã chi phối tất cả tâm hồn nàng. Tình yêu như có phép màu làm thặng hoa cuộc sống; nhan sắc nàng bỗng đẹp rộ lên, đôi mắt thêm long lanh, nét mặt thêm rạng rỡ, má thêm đỏ, tóc thêm mượt :

*Vì chưng ăn miếng trầu anh
Cho nên má đỏ, tóc xanh đến giờ...*

Từ khi có tình yêu, cuộc sống của nàng trở nên rộn rã khác thường. Không gian cũng tràn ngập yêu thương, mọi vật vô tri hiện diện chung quanh nàng đều trở nên có ý nghĩa , chúng như có linh hồn, chia sẻ với nàng từng phút giây hạnh phúc:

*Chén tình là chén say sưa
Nón tình em đội nắng mưa trên đầu
Lược tình em chải trên đầu
Gương tình soi mặt lầu lầu sáng trong.*

Nàng mong sớm có ngày, chàng và nàng sẽ bên nhau trong cuộc sống thân cận lứa đôi :

*Ước sao ăn ở một nhà
Ra vào đụng chạm kẻo mà nhớ thương.*

Trí tưởng tượng của nàng còn vẽ phóng ra một cuộc sống vợ chồng tràn ngập hạnh phúc. Trong đó, cuộc sống của nàng gắn bó thiết tha với cuộc sống của chàng :

*Cái quạt mười tám cái nan
Ở giữa phết giấy hai nan hai đầu
Quạt này anh để che đầu
Đêm đêm đi ngủ chung nhau quạt này.
Ước gì chung mẹ chung thầy
Để em giữ cái quạt này làm thân
Rời ra chung gối chung chăn
Chung quần chung áo chung khăn đội đầu.
Nằm thì chung cái giường tàu
Dậy thì chung cả hộp trầu ống vôi
Ăn cơm chung cả một nồi
Gội đầu chung cả dầu gội nước hoa
Chải đầu chung cái lược ngà
Soi gương chung cả cành hoa giắt đầu.*

Trong những ngày tháng yêu đương thơ mộng đó, khi được dịp gần gũi bên người tình, nàng sẵn sóc chàng một cách tình tứ :

*Thương chàng tha thiết, thiết tha
Áo em hai vạt trải ra anh ngồi.*

Và nàng đã âu yếm mời chàng những miếng trầu tình nghĩa. Nàng giải thích cho bạn tình hay, nàng đã tẽm những miếng trầu đó thật đặc biệt, dành riêng cho chàng, trong đó gói ghém bao nhiêu tình ý mặn nồng.

Đối với nàng, miếng trầu lúc này không chỉ là một vật chất đơn thuần mà là một biểu hiện của tình yêu. Nói khác đi, nó chính là tình yêu của nàng đã hóa thân:

*Trầu này trầu tính trầu tình
Trầu nhân trầu nghĩa trầu mình, trầu ta.
Trầu này tẽm tới hôm qua*

Dấu cha, dấu mẹ đem ra cho chàng.

Suốt thời gian này, nàng và người yêu đã có với nhau khá nhiều kỷ niệm nên thơ. Trong đó, mỗi cảnh sắc thiên nhiên họ cùng nhìn ngắm; mọi nơi chốn họ đã đi qua... không những là chứng nhân cho cuộc tình này, mà còn là đơn vị để so sánh thực tại tình yêu của họ :

*Nước sông Tô vừa trong, vừa mát
Em ghé thuyền vào đỗ sát thuyền anh.
Dừng chèo muốn ngó tâm tình
Sông bao nhiêu nước thương mình
bấy nhiêu.*

Tình yêu của nàng và chàng đã chan hòa trong không gian, tràn ngập trên cây cỏ... Dưới con mắt yêu đương của nàng, giữa không gian và tình người không có biên giới nữa; nàng không còn nhận biết, tình yêu của nàng bát ngát mênh mông như đồng lúa, hay đồng lúa mênh mông bát ngát như tình yêu của nàng :

*Đứng bên ni đồng, ngó bên tê đồng
thấy mênh mông bát ngát
Đứng bên tê đồng, ngó bên ni đồng
thấy bát ngát mênh mông.*

Rồi tới một ngày nào đó chàng phải rời xa, phải trở về cố hương. Vì quá quyến luyến ai, nàng thường viện cớ này cớ nọ, năn nỉ chàng nán lại :

*Gió vàng hiu hắt đêm thanh
Đường xa, dặm vắng xin anh đừng về.
Nếu không thểặng đừng, nàng
tha thiết xin chàng :*

*Chàng về để áo lại đây
Phòng khi em nhớ cầm tay đỡ buồn.*

Nàng quá bịn rịn nên chi đã ba phen lên ngựa, chàng vẫn chưa thể dứt áo mà đi:

*Ba phen lên ngựa ra về
Cầm cương níu lại xin đề câu thơ.
Câu thơ ba bốn câu thơ
Câu đợi, câu chờ, câu nhớ, câu mong.*

Trong giây phút từ ly ấy, nàng không quên dặn dò khích lệ chàng, hãy vững lòng tin ở tương lai tốt đẹp, mà cố gắng thuyết phục cha mẹ chấp nhận cuộc hôn nhân này :

*Anh về em nắm cổ tay
Em dặn câu này anh chớ có quên
Non sông đã nặng lời nguyện
Đừng non tay lái cho thuyền lật ngang
Muốn sang, khảm cổ mà sang.*

Riêng nàng xin hứa, sẽ một lòng gìn vàng, giữ ngọc đợi người :

*Duyên đôi ta thề nguyện từ trước
Biết bao giờ ta được cùng nhau.
Tương tư mắc phải mối sầu
Em đây vẫn giữ lấy màu đợi anh.*

Không chỉ riêng nàng, cả chàng cũng nguyện giữ mình trong sạch, chờ ngày thành hôn :

*Mẫu đơn nở cạnh nhà thờ
Đôi ta trinh tiết đợi chờ lấy nhau.*

Lời cuối cho chàng là nỗi băn khoăn không biết bao giờ chàng trở lại

*Nhạn về bể bắc nhận ơi
Bao thuở nhận hỏi để ến đợi trông?*

Giờ đây chàng đã thực sự lên đường. Nàng tiễn đưa ai bằng hai hàng nước mắt :

*Đưa nhau một bước lên đường
Cỏ xanh hai dãy mấy hàng châu sa.*

Và nàng còn đứng nhìn với theo
mãi cho tới khi bóng chàng khuất hẳn,
chỉ còn đây một mình nàng nhỏ bé, cô
đơn trước không gian bao la, sông
nước mênh mông, rừng cây thăm thẳm:

*Anh đi em một ngó chừng
Ngó sông sông rộng, ngó rừng rừng sâu.*

Và từ đó, nổi nhớ, niềm thương
không lúc nào nguôi ngoai :

*Một thương, hai nhớ, ba sầu
Cơm ăn chẳng được, ăn trầu cầm hơi.
Thương chàng lắm lắm chàng ơi
Biết đâu thanh vắng mà ngồi thờ than.*

Tâm sự riêng của nàng không thể
bày tỏ cùng ai, có chăng là ngọn đèn
dầu trong đêm khuya khoắt. Thương
thay ! ngọn đèn cũng đã tắt lụi để mình
nàng cô đơn, vò vố, gặm nhấm mối
sầu xa cách :

*Đêm khuya thấp chút dầu dư
Tim lan cháy lụn, sầu tư một mình.*

Tin tức của ai một ngày một vắng,
nhưng nàng đã quyết tâm đợi chờ :

*Sông sâu cá lội mất tăm
Chín tháng cũng đợi, một năm cũng chờ.*

Và :

*Dầu xa, dầu cách mấy năm
Nhưng em cũng phải chí tâm đợi chàng.*

Rồi :

*Một chờ, hai đợi, ba trông
Bốn thương, năm nhớ,
bảy tám chín mong, mười tìm.*

Vâng, đúng thế :

*Thương nhau nên phải đi tìm
Nhớ nhau một lúc như chim lạc đàn.*

Nhưng nàng là phận gái, đâu dám
phiêu lưu ? Chỉ biết ao ước :

*Ước gì có cánh như chim
Bay cao, liệng thấp đi tìm người thương.*

Và ngày ngày dõi nhìn về hướng
chàng đi để mong thấy bóng ai về.
Nhưng than ôi:

*Núi cao chi lắm núi ơi
Núi che mặt trời, chẳng thấy người thương.*

Nhiều lúc quá tủi thân, nàng tìm
một xó vắng ngồi khóc, để mặc cho hai
hàng nước mắt dầm dề tuôi rơi:

*Nhớ ai em những khóc thầm
Hai hàng nước mắt dầm dề như mưa.*

Trong đám chị em bạn bè, có người
biết được tình cảnh thương nhớ, đợi chờ
của nàng, đã lên tiếng khuyên nhủ :

*Duyên kia ai đợi mà chờ
Tình kia ai tưởng mà tơ tưởng tình?*

Nhưng nàng không muốn nghe,
một mực khẳng định :

*Tôi thương người ấy nhiều nhiều
Người ấy thương lại bao nhiêu mặc lòng.*

Nàng vẫn thầm hỏi , ai kia còn nhớ
đến nàng chẳng? Riêng nàng, nguyện
một dạ thủy chung đợi chờ:

*Thuyền ơi có nhớ bến chẳng
Bến thì một dạ khăng khăng đợi thuyền.*

*

Thời gian lặng lẽ trôi qua, rồi một
ngày kia chàng trai đã thực hiện được
giấc mộng của đời mình:

*Nhờ ơn cô bác giúp lời
Chị em giúp của, ông trời định đời.*

Chàng được cha mẹ chấp thuận
trở lại chốn cũ, cưới người tình xưa.
Sau khi đã đủ lễ bộ “Tiền cưới trao tay”,
“Tiền cheo rắp nước”, chàng đã
được phép đón dâu đi.

Khao khát là thế, chờ đợi là thế mà
khi xuất giá vu qui, người thiếu nữ phải

rời xa cha mẹ, rời xa mái nhà thân yêu,
đã không khỏi ngậm ngùi lưu luyến :

*Ra đi ngó trước ngó sau
Ngó nhà mấy cột, ngó cau mấy buồng.*

Nhưng :

*Thuyền phải theo lái, gái phải theo chồng
Chồng đi hang rắn hang rồng cũng theo.*

Nay lấy được người chồng yêu
thương, xứng ý vừa đôi là nàng đã
được an ủi rất nhiều.

Về đến nhà chồng, khi tiệc tùng đã
xong, bà con cô bác đã ra về . Trong
phòng riêng chỉ còn nàng đối diện với
người thương, nói làm sao xiết cái
hạnh phúc của vợ chồng nàng trong
đêm tân hôn ấy.

Chúng ta thử tưởng tượng một
mẫu đối thoại dí dỏm của cô dâu chú
rể trong đêm động phòng hoa chúc. Cô
dâu e lệ hỏi chú rể :

Đêm khuya thiếp mới hỏi chàng

Cau xanh ăn với trầu vàng xứng chăng?

Chú rể sung sướng hiêu hiêu đắc
chí trả lời :

Trầu vàng nhá với cau xanh

Duyên em sánh với tình anh tuyệt vời !

Sau đó, chàng bắt đầu nịnh vợ
nhưng rồi lại hơi tỏ ý ghen bóng ghen
gió. Thật ra, đây chỉ là một cách nói
làm duyên với cô vợ mới cưới mà thôi:

Cổ tay em trắng lại tròn...

(Hử !...)

Để cho ai gói đã mơn một bên?

Cô dâu hẳn sẽ trả lời, đại khái là :

Thân em như tấm lụa đào

Dám đâu xé lẻ vuông nào cho ai.

Dù đã biết chắc tình yêu tuyệt đối
thủy chung của vợ, chàng vẫn muốn
được nàng xác định một lần. Sau khi
đã thỏa lòng mong đợi, chàng sung
sướng tận hưởng cái hạnh phúc đầu
gối tay ấp của mình :

Gối chẵn gối chiếu không êm

Gối lụa không mềm bằng gối tay em !

Và hai vợ chồng nàng cùng mãn
nguyện cho cuộc hôn phối tốt đẹp này:

Anh lấy được em, bỏ công ao ước

Em lấy được anh, thỏa dạ ước ao !

(còn tiếp)

Phạm Thị Nhung
(Paris)



NỤ HÔN

1

Dù chưa trọn kiếp bên nhau,
cũng không quên được
những gì em trao.

2

Trái quý em cho, ngọt giọng mời
và môi em - một loài trái ngọt
Nụ hôn đầu,
In dấu tận hồn tôi.

3

Dòng đời xuôi ngược như con nước,
Tôi - kẻ đầu tiên đẩy mũi sào.
và chẳng muốn rời em nửa bước,
trời Seattle, đêm ấy rất nhiều sao.

4

Mỗi năm nhớ đến quà sinh nhật,
tôi viết gì đây cho hình tượng xa xăm.
Đêm cúi xuống hôn môi người đối mặt,
và gọi gió về làm giông bão chỗ nằm...

5

Đêm sinh nhật,
Nhớ về em
Nụ hôn trinh nữ - đến nay còn thềm.

VIỆT BẰNG

(California)

CHỈ CÓ MỘT NGƯỜI

Gửi Thái Phượng

Em đến bên anh bất ngờ như
cơn gió thoảng
Anh xao xuyến bàng hoàng như
thuở mới lớn lên
Những giây phút bên nhau thần tiên
như ảo mộng
Giờ xa nhau rồi biết ai còn nhớ ai không?
Nhớ môi ai thơm nồng như phấn thông
trong gió
Nhớ ánh mắt ai nhìn như bỏ ngỏ con tim
Cho cả thế giới biết rằng tôi đang yêu đó
Cho đến cuối cuộc đời chỉ có
một người thôi

HỒNG THỦY

(Maryland)



THÁI PHƯỢNG

(Richmond, VA)

BÀI VÈ

Lê Thương

Hôm nay, Hạnh cũng lại tới lớp sớm mười lăm phút, trong khi chờ đợi các em học sinh đến đông đủ, nàng lấy bài giảng về “Bài Vè” đọc lại thêm một lần nữa. Hạnh tình nguyện dạy Lớp Việt Ngữ này vào ngày Thứ Bảy và Chủ Nhật, mỗi ngày hai tiếng. Nghe đâu, ở các tiểu bang khác cũng như ở các nước có người Việt cư ngụ đều có mở các lớp Việt Ngữ để dạy Tiếng Việt cho các em và dạy lịch sử để các em nhớ nguồn gốc quê hương, tổ tiên mình.

Hạnh thầm nghĩ tiếng Việt của dân tộc ta dồi dào, phong phú quá, từ các tác phẩm văn xuôi như Trống Mái, Đò Dọc, Chú Tư Cầu... đến các tác phẩm văn vần với những câu Kiều bất hủ, những câu Cung Oán nã nê, những lời Chinh Phụ Ngâm buồn vơi vợi... cho đến những vần ca dao ngọt ngào mà mỗi lần ngâm lên là tình cảm đậm đà, lai láng len lén len lỏi vào tim:

Ta yêu mình lắm mình ơi!

Yêu mình tình nét con người giống ta.

Yêu mình như thể yêu hoa,

Biết rằng mình có yêu ta chẳng mình?

Bất giác, một ý nghĩ hơi lãng mạn rón rén vào tâm hồn khi Hạnh mừng tượng đến hình ảnh Anh Vọi đang kéo lưới trong “Trống Mái” của Khải Hưng; Anh Xòn đang kéo nước tưới thuốc trong “Đò Dọc”

của Bình Nguyên Lộc và Anh Tư Cầu đang chần vọt trong “Chú Tư Cầu” của Lê Xuyên khiến đôi má ửng hồng, nàng tự bẽn lẽn với chính mình.

Tiếng ồn ào của các em kéo Hạnh về với thực tại, nàng đứng lên đến bên bàn viết, lấy thước gõ mấy nhịp lên bàn để các em ngồi yên, đoạn bắt đầu bài học:

- Hôm nay, chúng ta học về những “bài vè”...

Nói đến đây, Hạnh nhìn xuống lớp thấy các em đưa mắt ngó nhau ra vẻ không hiểu, chợt Khánh giơ tay lên, Hạnh ôn tồn:

- Khánh, em có điều gì cần hỏi?

- Thưa cô, “bài vè” là bài gì vậy?

Với cử chỉ khoan thai, Hạnh ra dấu cho em Khánh ngồi xuống rồi đáp:

- Vè là những câu hát bắt vần của đồng bào bình dân ta ở chốn thôn dã để khi chèo ghe, lúc kéo lưới, khi gặt lúa, trồng khoai, tát đìa... họ cùng nhau hát lên hầu quên đi sự mệt nhọc, vất vả mà vẫn không kém phần thi vị. Rồi những lúc rỗi rãi, người dân nơi thôn quê lại sáng tác thêm những bài vè mới, truyền khẩu khiến cho kho tàng văn học bình dân của ta cứ ngày một thêm phong phú, sống động. Vè có nhiều loại như vè chúc tết, vè lịch sử, vè về các anh hùng dân tộc, vè về tình tự quê hương, vè chim muông, vè cá, vè bánh, vè trái cây...v...v... Hôm nay, chúng ta sẽ học một số trong các bài vè nói trên. Trước tiên, để cô hát bài vè về chim cho các em nghe:

Vè Chim

Nghe về nghe ve, nghe về cảm thú,

*Hay quẹo hay dụ là nàng Chim Quyên.
Nét ở chẳng hiền là anh Còng Cọc
Làm ăn mệt nhọc là chim Le Le,
Nghe về nghe ve con chim Chèo Bẻo.
Chun đi khắp khổ là chàng Cò Ma,
Tối chẳng dám ra là chị Mỏ Nhát.
Chim ăn từng vạc là đám Chàng Bè,
Kiếm ăn xó hè là chim Lánh Lót.
Cầm sào mà dọt là nàng Chim Công,
Đỏ mỏ xanh lông là chị Chim Trĩ.
Đánh nhau binh bị là chim Bò Sau,
Cỏ sách cầm màu là chim Thầy Bói.
Không ai cười hời là chị Bông Lông,
Ở giá không chồng, Te Te Hoàn Hoạch.
Dạ bèn cầm sắt là nàng Chia Vôi,
Nói láo không thôi là anh Chim Vịt...*

Hạnh hát xong bài về về chim, cả lớp nhao nhao:

- Nghe nó có vắn hay quá cô hén!
- Cô hát nữa cho chúng em nghe đi...
- Cô sẽ hát nữa, nhưng mà cô hát rồi các em phải nhớ, phải thuộc lòng và hát lại cho bạn bè nghe mới được. Bây giờ cô sẽ hát tiếp bài về về cá:

Về Cá

*No lòng chặt dạ là con Cá Cơm,
Không ướp mà thơm là chú Cá Ngát.
Bay cao bay thấp là nàng Cá Chim,
Hụt cẳng chết chìm là anh Cá Đuối.
Lâu năm nhiều tuổi là Cá Bạc Đầu,
Đủ chữ xứng câu là con Cá Đồi.
Nở mai, tàn tối là Cá Vá Hai,
Trắng nuốt béo dài là Cá Út Thịt.
Dài lưng hẹp kích là Cá Lòng Tong,*

*Ốm yếu hình dong là con Cá Nhái.
Đúng lời van vái là con Cá Linh,
Mập xác tày đình là Cá Nhà Táng.
Cứu dân thoát nạn là Cá Ông Voi,
Lắm râu nhiều vôi là con Cá Mực.
Ở đầm ở vực là chú Cá Trê,
Chợ búa ê hề là loài Cá Lóc.
Nhảy như con cóc là chú Cá Kèo,
Lặn đuối trèo đèo là con Cá Lặng.
Đớp móng lặn tẩn là loài Cá Rô,
Làm mắm, làm khô là con Cá Sặt.
Tuom tắt ăn mặc là chị Cá Bông,
Lặn lội lòng vòng là con Cá He.
Tránh né chàng bè là con Cá Chốt...*

Hạnh vừa hát xong, các em lại ồn ào lên:

- Hay quá! Cô hát hay quá à!
- Cô Hạnh của mình hát hay như ca sĩ...

Nghe các em bình phẩm, Hạnh mỉm cười rồi đáp:

- Không phải cô hát hay đâu mà tại bài về hay. Các em thấy chưa, tiếng Việt của mình hay, đẹp, ngọt ngào, dồi dào, phong phú như vậy đó. Cho nên các em phải ráng học để đừng quên tiếng Việt của mình hầu khi lớn lên các em có dịp thưởng thức những tinh hoa của tiếng Việt ta. Bây giờ cô hát tiếp bài về về bánh...

Hạnh chưa dứt lời, đầu đó trong lớp có tiếng vắn vơ:

- Em thích bánh lắm.
- Rồi bé Phượng buột miệng:
- Vâng, em cũng thích bánh lắm.

Em Hiền lại tiếp theo:

- Em cũng vậy, em cũng thích bánh lắm!

Nghe về ngây thơ của các em, lòng Hạnh dâng lên một niềm triu mến vô bờ bến, rồi mỉm cười nghĩ thầm: “Bánh này là bánh của bài hát chứ không phải bánh thiết đầu mà mơ”, Hạnh lại tiếp tục bài học:

Về Bánh

*Tròn như mặt trăng, vốn thiết Bánh Xèo,
Có cười có cheo, chính là Bánh Hời.
Đi mà không giới, đó là Bánh Bò,
Ăn chẳng đặng no, nó là Bánh Ít.
Ít xích ra nhiều, ấy là Bánh In,
Mập chẳng muốn nhìn, ấy là Bánh Ú.
Căng lên chưa đủ, nó là Bánh Phồng,
Nổi chìm dưới sông là Bánh Trôi Nước.
Biết đi, biết bước vốn thiết Bánh Chung,
Có ním trên lưng là Bánh Ngự Đệ.
Mật đường đem chế thành Bánh Da Trời,
Để đĩa đem mời, Bánh Trong, Bánh Lọc.
Cay gần muốn khóc vốn thiết Bánh Gừng,
Lạt cột trên lưng, nó là Bánh Tét.
Bón căng hay lét, chính thiết Bánh Quy,
Hay nẻ hay vì là Bánh Xôi Vịt.
Bỏ vỏ trong bì, vốn thiết Bánh Bao,
Trong sáng như sao là Bánh Bột Báng.
Tròn như viên đạn, chính thực Bánh Cam,
Ăn ở chàm bàm ấy là Bánh Ổ.
Tròn mà lỗ đỏ, nó là Bánh Căng,
Đầy mình có răng là Bánh Da Lợn.
Mạt gai lợn cợn vốn thiết Chè Khoai,
Ăn vô ngựa hoài, nó là Bánh Dứa.
Lấy chông có chứa, vốn thiết Bánh Bâu,
Xe nhợ đi câu là Bánh Bao Chỉ.
Hấp ra nhỏ tí, vốn Bánh Ít Trần,
Phơi để ngoài sân, nó là Bánh Tráng.*

*Giữa rằm tháng tám là Bánh Trung Thu,
Say sưa gât gù, chính là Xôi Rượu...*

Hết bài hát lại cảnh lao nhao, các em hỏi về các thứ bánh làm Hạnh trả lời bất mệt. Chợt Hải đưa tay lên hỏi:

- Thưa cô, bộ bánh dứa ăn vô ngứa lắm hả cô?

Hạnh bật cười thành tiếng rồi đáp gọn lòn:

- Ai biết đâu nà!

Bé Việt móm ý:

- Em về hát những bài về này cho ba má em nghe.

Hạnh mỉm cười đáp lời Việt:

- Chưa chắc đâu nghe, có thể ba má của các em đã thuộc hết những bài về này rồi, không những thế, ba má các em còn hát cho các em nghe những bài về khác còn hay hơn nữa kia.

Liếc nhìn đồng hồ, sắp sửa hết giờ, Hạnh giục các em:

- Để cô hát một bài nữa cho các em nghe rồi mình về, hết giờ rồi.

Lại một cánh tay đưa lên, Thùy Dương với giọng Huế rặc, rất dễ thương:

- Thưa cô, lần này cô hát về bánh nữa phải không cô?

Hạnh đáp lời Thùy Dương, giọng vừa giễu cợt vừa âu yếm:

- Thôi, bánh như vậy đủ rồi, Thùy Dương thích ăn trái cây không? Xứ của mình nhiều trái cây lắm, để cô hát tiếp cho mấy em nghe:

Về Trái Cây

Nghe về nghe về nghe về trái cây,

*Dây ở trên mây là Trái Đâu Ròng.
Có vợ có chồng là Trái Đu Đủ,
Bỏ ra nhiều mũ là Trái Mít Ướt.
Hình tựa gà xước, vốn thiệt Trái Thơm,
Cái đầu chom bom đúng là Bắp Nấu.
Hình thù rất xấu là Trái Mắt Mèo,
Cả đời lo nghèo là Trái Bàn Ổi.
Sông sâu chẳng lội là Trái Mãng Cầu,
Chẳng thấy nàng dâu thiệt là Trái Cách.
Trong ruột óc ách, vốn thiệt Dừa Xiêm,
Hễ chín thâm kim, Chuối Già, Chuối Sứ.
Tam tung, tứ tự là Trái Dưa Gang,
Bí ngô Miền Nam, vốn là Bí Rợ.
Mẹ sai đi chợ, vốn thiệt Trái Dâu,
Ở những ao sâu, đúng là Bông Súng.
Chẳng lên lẽ cùng, vốn thiệt Trái Sung,
Nhỏ mà cay lung là Trái Ót Hiểm.
Liếm thử chua lè, chính thiệt Trái Me,
Nặng chẳng cần che, vốn là Rau Mát.
Bóp nắn chà xát, ấy là Trái Chanh,
Nhỏ mà làm lạnh là Đào Lộn Hột.
Chặt đầu mà lột là Trái Bưởi Chua,
Bán chẳng ai mua là Trái Cứt Quạ.
No lòng phí dạ là Trái Chuối Cơm,
Xắt để chom bom thiệt là Trái Khế.
Thất tình, thất thế là Trái Khổ Qua,
Ăn ỉa không ra là Trái Chuối Hột.
Vỏ chẳng cần lột, vốn thiệt Hột Tiêu,
Thối có vẫn diệu là Trái Cóc Kèn.
Rủ nhau đi rền là Trái Đậu Rựa,
Đua nhau chọn lựa chính Trái Đành Đành.
Cam Giấy, Cam Sành, Chuối Già, Chuối Sứ,
Nhưng không lịch sự bằng Táo với Hồng.
Những gái chưa chồng muốn ăn mua lấy...*

Trước khi tan học, Hạnh phát cho mỗi em học sinh một bản “copy” của các bài về để các em đem về nhà học.

Trên đường về, Hạnh mỉm cười khi nghĩ đến buổi học khá vui hôm nay và những khuôn mặt thơ ngây dễ thương của các em. Rồi nàng lại nghĩ thầm: “Tiếng Việt ta từ văn chương bác học cho đến văn chương bình dân đều đậm đà, phong phú. Các xã hội Tây phương có những ưu điểm riêng của họ nhưng truyền thống văn hóa hơn 4.000 năm của con Rồng cháu Tiên cũng có những giá trị tinh thần dồi dào, đáng được bảo tồn và gìn giữ. Chính vì thế mà các nhà văn hóa, các học giả, các nhà văn, nhà thơ, nhà báo... của ta ở hải ngoại ngày đêm nỗ lực bảo tồn và nuôi dưỡng những tinh hoa này. Không những bảo tồn và nuôi dưỡng mà họ còn cố gắng phát triển nữa. Họ là những chiến sĩ cầm bút đang âm thầm chiến đấu trên mặt trận văn hóa ở hải ngoại. Họ mang trên vai một trách nhiệm đối với gia tài văn hóa Việt to lớn mà thời gian, quãng đường sẽ làm cho trách nhiệm này mỗi ngày một nặng hơn...” Đang miên man với những ý nghĩ trên, bỗng Hạnh vượt đèn đỏ..., nàng giật mình ngó dáo dác chung quanh, nhưng cũng may không có thầy Cảnh Sát nào ở gần đó!

Lê Thương

Richmond - Virginia - 08-2009

XẺ NỬA VẰNG TRĂNG

Xẻ nửa vầng trăng lại chốn này
Nửa theo người tận cuối chân mây
Chiều phai chưa vội cơn sầu lắng
Đêm xuống thêm dân nỗi nhớ đầy
Nhấn phím đàn buồn tim héo hắt
Sôi gương môi đọng nét hao gầy
Gió khuya xào xạc ngoài song cửa
Đất vội trầm hương nghe mắt cay.

ĐOÀN NGỌC KIỀU NGÀ

(Boston 01/07/2009)

Họa

TRĂNG ĐẤT KHÁCH

Ngàn năm trăng vẫn bóng trăng này
Cõi tạm đi về cảnh nước mây
Đất khách mệnh mang sầu diệu vội
Trời quê mù mịt nhớ thương đầy
Tro tàn, bếp lạnh chiều đông giá
Trăng ngậm sương khuya vóc liễu gầy
Gối mộng u hoài mơ cố quận
Giật mình trở giấc mắt cay cay!

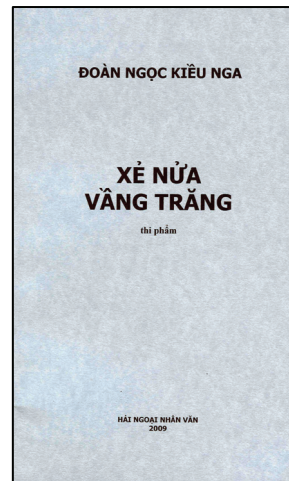
HỒ CÔNG TÂM

(Austin 01/08/09)

TRĂNG THU BÀNG BẠC

Trăng Thu trái kín đôi mơ
Ánh trắng bàng bạc ảo mờ không gian
Mây lênh đênh gió lang thang
Tơ tình vương vấn từ ngàn năm xưa
Đường đời qua những nắng mưa
Hắt hiu một bóng cũng vừa phận tôi
Tình thơ để lỡ mất rồi
Trăm năm mộng hảo thì thôi bể bàng
Lối xưa hoa nắng rộn ràng
Bây giờ lối cũ lá vàng rụng rơi.

QUỖNH ANH (Virginia)



Liên lạc:
HẢI NGOẠI NHÂN VĂN
P.O. BOX 91122
AUSTIN, TX 78709

Yêu một lần đi

Thơ : Dương-Đình-Hưng
Nhạc : Nguyễn Tường-Vân
Hòa-âm : Đặng-Vũ Khánh

F *Slow-Rock* *A#*

The musical score is written on a single treble clef staff in the key of A major (indicated by three sharps: F#, C#, G#) and common time (C). The tempo is marked 'Slow-Rock'. The score consists of 13 measures. Measure 1 starts with a whole rest, followed by a half note A# and a quarter note G# in measure 2. Measure 3 begins with a new line of music. Chords are indicated by letters above the staff: F, A#, Cm, F, D#, Cm, Gm, F, F7, A#, Gm, Cm, F, D#, Cm, F, A#, D#, A#, A#, and A#7.

Em cứ yêu, yêu một lần đi, Yêu một lần
đi cho biết hương đời, Yêu một lần thôi, yêu
đi, yêu cho má hồng tươi, Em cứ yêu, yêu một lần
đi, Yêu một lần đi cho thấm xuân đời, Yêu
một lần thôi Yêu đi, cho đời rộn rã tiếng cười
Vào cung điện tình yêu, dệt ân tình nên

15 *D# Cm F A#*
thiếu, Tình yêu, như sóng muôn chiều, ! Tình tan vào sương

18 *Dm A#7 D# Cm F A# D#*
khói, người vui niềm vui mới, em ơi, yêu thử một lần thôi

21 *A# F A# Gm*
! Em cứ yêu, yêu một lần đi, Cho dù mai

23 *Cm F D#*
dây ta sẽ chia lìa, Yêu một lần thôi, yêu

25 *Cm Gm F F7*
đi, yêu cho đắm tình si, Em cứ yêu, yêu một lần

28 *A# Gm Cm F*
thôi, yêu một lần thôi trong phút huy hoàng, Cho

30 *D# Cm F A#*
dù thời gian ly tan, kỷ niệm còn mãi không tàn !



ĐƯỜNG ĐI KHÔNG MỎI

ĐỖ BÌNH

Tôi phải bắt đầu như thế nào khi viết về một người mà tôi quá thân và quý trọng về nhân cách lẫn tài năng. Tôi định sau này dành thời gian sẽ viết về những khuôn mặt làm văn hóa mà tôi đã may mắn được quen biết. Hôm nay sau khi đi thăm bà, nhìn hình dáng như vầng trăng khuyết, sắp tàn, do tuổi đời đã gần chín mươi. Thấy bà đang cặm cụi trên những bản tranh, những trang bản thảo thơ mà lòng tôi trào dâng xúc động! Có lẽ bà đang cố chống chọi với thời gian để hoàn thành tác phẩm cuối đời. Do đó tôi quyết định viết về người nữ sĩ này mà chẳng đợi về sau, như một món quà mang chút ân tình tri ngộ. Tôi còn nhớ bài thơ bà viết tặng tôi đã lâu, đó là một đồng cảm về tình quê hương:

*" Ngàn dặm cách biệt cố hương,
Tình quê u uẩn nhớ thương nào nề.
Thu đông mấy bận đi về
Hoài trông non nước u ê cõi lòng. "*
Thanh Hương Các, Ba Lê 1997
(Minh Châu)

Nữ sĩ Minh Châu Thái Hạc Oanh là một khuôn mặt quen thuộc trong giới sinh hoạt Văn Học Nghệ Thuật Việt Nam tại Paris và hải ngoại. Bà cùng nhà thơ

Phương Du là những cột trụ của Ba Lê Thi Xã do giáo sư Cao Văn Chiêu và luật gia Nguyễn Xuân Nhân đồng sáng lập, một hội quy tụ nhiều trí thức khoa bảng, như giáo sư đại học, bác sĩ, luật gia học giả, dịch giả...vv..nhưng có tâm hồn thơ nên có nhiều người đã thành danh trong làng thơ ngày trước và hiện nay. Nhiều người đã khuất như: nhà thơ Đào Trọng Đủ, nhà thơ Hương Bình Cao văn Chiêu, nhà thơ Hàm



Nữ Sĩ Minh Châu
Thái Hạc Oanh

Thạch Nguyễn Xuân Nhân, nhà thơ Bằng Văn Trần Văn Bằng, nhà thơ Đoàn Đức Nhân, Nhà thơ Huỳnh Khắc Dụng, nhà thơ Lương Giang Phạm Trọng Nhân, nhà thơ Phượng Linh Đỗ Quang Trị, nhà thơ Nguyễn Thường Xuân, nhà thơ Việt Hoài, nữ sĩ Liên Trang Phạm thị Ngoạn (Ái nữ cụ Phạm Quỳnh), nữ sĩ Thanh Liên. Những người còn sống như: Nhà thơ Song Thái Phạm Công

Huyền (ngoài cứu tân), nữ sĩ Minh Châu Thái Hạc Oanh, nữ sĩ Quỳnh Liên Công Tăng Tôn Nữ Quỳnh Liên, nữ sĩ Phạm Thị Nhung, nhà thơ Vân Uyên Nguyễn Văn Ái, nhà thơ Khuê Trai Vũ Quốc Thúc, nhà thơ Phương Du Nguyễn Bá Hậu, nhà thơ Hương Giang Thái Văn Kiểm, nhà thơ Hoài Việt Nguyễn Văn Hương, nhà thơ Hồ Trọng Khôi, nhà thơ Đỗ Bình (ít tuổi nhất)..vv..

Nữ sĩ là một trong những người tích cực nhất trong hội chăm lo vườn thơ. Sự

nghệ văn học nghệ thuật của bà trải dài hơn nửa thế kỷ qua những tác phẩm mà chủ đề luôn gắn bó giữa quê hương và tình yêu, bằng ngôn ngữ sắc màu tạo hình. Những tác phẩm tranh lụa đã đưa tên tuổi của Minh Châu Thái Hạc Oanh vào vị trí tầm vóc hàng đầu trong nền nghệ thuật nước nhà. Bà là giáo sư các trường trung học kỹ thuật Sài Gòn, và cùng bà Trương Thị Thịnh trước năm 1975 là hai nữ họa sĩ và giáo sư chính thức giảng dạy trường Quốc Gia Cao Đẳng Mỹ Thuật. Năm 1971 bà triển lãm tranh lụa tại Đại Hàn và Nhật Bản. Năm 1972 đã trưng bày một cuộc triển lãm tranh lụa và sơn dầu tại Alliance Française Sài Gòn, bức tranh Tứ Đức được ông Nguyễn Tấn Đồi cựu dân biểu VNCH, cựu chủ tịch phòng thương mại Sài Gòn, chủ tịch tổng giám đốc Tín Nghĩa ngân hàng mua với giá 500.000 đồng để tặng bà vợ. Bức tranh Sắc Sắc Không Không đã được Trung tướng Nguyễn Hữu Cồ mua với giá 70 ngàn thời đó. Năm 1977 tham dự triển lãm salon “ Artistes Française“ ở Grands Palais, tại Paris. Bà vốn là hậu duệ trong một gia đình hoàng tộc, trong đó có rất nhiều danh nhân thi sĩ mà thơ của họ còn truyền tụng mãi hôm nay như Tùng Thiện Vương... Thừa hưởng cái phẩm chất văn học của các bậc tiền bối trong gia tộc, Minh Châu làm thơ ngay từ lúc còn trẻ, khởi đi từ những vắn thơ Đường, Minh Châu đã mạnh dạn bỏ qua những luật quá gò bó của dòng thơ cổ để biến thể hòa vào trào lưu theo sự chuyển xoay của dòng thi ca thời đại, hầu có thể diễn đạt hết những cảm xúc trong tâm hồn. Thịnh thoảng nữ sĩ vẫn làm những bài thơ xướng họa tạc thù với các bạn thơ nhưng ngôn ngữ trong thơ là những hình tượng mang màu sắc hội họa đầy sáng tạo, mới hơn. Thơ Minh Châu

không những đẹp về ý mà còn được thể hiện qua nét họa trong thơ, màu sắc của chất họa được ẩn chứa ở bóng chữ, ý câu trong thơ. Kể từ ngày nữ sĩ lìa xứ sở ra đi, bà đã mang theo quê hương trong tim. Bà sống với kỷ ức qua thơ nên chẳng cần về chốn cũ mà vẫn có thể sưởi ấm tâm hồn; vì quê hương đã là nỗi nhớ ân sâu trong tâm hồn nữ sĩ, giúp nhà thơ dệt lên tác phẩm mang tên Thi Họa Hương Lòng.

Có lẽ ít ai biết người đã đồng tâm và đồng hành với nữ sĩ trong sáng tác; đây những cảm hứng để bà dệt thành những vắn thơ, chất họa; người đó là bác sĩ Huỳnh Minh Châu đảng phu quân của bà. Ông là người không làm thơ, vẽ tranh nhưng lại biết cảm nhận cái hay cái đẹp trong thơ, trong họa. Chính ông đã bình những bài thơ của bà, nhờ đó thơ bà ngày càng khởi sắc. Tôi may mắn thường được nghe bà kể chuyện đời và những câu chuyện văn chương nghệ thuật. Bà giải thích:

“Thường nhật mỗi khi nói đến tranh lụa người ta hay lẫn lộn loại vẽ batik (vẽ lụa theo phương pháp Javanaise) hay vẽ lụa theo lối trang trí (décoration) trên áo, trên khăn quàng, cà vạt khăn bàn..vv.. khi vẽ xong phần trang trí, lụa được đem hấp để giữ cho khỏi phai. Lối vẽ này thường thấy trong mỗi quận Paris, ở đó có những lớp dạy vẽ ngắn hạn, mỗi khóa chừng ba tháng“

Tôi hỏi:

“ Theo cô vẽ lụa trong ngành hội họa Việt Nam có gì đặc biệt?“

Nữ sĩ Minh Châu cười tỏ vẻ hài lòng về câu hỏi. Bà nhấp tách nước trà thắm giọng và nói tiếp:

“Đó là môn học chính trong chương trình trường Quốc Gia Cao Đẳng Mỹ Thuật, mà giá trị ngang với các môn học

chính khác như: Môn Sơn Dầu, Điêu Khắc, Sơn Mài, vì tại nơi đây đã phát xuất lối vẽ lụa và được công nhận như một môn học chính thức.”

Được biết trường Mỹ Thuật có từ thời Pháp thuộc và được tiếp nối đến sau này. Các sinh viên muốn theo học đều phải có bằng tú tài, và qua kỳ thi tuyển về năng khiếu vẽ. Chương trình học tương tự như những trường Mỹ Thuật tại Pháp, và có thêm vài môn thích hợp với tâm hồn bản xứ là môn vẽ lụa và vẽ sơn mài.

Tôi hỏi:

“Vẽ lụa và vẽ sơn dầu cái nào khó hơn?”

-Bà trả lời:

“Vẽ lụa có phần khó khăn hơn vẽ sơn dầu bởi vẽ lụa cần nhiều chi tiết khi thực hiện như tránh xóa bỏ, sửa đổi đường nét, tránh đổi màu. Trong khi đó vẽ sơn dầu chúng ta có đổi màu, thêm hay bớt theo sở thích gam màu của họa sĩ. Theo tài liệu cô đã được đọc khi còn ở VN và khi còn dạy ở trường thì môn vẽ lụa gia nhập chương trình có thể vào năm 1923, 1924 thuở sơ khai của trường Mỹ Thuật Đông Dương (Hà Nội). Giáo sư J. TARDIEU là vị giám đốc đầu tiên của trường mỹ thuật. Cô được nghe họa sư Tôn Thất Đào một trong những người tốt nghiệp các khóa đầu của trường, ông là tác giả nhiều họa phẩm lụa giá trị cũng như các vị giáo sư tiền bối Lê Văn Đệ, Nguyễn Văn Long ..vv., ông kể lại: Nguồn gốc tranh lụa là do tình cờ của một sinh viên thời đó (xin thuật lại với mọi dè dặt) Khi ông ta thực hiện một tác phẩm theo lối thủy mặc, vẽ xong ông không vừa ý liền đem đi rửa, mong sửa đổi đôi chút. Trong lúc rửa một phần màu thấm vào lụa, một phần trôi bớt, hình nét tự dưng trở thành mờ mờ, ảo ảo, nhẹ nhàng, khiến cho tác phẩm trở nên đặc biệt có một giá trị

mới lạ xưa nay chưa từng thấy. Hồi đó ông ta chưa ý thức được sự việc này nên đem tranh thu vào một góc. Đến lúc thầy bảo góp bài, ông đưa bức vẽ ra nhưng trong lòng rất băn khoăn, e dè! Nhưng khi giáo sư J. Tardieu nhìn thấy tác phẩm không những đã không rầy la, mà còn ôm choàng lấy học trò tỏ lời khen ngợi đã có được sáng kiến mới mẻ, rồi khuyến khích tiếp tục dựa trên cách thức vẽ thường ngày mà bổ túc cho hoàn hảo thành một lối vẽ riêng chỉ có ở Việt Nam. Tranh lụa ra đời từ đó và xem như môn học chính tại trường, và được phổ biến khắp nơi.”

Giọng Huế của bà rất êm và nhẹ nhàng dẫn trôi vào thế giới đầy sắc màu làm tôi ngỡ ngàng. Bà thấy tôi im lặng tưởng tôi không muốn nghe nên nói:

“Đỗ Bình đọc thơ cho cô nghe.”

Tôi vội vàng nói:

“Thôi! Cô cứ nói tiếp đi, em đang lạc vào thế giới sắc màu! Theo cô bức tranh lụa nào tuyệt hảo nhất thời ấy?».

Bà trả lời liền mà không suy nghĩ :

«Bức tranh lụa tuyệt hảo nhất là bức: Người Đàn Bà Năm Vòng của họa sĩ Lê Văn Đệ ».

Đôi mắt già mờ mờ ngược ra khung cửa như nuốt tiếc một quãng trời xa xăm đã trôi mất. Bà ngậm ngùi than:

“Chiến tranh và thời gian.. bao nhiêu đổi dời tại quê nhà, không biết bức tranh đó còn hay mất ?!»

Tôi hỏi :

“Sự khác biệt giữa tranh thủy mặc và tranh lụa ?”

Nữ Sĩ Minh Châu:

“Tranh thủy mặc là những bức tranh vẽ bằng mực tàu như tranh thủy mặc Trung Hoa, Nhật Bản, Đại Hàn, nói chung tranh Á Đông. Màu thường nằm trên mặt lụa, và

màu do những chất đá làm ra...Có nhiều đề tài vẽ theo lối học thuộc lòng cho nên chúng ta được chứng kiến ngay trước mắt khi họa sĩ muốn biểu diễn cho xem. Nét phóng nhanh, bay bướm, cũng thật đẹp. Riêng tranh lụa Việt Nam màu thấm vào sợi lụa, vì trong khi vẽ lụa được rửa nhiều lần nên trông trong suốt. Đó là những điểm đặc biệt không vẽ theo lối học thuộc lòng. Khi sáng tác thì tuân tự theo từng giai đoạn như đã thực hiện cho một bức tranh sơn dầu. Kết luận tranh lụa Việt Nam chịu ảnh hưởng của hai lối vẽ Á Đông và Tây Phương, nhưng vẫn giữ được một sắc thái hoàn toàn Việt Nam.

Tôi thấy câu chuyện kéo dài sợ bà mệt định ngưng, nhưng bà hiểu ý tôi liền nói:

“Ta trời cho em đó! Cố gắng nhớ sau mà viết!”

Nghe những lời của bà lòng tôi chùng lại! Ở Paris về phái nữ có hai bà cụ mà tôi thân nhất là bà bác sĩ Nguyễn Duy Tài nay đã mất! Và nữ sĩ Minh Châu. Cả hai đều ở tuổi mẹ của tôi, thường ngày hai bà nói chuyện với tôi về «con người và lẽ đạo».. Mẹ tôi còn ở quê nhà, không muốn qua Pháp, bà muốn được chết trên quê hương! Do hoàn cảnh đất nước tôi không chấp nhận một chế độ độc tài nên đã không về!! Khi nghe nữ sĩ Minh Châu than, hồn tôi rung rung lên, thương bà và nhớ mẹ nơi quê nhà. Tôi cố ngăn dòng cảm xúc để hỏi tiếp:

“Cách thức thực hiện một tác phẩm lụa?”

Bà nhón miệng cười rất tươi nói :

“Thực hiện một tác phẩm lụa cũng giống như thực hiện một bức tranh sơn dầu phải qua những phần chính sau đây:

Trình bày - Bố cục - Đường nét - Màu sắc - Sự sống động toàn diện. Vẽ tranh lụa đòi hỏi người sáng tạo một tâm tình kiên nhẫn, rất công phu, nhiều tỉ mỉ hơn là thực hiện một bức sơn dầu. Vấn đề chọn màu

linh động, nhất là lối hòa hợp giữa các màu đạt đến mức độ màu theo ý muốn. Hình ảnh và đường nét trong bức tranh phải tuyệt đối hoàn hảo, bởi lẽ khi thực hiện không thể sửa được. Có thể nói : «Hạ tịch bất hồi» cho lối vẽ lụa thuần túy. Lối vẽ lụa ở các trường Mỹ thuật Sài Gòn, Huế lụa được căng lên khung gỗ, cho một lớp hồ thật mỏng, nếu không khéo «pha hồ» thì lụa khó ăn màu, khi vẽ đường nét nhoè ra, đôi khi màu loang không thấm vào được lụa thay vì hồ đúng mức, màu chắm đến đâu sẽ thấm nhẹ nhàng vào lụa. Họa sĩ bao giờ cũng vẽ trên lụa ướt, đôi khi đợi lụa tui tui. Lụa phải chọn thứ dệt đều sợi, tránh những phân có gút vì khi thực hiện màu sẽ đọng lại mất phần giá trị tác phẩm. Có thể nói một tác phẩm lụa hình nét phải thật đúng, không sửa, không tẩy. Tranh vẽ hoàn tất chỉ còn những mảng màu hòa hợp với nhau một cách thân tình, kỹ thuật thật điêu luyện làm cho khi nhìn bức tranh thêm xúc cảm, thêm hồn (âm), không phân biệt được mặt trái, mặt phải của bức tranh.”

Tôi chợt thấy bài thơ trong tập bản thảo, bài: “Thơ cho Huế”. Tôi cầm lên rồi ngâm cho nữ sĩ nghe. Tôi thấy khuôn mặt bà lộ những nét hân hoan. Tôi hỏi:

“Cô xa Huế lâu rồi chắc nhớ Huế lắm phải không?”

Bà còn đang xúc động vì bài thơ của mình, mỉm cười nói:

“Huế là máu thịt của cô, là tiếng nói luôn theo bên mình,... Nhưng chao ôi.. thế mà vẫn nhớ Huế da diết chi lạ!”

Bà quên sao được kinh thành Huế năm xưa; thời hoàng kim còn thấp thoáng trong nỗi nhớ được thể hiện qua thơ, trong họa của bà về một kỷ ức tuổi thơ với biết bao kỷ niệm đẹp của gia đình. Thân phụ của nữ

sĩ là một trong những quan nhất phẩm đại triều. Trong số những tấm hình được trưng bày trên bàn, tôi thấy hình của vua Bảo Đại và Nam Phi hoàng hậu, bên cạnh là tấm hình thân phụ của bà đưa vua Bảo Đại lúc còn trẻ sang Pháp. Tôi chợt nhớ ngày vua Bảo Đại băng hà, bỗng có nguồn tin loan nhanh trong giới sinh hoạt: *“Những người muốn dự đám tang của vua Bảo Đại phải có giấy mời”*. Một khúc film thoáng nhanh trong đầu. Tôi nhớ ngày đó tôi muốn đến tiễn đưa vị vua cuối cùng của triều nhà Nguyễn lần cuối, như chút tình của người dân đối với một ông vua. Tôi thương cảm đời của một vị vua chìm nổi theo vận nước đổi xoay, đành phải sống lưu xứ và gởi thác nơi quê người. Nghĩ đến ông mà xót xa cho những thân phận lưu vong! Tôi liên lạc với một số người, nhưng ai cũng đều nhận được nguồn tin trên. Họ lấy làm tiếc vì không nhận được thiệp mời! Tôi liên lạc với ông Tổng thư ký văn phòng liên lạc các hội đoàn người Việt tự do tại Pháp. Ông Dương Văn Lợi cho biết cũng không có giấy mời. Tôi nói:

“Mình cứ đến anh Lợi ạ! Tôi nghĩ đám tang vua Bảo Đại hành lễ ở nhà thờ, chắc nhà thờ không ngăn cản người đi dự lễ đâu?”

Bên kia đầu giây điện thoại ông Dương Văn Lợi nói:

“Chưa chắc đâu! Họ không muốn người ngoài tham dự nên thế nào cũng đòi có giấy mời.”

Tôi liền trả lời:

“Tôi có liên lạc với một số người trong hoàng tộc họ cho biết không có vụ đòi giấy mời. Họ cũng rất ngạc nhiên về nguồn tin trên!”

Ông Dương Văn Lợi nói:

“Nếu thế thì mình đi.”

Hôm ấy trời Paris không lạnh, nhưng nền trời âm u, buồn bã. Mưa trút nước xối xả nhòa cả đường phố. Có phải đây là những giọt lệ của trời đưa tiễn người đi nên làm mưa có chút gì âm hưởng mưa trên xứ Huế?. Chúng tôi vào nhà thờ chẳng một ai hỏi giấy mời. Trong thánh đường đã đông người, tuyệt đại đa số khách đều là người Pháp. Tôi thấy trong lòng dấy lên nỗi buồn! Paris đông người Việt, một vị vua băng hà chỉ có bấy nhiêu người đồng hương đến tiễn đưa sao?! Thật là quái ác cái nguồn tin thất thiệt đòi giấy mời đó!

Xong lễ phép xác, một người đàn ông mặt buồn rầu bước ra về. Tôi tiễn lại gần nữ sĩ Minh Châu hỏi nhỏ:

“Người vừa đi là hoàng tử Bảo Thắng phải không cô?”

Nữ sĩ nói:

“Cô cũng mới trả lời giáo sư Vũ Quốc Thúc và hiền tài Lê Trung Cang câu này. Đó là hoàng tử Bảo Long. Cô còn đưa ý kiến: Vua Bảo Đại theo đạo thờ cúng tổ tiên, tôi thử hỏi hoàng tử Bảo Long, nếu có một số người muốn xúc tiến tổ chức 49 ngày cho vua Bảo Đại, xem ông có đến tham dự không? Nói rồi cô đến hoàng tử Bảo Long hỏi ý kiến, và ông trả lời là rất sẵn sàng và đã cho địa chỉ để liên lạc.”

Vì lý do đó tại tư thất nhà bác sĩ Nguyễn Duy Tài mới có cuộc họp quy tụ một số nhân sĩ trong cộng đồng để thảo luận việc xúc tiến tổ chức. Nhiều ý kiến thuận, một số ý kiến bất đồng viện lý do không hề thấy người trong hoàng tộc tham gia trong công cuộc đấu tranh chống bạo quyền Cộng Sản. Không ngờ trong số những người dự phiên họp có ông bà được sĩ Phạm Đăng Lý và phu nhân là được sĩ Công Tăng Tôn Nữ Mộng Hoa, cả hai là những khuôn mặt đấu tranh nổi tiếng và

kiên trì ở Paris. Như thế những lời đồn là sai sự thật! Người trong hoàng tộc có tham gia trong công cuộc đấu tranh tại Paris như mọi người, nhưng không muốn nhân danh hoàng tộc mà chỉ vì lòng yêu nước yêu tự do. Vì ý kiến bất đồng nên cuộc họp không có kết quả. Do đó mới có cuộc họp ở nhà bà Minh Châu. Ông Bảo Hưởng và bà Minh Châu đã liên lạc với một số nhân sĩ: gồm có đại diện Hoàng tộc là Ông bà Bửu Phúc ở Nice lên, Hiền tài Lê Trung Cang, ông Phan Quốc Uy, giáo sư Nguyễn Vô Kỹ, nghệ sĩ Thúy Hằng và tôi. Qua những phân tích về xu thế chính trị nói riêng và tâm lý quần chúng nói chung, mọi người chùng như e ngại, sợ tổ chức sẽ bị thất bại làm tổn thanh danh của vua Bảo Đại. Tôi thấy tình trạng thảo luận càng kéo dài sẽ làm nản lòng thêm những người hiện diện, do đó liền nói:

«Nếu các vị bằng lòng xúc tiến, tôi xin hứa sẽ mời được 300 người.»

Lời phát biểu của tôi đã đánh tan mọi sự e ngại, và phiên họp đã có kết quả. Ông Bảo Hưởng sẽ chịu tất cả mọi chi phí và đứng làm trưởng ban tổ chức cùng ông bà Bửu Phúc, những người khác sẽ tiếp tay. Ông Phan Quốc Uy cho biết:

«Trong nghi thức Phật giáo, theo lời kinh, để tỏ tấm lòng chữ hiếu, bắt buộc người con phải quỳ lạy cha mẹ quá cố.»

Ở điểm này ông Bảo Hưởng cho biết:

«Chân hoàng tử Bảo Long hiện nay bị gầy không thể quỳ lạy được, tôi có thể quỳ lạy thay cho hoàng tử Bảo Long được không?»

Một điều quan trọng nữa là hoàng tử Bảo Long phải đọc một bài điệu văn bằng tiếng Việt trong buổi lễ. Ai cũng biết hoàng tử Bảo Long đã rời quê hương từ lúc còn nhỏ, nên e ngại nhưng không nói ra.

Sau khi ông Bảo Hưởng gửi thiệp mời đi, chỉ một tuần lễ đầu đã có hơn một ngàn người gọi điện thoại sẽ đến tham dự, qua tuần lễ sau số thiệp mời phải in thêm. Hôm 05 10 1997 tại chùa Vincennes đã long trọng tổ chức ngày đại lễ thất tuần cho vua Bảo Đại. Số người đến dự lên đến trên 3 ngàn người; hầu hết những khuôn mặt sinh hoạt nổi tiếng trong cộng đồng đều tham dự. Phần nghi thức tế lễ do một ban nghi lễ cổ truyền, cùng những vị đại diện tôn giáo. Những bài điệu văn mang tính lịch sử làm sáng tỏ thêm về nỗi lòng của một vị vua cuối cùng của triều Nguyễn, do giáo sư Vũ Quốc Thúc, thẩm phán Nguyễn Quốc Hưng, nhà thơ Hồ Trọng Khôi đọc gây xúc động người tham dự; trong đó có đủ lứa tuổi từ các cụ già tuổi đã ngoài tám chín mươi, và có các cháu thanh thiếu niên sinh sau năm 75. Sự đông đảo đã nói lên tình cảm thương mến của dân chúng đối với vị vua cuối cùng của Việt Nam.

Tôi thấy bà Minh Châu là người đứng sau nhắc nhở những điều cần thiết về thủ tục nghi lễ với các hoàng tử, công chúa. Trước linh cửu của vua Bảo Đại, các hoàng tử Bảo Long, Bảo Thắng, Phương Mai, Phương Liên, Phương Dung, và Bảo Hưởng đều mặc tang phục. Điều làm cho những người có mặt xúc động, hoàng tử Bảo Long quỳ lạy suốt buổi hành lễ và đọc bài điệu văn bằng tiếng Việt giọng Huế nghe rất cảm động.

Nữ sĩ Minh Châu thấy tôi im lặng trầm tư liền hỏi :

«Em đang suy nghĩ gì thế?»

Tôi trả lời:

«Em thoáng nghĩ về ngày lễ cầu siêu cho vua Bảo Đại khi chợt thấy tấm hình của vua trên bàn.»

Bà Minh Châu bỗng thở dài và khẽ ngâm câu thơ:

*«Đời ví tựa bóng câu qua cửa,
Giàu sang rồi cũng lại sắc không.
Văn chương thi phú bận lòng,
Rượu vui, trăng ngắm, mơ màng nàng thơ.»*

Cõi thơ là cõi bồng bênh, nhưng cõi đời lại trầm bổng! Nữ sĩ Minh Châu đã đi khắp đó đây gần thế kỷ, trải qua những thăng trầm của lịch sử, và theo dòng sử mệnh trôi giạt đến Paris, rồi sẽ dừng ở đây. Ngoảnh lại nhìn những chuỗi đường đã qua, nữ sĩ chợt phát hiện chỉ có tâm hồn nghệ sĩ làm cho đời thêm ý nghĩa. Nhà thơ vốn dĩ đã cô đơn, tuổi già càng cô quạnh vì không giải được hết nỗi niềm, cho nên nữ sĩ tìm thú vui và tri âm trong những trang bản thảo để nghe lòng mình thổn thức:

*« Nhìn trăng, trăng lạnh như tờ,
Nhìn mây, mây cũng hững hờ xa xôi.
Gió đâu thoát đến liền hồi
Bàng hoàng chợt tỉnh giòng đời trôi nhanh! »*

Thời gian trôi lạng lẽ! Huế và quê hương ở rất xa, những tâm tình chốn xưa vẫn còn trên những trang bản thảo. Làm sao kéo chậm lại thời gian để nữ sĩ nhìn thấy tác phẩm cuối đời? Rồi đây những họa phẩm tranh của bà có cùng chung số phận như những bức tranh nổi tiếng của các vị họa sĩ tiền bối trôi giạt về đâu?!

Trên đoạn đường trở về nhà lòng tôi băng khuâng buồn bã, cảm nhận hình ảnh của bà như những chiếc lá thu cuối mùa, mà liên tưởng đến người mẹ nơi quê nhà mà hồn rung nước mắt!

Đỗ Bình (Paris)



Hàng đứng : Nghệ sĩ Linh Chi, Nhà thơ Vân Uyên bs Nguyễn Văn Ái, nhạc sĩ Trịnh Hưng, nhà thơ Quỳnh Liên, nhà văn Trần Đại sỹ, nhà thơ Minh Châu Thái Hạc Oanh, nhà văn Liều Phong, nhà thơ Phương Du Nguyễn b Bá Hậu, nhà thơ Trọng Lễ, nhà thơ Đỗ Bình.
Hàng ngồi : nhà thơ Thụy Khanh nhạc sĩ Xuân Lôi, gs Võ Thu Tịnh.

NẾU AI CÓ HỎI

Mạo muội cảm đề bài

“RA ĐI XIN HẸN NGÀY VỀ”

của Thi sĩ Trưng Quang

*

Nếu ai có hỏi, nghĩ gì về quê hương?

Tôi xin trả lời:

Việt Nam đẹp tuyệt vời!

Uống nước Cửu Long ngọt tình quê mẹ

Nước sông Hương, sông Đuống... đậm

tình quê cha

Có những dòng sông, ôi tha thiết hiền hòa

Từ nguồn chảy ra biển cả

Qua xóm thôn sẵn đã

Qua thị thành phố xá đông người

Qua núi đồi hùng vĩ cao ngạo dưới trời

Nắng hạ râm hồng trái thêm ngọt

Mưa thu rỉ rả, lá vàng buâng khuâng

Đông phong sương mờ khắp lối

Én liệng lưng trời tô thắm tình xuân

Quê Nam, dân no ấm an bình

Tiếng hò dô-ta đập dồn vang trong gió

Ghe lưới về, tôm cá chờ đầy ghe...

Sau vụ mùa, thôn dân đình đám hội hè

Lời hát, câu hò reo vui nắng sớm

Của nông phu, của mục đồng

Có tiếng tù-và văng vẳng trên sông

Giục hành khách nhanh chân kéo muện

Có ngôi trường trong xóm

Ê, A... vang tiếng trẻ học bài

Lộ đá nhiều xe qua lại

Đưa khách, đón chiến binh về phép thăm nhà

Mua xấp lụa hồng làm quà em gái nhỏ

Mấy độ xuân tàn vẫn chờ đợi người xa...

Nếu ai hỏi, nơi đó có gì lưu luyến?

Tôi xin trả lời:

Nơi đó có, có thật nhiều thương mến...

Có thôn nữ ngồi giặt áo trên sông

Có mẹ ru con héo hắt nhớ thương chồng

Có những người trai dãi dầu nơi tiền tuyến.

Có Hòn Ngọc Viễn Đông trang đài cổ kính

Có những con đường lộng gió lá me bay

Có những chiều mưa, bóng ngã đường dài

Có những chiều hò hẹn của ngày xưa!

Ôi, những ngày xưa thân ái!

Nếu ai có hỏi, dân tộc đó ra sao?

Tôi xin trả lời:

Quê hương tôi gấm vóc

Dân tộc tôi anh hùng!

Đã trải qua bao hưng phế, thăng trầm

Việt Nam vững như tường đồng vách sắt

Bởi đắp bồi bằng xương máu của cha ông

Nhưng than ôi,

Quê hương tôi đã ngập bóng quân thù

Việt Nam hôm nay là một nước ngục tù

Kể từ khi bị đầu hàng bực tức!

Cho bọn người man rợ hơn loài dã thú...

Lớp người trẻ đã lên đường...

Tôi sẽ trở về với những ai cùng chánh nghĩa...

Góp sức chung lòng giải phóng quê hương

Nước Việt Nam không còn giặc đỏ

Xin mời anh,

Ghé thăm quê hương tôi ngày mở hội

Từ Ải Nam Quan cho đến mũi Cà Mau

Trong nắng đào

“Cờ vàng ba sọc đỏ”

Phấp phới rợp trời xanh...

DƯ THỊ DIỄM BUỒN

(California)

NĂM NGHE MẸ KỂ QUÁN ÂM

Lam Điền Nguyễn Thử

Mùa vu lan đến. Thời thơ ấu của tôi cũng đến nhẹ nhàng. Tôi vẫn nhớ những đêm sau tết, khi hơi lạnh mùa đông còn sót lại se se trong hơi gió, và mưa bụi mịn mù trắng đục ngoài xa; trong căn nhà gạch, tôi nằm co trong lòng mẹ, ấm ru trong hơi ấm của nồi lửa than đặt dưới chông tre, cùng hơi thở mẹ êm êm trong mùi trầu vôi thơm phức. Chờ lúc không gian hoàn toàn tĩnh lặng, tôi mới bắt đầu thăm thì thủ thi.

Lúc nào tôi cũng mở đề bằng hai tiếng: “mẹ nè”, và mẹ tôi cũng nói cùng một câu quan trọng: “Im cho ba ngủ!”

Tôi là con út, lại là con trai duy nhất nên ba mẹ tôi cưng lắm. Cứ đêm đến là nằm với mẹ bắt mẹ đọc thơ hay kể chuyện đời xưa.

Mẹ tôi thuộc nhiều thơ lắm. Tôi không biết mẹ tôi sao mà giỏi quá. Có lần tôi hỏi “tại sao mẹ không biết chữ mà thuộc được nhiều thơ dữ rứa?” Mẹ tôi bảo rằng con gái ngày xưa phải đi lấy chồng sớm nên cha mẹ không cho đi học. Người ta đọc thơ, mẹ nghe lóm vài lần rồi mẹ thuộc. Thuộc để hát ru con.

Tôi nghĩ mà thương mẹ. Cái gì cũng vì con. Tôi không có em nhỏ nên chưa từng nghe mẹ hát ru em, nhưng tôi nghĩ chắc là mẹ tôi hát nghe hay lắm.

Tôi cũng không biết “người ta” ấy là ai mà lại đọc thơ cho mẹ tôi nghe. Chắc là bà ngoại tôi? hay là mấy cậu?... Họ học cao, rành chữ Quốc ngữ, chữ Tây chữ Hán...

Giọng đọc thơ của mẹ tôi không ai có thể bắt chước được. Bà vừa nhai trầu vừa đọc. Bà nhấn mạnh những vần bằng trong thể thơ lục bát. Đôi lúc bà tự ý thêm vào để khoá lấp những chỗ bà quên, thậm chí câu 8 chữ có khi tăng lên thành 10 hay 12 chữ.

-Thôi thì mẹ đọc Quan Âm Thị Kính nghe! Chịu hông?

-Chịu!

-Um... không biết có nhớ hết không đây!

Quan Âm Thị Kính là một chuyện thơ không rõ tên tác giả, kể về một kiếp hóa thân của đức Quán Thế Âm mà mẹ tôi tin là hoàn toàn có thật.

Rằng “Từ thuở xa xưa; Đức Quán Thế Âm còn là một hoàng tử. Ngài xuất gia, tinh tấn tu hành gần đạt được quả vị Bồ Đề. Lúc đó đức Như Lai muốn thử lại lần cuối bèn hóa ra một cô gái đẹp đến bên ngài mở lời quyến rũ. Ngài nhất quyết chối từ. Nhưng vì thương hại, không muốn cho cô gái đau lòng vì thất vọng nên ngài đã nói: “Kiếp này tôi đã nguyện xuất gia, rũ sạch ân ái thế gian, họa chăng là chờ kiếp khác”.

Không ngờ lời an ủi nữa vơi như thế đã trở thành khẩu nghiệp, buộc ngài phải trở lại trần gian trong một kiếp, đi vào đường tình

ái, hưởng một chút hạnh phúc mong manh và chịu đựng lắm điều đắng cay oan uổng.

Trên bước đường trả nghiệp ở trần gian, ngài đầu thai làm con gái nhà họ Mãng, tên là Thị Kính. Đến tuổi thanh xuân Thị Kính lấy chồng là Thiện Sĩ, làm dâu nhà họ Sùng. Nàng hiếu thảo tiết hạnh, biết yêu thương, phụng dưỡng cha mẹ chồng vẹn toàn chu đáo. Đêm đêm dưới ánh đèn hoa, chàng Thiện Sĩ đọc sách thánh hiền ước mơ ngày bái tổ vinh qui, công thành danh toại, nàng Thị Kính cũng quần quít bên chồng tươi mát rộn ràng trong đường kim mỗi chỉ. Cuộc tình tưởng chừng như mãi mãi yên vui. Nhưng hạnh phúc thì mong manh mà oan trái thì bất ngờ ập đến làm cho mọi người bàng hoàng, chói với. Đó là lúc:

*“ Canh khuya bạn với sách đèn.
Môi lưng chàng mới tựa bên cạnh nàng.
Phải khi liếc mắt trông chàng,
Thấy râu mọc ngược ở ngang dưới cằm,
Vô tâm xui bỗng giả tâm.
Dao con sẵn đấy mới cầm lên tay
Vừa giờ sắp tiễn cho tà
Giật mình chàng đã thức ngay bấy giờ
Ngán thay sửa dép vườn dưa
Dẫu ngay đến mấy cũng ngờ rằng gian
Thất thần nào kịp hỏi han
Một lời la lối rằng “toan giết người”
Song thân nghe tiếng rưng rờ
Rằng sao khuya khoắt mà lời gớm thay.
Thưa rằng “Giác bướm vừa say
Dao con nàng bỗng cầm tay kẻ gần
Hai vai hộ có qui thân
Thực hư đôi lẽ xin phân cho tường”*

*Nàng vâng thừa hết mọi đường
Rằng “Từ gậy khúc phụng hoàng đến nay
Án kia nâng để ngang mày,
Sạch trong một tiết, thảo ngay một bề.
Bồi chàng đèn sách mái mê.
Gối Ôn Công thưở giấc hòe thiu thiu.
Thấy râu mọc ngược chẳng đều
Cầm dao tiện để một chiều như nhau
Há rằng có phụ tình đâu
Muôn trông xét lại tình đầu kéo oan”*

Bà đã giải bày một cách thiết tha và trông mong chồng mình cũng như ông bà Sùng cảm thông xét lại. Nhưng chẳng có ai dễ dàng tin tưởng. Người ta trở mặt, dành cho bà những lời mắng nhiếc, đắng cay :

*...rằng “bảo cho hay
Trộm hương cướp phần cũng đầy chan chan
Mấy người một ngựa một an,
Nay Trương mai Lý thế gian hiềm gì
Áy may mà tình ngay đi
Đỉnh đình đình nữa có khi còn đời”*

Cha mẹ chồng đã hết lời chửi bới rồi cho người đi mời cha của Thị Kính là Mãng Ông đến để có đôi lời... quở trách:

*Trách rằng “sự mới lạ lòng
Sinh con ai dễ sinh lòng áy dâu
Sắc cầm bông dờ dang nhau .
Hay dâu với đũa trong dâu hện hò,
Sông kia còn có kẻ dò
Lòng người ai dễ mà đo cho cùng.
Sự này mười mắt đều trông
Thôi đừng tra hỏi gạn gùng nữa chi
Nghe anh nào có bụng gì
Đem về dạy dỗ sao thì mặc anh”*

Lời lẽ của ông bà Sùng thật là đanh thép. Chuyện này ai cũng thấy. Thôi đừng tra hỏi (đánh đập) làm chi. Con anh, anh đem về dạy lại, nên hư là tùy ý anh.

Mọi việc đã xảy ra chớp nhoáng như một cơn gió độc. Thị kính chỉ còn một cách là cắn răng nuốt lệ. Làm sao nói cho mọi người hiểu được lòng mình. Khi cầm con dao con nhỏ bé lên tay, lòng Thị Kính đang nở những nụ hoa tươi mát, với nụ cười hóm hỉnh: Sáng mai khi chàng thức dậy mình sẽ nói: Chàng ơi em đổ chàng nhé... Đêm qua khi chàng ngủ say ai đã cắt của chàng ...” Một tiếng hét thất thần là tất cả tan tành sụp đổ. Mọi người đều không tin vào sự thật trong đó có cả Thiện Sĩ - người mà bà hết lòng yêu quý.

Hôm đó tôi bị mẹ mắng vì tôi đã nổi sùng buột miệng chửi rằng: “thằng Thiện Sĩ này vừa ác vừa ngu”. Mẹ tôi bảo rằng tôi hỗn. Nói tầm bậy tầm bạ coi chừng mang tội chết. Bà Thị Kính chẳng bao giờ lại nghĩ như con vậy đâu.

Sau này tôi mới biết là mẹ tôi nói đúng. Thiện Sĩ không hề độc ác. Chỉ vì tình giặc bất ngờ nên tâm trí chưa kịp sáng suốt thôi. Chỉ trách rằng sau khi tình trí chàng vẫn không tin vào sự thật. Không những Thiện Sĩ mà là tất cả mọi người đều bắt lụy một cách đáng thương; trong đó có cả Mãng Ông cũng cam lòng không biện bạch, giải oan cho con gái của mình

Từ nhà chồng về, Thị Kính chỉ mang theo nỗi đắng cay. Bà toan tự tử. Nhưng nghĩ lại thương mẹ thương cha, bà giả trai xuất gia vui cuộc đời tương chay thanh

tịnh. Bà trở thành chú tiểu Kính Tâm khôi ngô tuấn tú nhất ở chùa Vân Tuệ.

Sắc đẹp cũng là một mối tai ương. Về khôi ngô tuấn tú ấy đã lọt vào mắt xanh của cô gái đi chùa. Đó là Thị Mầu, một cô gái đa tình đa cảm. Nàng liếc mắt đưa tình, khen chú tiểu đẹp trai và mở lời âu yếm. Dĩ nhiên “chú tiểu” hừng hờ lánh tránh. Thị Mầu bị chạm tự ái, Đó là tính của nữ nhi. Yêu họ thì họ xem thường, không yêu họ thì họ đem lòng oán hận. Thị Mầu trả thù bằng cách thông dâm với người ở, đến khi mang thai làng bắt tội thì khai cho Kính Tâm.

Quả là “họa vô đơn chí” Lần này bà cũng cắn răng chịu đựng. Kẽ hiền lương thường không biện bạch nhiều lời... Nhưng Thị Mầu cũng chẳng buông tha. Khi sinh con nàng lại đem đến chùa, gọi là giao trả:

*“Tiểu đang tụng niệm khẩn nguyện
Bỗng nghe tiếng trẻ khóc lên giật mình
Ngánh đi thì dạ chẳng đành
Nhận nuôi thì hóa ra mình chẳng ngay
Góm thay mặt dạn mày dầy
Chân chân rằng “trả con đây” mà về.
Cơ thiên kể đã khất khe .
Khéo xui ra đưa làm rêu ríu mình.
Nhưng vì lòng dạ hiếu sinh,
Phúc thì làm phúc , do đành chịu do.
Cả trong chậu nước bơ vơ
Khi này chẳng cứu còn chờ khi nao.
Chẳng sinh cũng chịu cù lao
Xót tình măng sữa nâng vào trong tay”*

Tôi nghe mà ứa nước mắt. Mẹ tôi cũng lay quay lúng túng “Nâng vào trong tay... nâng vào trong tay”... Bà đọc đi đọc lại nhiều lần nhưng không tìm được lối thoát.

Đến khúc hay thì mẹ lại quên, nhưng biết làm sao được? Tôi tự hỏi thầm. Tại sao có người mẹ lại không biết thương con. Làm sao Kính Tâm có thể nuôi được đứa bé trong chùa đây? Rồi buột miệng “Cái con Thị Màu này ác thật”. Mẹ tôi lại rầy “Đừng nói tầm bậy mà mang tội. Bà ấy là người lớn đời xưa, không chừng ngang hàng với bà tổ bà cổ của me lặn. Có điều là Thị Màu cũng hơi nông nổi”

Lòng tôi chẳng có chút gì vui. Đang đọc chuyện thì lại quên nửa chừng, me còn bênh vực cho Thiện Sĩ rồi lại bênh vực cho cả Thị Màu nữa, những con người mà tôi tưởng tượng có bộ mặt thật là dễ ghét.

Mẹ tôi ra hè sau bỏ bả trâu, một lúc lại vòng ra nhà trước. Dưới ánh đèn hột vịt khêu nhỏ đặt trên bàn thờ; tôi thấy bóng mẹ tôi đến bên giường ba tôi, ngần ngừ một lúc rồi ngồi xuống cạnh mép giường, tay gõ nhẹ lên mép chiếu ba tôi đang đắp:

- Ông nè! Ông! Chuyện Quan Âm Thị Kính đó mà.

-Sao?

-Chẳng sinh cũng chịu cù lao, xót tình mắng sửa nâng vào trong tay. Rồi sao nữa..

- Quên thiệt hả.

- Nhớ ai thêm hỏi. Hỏi vô duyên!

- Rứa thì tui cũng quên rồi!

- Quên thì thôi! Mẹ tôi đứng dậy bước đi.

- Thôi lại đây đọc cho nghe.

- Đọc đi, không lại..

- “Nâng vào trong tay. Bữa sau su phụ mới hay...”

Ba tôi đọc cho mẹ tôi một đoạn khá dài. Hóa ra ông vẫn còn thức và theo dõi “mẹ con nhà nó” thủ thỉ chuyện đời xưa.

Và cũng ngay giây phút ấy tôi chợt mỉm cười vì đã khám phá một điều bí mật (mà tôi thường thắc mắc): “Người ta đọc thơ mẹ nghe rồi mẹ thuộc” Hóa ra “người ta” đó chính là ba tôi.

Bữa sau su phụ mới hay

Dạy rằng “ như thế thì thầy cũng nghi

Phỏng như khác máu ru thì

Con ai mặc nầy can gì đã mang.”

Bạch rằng “muôn đời thầy thương

Xưa nay thầy dạy muôn đường nhỏ to

Dù xây chín đợt phù đồ.

Không bằng làm phúc cứu cho một người,

Vậy nên con phải vâng lời,

Mạng người dám lấy làm chơi bỏ liêu” ...

Su nghe thua thốt mấy điều.

Khen rằng “cũng có ít nhiều từ tâm”

Rõ là nước lã vẩn lấm,

Mà đem giọt máu tình thâm hòa vào

Mẹ vô thì sửa khát khao

Lo nuôi con nhện làm sao cho tuyền.

Nâng niu xiết nổi truân chiền,

Nhai cơm mớm sữa để nên thân người

Đến đâu ai cũng chê cười.

Tiểu kia tu có trót đời được đâu.

Bà không quen lý sự. Mà dù có dùng lý lẽ cũng không thể giải bày. Một kẻ tu hành bị người thế tục khinh khi chế diễu đã đành. Đến su phụ bà cũng mất hết một phần tin tưởng. Ngài bảo rằng nếu không phải cùng giòng máu thì chuyện gì phải gánh; rồi đuổi “hai cha con” ra cổng tam quan. Sợ tiếng xấu cũng vào cùng đứa bé. Thế nhưng chính bà đã sẵn sàng chấp nhận. Xem như đó là một niềm an ủi:

Khi trống dục, lúc chuông dồn

Tiếng chuông hòa tiếng ru con suốt ngày.

Mẹ tôi có lý. Rằng đừng nói tâm bậy mang tội chết. Tại sao tôi khinh ghét Thị Màu? Tại sao tôi lên án Thiện Sĩ?... Tại sao tôi lại phải nói dài lời về nỗi oan Thị Kính? Tại sao... Phải chăng tôi đã tự cho mình đứng về phía những con người thánh thiện để chê bai, lên án kẻ ác chẳng? hay vì thương Thị Kính thiệt thà mà tôi bênh vực? Tất cả đều vô lý và vô nghĩa lý. Bà không cần những thứ đó đâu. Ngay từ phút đầu bà có thể đưa ra những lý lẽ để biện bạch cho mình. Một con dao nhỏ, dưới ánh đèn, vợ chồng đang hạnh phúc, không có lý do, cũng không phải thời cơ thuận tiện. vân vân và vân vân... Bà có nhiều ưu thế để thắng lý lảm chửi. Thế nhưng trước sau bà vẫn đứng trên một lập trường duy nhất: ***lập trường tình cảm và nói ra sự thật***. Thế thôi. Mà tình cảm và sự thật thì khó mà thuyết phục được những con người lý lẽ đa nghi: Và... Những oan trái đã đến như những nghịch duyên cần thiết trên bước đường tu hành trả nghiệp. Với tính nhẫn nhục và lòng bi mẫn, bà đã vượt lên tất cả, biến tất cả những khổ đau thành vô ưu, thanh thoát tuyệt vời.

- Bà đã thành Phật và cứu độ biết bao nhiêu là người - mẹ tôi kết luận:

- Trong đó có cả đứa bé và sự phụ của bà nữa.- phải hông mẹ.

Mẹ tôi vò đầu tôi khen giỏi. Hết rồi. Thôi ngủ đi.

Chuyện Quan Âm Thị Kính mẹ tôi đã kết thúc từ lâu, nhưng trong lòng tôi hầu

như có cái gì chưa kết thúc. Nó vẫn còn lẩn quẩn đầu đó không hiểu là cái gì. Suốt thời trai trẻ, vào những ngày đầu năm tôi vẫn thích đi xem tuồng Quan Âm Thị Kính. Từ các gánh hát bội Sông Trà, Túy Nguyệt, Tân Ca Ban... cho đến các đoàn cải lương Kim Chung, Kim Chường, Bích Thuận, Thanh Nga... Tôi vẫn thấy các nghệ sĩ nổi danh đóng các vai trong tuồng Quan Âm Thị Kính đều không đạt. Hình ảnh Thị Kính trong tuổi thơ của tôi không phải như thế đâu! Nó xa lơ xa lắc với các nàng môi son má phấn mắt viền trông thật tức cười, dữ tợn. Và ... thú thật tôi cũng không thể hình dung nó phải như thế nào mới đúng.

Từ ấy... Bao nhiêu mùa Xuân đã đi qua trong hải hùng đồ võ, Tôi vẫn mơ thấy mẹ, vẫn câu Quán thế Âm nhưng chưa được một phút giây êm ái

Vẫn còn đây cái se lạnh của tháng giêng, bóng sương đêm mờ nhạt ngoài kia... những căn nhà ấm cúng ... Có bao nhiêu cậu bé lên mười vẫn còn nằm trong lòng mẹ nghe kể chuyện đời xưa? Và chiếc giường bên cạnh, người cha đang mỉm cười nghe “mẹ con nhà nó” đang thì thầm... thú thi? Cậu bé sẽ thấy mẹ mình như là một Quán Thế Âm, một trời Xuân đẹp. Ôi trẻ thơ mà được những ngày như thế ấy quả là tuyệt vời hạnh phúc.

Charlotte mùa báo hiếu

LAM ĐIỀN NGUYỄN THÙ

Impressions d'Automne

J'ai quitté Paris sous la pluie.
Il pleuvait à mon arrivée aux Etats-Unis
Un ciel gris domine Richmond
aujourd'hui.
L'automne doit avoir fait ses premiers pas ici.

Des taches jaunes pointillent dans le
bois derrière la maison.
Des fleurs se fanent dans les parterres
au milieu des gazons.
Des orages menacent les villes
littorales.
Des gens essaient de fuir un sort fatal.

Que deviennent les rencontres sur le
chemin de la vie?
Quels bons souvenirs laissent-elles jusqu'ici?
Quand donc résonneront de nouveau les

rires d'amis?
Que tout cela ne reste pas dans l'oubli!

A vous, mes amours, mes amitiés,
Les belles couleurs que l'automne va semer!
A vous, vieilles et nouvelles
connaissances,
Les meilleurs sentiments de ce coeur a
peine
innocent!



Minh
Chau
(Virginia)



BÁC SĨ

NGUYỄN QUỐC QUÂN



CHUYÊN MÔN NỘI KHOA VÀ LÃO KHOA

4217 Evergreen Lane

Annandale, Va 22003

(703) 354-2629

KHÁM BỆNH MỖI NGÀY THEO GIỜ HẸN

BIỂN ĐỜI LAO ĐÀO

Trần Thị Hương Gàu

Bảo hôn nhẹ lên trán Phượng, chúc ngủ ngon rồi trở mình quay lưng về phía vợ. Chỉ vài phút sau, Phượng đã nghe tiếng ngáy đều đều của chồng. Ngay sau giây phút ái ân là anh ấy có thể rơi ngay vào giấc ngủ ngon lành như một đứa bé vừa được bú no nê, còn cô thì mãi thao thức với những trăn trở cồn cào. Phượng kéo chăn lên tận cằm, mới chớm thu mà đất trời, cây cỏ đã nhuộm vàng ươm, không gian thì lạnh lẽo đến se sắt. Còn đâu cái nóng hực nhẹn nhip của một Sài Gòn hầu như không bao giờ yên ngủ mà cô vừa rời bỏ sau lưng. Thói quen trong những đêm trằn trọc đưa đẩy tâm tư Phượng bỗng bênh chìm vào vùng ký ức u uẩn, thắm đẫm bao nhiêu là phiền muộn, u sầu.

.....

Tiếng chuông reng làm cả lớp hồi sinh sau hai giờ học khô khan dài đằng đằng trong không khí oi ả của những ngày đầu hạ. Phượng thúc tay vào hông Hằng, đùa:

- Chưa tỉnh hả nhỏ?

Hằng chép miệng than phiền:

- Đứa nào có sáng kiến gọi môn “Công nghệ kim loại” là “Cơm nguội hâm lại” thiệt là đúng hết sức. Môn học gì mà chán ngán y như nhai cơm nguội!

Thấy Phượng chỉ cười nhẹ, Hằng thêm:

- Cả lớp ngủ gà ngủ gật, chỉ còn mi là

ngồi nghiêm chỉnh học hành.

- Con khỉ! Ta cũng riu cả mắt nhưng bị lão thầy chiếu tướng quá nên phải ráng trợn mắt ốc bươu lên. Tối hôm qua nóng quá hay sao mà trằn trọc cả đêm...

Hằng hốt ngang:

- Chớ không phải mi mất ngủ vì vừa nhận được thư của Lam?

Thấy bạn im lặng, Hằng biết mình đã đoán trúng nên đổi giọng gay gắt:

- Thôi mi ơi, ta thấy mi rầu rĩ tới đây là đủ rồi đó nghe Phượng! Tung hê hết đi. Đời đã hết đàn ông đâu, nhất là đối với một đứa đẹp nghiêng thùng đổ rác như mi thì ta bảo đảm trong chớp nhoáng mi sẽ tìm được một người tài ba bằng mấy lần ông Lam. Như lão thầy dạy Công nghệ của bọn mình này giờ nhìn mi mê mệt đó thôi. Tội gì cứ khư khư tiếc nhớ một người bội bạc!

Đúng là hôm qua Phượng vừa nhận được thư Lam. Vẫn là những thương nhớ triền miên anh dành cho Phượng. Họ yêu nhau năm năm trời khi Phượng hãy còn là cô học trò lớp mười ngày thơ ngoan hiền như trang giấy trắng còn Lam thì từ một thị xã khô cằn ngoài miền Trung khăn gói vào Sài Gòn học đại học. Lam là con trưởng một gia đình nghèo đông em, cha đã qua đời. Anh vừa đi học vừa làm thêm, khi thì kèm trẻ, khi thì sửa xe và có khi làm cả thợ hồ để tự kiếm sống. Đến dạy

Phượng học, khâm phục trước nghị lực, thông minh cũng như sự tháo vát của Lam, cô đã yêu anh đến tràn ngập cả trái tim trinh nguyên của mình. Năm năm qua họ có với nhau bao nhiêu là kỷ niệm dịu ngọt lẫn hứa hẹn đầm thắm cho tương lai đôi lứa khi Phượng ra trường. Bất ngờ Lam lại được đi tu nghiệp tại Đức hai năm nhờ học bổng dành cho những người tốt nghiệp Cử nhân xuất sắc trong trường.

- Chỉ hai năm thôi, thời gian sẽ qua mau lắm, ráng chờ anh nghe Phượng!

Lam đã nói vậy trong lần đi chơi cuối cùng trước khi anh rời thành phố. Để tránh sự buồn bã của ngày ly biệt, Phượng còn nghịch ngợm:

- Anh không biết chớ mấy con bạn em ngoài Bắc vào có câu: Có người yêu để đi Tây/ Như rím (dream) không khóa để ngay bờ hồ, nên người lo lắng là em chứ không phải là anh đâu.

Phượng nhớ Lam còn trách giờ này mà Phượng vẫn còn đùa được trong khi anh đang tính chuyện rất nghiêm túc:

- Hai năm nữa em sẽ học xong, còn anh qua đó sẽ cố học và dành dụm để khi về đủ tiền cho hai đứa mình gây dựng gia đình. Anh chỉ lo về phía em bởi vì... Phượng quá đẹp mà anh lại ở quá xa.

Phượng dụi mắt vào vai Lam tìm sự gần gũi thân thương. Anh trầm tĩnh già dặn so với lứa tuổi. Có lẽ vì cuộc sống quá sức chật vật, đầy rẫy những lo toan đã lấn át đi nhiều bản tính hồn nhiên vô tư trong anh. Lam có biết đâu, chính vì vậy mà Phượng đã yêu anh với niềm tin yêu tuyệt đối mà không một chàng trai nào, dù có hào hoa phong nhã đi mấy nữa, vẫn không làm cô ngã nghiêng được.

Lam đi rồi, Phượng nâng niu trân

trọng từng chút kỷ vật còn sót lại. Trong ngăn kéo bàn học, Phượng âm thầm gìn giữ cái bật lửa rẻ tiền và hai điều thuốc nhàu nát để mỗi lần nhớ Lam, cô lại lấy ra ngắm nghía. Phượng đắm mê những chùm thơ tình da diết, tưởng như người ta đã viết dùm cho tâm sự của mình:

*Sài Gòn thu về anh thân yêu ơi/ Con
bão rớt chạy ngang thành phố đẹp*

*Những chấp nhận đắng cay và thua
thiệt/ Những rạn nứt và trăm điều bi thiết*

*Chảy thành sông thành biển cuốn trôi
rừng /Anh ở đâu, tình yêu rục rữa*

*Thành tro than đốt cháy buổi đầu/ Thu
Sài Gòn vẫn là thu bão*

Chuyển đến đời những biển nhớ lao đao...
(Phạm Thị Ngọc Liên)

Phượng đợi đúng hai mùa xuân, chăm chỉ học hành và thao thức viết thư cho người yêu, không đặt chân tới một chỗ vui chơi hội hè nào. Khi mùa đông đến, cô hăm hở đi mua len về cặm cụi đan một chiếc áo cổ lọ màu đồng đỏ với những mũi từng xoắn xuýt như mong ước cột chặt đời lứa đôi, gửi đến cho Lam. Đạo ấy, Hằng vẫn thường căn nhắc bạn:

- Nhỏ làm gì mà cặm cụi giữ vậy? Bộ trước khi đi lão Lam có bắt mi thề độc là không được bay nhảy hả? Khùng! Đời là phải vui đâu - châu đấy, nhớ chưa!

Phượng muốn giải bày cho bạn, tuy Lam đi xa nhưng đối với cô, anh đang rất gần, vẫn chất ngất tràn đầy trong từng suy nghĩ, thì không một tiệc tùng nào có thể làm nguôi ngoai nỗi nhớ trong cô. Nhưng thôi, nói ra nhiều khi Hằng không hiểu, mà lại cười là Phượng mát dây cũng nên. Chơi với nhau từ hồi còn trung học, rất thân tuy tính tình hai đứa lại trái hẳn như

mặt trời-mặt trăng. Hè đến, Phượng đi học làm bánh, nấu ăn thì Hằng đi học nhảy. Phượng thích yên tĩnh đắm mình vào những trang sách thì Hằng lại thích lặn xả đến những nơi đông hội rộn ràng. Nhưng họ vẫn khăng khít, vẫn lắng nghe và thực lòng chia sẻ với nhau trong bất kỳ một niềm vui hay nỗi buồn đến với một trong hai người bọn họ.

Ba tháng trước, lá thư cay nghiệt đã đến với Phượng. Thời hạn hai năm đã qua, thay vì trở về, Lam quyết định kết hôn với một người đàn bà bản xứ đã nặng lòng yêu anh để anh có điều kiện ở lại Đức và qua đó là phương tiện để anh có thể tiếp tục phụ giúp bây em nheo nhóc một cách hiệu quả nhất. Anh không yêu bà ta nhưng anh phải chung sống đủ bốn năm theo luật định để được lưu trú vĩnh viễn rồi sau đó mới có thể ly dị được. Lam mong Phượng ráng đặt mình vào hoàn cảnh bó buộc của anh để thông cảm và chờ đợi thêm bốn năm nữa rồi sẽ có ngày họ được đoàn tụ đời đời.

Thoạt đầu, Phượng tưởng mình có thể phát điên lên được. Khóc lóc cách mấy, trách móc cách mấy rồi cuối cùng đành phải đầu hàng trước định mệnh. Khi nỗi đau lắng đọng, dần dà bình tĩnh lại, Phượng thấy nếu mình là Lam, chưa chắc gì mình có thể thảnh thơi để yên tâm lo toan cho hạnh phúc bản thân mà không nghĩ ngợi đến gánh nặng gia đình. Không có một số phận nào mà có thể tách rời ra khỏi những hệ lụy chung quanh. Cha mất, mẹ Lam một mình tần tảo nuôi sáu con. Chỉ có Lam là vào được đại học còn cả bây em thì ở nhà phụ mẹ làm rẫy. Phượng đã có lần theo Lam về thăm gia đình anh. Cái nghèo trần trụi từ mái tôn dột nát, bốn vách lá hở hang thông thoáng đến nền đất

lâm bụi khiến Phượng bàng hoàng, tiếp đó là những đôi mắt, những đôi mắt đối khất sâu hóm trên gương mặt đen đúa hốc hác của đàn trẻ lại khiến Phượng bùi ngùi và cuối cùng là cảnh tranh giành nhau ăn những thứ bánh trái giản dị mà Lam mang về đã khiến Phượng rưng rưng. Nỗi thương cảm dào dạt đến nỗi trước khi về lại thành phố, cô đã tặng lại cho các em của Lam tất cả tiền bạc, quần áo, bóp ví mà cô mang theo, ngoại trừ một bộ mặc trên người và tám thẻ căn cước. Từ đó, mỗi khi nghe tin Lam về thăm nhà là Phượng lại hi hục đóng gói bao nhiêu là quà cáp cho anh mang về, vì không ai thấu rõ hoàn cảnh cơ cực của gia đình anh hơn cô. Cho nên khi nhớ lại những hình ảnh đó cũng đủ để thuyết phục Phượng trong giây lát là Lam đã quyết định không sai.

Trong cán cân tình cảm, Phượng biết mình không là một trọng lượng đáng kể nào cả so với tình nặng nghĩa sâu của cả gia đình Lam, vậy thì đành phải đau đớn chấp nhận cái tình hướng oái oăm vây chặt đời mình chứ than trách gì nữa. Giá như vì một lý do nào khác mà Lam nhất thiết phải vắng mặt một thời gian dài như thế, Phượng nghĩ là mình sẵn lòng chờ đợi như mẹ đã chờ đợi cha suốt sáu năm lao tù cải tạo. Còn nay Phượng chỉ ngự trị được trong tim của Lam trong khi người đàn bà kia lại sở hữu toàn bộ con người bằng xương bằng thịt của anh, thì đó là cả một sự châm biếm đầy tính chất bi hài trong định nghĩa tình yêu mà mỗi lần nghĩ đến, chính Phượng cũng thấy mỉa mai, chua xót, không biết mình có đủ cảm thông để vô vô chờ đợi Lam tiếp tục hay không. Phượng vật vờ sống như người mộng du không định hướng, không cần

một lời lý giải hay khuyên nhủ của ai cả, mặc cho dòng đời đưa đẩy mình đi.

Thần thờ, Phượng thu dọn sách vở cùng bạn ra về. Hôm nay thứ bảy, mọi người đều hớn hởi sắp đặt cho một cuối tuần giải trí vui nhộn. Chạy xe song song, Hằng đề nghị:

- Ê, tối nay con Lan Anh bên khoa Điện mời hai đứa mình đi dự sinh nhật đó. Ta lại đang muốn nhân tiện chuẩn tới thăm ông Kiệt vì độ này bố mẹ ta canh ta giữ quá, không đi đâu được. Yêu mà không gặp được nhau nên hôm nào ta cũng phải rên hừ hừ: Đêm qua ba bốn lần mơ, chiêm bao thấy bậu, dậy rờ chiếu không. Phượng nè, nhờ mi tối nay ghé ngang rủ ta một tiếng để ta ra khỏi nhà được không?

Phượng biết bạn muốn nhờ mình làm bình phong để có thể đến với tình nhân nên giã dạy:

- Thôi đi, lỡ mà bên nhà chồng mi biết là phiền lắm. Còn có mấy tháng nữa là sang bên đó rồi mà Hằng.

Hằng bủ môi:

- Lo bò trắng răng. Cả năm nay có sao đâu!

Đúng là chưa sao cả vì chỗ hẹn của Hằng và ông Kiệt là căn nhà lụp xụp của người họa sĩ nghèo trong một ngõ hẻm lầy lội phía sau cổng xe lửa số sáu. Phượng đã có lần cùng Hằng đến đó. Đường dẫn vào nhà ông Kiệt vòng vèo như trận đồ bát quái với những mái tôn vá vúi nhô ra vào khắp khển. Một bầy choai choai mặt mũi lác các đàn đúm hút thuốc lá, thấy hai cô gái liền buông lời chọc ghẹo tục tĩu. Đã đến quen mà Hằng cũng phải dò dẫm mãi mới tìm ra nhà. Phía sau nhà là một ruộng rau muống cạn đại chang và trên đầu dây điện cao thế kêu o o như gặm gừ đe dọa.

Kêu mãi nhà họa sĩ mới ra mở cửa với đôi mắt đỏ ké ngái ngủ trong bộ bà ba trắng nhàu nát. Quan sát ông Kiệt, Phượng phải nhủ thầm, ông ta hội đủ ba điều kiện để chứng tỏ ông là một họa sĩ chân chính! Thứ nhất là vì ông đã ngủ đến tận chiều tà, thứ hai là mái tóc rối bù được cột túm lại bằng một sợi cao su vắt vẻo sau lưng và thứ ba là nghèo xơ xác. Con Hằng nổi tiếng chơi bạo liều lĩnh trong trường đã biến mất. Trước mắt Phượng bây giờ là một cô bé Hằng hiền thực vừa lú lo dọn dẹp nhà cửa vừa bầy ra bàn các thứ bánh trái mà hai đứa đã khổ công đi cả buổi trưa mua sắm, kiêng vác kệ nệ như cho cả chục người ăn, vừa sùng kính ngược nhìn nhà họa sĩ ốm o gầy gò như đang mang một thứ bệnh trầm kha nào đó. Ông Kiệt rất ít nói, chỉ ừ hừ khi cần và cũng chỉ mở miệng khi cho thức ăn vào. Khắp bốn bức tường treo tranh la liệt. Toàn là tranh lập thể với những mảng màu chói chang mạnh bạo hoàn toàn trái ngược với vóc dáng của nhà họa sĩ khiến Phượng phải chóng mặt nghĩ thầm: Ông ấy phải đến mấy xứ lạnh may ra mới có khách hàng tiêu thụ nổi tranh của ông, chứ nếu mang trang trí những tấm thảm lửa này trong các phòng khách của Sài Gòn thì hành hạ thị giác của người ta quá đổi cho dù tài nghệ của ông phải công nhận là thuộc hàng siêu việt.

Tình yêu thật là trở trêu. Hằng tôn thờ ông Kiệt như tín đồ thờ phượng giáo chủ. Gương mặt không xinh xắn nhưng bù lại Hằng lại có một thân hình bốc lửa của tượng thần Vệ Nữ và cách ăn nói đốp chát, bạt mạng khiến vô số anh chàng sinh viên trong trường thần thờ, mê mết. Người may mắn hơn cả là anh hàng xóm của

Hằng (!). Anh ta đeo đuổi Hằng bao nhiêu năm mới xin được bàn tay người ngọc. Đơn giản vì Hằng muốn ra nước ngoài mà anh ta lại có giấy bảo lãnh sang Mỹ. Hôn thú đã xong xuôi và Hằng chỉ chờ xuất cảnh. Cha mẹ Hằng còn hân hoan hơn cả con gái vì hai gia đình vốn là chỗ quen biết lại thêm gia đình anh ta còn giàu có hơn gia đình Hằng rất nhiều. Ngày trước nhà Hằng không có một rẻo vàng vạ mà từ khi chồng sang Mỹ gửi tiền về thì nữ trang trên người Hằng lỉnh ra cả chục cây vàng, bố Hằng có cái xe gắn máy, mẹ Hằng có cái ti-vi và chị em trong nhà thì áo quần xanh đỏ, thay da đổi thịt thấy rõ. Phượng thở dài, chuyện mình đã rồi mà chuyện Hằng còn rối hơn! Đàn bà đúng là một trường số phức như ông thầy dạy toán có một đời tư hết sức lâm ly đã khẳng định một cách ai oán như thế.

Đến chỗ quẹo, Hằng cho xe đi chậm lại, thản nhiên nói với bạn:

- Nghĩ ngợi làm chi cho mệt Phượng ơi. Sống ngày nào vui ngày đó đã. Ông bà mình có câu này hay lắm, để ta đọc cho nhỏ nghe: Vui một đêm thành tiên - Phiền một đêm thành cú! Đời vốn đã đen như mồm chó thì ta không cần phải đeo thêm kính râm vào mà nhìn nữa. Mi cũng vậy, vướn vai đứng dậy ra mà hòa mình với cuộc đời để thấy còn rất nhiều niềm vui sống bao quanh. Nhớ chưa, tối ta đợi!

Phượng có biết đâu, tối hôm đó nghe lời Hằng đến dự sinh nhật Lan Anh, Phượng đã tình cờ quen Bảo và thành vợ anh sau một thời gian chóng vánh.

.....

Đêm đen khôn cùng nhưng mỗi lần nhắm mắt lại, Phượng thấy ngay cả cái đám cưới huy hoàng, rục rịch của mình.

Hôm ấy, Phượng lộng lẫy trong những voan, những sa tanh, những裳裳 ten, những ngọc trai trắng muốt và ngay cả những bông huệ tây như cái loa kèn cũng trắng tinh, đài các thướt tha. Hằng và các bạn gái phải há hốc trâm trồ thốt lên: Trời ơi, Phượng đẹp tuyệt trần y như con búp bê người ta chưng bày trong tủ kính của tiệm bán đồ cưới Thủy Tiên! Chưa kể lúc Phượng nâng tà áo bước lên xe hoa là một chiếc Limousine mui trần màu trắng thì thực là một hình ảnh tuyệt vời mà bao cô gái xuân thì phải mơ mộng, thềm thuồng. Riêng Phượng, cô có sung sướng, có hãnh diện với một ông chồng Việt kiều đúng hiệu con nai vàng không? Chắc chắn là có, vì Bảo có tất cả những điều kiện để một người con gái phải khao khát: hiền, chịu vờ, đứng đắn, có học thức và cả địa vị. Còn một điều thầm kín khác rộn ràng lên men trong suy tính của Phượng: Bảo là cây cầu giúp Phượng đến gần với Lam hơn, đưa Phượng đến ngay đất nước mà Lam cư ngụ không cần phải chờ đợi thêm bốn năm dài đặng đặng.

Bao ngày rồi, Phượng đã hình dung ra giây phút hội ngộ. Chỉ cần gục đầu vào lòng Lam. Không cần một ngôn từ nào cả. Nước mắt sẽ thay lời để kể hết những nhớ thương trùng trùng sau những năm xa cách. Lam mãi mãi ngự trị trong Phượng. Lam là mối tình đầu trong trắng với những rung động thật thà, không toan tính nên trở thành bất diệt trong tâm khảm người đàn bà...

Gió thổi mạnh khua những cành cây xào xạt ngoài vườn. Một cảm giác lạnh lẽo lướt qua khiến Phượng tự nhiên xích sát vào chồng. Trong cơn ngủ mê, Bảo trở mình vòng tay ôm vợ chờ che. Chung

đụng bao lâu nay mà sao Phượng vẫn thấy vô cảm đến độ nhiều lần cô đã tự dần vật: Trời, trước bao sấn sóc nâng niu của Bảo mà tình yêu vẫn không sao nảy nở lên được, vẫn giới hạn trong khuôn khổ như là hàm ơn đối với một ân nhân, còn người mà mình ngày đêm trào sôi thương nhớ giờ đang âu yếm với ai? Rồi cái ý tưởng đã ray rứt Phượng từ khi bước chân tới xứ người lại bùng lên sau bao lần nghiền răng kim hãm: Có nên liên lạc với Lam không? Liệu anh có đồng lòng cùng mình làm chuyện động trời này? Tình mình có đủ sâu nặng để Lam có thể đánh đổi cả gia đình anh? Còn Bảo nữa, và cả vợ Lam đều là những người đoan chính, họ cũng biết yêu như mình, đã tận tụy hiến dâng tất cả để gây dựng một lứa đôi hạnh phúc, vậy họ có đáng trở thành nạn nhân của toan tính xảo quyệt này không?

Chắc chắn là không! Bao nhiêu lần trần trở là bấy nhiêu lần Phượng bị lương tâm day nghiến, xỉ vả: Như vậy là bạc ác lắm, thỏa mãn được cho có riêng mình mà bao nhiêu người sẽ bị khốn khổ lây. Đêm trước ngày cưới, hai mẹ con đã thức trắng cả đêm. Mẹ Phượng hiểu rõ hết nguồn cơn, vừa lau nước mắt cho con vừa dịu dàng thủ thỉ, người con gái nào lại chẳng có một vài mối tình ngang trái trước ngày lên xe hoa, nhưng khi chấp nhận chuyện sang ngang rồi thì phải dứt khoát giã từ với quá khứ, để thanh thản bắt đầu cho một đời sống vợ chồng chung thủy sắt son. Ráng mà nghĩ rằng, Phượng và Lam chỉ có duyên mà không có nợ. Chỉ khi nên vợ nên chồng rồi mới gọi là nợ nhau. Nợ tình đã lỡ vay thì phải trả cho đến trọn kiếp, cho dù người ta có muốn giữ bỏ cũng chưa chắc đã hết vẩn vương. Yêu đương chỉ

như pháo hoa rực sáng trong phút giây, trong khi hôn nhân lại là một bếp lửa âm ỉ sưởi ấm cho suốt cả một đời người, nên không bao giờ được xem nó như là một cuộc chơi, mà người ta có thể vào cuộc hay bỏ ngang một cách ngẫu hứng. Đó là chưa kể đến những mưu mô tối tăm, độc ác khác thì thật là vô cùng tán tận lương tâm. Mẹ cũng không quên nhắc đi nhắc lại câu nói của người xưa: Kỷ sở bất dục, vật thi ư nhân, nghĩa là đừng làm cho người những việc mà mình không muốn ai làm cho mình. Phượng ơi, lời nào của mẹ khuyên cũng đúng đắn, vậy thì hãy quên đi cơn bão tình đã một thời làm ta lao đao lặn độn! Cẩn môi cho đến khi bật máu mà quên. Đập đầu cộm cộp vào tường mà quên. Lấy dao rạch nát da ra để mà quên. Mình bây giờ như con nghiện, cần phải chữa trị mạnh tay, cứng rắn may ra mới dứt cơn được. Đường nào cũng bế tắc, phương trình nào cũng trở nên vô nghiệm cả rồi. Quay lưng với vũng lầy oan nghiệt để trở về với cuộc sống trần ngập yên vui mà mình đang có trên hai tay từ những yêu thương vô vàn của Bảo là đáp số duy nhất và đúng đắn nhất.

Phượng mếu máo lay chồng dậy để anh giúp cô vượt qua cơn động tâm khốn khổ này...



**Trần Thị
Hương Cau**
(Germany)

ĐÁM CƯỚI TRẮNG

Trời thật trong
Mây thật trắng
Biển mênh mông một màu xanh biếc
Cát thật êm
Gió thật mát
Nắng chan hòa trên những bẹ dừa loi là
Hơn tám mươi người trong những bộ
đồ màu trắng
Ngồi trên những chiếc ghế trắng
Cùng hai bà mẹ tóc nay cũng đã có
những sợi trắng
Và kia chú rể đứng sừng sừng trong
bộ đồ thật trắng
Cùng hướng về một phía có những
đốm trắng
Những đốm trắng tung tăng nhảy nhót
Cầm trong tay những chiếc giỏ màu trắng
Có những cánh hoa thật trắng
Rải đều xuống bãi cát trắng
Đó là những cô bé "flower girls"
liếng thoảng
Cùng cậu bé "ring boy" mặc bộ đồ
ngắn màu trắng
Phía sau là cô dâu nhỏ nhắn
Vô cùng xinh tươi
Trong chiếc áo cưới màu trắng
Mái tóc bới cao cài hoa Lan trắng
Hân hoan với bó hoa hồng trắng trên tay
Một "quyên huỳnh thế phụ"
Đưa cô đến, giao tận tay người đàn ông
Và
Kể từ ngày hôm nay
Giữa trời và đất
Trong nắng và gió
Trên bãi cát mênh mông màu trắng

Bên cạnh là biển màu xanh biếc
Cùng với thân nhân bạn bè
Chứng nhân là thầy sáu
Trân trọng hứa rằng
Sẽ yêu thương chăm sóc cô
Cho đến hết cuộc đời này
Cô cùng với đôi mắt long lanh
Với môi cười run run
Thề rằng
Cùng có cùng giữ
kể từ ngày này trở đi
dù sướng dù cực
dù giàu dù nghèo,
khi đau như khi mạnh,
vẫn yêu vẫn quý
cho đến khi
tử thần phân chia đôi ngã.

Hoàng Dung

Nassau, Bahamas - May 3, 2008



NHỮNG NGÀY TÁI NGỘ KHÓ QUÊN

Nguyễn Thị Xuân Nga

Nhân dịp Tết-Hạnh, con gái tôi đi họp về “Council for Asian American Leader” tại San Jose, California nên tôi đã đi cùng để thăm mấy người bạn cũ và hai cậu em họ. Lúc 9 giờ sáng ngày 18-02-2009 chúng tôi rời nhà ở New Jersey để tới phi-trường Philadelphia. Sau khi gửi xe ở cạnh phi-trường, chúng tôi được xe buýt chở đến cổng South West Airline. Hôm này vì nền kinh tế bị suy thoái, hành khách không đông-đúc như hồi trước nên thủ-tục lấy vé và gửi hành lý rất mau do đó chúng tôi có gần hai tiếng đồng hồ ngồi chờ. Lúc 13 giờ chiều thì chúng tôi được gọi lên máy bay để đi đến phi-trường Minneapolis. Hôm nay trời mưa nên phi công cho biết là máy bay sẽ bị sóc và yêu cầu hành khách luôn luôn gài dây an-toàn. Tuy nhiên máy bay cũng không sóc mấy và một lúc sau thì trời quang đãng nên rất êm. Bốn giờ sau thì phi cơ đáp xuống phi-trường Minneapolis. Sau khi rời máy bay lại phải đi bộ rất xa để đến một cổng khác ngồi chờ, chừng hơn một giờ sau mới lên máy bay South West Airline để tới San Jose. Sau hai giờ bay, đến 21 giờ thì máy bay hạ xuống phi

trường San Jose. Lúc này trời mưa lâm lâm mà máy bay lại không có cổng để đi thẳng vào trong nên phải đi bộ một quãng ngắn. Trong lúc đi lấy hành lý thì Hạnh gặp hai bà kỹ-sư người Ấn-Độ cũng là nhân viên của hãng Lockneed Martin nên nhập bọn, thuê taxi rồi cả bốn người cùng nhau về khách-sạn Marriott ở đường South Market. Tôi lập tức gọi điện thoại cho cô Loan, là vợ của Phúc con em ruột của mẹ tôi, gọi cậu Khôi con em ruột của bố tôi, điện thoại cho Hường, Trưng-Vương khóa 57-64, anh Hanh bạn học ở Đại-học Sư-phạm, để hẹn ngày giờ gặp nhau. Hường hẹn ngày hôm sau sẽ đến chở tôi đi thăm Diệp, bạn cùng học của tôi ở Trưng Vương, Chu-Văn-An và Đại học Văn Khoa.

Mười giờ sáng ngày thứ Năm, 19-2 Hường cùng với phu quân là anh Hùng tới đón tôi tại khách sạn. Sở dĩ tôi quen Hường vì năm 2001, Hường là trưởng ban báo chí Trưng Vương nên tôi đã gửi bài để đăng. Lần đầu tiên gặp gỡ anh Hùng và Hường tôi thấy có cảm tình ngay vì hai người thật dễ thương. Tôi tặng Hường một sợi dây đeo cổ hình chữ H xinh xinh. Anh

Hùng chở chúng tôi tới một khu thương xá Việt Nam. Hường dẫn tôi tới một tiệm bán DVD. Hường giới thiệu bộ phim truyện Chạy Án, Hường nói là rất hay nên tôi mua ngay quả nhiên cho mấy người bạn xem, ai cũng khen hay. Tôi cũng mua thêm một bộ nữa là Xóm Suối Sâu. Sau đó đến tiệm bán thực phẩm, Hường mua tặng tôi một gói bột nêm nấm, sau đó đến tiệm nước mía, Hường mua 4 cốc nước mía để đem đến nhà Diệp và sau cùng là chở tôi đến Walgreens để tôi mua ensure và nước juice tặng Diệp vì bạn ấy bị ung thư, đang ở thời kỳ chữa bệnh... Sau hơn 40 năm xa cách bấy giờ được gặp lại nhau, tôi và Diệp ôm nhau mừng rỡ! Diệp mua ở tiệm để đãi chúng tôi món bún chả cá, thịt nướng. Tôi cho Diệp coi mấy tấm ảnh chụp năm Đệ tam A cùng với thầy Chương và thầy Xương. Diệp đọc vanh vách tên các bạn. Diệp thích quá, nên tôi đã tặng Diệp những ảnh ấy. Tôi chụp mấy tấm ảnh kỷ niệm cùng với Diệp, anh Hùng và Hường. Khi về lại New Jersey, tôi đã in ngay và nhờ Hường chuyển cho Diệp. Không ngờ đó lại là cuộc gặp gỡ cuối cùng vì ngày hôm sau Diệp phải vào bệnh viện và hơn ba tháng sau thì vĩnh viễn ra đi, để lại sự thương tiếc cho bao người thân và bạn bè. Bài viết này cũng như một nén hương lòng để tưởng nhớ Diệp, người bạn hiền và rất dễ thương của tôi. Chúng tôi ở chơi hàn huyên với Diệp được mấy tiếng đồng hồ, lúc hơn 14 giờ chiều thì ra về. Khi tới khách sạn thì thấy tin nhắn của

cậu Khôi. Tôi lập tức gọi lại thì cậu ấy hẹn sẽ đến chở tôi đi thăm anh chị Hạnh.

Lúc 17 giờ chiều, cậu Khôi đến khách sạn. Sau hơn 10 năm, hai chị em mới gặp lại nhau thật là vui. Anh Hạnh là bạn học Sư phạm cùng với tôi và đồng thời anh cũng là học trò cũ của hai anh tôi là anh Thành và anh Hải trong thời gian chúng tôi chạy tản cư về làng Lãng Tĩnh, thuộc huyện Đông Quan, tỉnh Thái-Bình. Khi gặp lại anh tôi vô cùng xúc động khi nhìn thấy anh từ trong phòng chống gậy, chậm-chạp đi ra, đầu anh đội cái mũ nâu trông như một nhà sư. Hai bàn tay anh bị phong thấp co rút lại, không khoèo. Anh Hạnh đã gần 80 tuổi. Chị Hạnh tuy đã 80 tuổi nhưng vẫn còn khỏe mạnh và nhanh nhẹn. Chị nói: “Hồi đó cô nhỏ xíu (9,10 tuổi).” Lúc đó anh chị ấy đã lập gia đình rồi. Gặp tôi chị ấy mừng lắm, cứ tiếc là tôi không ở chơi với anh chị ấy được lâu để chị dẫn tôi đi chùa. Lúc 19 giờ tối, chúng tôi từ biệt anh chị Hạnh rồi về nhà cậu Khôi. Mẹ Khôi đang chuẩn bị bữa cơm tối. Cậu Khôi có đứa cháu nội lai Ấn-Độ kháu-khỉnh, cặp mắt to. Lúc mới gặp tôi thì nó mắc cỡ, chạy trốn, nhưng chừng 15 phút sau là cháu quen ngay, dẫn tôi đi giới thiệu chỗ này chỗ kia; tới quây rượu nó còn chỉ cho tôi xem đâu là chai rượu mạnh nhất của ông nội nó. Cậu Khôi cũng vừa mới có thêm một cháu nội gái nên tôi mua tặng bộ áo đầm. Sau bữa cơm, ngồi chuyện trò với cậu mẹ Khôi, mãi đến gần 22 giờ đêm cậu Khôi mới chở tôi về lại

khách sạn và hẹn ngày hôm sau sẽ chở tôi đi lễ chùa.

Sáng sớm ngày thứ Sáu, 20-02-2009, cậu Khôi tới đón tôi và chở đến chùa Đức-Viên là một ngôi chùa Việt Nam lớn nhất ở San Jose. Chùa khá lớn, mái lợp ngói đỏ, sáu bậc thang dẫn vào chánh điện cũng lát gạch đỏ rất nổi. Ở sân phía trước, có một đôi hạc bằng đồng rất lớn đầu cao hơn mái chùa. Chính giữa là tượng Đức Bồ Tát cưỡi trên lưng một con sư-tử, tất cả đều bằng đá trắng muốt. Bên tay trái đằng sau của con hạc là một bể đá, phía ngoài được trạm trổ công phu, bên trong đựng một hòn non bộ bằng đá xanh thật lớn, cao tới mái... Ở hai bên cửa chánh điện là hai chậu hoa bằng đá đỏ, trồng cây cảnh, phía gốc có hoa đầy màu sắc vui tươi. Cửa chánh điện màu nâu, trạm trổ rất khéo, phía trước có treo hai cái đèn lồng. Ở phía sau chùa có tượng Đức Phật Thích Ca bằng đá trắng ngồi trên bệ là hình con rắn quấn quanh lại và đầu rắn là cái mái che phía sau đầu ngài. Hình này là để nhắc lại lúc Đức Phật ngồi thiền tuần lễ thứ hai trên hồ tại Bồ Đề Đạo Tràng ở Ấn Độ. Lại còn một tượng Đức Phật Quán Thế Âm cũng bằng đá trắng, phía trước là bàn thờ và bát hương bằng đá xanh cũng được trạm trổ, hai bên là hai khóm trúc già, màu vàng, lá xanh mềm mại. Một tượng Đức Phật lúc ngài mới dẫn sinh, đang đứng, một tay chỉ lên trời, một tay chỉ xuống đất. Trong vườn trồng nhiều cây cảnh và các loại hoa đặc biệt đầy màu

sắc. Sau lễ Phật, tôi cúng tiền để in kinh sách và giúp những người nghèo ở Việt Nam.

Sau khi rời chùa Từ-Viên, cậu Khôi chở tôi đi chùa Kim-Sơn, do thầy Tịnh-Từ sáng lập. Chùa ở trên ngọn đồi cao. Con đường lên núi hẹp và ngoằn ngoèo nhưng cậu Khôi tuy đã 76 tuổi rồi mà lái còn vững vàng lắm, phóng khá nhanh nên tôi cũng thấy hơi sợ. Đi đường hai chị em mãi nói chuyện nên bị lạc vì đi quá chỗ rẽ. Về sau phải hỏi thăm đường để quay lại và khi tới chùa thì đã 11 giờ. Chùa có một căn nhà để làm việc và ở còn chánh điện chưa bắt đầu xây cất, mới chỉ được căng lều để làm chỗ hành lễ, nhưng ở mé ngoài thì đã trồng cây cảnh và đã an vị nhiều tượng Phật rất to và trắng muốt. Nào là tượng Đức Thích Ca nhập diệt, tượng Ngài ngồi tọa thiền trên một bệ đá to; nào là tượng Đức Quán Thế Âm với nét mặt dịu hiền, tọa thiền trên tòa sen bằng đá trắng, một tay bắt ấn một tay cầm bình nước cam lồ rót xuống trần gian. Phía tay phải của ngài là tượng Đức Phổ Hiền cưỡi trên lưng con voi sáu ngà; phía trái là tượng Đức Văn Thù cưỡi trên lưng con sư tử. Cũng còn tượng của Đức Địa Tạng, ngồi, mắt nhìn xuống, tay cầm sợi dây để kéo những chúng sinh từ cõi Địa ngục lên. Ở ngay lối vào chùa là một tượng Đức Di-Lạc thật lớn, với khuôn mặt rực-rỡ, miệng cười thật tươi. Sau khi hai chị em lễ Phật xong thì tôi xuống dãy nhà ngang để cúng tiền xây Chánh điện. Cuối cùng tới mục

chụp ảnh. Cậu Khôi đã chụp hộ tôi rất nhiều ảnh đứng trước các tượng Phật rất đẹp. Khi về lại tới thành phố thì đã là buổi trưa nên cậu Khôi mời tôi tới tiệm ăn món bánh xèo, bánh tôm và phở. Gần 3 giờ chiều mới về đến khách sạn.

Gần 16 giờ, cô Loan đến đón tôi. Cách đây hơn hai chục năm, cậu Phúc cưới vợ tôi không tới tham dự được nên chưa hề gặp cô Loan mà chỉ được nhìn ảnh và nói chuyện qua điện thoại mà thôi. Tuy nhiên khi Loan lái xe đến trước khách sạn thì tôi cũng nhận ra ngay và Loan cũng nhận ra tôi nên khi thấy tôi tiến gần đến xe thì hỏi ngay:

-Có phải chị là chị Nga không ạ ?

-Đúng rồi, em Loan đấy à?

Loan rất dễ thương và nhiệt tình, luôn hiếu khách. Loan chở tôi tới Trung Tâm Thương Mại lớn nhất của



San Jose là Grand Century. Tôi và Loan chụp cho nhau những tấm ảnh ở trước cửa. Sàn ở phía ngoài cũng được lát gạch tráng men màu hồng nhạt bóng loáng. Họ kê nhiều bàn ghế và có dù che mưa nắng để cho khách ngồi nghỉ chân . Ở đó thấy mấy ông cao niên đang ngồi đánh cờ. Bên trong sàn nhà cũng đều được lát gạch tráng men rất sạch sẽ. Tới một cửa tiệm bán quần áo của Hồng Kông, tôi thấy một

cái áo cổ cao bằng hàng mỏng màu đen, có hoa màu gỗ hồng, màu vàng mơ, lá cũng màu vàng mơ lại điểm thêm những hạt kim tuyến óng-ánh trông rất dễ thương. Thấy tôi khen đẹp, thế là Loan nhất định đòi mua để tặng tôi, cảm thế nào cũng không được. Lúc này đã thấy khát nước nên khi đi ngang qua tiệm bán nước mía, Loan ghé mua hai cốc mỗi cốc 3 đồng rưỡi. Cốc nước rất to nên tôi phải uống cố mãi mới hết. Sau đó đi xem những cửa tiệm bán hàng để may áo dài rồi vào chợ nữa... Đến 18 giờ chiều thì trở lại khách sạn để đón Hạnh vì lúc đó Hạnh

mới họp xong. Cô Loan khẩn-khoãn mời chúng tôi đến ở nhà cô ấy qua đêm để ngày hôm sau sẽ chở chúng tôi đi thăm cầu Golden Gate. Thế là hai mẹ con tôi lại phải mang theo quần áo để đến ngủ ở nhà

cậu Phúc, cô Loan .

Nhà của cô Loan và cậu Phúc ở vào một khu vực đất tiền, yên tĩnh. Cô Loan cho biết là trước kia căn nhà này nhỏ chỉ có ba phòng ngủ, mà con đông (4 trai, một gái) nên đã phá toàn bộ và xây lại nên rất tiện nghi với 4 phòng ngủ và nhiều phòng tắm, phòng khách, phòng ăn và phòng họp gia đình đều rộng rãi. Có nhà để xe chứa được hai ô-tô. Hàng rào bằng sắt hoa sơn

trắng lịch-sự, được lắp máy tự động để mở cửa nên tiện lợi. Năm bức thêm bằng gạch đỏ để dẫn đến cửa vào nhà.

Mấy chục năm mới gặp lại cậu Phúc, thật là mừng. Tối đó cô Loan đãi ăn bún thang và cơm rang. Một nồi đậu đỗ bánh lọt to tướng để tráng miệng. Mấy cháu con cậu Phúc, cô Loan rất dễ thương. Cô Loan khéo dạy dỗ nên các cháu rất ngoan và biết giúp đỡ bố mẹ làm các việc trong nhà. Vừa ăn xong là cháu Hồng Danh tự động thu bát đĩa đem rửa. Tôi tặng cô Loan sợi dây chuyền xinh xinh và tặng các cháu bánh cookies. Sau bữa cơm, chúng tôi ngồi hàn huyên mãi tới khuya mới đi ngủ.

Ngày 21-02-1009, sau khi ăn điểm tâm xong thì khởi hành đi San Francisco. Tất cả gồm 7 người: Cậu Phúc cô Loan, 3 cháu Hồng Danh, Hồng Nhân, Hồng Huân, tôi và Hạnh. Từ nhà sang đến San Francisco phải mất hơn một giờ lái xe mà 15 giờ chiều là Hạnh phải có mặt ở khách sạn để dự bữa tiệc "Asian Engineer Of The Year Award Dinner" và chiều đó tôi cũng có hẹn với Trâm nữa. Vì thì giờ eo hẹp do đó trên đường đi, cô Loan đã ghé vào tiệm bánh mì Dakao mua cho mỗi người một ổ bánh mì to để ăn trên xe chứ không có đủ giờ để vào tiệm ăn được. Lúc 11 giờ trưa thì tới cầu. Đậu xe xong là vội-vã dẫn nhau đi chụp ảnh liên miên, có tới mấy chục tấm.

Ở tỉnh San Francisco, thuộc Tiểu bang California, Hoa-Kỳ có hai cây cầu đẹp và nổi tiếng thế giới là cây cầu Golden Gate

và San Francisco/Oakland Bay Bridge, hàng năm đã thu hút hơn chín triệu người thăm viếng.

Lịch sử của cầu Golden Gate. Vào ngày 15 tháng Tám năm 1929, Joseph Bearmann Strauss đã được chọn đứng đầu những kỹ sư để thực hiện chương trình và ngày 27 tháng Tám năm 1930, ông đã đưa ra cái đề án cho "the Bridge District Board". Sự xây cất bắt đầu vào ngày mùng 5 tháng Giêng năm 1933. Cầu đã mở cửa cho khách bộ hành vào ngày 27 tháng 5 năm 1937 và ngày hôm sau thì xe cộ bắt đầu được đi qua.

Sự xây cất cầu Golden Gate. Sàn được treo bởi những sợi dây cáp từ những cái tháp cao 764 feet, 191 feet cao hơn Washington Monument. Nó đòi hỏi những dây cáp cầu lớn nhất. Mỗi dây cáp được cuốn bởi 27,572 sợi dây thép. Phải mất sáu tháng và chín ngày để quấn những dây cáp đó. Cầu phải có những đập chắn nước. Đập chắn nước phải ở cách xa bờ biển 1,125 feet. Ở mỗi chân cầu, những túi khổng lồ được đào từ những khối đá chắc để cho những đập chắn xuống, mỗi cái đựng 30,000 khối bê-tông. Tổng cộng đã dùng hết 389,000 khối bê-tông Những miếng thép làm cầu của công trình này là ở New Jersey, Maryland và Pennsylvania. Những miếng này được chở bằng tàu qua sông đào Panama để tới vịnh San Francisco. Cái cầu này cần dùng tới 83,000 tấn thép. Trong lúc xây cầu đã có 11 người đàn ông bị chết. Tổng phí cho

việc xây cây cầu này là 35 triệu rưỡi Mỹ-kim. Lượng lưu thông của xe cộ hàng ngày là 111,493 xe. Tiền thuế cầu hàng năm thu được là 59 triệu, 289 ngàn, và tới ngày nay đã thu được là 1 tỷ, 252 triệu, 966.454 Mỹ kim. Cầu Golden Gate màu đỏ gạch, dài 8,981 feet, rộng 90 feet, cao trên mặt nước 220 feet, chóp cầu cao 746 feet. Hồi tháng Mười, năm 1989, ở California có động đất 7.1 ở ngay vùng vịnh, cầu Golden Gate bị hư hại và đã được sửa chữa ngay.

Oakland Bridge Bay. Đó là cây cầu làm bằng thép dài nhất thế giới, với 4.5 miles trên mặt nước. Mỗi đập chắn của nó, lớn hơn cái Kim tự tháp lớn nhất của Ai-Cập và chứa đựng nhiều bê-tông hơn Empire State Building. Cầu dài 8.25 miles, bề ngang rộng 90 feet. Đường kính của dây cáp chính là 28.3/8 inches. Số dây thép dùng cho mỗi cable là 17,644. Tổng cộng chiều dài của dây cáp là 70,815 miles. Tổng cộng tiền phí tổn để xây cầu này là 79 triệu rưỡi. Cầu được mở cửa từ ngày 12 tháng 11, 1936. Xe cộ lưu thông hàng ngày là 280,000 cái.

Sau khi ngắm cảnh và chụp ảnh xong, chúng tôi lên xe để đi thăm phố Tàu. Bây giờ là lúc thưởng-thức bánh mì Dakao. Trên đường đi gặp những căn nhà nho-nhỏ xây san-sát nhiều màu sắc: hồng, vàng, xanh, nâu... Khi tới phố Tàu thì gửi xe rồi đi bộ để xem mấy phố. Ở đây đường phố rất chật hẹp. Có những con đường mà xe phải đậu kênh lên, một nửa ở dưới đường,

một nửa ở trên lề đường trông rất ngộ. Tại đây lại có nhiều con đường rất dốc nên mỗi khi phải băng qua thấy ghê, chỉ sợ xe họ đang chạy ngon trốn không kịp hãm thì lãnh đủ. Gần 14 giờ chiều thì ra về; Cậu Phúc chở cô Loan và các cháu về nhà rồi mới đưa chúng tôi về khách sạn, chờ Hạnh thay áo dạ hội và chở tới nơi có dạ tiệc.

Lúc gần 17 giờ thì Trâm, điện thoại cho biết chừng 15 phút sẽ tới khách sạn. Trâm là bạn thân của tôi tại trường Trung Học Trưng Vương và Đại Học Văn Khoa Sài-Gòn, còn hôn phu của Trâm là anh Phái, lại là bạn học cũ của ông xã tôi ở Chu Văn An. Tôi đã làm phụ dâu cho Trâm ngày đám cưới... Khi gặp nhau thì nhận ra ngay vì Trâm vẫn nhỏ bé loắt choắt như ngày nào chỉ mái tóc là bạc trắng cũng như tôi. Trâm và anh Phái đã phải lái hơn 2 giờ đồng hồ từ Sacramento để tới gặp tôi. Hai đứa ôm nhau mừng rỡ vì đã hơn 40 năm mới gặp lại. Trên đường đi đến nhà hàng, anh Phái nói là quên không mang theo máy hình. Tôi cho biết là tôi có mang theo rồi. Thế là chúng tôi đã chụp được mấy tấm ảnh kỷ niệm. Tôi được trâm và anh Phái đãi ăn ở một nhà hàng sang trọng. Ăn chơi món gỏi ngó sen rất ngon, rồi món sò, tôm. Ăn cơm với món canh chua cá bông lau và món sào. Ngồi ăn mà Trâm cứ luôn nắm lấy tay tôi. Hội ngộ vài giờ đồng hồ tuy ngắn ngủi nhưng thật là quý.

Winchester Mystery House. Ở San Jose có một căn nhà bí ẩn có tới 150

phòng do một người đàn bà tạo ra. Căn nhà này trước kia chỉ có ít phòng thôi nhưng sau khi ông chồng bị chết rồi con bà ta cũng chết nên bà ta nghĩ rằng có thể vì trước kia chồng bà đã chế tạo ra súng, làm chết nhiều người nên hồn ma báo oán. Năm 1950, khi ông chồng chết bà được một triệu đồng tiền bồi thường (life insurance) nên bà mượn thợ đến xây thêm phòng. Nhóm thợ làm việc liên tục 24/24 vì bà tin tưởng rằng lúc nào cũng có người đóng gô thì hồn ma sẽ không xuất hiện được. Mà cách xây cất cũng lạ lùng, lẩm, có phòng cửa lại trở trên trần nhà... Cứ tiếp tục xây dựng như vậy cho tới lúc bà chết thì số phòng đã tăng lên là 150 phòng. Hiện nay người ta mở cửa cho mọi người vào xem để lấy tiền.

Ngày 22-02-2009, lúc 9 giờ sáng, hai mẹ con đang chuẩn hành lý và sắp sửa gọi taxi để ra phi-trường thì nghe tiếng gõ cửa phòng. Khi mở cửa ra thì thấy cô Loan. Chiều hôm trước khi từ già Cô Loan, cậu Phúc để hôm sau về lại New Jersey. Cô Loan ngờ ý muốn chở ra phi trường nhưng Hạnh đã từ chối và nói: “cô cậu ở xa lại phải đi xuống mất công, để cháu kêu taxi, vì khách sạn chỉ cách phi trường có 5 miles thôi vả lại sở cháu cũng trả mà.” Tuy nhiên Cô Loan, cậu Phúc cũng vẫn tới mà còn mang cho hai cốc đậu đỏ bánh lọt và hai ổ bánh mì thịt nguội nữa. Hai mẹ con chỉ nhận một cốc đậu đỏ, chia nhau ăn tại khách sạn vì chỉ có bánh mì mới mang theo vào phi trường được thôi.

Tới nơi, cô Loan còn theo vào đến chỗ lấy vé và gửi hành lý, mãi tới khi phải vào chỗ khám người thì cô mới ôm chúng tôi, từ già ra về. Sự tiếp đãi của cậu Phúc cô Loan thật ân cần và chu đáo. Lúc 11 giờ sáng, chúng tôi được gọi lên máy bay. Mấy ngày chúng tôi ở San Jose trời nắng ráo, thật đẹp; nghe nói mấy hôm trước trời mưa tầm tã. Sáng nay thì trời cũng hơi mưa nên khi ra sân để lên máy bay phải che dù. Khoảng gần 17 giờ chiều thì tới phi trường Minneapolis.. Chúng tôi vội vã tìm đến cổng E để đáp máy bay về Philadelphia. Khoảng 18 giờ chiều thì các hành khách được gọi lên máy bay. Ngồi trên phi cơ được một lúc thì thấy đèn bị tắt tối thui, mấy phút sau đèn được thắp sáng trở lại. Cứ bật tắt như vậy mấy lần. Cuối cùng thì họ thông báo cho hành khách biết là phải chuyển sang phi cơ khác. Thật là hú vía! Máy bay đã trực-trục trước khi cất cánh. Mỗi khi đi máy bay tôi thường niệm Phật, cầu Đức Quán Thế Âm Bồ Tát gia hộ cho đi đường được bình an. Tôi nghĩ nhờ sự cầu xin này mà máy bay đã trực-trục trước khi cất cánh. Nếu đã bay rồi điện mới hư thì thật là nguy hiểm. Chúng tôi đã trở về tới phi trường Philadelphia an toàn lúc 21 giờ tối. Sau khi lấy hành lý và lái xe về tới nhà đã gần nửa đêm.

Chuyến đi này rất vui và thích thú vô cùng.

New Jersey ngày 18 tháng 7, 2009.

Nguyễn Thị Xuân-Nga

TỊNH BIÊN VÀ NỖI NHỚ

*Bằng cái vé xe bus,
dành cho người cao niên,
và người tàn tật.
Anh là người cao niên,
và là người tàn tật,
(với con tim tật nguyên.)
Theo con đường Beach, anh đi lên núi,
mong tìm lại mái tóc mây,
chỉ thấy mây vương ngang sườn núi.
Rừng, núi chập chùng,
đón anh bằng ngọn gió heo may.*

*Bằng cái vé xe bus,
dành cho người cao niên,
và người tàn tật.
Anh là người cao niên,
và là người tàn tật,
(với con tim tật nguyên.)
Theo con đường Beach, anh đi xuống biển,
mong tìm lại ánh mắt long lanh,
chỉ thấy hàng hàng, lớp lớp sóng xô bờ,
lấp lánh trong ánh nắng vàng rực rỡ,
đón anh bằng một chú hải âu lẻ loi.*

*Bằng cái vé xe bus,
dành cho người cao niên,
và người tàn tật.
Anh là người cao niên,
và là người tàn tật,
(với con tim tật nguyên.)
Theo xa lộ 405, anh vào thung lũng
Antelope
để tìm lại nụ cười rực rỡ của mùa xuân,
với đôi môi hồng chín mọng tình ái,*

*chỉ thấy hoa poppy đỏ thắm,
bát ngát một phương trời
đón anh bằng tảng đá le loi.
Bằng cái vé xe bus,
dành cho người cao niên,
và người tàn tật.
Anh là người cao niên,
và là người tàn tật,
(với con tim tật nguyên.)
Xuôi theo xa lộ 405, anh vào vùng hoang dã
để mong được nghe lại những lời âu yếm
thiết tha,
chỉ nghe gió heo mây thì ào qua kẽ lá,
đón anh bằng mấy gốc thông già.*

*Tịnh Biên,
Hồi Tịnh Biên,
cô sinh viên xứ Huế,
ngày hai lượt qua cầu Tràng Tiền,
“khiến cho giòng Hương giang hồ hững,
cũng nao nao!” (1)*

*Tịnh Biên,
Hồi Tịnh Biên!
Anh gọi tên em trong nỗi quay quát nhớ.*

*Tịnh Biên,
Hồi Tịnh Biên!
Anh gọi tên em trong nỗi ngơ ngẩn sầu.*

*Tịnh Biên,
Hồi Tịnh Biên!
“gọi tên em mãi,
trong cơn mê này,
mình nhớ thương nhau...” (2)*

TẠ QUANG TRUNG

Orange County – Xuân 07

(1) Nhạc Hoàng Nguyên

(2) Nhạc Ngô Thụy Miên

NGƯỜI KHẮC TÊN BIA MỘ

TIÊN SỰ LÊ LUYẾN

1- Khoanh kín cuộc đời trong chiếc kén cô đơn lạnh lùng của ngày tháng thoi đưa, nhìn ông lão hiền lành ít nói, ngày ngày mài miết đục chạm trên mặt đá trắng, không ai có thể biết được ông đang nghĩ điều gì trong lòng. Dáng người xương xẩu khắc khổ, mái tóc muối nhiều hơn tiêu, lòa xòa phủ vầng trán rộng điểm những vết nhăn. Ông mặc trên người bộ bà ba màu xanh chàm mộc mạc, xốc xếch, luôn mở phanh ngực áo để lộ vết xăm hình đầu cọp. Nhìn ông lặng lẽ làm việc, tôi không tìm ra ở nơi ông bất cứ đặc điểm gì để có thể nghĩ rằng ông là một nghệ nhân điêu khắc tài hoa, chẳng những vang danh khắp vùng quê hương Ngũ Hành Sơn mà còn đồn xa ra cả nước. Con người ông tất cả đều thật bình thường, duy chỉ cặp mắt là khác lạ. Có lúc lơ đãng mỗi một người mất ngũ kinh niên. Có lúc mơ màng vô hồn như sống trong cõi hoang tưởng xa xăm, mơ hồ nào đó. Nhưng cũng có lúc từ hai hố mắt trũng sâu ấy bỗng phát xạ ra những tia sáng dữ dội, lạnh lẽo đầy hăm dọa. Ông là biểu hiện của một nghệ sĩ đam mê, một kẻ cuồng trí hay một tên tội phạm giết người? Đố ai biết được điều gì đã xảy ra cho cuộc đời ông. Chỉ biết ông tuổi chừng sáu mươi nhưng người dân thì bảo ông chỉ mới năm mươi. Đau khổ,

tuyệt vọng và hận thù đã đầy dọa, làm quắt queo thân xác ông già đi trước tuổi. Người ta kể rằng ông đã có một quãng đời thật sóng gió và yên hùng. Ngày theo đơn vị về đóng quân ở đây, ông hãy còn thật trẻ. Ông là Thượng úy trong một đơn vị đặc công, từng được gửi đi huấn luyện ở Nga.

2- Ngày tôi chuẩn bị về thăm Việt Nam, một người bạn cùng quê mời đến nhà chơi và đưa cho xem bức tượng điêu khắc hình một người con gái xoắn tóc đang uốn mình trong vũ điệu, cao khoảng 18 inches bằng đá trắng Non Nước. Bạn tôi tốt nghiệp trường Cao đẳng Mỹ thuật Sài Gòn. Sau khi qua Mỹ, anh dành nhiều thời giờ học hỏi và nghiên cứu thêm về trường phái tạo hình, do vậy cái nhìn của anh thật bài bản và đầy tính nghệ thuật. Anh chỉ cho tôi thấy những đường nét sắc sảo, độc đáo và sáng tạo của người nghệ nhân khi khắc tượng. Từ nguồn cảm xúc rung động mãnh liệt đến sự suy tư sâu sắc của tâm hồn, cứ tưởng chỉ là một bước nhỏ nhưng kỳ thật là cả một thời gian dài mài luyện công phu giữa người nghệ sĩ và tác phẩm. Từ đó, công trình mỹ thuật tuy thoát thai từ căn bản nhưng cái cốt lõi chính vẫn là phần hồn sống động của con người, biến những đường nét điêu khắc thành một bức tượng linh động, kỳ ảo, đầy sinh khí và có sức sống riêng biệt, một sinh mệnh độc

lập như là thật trong không gian ba chiều, đồng thời tạo được ấn tượng mạnh mẽ cho người thưởng lãm, sự xúc động nội tại sâu sắc khi chiêm ngưỡng tác phẩm. Đó là yêu cầu tuyệt đỉnh của nghệ thuật. Và đến lúc đạt được điều đó thì người nghệ sĩ đã thành công trong quy trình kiến tạo ra một con người *sống* ở trên một vật thể *chết*.

Sau khi giải thích khái quát, anh bạn ngỏ ý nhờ tôi về quê tìm đến chính người nghệ sĩ tài hoa ấy, đặt làm cho anh một bức tượng khác, theo ý của anh. Người thợ điêu khắc đó đã được đời đặt cho một cái tên thật kỳ dị : ***Người khắc tên bia mộ***.

Và đó là lý do tôi có mặt trên vùng đất Ngũ Hành Sơn để được nghe kể lại một câu chuyện tình thương tâm, bi phần của người nghệ sĩ lỗi lạc với cô gái mỹ miều, chôn chắt quê hương Quảng Nam Đà Nẵng ...

3- Sau ngày 30-4-1975, theo đơn vị về đóng quân ở đây, người Thượng úy trẻ có cơ hội rong chơi thăm quan các hang động kỳ ảo, huyền bí mà tạo hóa đã riêng dành cho vùng đất Non Nước. Thời gian rảnh, anh chăm chỉ miệt mài học nghề tạc tượng với các nghệ nhân bản xứ hoặc khi trà dư tửu hậu, trải mối tâm tình của người thanh niên hiền hòa xa quê đã giúp ông san bằng những dị biệt, bất đồng, đố kỵ vốn sẵn có từ sau năm 75 của người dân hai miền Nam - Bắc. Ông đã tạo nên mối tình cảm thương mến đậm đà với dân làng địa phương. Người dân ở đây sẵn lòng

chia sẻ ngọt bùi cùng ông. Họ xem ông như là một con người của chính quê hương này. Và cũng tại nơi đây, cuộc đời ông đã đi vào một khúc quanh định mệnh.

Núi đồi, thôn dã và thảo nguyên là mảnh đất ươm hạt mầm tình yêu của ông với một cô giáo làng hiền hậu đoan trang, con của một viên chức chế độ VNCH. Tình yêu của họ đậm thắm ngọt ngào, lớn dần theo với ngày tháng. Gia đình và bà con làng xóm hoan hỷ. Rồi một ngày họ quyết định kết nghĩa vợ chồng. Nhưng chuyện oái oăm của tình yêu đã chực chờ họ sẵn ở một ngã rẽ bất ngờ nhất.

Thời gian vừa chiếm được miền Nam, bộ đội miền Bắc bị bắt buộc phải tuân theo những quy tắc, luật lệ nghiêm ngặt của đảng, của nhà nước. Họ không được phép kết hôn với bất cứ ai có họ hàng, thân tộc dính líu đến chế độ miền Nam. Trong trường hợp này người Thượng úy trẻ là Anh hùng Quân đội Nhân dân cũng không được hưởng phần ngoại lệ. Ông bất đồng với quan điểm hủ lậu, cực đoan ấy, quyết bảo vệ tình yêu đến cùng. Ông ra thẳng Hà Nội, đến Bộ Chính trị khiếu nại, lên tiếng đòi công lý... Trong trí nhớ ngu ngơ, mê muội của ông vẫn còn bồng bềnh thứ hào quang chống Mỹ cứu nước dưới bóng cờ quảng trường Ba Đình hay trong màn đêm tăm tối của hang Pắc Pó hoặc thăm thẳm hoang vu nơi rừng sâu Việt Bắc. Việc làm điên rồ của ông đã bị những kẻ cầm quyền từng một thời là đồng đội, là đồng chí thân thiết trong cuộc chiến, đánh giá như là sự bất tuân thượng lệnh hay nặng hơn, một sự phản bội. Ông bị tước

đảng tịch đuổi ra khỏi quân đội, không có một quy chế hưởng đãi, một mảnh giấy chứng minh và cả một đồng xu dính túi. Công trạng của ông một sớm một chiều đã bị người ta quay lưng, cố tình lãng quên. Ông đâm ra phẫn chí, mang chứng trầm uất, biếng ăn mất ngủ. Nhưng rồi một ngày ông đã hiểu rõ sau khi nhớ lại tất cả những gì ông đã biết trước đây. Thì ra là vậy, chính quyền Xã hội Chủ nghĩa được xây dựng trên nòng súng và bằng sự dối trá mồm loa mép giải. Ông quyết định tiến hành đám cưới, bất chấp mọi hậu quả. Khách mời tham dự là bà con dân làng chất phác hiền lành, những nghệ sĩ điêu khắc tài hoa. Tuy đơn sơ, đạm bạc nhưng nồng nàn nghĩa tình và họ vẫn cảm thấy hạnh phúc tràn đầy. Sau ngày cưới, ông cởi bỏ bộ quần áo bộ đội miền Bắc thay vào đó chiếc áo dân dã, khởi đầu một cuộc sống tự do, kiếm miếng ăn bằng chính sức lực, khối óc và con tim của một tài nhân điêu khắc. Ông ở lại sống trên quê hương người vợ yêu quý.

Những tưởng từ nay, tình yêu và quê hương này sẽ là bến bờ dừng chân cuối cùng để ông gửi thân suốt đời. Nhưng đảng như một tên phù thủy độc ác, sai phái lũ nô bộc tàn bạo say mùi máu tanh, dùng cường quyền bạo lực đeo bám trù dập vợ chồng ông, bắt trục xuất ra khỏi làng, đẩy đi vùng kinh tế mới. Ông nhặt nhanh vài kỷ vật, mang theo một ít đồ dùng cần thiết rồi dắt díu vợ ra đi, lòng thản nhiên như đã biết trước rồi sự việc sẽ đến hồi như vậy. Ông không phản ứng lại bởi ông còn tình yêu, còn tha thiết sống.

Ông không bao giờ muốn mình là thầy ma chết oan khuất trong bóng đêm âm nín hay trong ngục tù tăm tối. Vợ chồng ông bắt đầu một cuộc sống mới. Trên đồng cạn, dưới đồng sâu, trong nương ngoài rẫy, mưa nắng hai mùa vất vả, họ chỉ cầu được yên thân. Thế nhưng họ vẫn tiếp tục bị trù ếm ở vùng đất khổ ho cò gáy này. Họ không được mua lương thực, phân bón, hạt giống theo giá phân phối, theo tiêu chuẩn ưu tiên dành cho di dân vùng khẩn hoang. Chưa hết. Mùa thu hoạch đầu tiên họ bị bắt phải đóng thuế không được chước miễn theo qui định cho những gia đình sống năm đầu trên đất mới. Ông thắc mắc hỏi, người ta bảo chỉ làm theo lệnh. Tóm lại, họ bị trù dập, trả thù hèn hạ bằng mọi cách bỉ ổi, trắng trợn nhất.

Đã có lúc ông nhớ về thưở rong ruổi ngang dọc trong vùng lửa đạn. Những năm tháng hao mòn cuộc đời trong trò chơi chiến tranh chết người nhưng ông vẫn thản nhiên thi hành nhiệm vụ, không may mắn bằng khuôn suy nghĩ đúng sai, phải trái. Ông cúi đầu tuân thủ mệnh lệnh, lao mình vào chiến trận như một loài thiêu thân không sợ lửa. Ông mù quáng tôn sùng lãnh đạo, lãnh tụ như một giáo đồ cuồng tín, sẵn sàng da ngựa bọc thây để được ban phát hai chữ anh hùng. Ông không chịu tìm hiểu, do vậy chẳng bao giờ ông hồ nghi gì về cái chủ nghĩa đều cang, mị dân kia. Ngược lại ông còn ra sức bảo vệ, biện bác cho cái chế độ bạo ngược, tham ô và bất công đó. Và than ôi ! đến bây giờ thì đau đớn thay, ông lại trở thành là nạn nhân của thứ hào quang giả tạo mà suốt

thời tuổi trẻ ông không màng đến an nguy bản thân, bán linh hồn để một lòng tận tụy, cúc cung bảo vệ vun bồi nó. Không trách gì lòng dân ta thán, oán căm. Mãi đến bây giờ ông mới chợt tỉnh và hiểu ra. Ông ước gì mình làm được, viết được như những người của đảng đứng lên chống đảng trị, đòi cải cách chế độ, canh tân đất nước. Đã có lúc phẫn uất điên cuồng, ông muốn liều mạng lao thân vào một cuộc đấu tranh để nói lên tiếng nói lương tâm, lẽ phải dẫu biết rằng cuộc đời này

không cân sức, dẫu biết rằng đằng sau cái chủ nghĩa mà cả đời ông tôn thờ chỉ là nòng súng, là nhà tù. Ông có thể rục xương trong ngục tử hình, không một manh chiếu, một hố nông để vùi

thây nhưng ít ra ông cũng có một lần gióng lên tiếng nói chính trực của nhân tâm, mưu cầu hạnh phúc cho dân tộc, cũng như bản thân ông được một lần sống với chính mình. Thế nhưng, khi nhìn những giọt nước mắt vất dài của người đàn bà ông yêu thương đang thai nghén, ông lại thấy mềm lòng, phải bỏ cuộc. Cứ tự hỏi : rủi có mệnh hệ nào thì vợ con ông sẽ sống sao đây ? Cả đời, chưa hề biết mùi vị tình yêu là gì. Tám tuổi đã nhìn thấy chiến tranh ; Mười tuổi đã bị học đường và xã hội nhồi nhét, đầu độc những ý tưởng hận

thù ; Mười lăm tuổi đã bắt đầu tập làm quen với những thứ giết người ; Đến tuổi mười bảy, bị bắt thả vào chốn mịt mù lửa đạn hận thù đầy bất trắc, bệnh tật và chết chóc. Trong tình thế bức bách cùng quẫn, bản năng sinh tồn bộc phát. Sau cuộc chiến, ông may mắn còn sống sót và trở thành anh hùng để bây giờ chợt hụt hẫng khi biết công sức mình chỉ là đã tròng xe cát. Do vậy khi bắt gặp tình yêu ông như tìm được thứ của cải trân quý mà cả đời chưa hề có. Ông nâng niu yêu



thương, sợ phải nghĩ đến chia ly và tan vỡ. Nên chi chút can đảm còn rơi rớt sau cuộc chiến, ông đành cắn răng dành lại cho vợ con, cúi đầu nhắm mắt với lời an ủi : "nhẫn nhục để

được sống". Ông ngoan ngoãn chịu đựng, cam lòng khổ cực với bát cơm độn chan mắm cá đồng, lấm lũi vất kiệt sức mình trên nương ngoài rẫy, không giao tiếp với bất cứ một ai. Thời gian còn lại ông dành tất cả cho tình yêu, hủ hỉ bên người vợ hiền lành yếu đuối, sắp đến ngày khai hoa nở nhụy, luôn cần đến ông.

4- Một buổi chiều, trời đang nắng bỗng nổi cơn dông thành linh. Mây đen cuộn cuộn, sấm chớp liên hồi. Ông bỏ dở công việc, bưng bả về nhà. Xa xa nhìn

thấy vợ bụng mang dạ chửa, đang gò lưng khó nhọc kéo những tấm phen tre ngổ ngang trên sân, dùng để phơi khoai mì làm lương thực dự trữ. Gió nổi lớn, căn nhà cất thô sơ như lung lay xiêu vẹo. Ông vội vã rảo bước, vừa chạy vừa gọi lớn : "Anh về đây rồi. Để đây cho anh" Mưa bắt đầu rơi làm ướt tấm lưng trần đen đúa và những luống đất vừa mới cày vỡ. Ông không để ý gì đến trời và đất đang miên man giao hòa mưa gió mát mẻ. Vừa đến đầu ngõ chợt tai ông nghe một tiếng "bụp" chát chúa, khô khan và lạnh lẽo. Âm thanh nghe dường như quen thuộc lắm. Tiếp theo một tiếng thét lạnh lạnh xé lòng "anh ơi". Vợ ông lao đảo ngã quy. Ông chết điếng, phóng ào đến ôm vợ vào lòng. Mắt ông nhòa lệ pha lẫn mưa rơi. Một bàn chân đứt lìa, máu phun có vòi. Vợ ông là người trong vòng tay chồng. Ông cắn răng dẫn cơn đau lòng, xé vội mảnh áo buộc vòng garrot cấp cứu tạm thời. Lác đác quanh đó vài người hàng xóm tốt bụng, nghe tiếng nổ đội mưa chạy đến, đang chờ giúp đỡ. Vợ ông lập tức được bà con cáng ra trạm y tế xã. Ở đây thiếu phương tiện chữa trị cấp thời, họ chỉ chích một mũi thuốc khỏe và cầm máu, rồi viết giấy giới thiệu ra huyện. Y tế huyện cũng chẳng khá gì hơn, họ cấp xe chở đi bệnh viện tỉnh. Ba giờ sau, các bác sĩ phòng cấp cứu khi xem xét vết thương và chẩn đoán, họ báo cho ông biết rằng nạn nhân được mang đến bệnh viện quá trễ. Vì mất nhiều máu và vết thương bị nhiễm trùng nên không hy vọng sẽ cứu sống, ngoại trừ trường hợp mổ cấp cứu để mang đứa bé ra

ngoài trước thời hạn sinh nở rồi tiếp tục nuôi dưỡng bằng lồng kính nhân tạo. Cuối cùng họ khuyên ông nên quyết định gấp để kịp cứu đứa bé. Nghe bác sĩ nói, đầu óc ông lúng búng như bị ngàn vạn tấn bom nổ phủ ì ì lên cùng một lúc. Ông ôm vợ nấc to nghẹn ngào, hôn mê ngã quy xuống sàn bệnh viện. Và kể từ hôm đó, ông chẳng bao giờ có thể hồi sinh. Người đàn ông sống bồng bềnh trong mơ hỗn độn của thời gian, của kiếp nhân sinh dẫu rằng đã có một thời ông đội trên đầu, gánh trên lưng biết bao tang thương đổ vỡ, lần bước từ thế giới hỗn mang của chiến tranh để hòa mình vào vũ trụ ảo diệu lẫn điên đảo của loài người. Ông đã đánh mất ký ức. Bom đạn hiểm nghèo ông vẫn còn có cơ hội đứng dậy, nhưng bị người cộng sản trù dập thì chẳng bao giờ ông có cơ may tồn tại trên đời.

Ngày ông trở lại nơi xảy ra thảm cảnh nhìn dấu nổ, kinh nghiệm chiến trường khiến ông nhận ra ngay không phải do lựu đạn mà do một thứ mìn muối chống cá nhân, chẳng biết ai đã âm mưu ném lẫn lộn trong đồng khoai mì đang phơi dở dang. Chấm dứt chiến tranh lâu rồi mà máu vẫn tiếp tục chảy, thân người vẫn nát tan và hận thù thì vẫn dai dẳng triền miên. Ông điên tiết nổi lửa đốt nhà, đốt tất cả những di vật của tình yêu còn sót lại, cả ảo và mộng, cả quá khứ đau thương lẫn tương lai mờ mịt rồi lầm lũi bồng đứa con gái bất hạnh chưa ra đời đã mất mẹ, hình ảnh duy nhất còn sót lại của vợ, về sống nơi quê ngoại.

5- Kể từ đó, dưới chân ngọn núi hùng vĩ nhất của cụm Ngũ Hành Sơn, bỗng mọc lên một túp lều đơn độc bên cạnh một ngôi mộ mới. Ngôi mộ nằm gối đầu lên núi, mặt hướng về biển cả mênh mông, ngày đêm nghe tiếng sóng thì thầm vỗ về, nghe tiếng rì rào của gió quê tình tự. Người Thượng úy trẻ tuổi ngày xưa ôm trong lòng nỗi chán chường, thất vọng và hận thù chế độ, bây giờ đã biến thành một ông lão già nua trước tuổi. Sau cái tang của vợ, ông bỗng trở thành người câm điếc. Ông ở vậy âm thầm nuôi con bằng nghề điêu khắc cha truyền con nối của quê vợ. Và cũng từ đó, quê hương "hang động thần tiên" bỗng vang lừng danh tiếng khắp nước tên tuổi một nghệ nhân tài hoa lỗi lạc, tương truyền rằng tay nghề đã đến mức "xuất thần nhập hóa", đặc biệt là trong lĩnh vực tạc bia mộ cho người chết. Thiên hạ đồn rằng ông có linh mẫn siêu phàm tuyệt thế, quán triệt được vũ trụ càn khôn, thông suốt được lý lẽ âm dương tử sinh của người đời, nên sớm biết trước điều sắp xảy ra khi khắc tên kẻ còn sống trên bia đá. Đó chính là dấu hiệu báo động một sự tử vong. Bia mộ do chính tay tài nhân ấy chạm khắc bao giờ cũng phủ đầy âm khí, vương vấn ăm ắp linh hồn người chết chẳng khác chi lúc còn tại thế, nhất là trong những đêm trăng lặn sao mờ, người thân nhìn vào bia mộ như thấy phảng phất quanh đây nhân dáng người chết hiện về, nhõn nhõn cười cợt như thưở sinh tiền. Người dân quanh vùng cho đó là điềm kỳ lạ. Nhiều người biết rõ câu

chuyện tình thương tâm bi hận của ông, họ rĩ tai truyền miệng bảo đó là do linh hồn tội lỗi không siêu thoát được của Lênin, Các-Mác, Mao Trạch Đông, Hồ chí Minh ... những tên cộng sản đầu sỏ trên thế giới đã nhập vào cho người Thượng úy cái ân huệ được quyền ban phát "*sinh tử phù*" đến bất cứ một đồng chí, đảng viên nào gian ác tham tàn. Đó như là cách duy nhất để chuộc lại lỗi lầm to lớn của bấy tôi tớ đã đối xử tàn tệ, dã man với ông. Tên tuổi ông phút chốc bỗng nổi dậy như cồn và được người đời phong tặng danh hiệu nghệ nhân tài hoa bí ẩn với cái tên rừng rợn : "*Người khắc tên bia mộ*".

Cũng từ đó những tên lãnh đạo đảng, thủ trưởng công an, thuế vụ... đã từng khùng bố dân lành, trước đây cũng như bây giờ ; Những tay đảng viên, cán bộ thường kiếm cỡ những nhiều, bóc lột nhân dân bỗng nhiên trở thành những con cừu non ngoan ngoãn đối với ông. Chúng vờ vịt hiền lành và luôn luôn sợ sệt, quỳ lụy trước mặt cha con ông, không dám làm sai phạm một điều gì. Dân lành cũng nhờ vậy mà bớt đi đôi phần khổ đau, oan trái của kiếp người sống trong chế độ Cộng sản hà khắc. Những tay đao thủ khét tiếng của chủ nghĩa vô sản khi nào cũng nơm nớp lo âu, chẳng biết bao giờ thì ông nổi hứng ban cho một "*tám bia tử vong*".

(Trích tuyển tập "Người khắc tên bia mộ")

Tiên Sha Lê Luyện

(Virginia)

SÁCH MỚI:

GIỚI-THIỆU “PHÙ-THUẬT” CỦA B.S. LÊ VĂN LÂN

Nguyễn Ngọc Bích

Duyên của tôi với Bác-sĩ Lê Văn Lân chủ-yếu là một cái duyên văn nghệ. Tôi được làm quen với ông lúc đầu là qua những tác-phẩm của ông như *Bút-khảo về Ấn* mà tôi được đọc khi tôi còn cố gắng làm những tổng-kết văn-học hải-ngoại hàng năm cho các báo. Rồi sau khi được làm quen với ông trong mấy sinh-hoạt của nhóm Duyên Văn mà ông là một trong những thành-viên sáng-lập ở Phila, tôi lại còn được vinh-dự giới-thiệu tập chuyên-đề rất giá trị của ông về *Chiếc Bảo-án cuối cùng* (của Vua Bảo Đại, nhà vua cuối cùng của Triều Nguyễn) khi ông về ra mắt ở Thủ-đô. Sau này, khi ông đã về hưu ở Austin, Texas, thì tôi lại vẫn được ông tặng cho những tác-phẩm giá trị như hai tập *Bút khảo về Xuân*.

Nếu tôi đã có dịp tiếp tay ông khi ông cần ra mắt sách ở vùng Thủ-đô thì ngược lại, lần tôi đi Austin, Texas, vào tháng 9 năm 2000 để dự Đại-hội lần thứ 15 của Nghị-hội Toàn-quốc Người Việt tại Hoa-kỳ, tôi lại được hân-hạnh ông nói chuyện về cuốn *Hồ Xuân Hương: Tác-phẩm* của tôi vừa ra năm đó tại Hội Cao-niên Austin.

Thành thử như người ta nói, “đồng-thanh” dễ “tương-ứng” cũng như “đồng-khí” dễ “tương-câu.” Hai người miệt mài nghiên cứu về Việt-nam thì cũng dễ đến với nhau, tìm đến nhau để học hỏi của nhau—mà tôi chủ-yếu học từ ông, từ cái

kho lắm khá mênh mông mà không biết ông tích-luỹ từ bao giờ.

Chủ-nhật này, ông ra mắt cuốn sách mới nhất của ông viết về *Phù-thuật Việt-nam*, một lãnh-vực đầy bí ẩn mà người ít tò mò nhất chắc cũng không khỏi phân vân muốn biết nó là cái gì. Nghe chữ “phù-thuật” có thể có người sẽ cho là cái gì xa xôi lắm, huyền-bí lắm, ngoài kinh-nghiệm sống của ta, vì thế có lẽ ta nên “diễn Nôm” ngay: “phù-thuật” là tiếng Hán-Việt cho một hiện-tượng mà hầu hết chúng ta đều đã từng trải, từng kinh-nghiệm, đó là chuyện “bùa chú,” chuyện “ma xó” của người Mường, chuyện “bùa ngải” của người Miên Nam-bộ (Khmer Krom), chuyện “shaman” của người Trung-Á (Mông-cổ, Uy-gua Hồi-hộ, v.v.).

Kinh-nghiệm bản-thân

Diễn Nôm như thế thì chắc ta không còn thấy xa lạ nữa. Riêng cá-nhân tôi, chẳng hạn, từ nhỏ tôi đã có không ít kinh-nghiệm về bùa chú như sau.

Khi còn nhỏ, tôi dễ bị đau ốm. Xem tử-vi, người ta cũng bảo mẹ tôi cần phải đi cúng kiếng cho tôi vì ngày xưa, trong một kiếp trước nào đó, tôi đã có tội đánh rơi đánh rớt cái bình hoa gì đó ở trên Thiên-đình nên bị Thiên-hoàng phạt. Thế là mẹ tôi đi sắm lễ, mỗi mồng một ngày rằm (ít nhất cũng đến khoảng tuổi lên 10) đều cúng kiếng cho tôi rất cẩn thận, còn bắt tôi

thuộc lòng câu khấn “rất linh thiêng” để trừ tà. Không rõ chuyện đó có hiệu-nghiệm thật hay không nhưng có điều chắc là tôi rất thích và do đó rất tin tưởng, ít nhất một tháng hai lần cũng được ăn chuối, ăn oản rất khoái. Và có lẽ cũng vì tin tưởng phần nào nên bệnh tật của tôi cũng thuyên giảm—hay tôi khoái quá mà quên đi lúc nào không hay.

Chính mẹ tôi cũng được chữa mẹo kiểu đó. Cụ hồi đó còn khá trẻ và đẹp nhưng cứ ít bữa lại bị thiên-đầu-thống (một loại đau đầu, nhức đầu kinh niên). Đi hỏi thầy lang hay thầy bùa (tôi cũng không rõ nữa), mẹ tôi được chỉ là do có nhiều tóc quá ở trên đầu, nếu cắt bớt hay cạo hẳn bớt đi thì sẽ hết. Quả như rằng, tóc mẹ tôi hồi còn trẻ rất đẹp và dài đến quá chân. Nhưng để chữa thiên-đầu-thống, cái mẹo của mẹ tôi là cho người cạo trọc chỏm đầu xong quấn khăn (nhưng) lên để che chỗ bị cạo, và hình như cũng qua sự tin tưởng mãnh-liệt (một loại tự-kỷ ám-thị) nên hết luôn thiên-đầu-thống. Chuyện cắt tóc ở chỏm đầu này, mẹ tôi gán như giữ đến cuối đời--một bí mật mà rất ít ai biết, có lẽ chỉ trừ một vài người con tò mò như tôi mà thôi.

Lớn lên, tôi tự cho mình là con người mới, không còn tin ở những điều “nhảm nhí” như bùa chú v.v. Nhưng đến khi tôi, đang ở tuổi “teenager,” sửa soạn đi du học Mỹ, mẹ tôi lại thuyết phục tôi--hoặc là thế, hoặc là tôi muốn chiều mẹ--để cho cụ kiếm cái bùa đeo vào cổ trước khi lên đường sang Mỹ. Cái bùa này, tôi đeo một thời-gian khá lâu, có lẽ cũng phải vài năm, cho đến một hôm tự-nhiên nó rụng đi đâu mất và tôi cũng không thấy cần mất công đi tìm nó nữa.

Tưởng thế là hết với chuyện bùa ngải. Nhưng không! Vài tháng trước khi mất miền Nam, nhà tôi, nhân có dịp đi thăm

một “cậu” ở Thủ-đức với mấy người bạn và bà chị, lại hỏi về chuyện của tôi. “Cậu,” qua một người phụ nữ mà “Cậu” nhập vào, phán một câu thật lạ lùng. “Người nam này,” Cậu nói, “thông minh, giỏi giang lắm nhưng Triều-đình lộn xộn nên con đường trước mặt không bằng phẳng lắm.” Vì vậy nên để giữ mình, giữ thân, “Cậu” lại cho tôi một lá bùa để đeo cổ. Về nhà, nhà tôi mất công không ít thuyết phục tôi đeo vào, cho rằng phòng dữ vẫn hơn. Trước chiều mẹ, giờ chiều vợ, tôi đành đeo vào song cũng không mấy tin tưởng. Chẳng bao lâu, nước mất nhà tan, người không muốn tin cũng phải thành tin. Và đúng ngày 30/4 năm 75, vợ chồng tôi thành lang thang trên mặt biển—có lẽ cũng nằm trong số những “thuyền-nhân” đầu tiên rời khỏi VN sau khi Cộng-sản vào thành.

Và cũng như cái bùa kia, tôi đeo cái bùa chú của “Cậu” cho trong nhiều năm như một thói quen, đi tắm đi bơi cũng đeo như một thứ “bửu-bối.” Cho đến một ngày nọ, nó cũng theo chân cái bùa trước, rớt rụng đi lúc nào không hay.

Người ta có thể cho tôi là như vậy không còn “mê-tín dị-đoan” nữa. Nhưng có thật không? Biết bao người trong chúng ta giờ đây, tuy không đeo bùa chú nữa nhưng vẫn đeo tượng Phật, tượng A-di-đà, tượng Chúa (trên thập-giá), tượng Phật-bà Quan-âm hay tượng Đức Mẹ Vô nhiễm, và tin rằng đeo như thế ta có được sự chở che! Về tín ngưỡng thì có thể khác nhau nhưng về lòng tin vào một đấng thiêng liêng, vào một sức mạnh tâm-linh nào đó có thể che chở, bảo bọc cho ta thì những sự đeo đó có khác gì nhau? Có khác chẳng có lẽ chỉ là một đấng là ta thờ Chúa, thờ Phật, và một đấng là ta theo Đạo-giáo mà tin tưởng ở những đấng

thần-linh khác, cũng có thể qua bùa chú, phù-thuật mà quan phòng, che chở cho ta.

Cuốn sách về “Phù-thuật” của B.S. Lê Văn Lân

Cuốn sách về phù-thuật của B.S. Lê Văn Lân ra mắt Chủ-nhật này dẫn ra vào thế-giới “bùa, một khu rừng rậm u linh” (trang 17) để từ đó đưa ta vào một “vấn đề của mọi nơi và mọi thời đại” (trang 20), dù là Đông hay Tây, dù là Thiên-chúa-giáo, Phật-giáo hay cả (nhất là) Hồi-giáo (“Sésame! Sésame! Ouvre-toi!” “Hột mè! Hột mè! Hãy mở ra!”), rồi đi vào những lãnh-vực như phân-tâm-học, tiềm-thức (cá-nhân hay tập-thể), tâm-lý-học phân-tích v.v.

Nhưng bao trùm hơn cả là ảnh-hưởng của vu-học (shamanistic studies) Trung-hoa mà đúng hơn có lẽ phải nói là của vu-học Trung-Á, vì Lão-tử, tác-giả cuốn *Đạo-đức-kinh* (mà có thể tên gốc là *Đức-đạo-kinh*), đã để lại cuốn sách trước khi ông rời khỏi Trung-hoa đi về phía Tây, tức là vào vùng Tân-cương bây giờ. Đây là nội-dung của Phần II trong cuốn sách: “Nguồn gốc quan-niệm từ Trung-hoa”). Phần III đi vào “Sự du nhập và truyền-bá Đạo-giáo trong bối-cảnh Việt-nam qua lịch-sử và văn-hoá” trong đó ta có những định-nghĩa về “bùa” (trang 65) và “chú” (trang 66) rồi “Quan-niệm về linh-hồn và ma quỷ trong... lễ nghi tam giáo VN” (Chương II của Phần III) để kết với “Đạo-giáo [và] “Phù-thuật” ở VN (Chương III) với những hình-thức lên đồng, hầu bóng và cung văn đàn hát nhộn nhịp không thua gì Rock của Mỹ sau này.

Mấy phần trên đây là những phần hấp dẫn hơn cả vì nó đi vào lịch-sử phù-thuật VN, được so sánh với các truyền-thống khác trên thế-giới. Đi vào chuyên-môn hơn là những chương trong Phần IV, trong

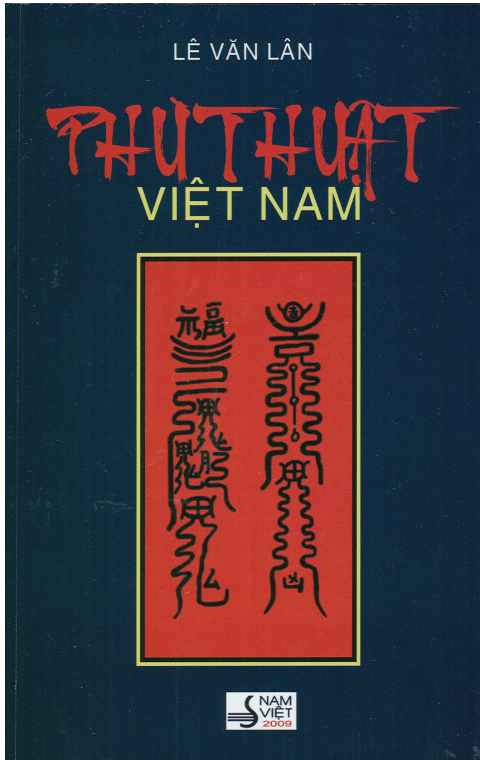
đó tác-giả giải thích các hình-thức “bùa phổ-thông theo nguyện-chức của cuộc sống” (Chương I), “bùa ngoại-thương, cấp-cứu” (một loại bùa chữa trị như cầm máu, chữa rắn cắn) (Chương II), rồi “bùa ngải đặc-biệt của Phật-giáo, Mật-tông, Châm, Miên” (Chương III), và một số “bùa thông-dụng khác” (dùng cho nhà cửa, cất nóc v.v.) (Chương IV).

Phần V đi vào chuyên-môn hơn nữa với “Kỹ-thuật thực-hiện một lá bùa và một lễ-đàn,” kể cả “Thư-phù” (Chương II của phần này). Phần VI đi vào những đề-tài như “Ăn-quyết,” “Bộ Cương Đạp Đầu Pháp” (cách đi uốn éo theo một vũ-điệu huyền-bí) và Phần VII là “Tổng-luận.”

Phần VIII gồm 6 phụ-lục, I về Lễ Ban, II về “Những lá bùa cầm kỳ,” III về “Bí-thuật chế bùa cầm kỳ,” IV về “Tiền bùa và tiền chúc nguyện,” V về “Linh-ảnh” và VI về “Quyền-lực của cây thánh-giá và nghi-thức trừ quỷ trong đạo Công-giáo,” VII về “Hối quỷ và Trục quỷ” và VIII về một số “bùa thông-dụng.”

Có thể nói với cuốn sách mới nhất này của ông, B.S. Lê Văn Lân đã hoàn-thành một cuốn sách đầy đủ nhất về đề-tài này trong tiếng Việt. Riêng cá-nhân tôi đã được đón B.S. Lê Văn Lân đến nhà cách đây cũng đến hơn 20 năm nói chuyện về đề-tài này khi ông mới bắt đầu đi vào lãnh-vực này. Lần đó, chắc một số bạn cũng hãy còn nhớ ông say sưa đến như thế nào khi đi vào đề-tài. Ông đã giữ được sự hăng say đó và đây là kết-quả bao nhiêu năm nghiên ngẫm của ông. Ai thích thú về đề-tài này không thể tìm đâu ra được một cuốn dẫn nhập đầy đủ hơn được cuốn này.

NGUYỄN NGỌC BÍCH
(Virginia)



Biên khảo
**PHỤ THUẬT
VIỆT NAM**

Ấn phí: US\$25.00
Liên lạc tác giả:

Dr. Lê Văn Lân
13916 Greinert Drive
Pflugerville, TX 78660
USA
Tel. (512) 252-9827

CỨ ĐẤM TA ĐI

Cứ đấm ta đi,
Cứ đâm
Cứ đấm
Ta sẽ không đấm lại người đâu.

Cứ chửi ta đi,
Cứ chửi,
Cứ chửi
Cho hả hê người.
Ta sẽ không chửi lại người đâu.

Người với ta nào ai xa lạ,
Ta với người cùng một chỗ:
Anh / em.

Chửi lại người
Làm sao ta chửi được!
Đấm lại người
Là đấm lại chính ta?!

YÊN VI
(Minnesota)

CẦN THIẾT

thơ
Nguyễn Sa

Không có anh lấy ai đưa em đi học về
Lấy ai viết thư cho em mang vào lớp học
Ai lau mắt cho em ngồi khóc
Ai đưa em đi chơi trong chiều mưa
Những lúc em cười trong đêm khuya
Lấy ai nhìn những đường răng em trắng
Đôi mắt sáng là hành tinh lóng lánh
Lúc sương mù ai thổi để sương tan
Ai cầm tay cho đỡ má hồng em
Ai thổi nhẹ cho mây vào trong tóc...
Không có anh nhớ một mai em khóc
Ánh thu buồn trong mắt sẽ hao đi
Tóc sẽ dài thêm mớ tóc buồn thơ
Không có anh thì ai ve vuốt.

Không có anh lấy ai cười trong mắt
Ai ngồi nghe em nói chuyện thu phong
Ai cầm tay mà dắt mùa xuân
Nghe đường máu rung từng cành lộc biếc.

Không có anh lỡ ngày mai em chết
Thượng Đế hỏi anh sao tóc em buồn
Sao tay gầy, sao đôi mắt héo hon
Anh sẽ phải cúi đầu đi về địa ngục...



INDISPENSABLE

English Translation by
Kim-Vũ

Without me, who'll take you home from school
And write love letters for you to bring to class
Who'll wipe your tears when you break down
and sob
And take you out to enjoy the afternoon rain?
When you smile in the still of the night
Who'll look at the gleam of your clean white teeth
Your bright eyes are twinkling stars
Who'll exhale to clear away the fog
Who'll hold your hand to bring on the blush
And gently blow clouds into your hair...
Without me, if perchance your eyes are filled
with tears
Their autumnal tint might glimmer and fade
Your hair will grow longer with poetic sadness
Who'll lovingly caress it with his fingers.

Without me, who'll smile to behold the reflection
in your eyes
And bend his ear to your chatter about the
autumn atmosphere
Who'll take your hand to bring in the spring
season
And sense his blood vessels pulsate with every
branch of emerald buds.

Without me, if one day you depart from this earth
The Lord will question why your hair seems so
melancholy
Why your arms are so lean, and your eyes so wan
Then I'd have to go to Hell bowed...

CUỘC ĐỜI VÀ TÁC PHẨM CỦA THI SĨ NGA ALEXANDER PUSHKIN

Nguyễn Kinh Bắc
(Tổng hợp)

Da số các sách giáo khoa của Nga ghi nhận rằng mọi dòng văn học ở thế kỷ 18 đều quy về Pushkin, và mọi dòng văn học đều bắt nguồn từ ông. Điều đó cho thấy ảnh hưởng to lớn của ông đối với nền văn học Nga như thế nào. Ông đã khởi xướng và cổ võ những thể loại văn học với một tầm mức rộng rãi nhất. Ông là tác giả những bài thơ, những chuyện kể lịch sử, những tiểu luận phê bình và truyện ngắn, những tác phẩm nghiên cứu và truyện thần tiên, những bài hoạt kê chính trị và những bản tình ca.

Trong những bài thơ trường thiên, những kịch bản, những tác phẩm văn xuôi, ông vạch ra những chủ đề của văn học Nga, và thể hiện bởi nhiều tác giả sau này

Sự quan trọng của công cuộc cải cách của đại đế Peter, số phận của đế chế St. Peterburg, vai trò của quyền lực và cuộc nổi dậy trong lịch sử Nga, sự rạn nứt của

xã hội Âu hóa và đám đông quần chúng gắn bó với truyền thống dân tộc, sự xung đột giữa những khát vọng của con người nhỏ bé và những vấn nạn của nước Đại Nga, sự phức tạp của xã hội loài người, hành động phá hoại và sự đam mê thắm mỹ - tất cả những vấn đề này được thể hiện rõ nét trong các sáng tác phẩm của



Pushkin. Độc giả Tây Phương khó mà hiểu nổi sự say mê ngưỡng mộ của dân chúng Nga đối với ông. Không có một diễn dịch nào có thể trả lại sự nhất quán về âm thanh, nhịp điệu, hình ảnh, ý nghĩa - chính là điều bí ẩn của thơ Pushkin. Phần lớn chữ nghĩa ông sử dụng là những chữ nghĩa trong đời sống thường nhật, và

người ta lấy làm lạ, bằng cách nào một năm sỏi lại có sự lấp lánh lộng lẫy của những viên ngọc quý. Chỉ có một thi sĩ vĩ đại tương đắc mới có thể chuyển hóa thơ ông sang một ngôn ngữ khác.

Alexander Pushkin sinh tại Moscow năm 1799 trong một gia đình quý tộc. Bên

nội ông thuộc dòng dõi quý phái, nổi bật trong lịch sử Nga từ thế kỷ 12. Người mẹ xinh đẹp của ông là cháu nội của Hanibal, tiểu vương xứ Abyss, một thời đã là niềm say mê của đại đế Peter. Giống như hầu hết các gia đình quý tộc thời ấy, ông được dạy dỗ bởi các gia sư phần lớn là người Pháp, do đó ông nói và đọc tiếng Pháp trước cả tiếng Nga. Bài thơ đầu tay của ông được viết bằng tiếng Pháp, nhưng hiển nhiên, bên cạnh ảnh hưởng của Tây Phương, ông cũng được học những bài dân ca và những truyện dân gian từ bà vú người Nga, người đã dạy ông tiếng mẹ đẻ với tất cả sự tinh túy của nó. Sau này, ông đã làm cho bà trở thành bất tử trong những bài thơ, như là biểu tượng của quê hương và dân tộc mình.

Năm 12 tuổi, ông đã cùng 30 đứa trẻ thuộc những gia đình giàu có, theo học tại học viện Tzarskoye Syelo, được đại đế thành lập để đào tạo những nhà quý tộc trẻ tuổi giữ những chức vụ cao cấp về hành chính trong tương lai. Pushkin đã học nhiều về văn học, lịch sử, ngôn ngữ cổ và hiện đại, triết học... tại đây. Các thầy giáo nhận thấy nơi ông sự thông minh, lòng nhân hậu nhưng đầy ắp đam mê.

Sau khi tốt nghiệp năm 1817, Pushkin được bổ nhiệm làm việc tại Phòng Đối Ngoại, nhưng ông đến đó chỉ để lãnh lương. Ông dành hết thì giờ cho những cuộc đấu kiếm, những canh bạc đỏ đen,

những buổi hội hè đình đám. Nhưng thuở hưởng thụ không bao giờ làm ông sao nhãng sự cống hiến cho văn học. Ông sáng tác rất nhiều thơ, nhạc, thơ trào phúng và trở nên nổi tiếng trong giới văn nghệ quý tộc. Ông tham gia trào lưu lãng mạn, chống lại những người bảo thủ và chia sẻ tư tưởng tự do với trào lưu tiến bộ. Ông sáng tác thơ châm biếm, ca ngợi tự do, tấn công chế độ nông nô, chế giễu chế độ độc tài. Đây chính là nguyên nhân đã làm cho ông bị khốn đốn. Do lệnh của nhà cầm quyền, ông bị đày xuống miền Nam nước Nga. Trong chuyến đi xuyên Caucasus và Crimea, ông được phân công với tư cách một công chức làm việc tại Bessarabia và sau đó tại Odessa. Trong 4 năm lưu đày, ông vẫn tiếp tục châm biếm, nhưng ông đã tìm cơ hội để viết những tác phẩm đứng đắn. Ông say mê đọc và viết truyện bằng thơ như *The Caucasian Captive*, *The Fountain of Bakhchisarai*, *The Gypsies*, và chương đầu tiên của tác phẩm *Eugene Onegin*. Ông cũng soạn hòa âm cho những nhạc phẩm trữ tình, và nghệ thuật của ông đã đạt tới độ sung mãn. Cuối cùng, nhà cầm quyền cho phép ông trở lại *Mikhaylovskoye*, nơi cư trú của gia đình ông, ở phía bắc tỉnh Pslov, một hình thức quản thúc tại gia. Ông bị buộc phải sống biệt lập ở đó, chỉ được tiếp xúc với bà vú trung thành cùng vài người láng giềng. Trong hai năm, ông cho ra đời tác phẩm *Boris Godunov*, những chương mới của cuốn *Eugene Onegin*, một loạt

truyện bằng thơ và những tác phẩm trữ tình nhất của ông.

Cuộc nổi dậy ngày 14 tháng 12 năm 1825 đã cứu ông khỏi cảnh tù tội. Lẽ ra, ông có thể tham gia vào tổ chức “The Decembrists” (1) nếu như ông có mặt tại St. Peterburg trong thời gian đó. Ông đã nói thẳng điều này cho Sa Hoàng Nicolas Đệ Nhất biết, trước một cử tọa gồm những bạn bè có thể lực đã thành công trong việc giải thoát ông. Sa Hoàng thấy ông tỏ ra thành thực, nên đã cho phép ông đến cư trú tại Moscow và St. Peterburg.

Năm 1826, sau 6 năm lưu đày, Pushkin đã khôi phục địa vị trong xã hội. Điều này có nghĩa ông tham gia trực tiếp vào sinh hoạt văn học và quan hệ với các nhà văn của thời ấy. Mặc dù trong tình trạng kiểm duyệt và sự giám sát nghiêm ngặt, chẳng bao lâu Pushkin trở nên nổi tiếng trong văn giới lúc bấy giờ. Năm 1830, ngoài việc là tác giả một số thi phẩm, Pushkin còn là chủ bút của nhiều tạp chí định kỳ. Cũng trong năm này, ông lập gia đình với Nathalie Goncharova, một phụ nữ trẻ đẹp, sang trọng. Trong những năm đầu tiên của cuộc sống lứa đôi, sức sáng tác của ông tăng lên. Những truyện bằng văn xuôi gồm có *The Captain's Daughter*, *History of Pugachev's Rebellion*, *Bronze Horseman*, và một sưu tập thơ cùng các tác phẩm khác đã nhấn mạnh sự đóng góp của ông cho nền văn học Nga hơn bao giờ hết. Nhưng sự lo lắng về tài chính, sự thù địch

và đố kỵ của các quan lại trong triều, và mối quan hệ mơ hồ của ông với Sa Hoàng (là người đã để ý đến Nathalie nhan sắc lộng lẫy), đã đẩy Pushkin rơi vào những mưu đồ, những chuyện tầm phào và sự vu cáo. Địa vị thấp kém của ông ở triều đình đã làm ông thất thế. Ông đã xem thường sự thận trọng. Khi những kẻ thù có địa vị cao (trong đó có sứ thần Hà Lan tại triều đình Nga) trưng ra những bức thư nặc danh, theo đó Pushkin bị chế giễu là nạn nhân của những vụ cấm sừng, Pushkin đã thách đấu với một trong những kẻ theo đuổi vợ mình là Nam Tước d'Anthes. Hai ngày sau, ông qua đời vì vết thương trầm trọng. Khi đó ông mới 37 tuổi.

Một số nhà phê bình văn học cho rằng Pushkin đã đạt đến đỉnh cao chói lọi qua những bài thơ trữ tình của ông, trong đó những suy nghiệm sâu xa về thiên nhiên, sự chết, sự thú nhận về tình yêu và nuối tiếc quá khứ là những chủ đề trong thơ ông. Được diễn đạt hầu hết bằng âm luật, hoàn toàn cân đối giữa vần điệu và hình ảnh, thơ ông mãnh liệt nhưng giản dị, nồng nàn và sinh động, trong sáng và súc tích. Pushkin thường mô tả những nghịch cảnh trong cuộc sống. Ông không ảo tưởng về thân phận con người Hạnh phúc, theo ông, là khó đạt được, sự an bình và tự do là những gì tốt đẹp nhất có thể hy vọng đạt được. Tuy nhiên, dù có những dấu hiệu buồn bã, nhưng không có sự tuyệt vọng trong thơ ông. Pushkin không bặm

ảnh bởi cái chết : ước vọng của ông là sống để tư duy, đau khổ và yêu thương, ném trái mọi sự ở đời. Tư tưởng ấy của Pushkin đã tạo cho ông trở nên gần gũi với nền văn hóa cổ Hy Lạp. Pushkin luôn luôn ca ngợi tư tưởng nhân loại, đã khẳng định : “Mặt trời chân lý sẽ đẩy lùi bóng đêm”. Là một thi sĩ, một nhà văn, ông hướng về truyền thống Hy Lạp, Thời Kỳ Phục Hưng (2) và Thời Kỳ Ánh Sáng (3).

Pushkin là một con người hoàn toàn thế tục, và thơ ông không chứa đựng yếu tố tôn giáo bao giờ. Ông là một kẻ ngoại giáo hơn là một tín đồ Thiên Chúa Giáo. Tác phẩm của ông rõ ràng ở ngoài tôn giáo và truyền thống tôn giáo của văn học Nga. Về triết học, ông là một nhà thực chứng và một người theo chủ nghĩa khoái lạc. Trong văn học cũng như trong đời sống, ông là kẻ thù thường trực của sự đạo mạo, dối trá và đạo đức giả. Bài thơ trường thiên đầu tiên của ông, *Ruslan and Liudmila* (1820) là một thiên hùng ca mang tính chất trào phúng, và những người bảo thủ đã khiếp sợ sự “láo xược” của nhà thơ trẻ tuổi chế giễu những mô thức cổ điển được thánh hóa. *Ruslan and Liudmila đã đánh dấu một chuyển biến thực sự* hình thái văn học Nga.

Tác phẩm *The Fountain of Bakhchisarai* của Pushkin xuất hiện với lời tựa của ông hoàng Viazemski, một trong những người bảo vệ hàng đầu chủ nghĩa lãng mạn, gây một tiếng vang như

một bản tuyên ngôn. Sự kiện này đã tạo cho Pushkin trở nên một người lãnh đạo trào lưu văn học mới Những tác phẩm báng bố và phóng túng khác của ông đã chống lại đạo được truyền thống, với mục đích đưa thơ vào đời sống, mở rộng phạm vi bằng cách loại bỏ mọi luật lệ làm cản trở sự tự do sáng tác. Có thể điều này đã là lý do cho sự ra đời của Eugene Oneghin, mà việc hoàn thành tác phẩm này phải mất 8 năm (1823-1831).

Nhân vật chính của tập truyện thơ, Eugene Oneghin, một người trẻ tuổi lịch lãm, được giáo dục theo phương pháp Châu Âu, và không biết làm gì, vì thế để thoát cảnh buồn chán, chàng đóng vai một công tử bột và sống một cuộc sống phong lưu tại St. Peterburg. Tuy nhiên, không gì có thể xóa được cảm giác buồn chán vô nghĩa ấy Tại một miền quê hẻo lánh, chàng gặp gỡ một thiếu nữ xinh đẹp, Tatiana, đã thất tình một gã nổi tiếng hào hoa phong nhã. Tuy xinh đẹp, nhưng nàng không đủ sức hấp dẫn đối với Oneghin, và chàng đã khước từ tình yêu của nàng. Chàng ve vãn em gái nàng, người đã đính hôn với bạn chàng, nhà thơ Lensky, và khi Lensky mất bình tĩnh lúc cơn ghen nổi lên, chàng đã giết anh ta trong một cuộc đấu kiếm. Chán nản hơn bao giờ hết, chàng du lịch khắp nơi mà không bao giờ tìm được hạnh phúc. Vài năm sau đó, chàng gặp lại Tatiana, bấy giờ đã trở thành phu nhân của một tướng lãnh. Thế rồi, chàng yêu nàng, và oái oăm thay, bấy giờ đến lượt

chàng bị từ chối. Những người đồng thời với Pushkin đôi khi không nhận thấy ý nghĩa sâu xa của tập thơ, nhưng họ đã thưởng thức cái đẹp, sự dịu dàng và mới lạ của nó. Đó là một tác phẩm phong phú. Bằng sự nhạy cảm không mệt mỏi, Pushkin thảo luận về những chủ đề khác nhau, từ vũ ballet đến triết học, từ tình yêu đến văn học...

Giữa những năm 1820 -1823, Pushkin bị ảnh hưởng bởi Byron và đã học Anh Ngữ để có thể đọc những tác phẩm của các thi sĩ mà ông yêu thích từ nguyên bản. Nhưng sự đam mê này không kéo dài, và sau khi viết *The Caucasian Captive* (hiển nhiên cảm hứng bởi phong cách Byron), ông đã tìm đường hướng của riêng mình.

Pushkin gia nhập trào lưu lãng mạn và đã hoạt động hăng say trong hàng ngũ của trào lưu này, cũng như Stendhal, với khẩu hiệu “Văn học mới chống lại văn học cổ. Ông thường diễn tả niềm say mê, sự xúc động, đặc biệt trong những truyện ngắn, theo đó, ông nói về những con bạc tham lam và dị đoan (*Queen of Spades*), những kẻ phiêu lưu vỡ mộng (*The Shots*), những kẻ cướp hào hiệp (*Dubrovsky*) . Nhưng trong một số truyện ngắn khác, ông trình bày những sự kiện phi thường, và những xúc cảm theo văn phong cổ điển nhất. Khi ảnh hưởng của Byron được thay thế bởi Shakespeare, ông viết *Boris Godunov*, một chuỗi sự kiện từ những thời kỳ rối rắm ở thế kỷ 17, giai đoạn bức xúc và phức tạp nhất của lịch sử nước Nga, và

trong ngôn ngữ của mình, ông hướng về “chân lý” của tác phẩm, và lấy số phận của một người và vận mệnh của một dân tộc. làm nền tảng cho cuộc xung đột bi đát.

Pushkin hấp thụ nền văn hóa Châu Âu cũng giống như những người Nga cùng thời với ông. Ông học hỏi nơi những tác giả cổ điển, có một kiến thức rộng rãi về các nhà văn lớn từ Dante đến Cervantes,

Từ Shakespeare đến Milton, từ Goethe đến Voltaire, và ông đã đọc nhiều về văn học Châu Âu đương thời. “Tôi yêu Châu Âu với cả tấm lòng”, ông nói, và tình yêu này đã được nâng cao bằng kiến thức lẫn trực giác. Ông đã đưa âm nhạc vào những vở kịch theo thứ tự từ Đứcc Quốc thời trung cổ (*The Covetos Knight*) đến Tô Cách Lan thời phục hưng (*The Feast During The Plague*), từ Ý Đại Lợi (*Angelo*) hoặc từ Tây Ban Nha của thời toà án dị giáo (*The Stone Guest*) đến Áo Quốc thế kỷ thứ 18. Dostoevsky tuyên bố rằng khả năng của Pushkin nhận xét về con người, là một đặc điểm Nga điển hình. Là một người Nga thực sự, người ta phải đấu tranh cho nhân loại và hiểu tất cả các dân tộc khác của Châu Âu.

Trong mọi trường hợp, Pushkin xem xét thận trọng để diễn tả ý thức dân tộc. Sự quan tâm của ông về lịch sử Nga, từ *Boris Godunov* đến *The Captain's Daughter*, chứng tỏ ông bị ám ảnh về vấn đề số phận của đất nước ra sao. Ông đã

tuyên bố chính ông là người bảo vệ kiên trì công cuộc cải cách của đại đế Peter. Trong Poltava, ông đã phác họa Peter như là vị Á Thần Chiến Thắng. Trong Bronze Horseman (1833), một trong những bài thơ đặc sắc nhất của Nga ở thế kỷ 19, ông mô tả hình ảnh của vị đại đế với bức tượng Peter đang cưỡi ngựa, được dựng bên bờ sông Neva. Con ngựa đứng bằng đôi chân sau của nó, sẵn sàng phóng tới, người kỵ sĩ giữ chặt dây cương, được so sánh với việc Sa Hoàng đang nắm vận mệnh nước Nga. Bài thơ mô tả trận lụt năm 1824, đe dọa nhận chìm St. Peterburg, và phá hoại hạnh phúc của một công nhân tên Eugene. Trong lúc quẫn trí, Eugene đã thách đấu với đại đế Peter. Anh ta thấy bức tượng đồng đuổi theo mình qua những con đường ngập nước của thủ đô Rồi sau đó anh ta bỏ mình trong một cơn ác mộng. Một cách tượng trưng, Peter, người đã bắt chấp Thượng Đế và thiên nhiên, để rồi chiến thắng và khuất phục một cá nhân, đem lại vinh quang cho đất nước. Tấn bi kịch của một con người nhỏ bé trong cuộc tranh đấu tuyệt vọng với vận mệnh lịch sử, dưới ngòi bút của Pushkin, đã được định đoạt để trở nên một trong những chủ đề chính của văn học Nga.

Pushkin thấy nước Nga là một tổng thể và tin vào tương lai của nó. Là một thi sĩ có tinh thần dân tộc, một nhà cải cách nền thi ca, Pushkin đã trở nên hiện thân

của tiềm lực quốc gia, đã chấp nhận và ra sức đồng hóa di sản Tây Phương, đã làm phong phú di sản này với kết quả mỹ mãn.

Đại đế Peter đã bắc một nhịp cầu giữa nước Nga và Châu Âu bằng vật chất, Pushkin đã làm công việc ấy bằng tinh thần và nghệ thuật. Là một thi sĩ hàng đầu của nước Nga, ông cũng là một nhà văn của nhân loại, nổi tiếng và có tầm ảnh hưởng sâu rộng.

Chú thích:

*Những chữ in nghiêng trong bài là những tác phẩm của Pushkin được dịch sang Anh Ngữ

(1) **The Decembrists:** Tên một tổ chức nổi dậy chống lại sự cai trị hà khắc của Sa Hoàng Nicolas Đệ Nhất vào ngày 14/12/1825.

(2) **Thời Kỳ Phục Hưng (The Renaissance)** Thời kỳ làm sống lại nghệ thuật và văn học ở thế kỷ 14,15 và 16 tại Châu Âu dựa trên các hình thức cổ điển.

(3)**Thời Kỳ Ánh Sáng (The Enlightenment):** Thời kỳ ở thế kỷ 18 tại Châu Âu khi một vài nhà tư tưởng và nhà văn tin rằng lý trí và khoa học, chứ không phải tôn giáo, sẽ thúc đẩy sự tiến bộ của nhân loại

NGUYỄN KINH BẮC
(Philadelphia)

THU NHỚ QUÊ



Nắng đã hanh vàng gợn sắc thu
Tầng không mây xám đã giăng mù
Rừng phong đã chớm thay màu lá
Từng cánh chao mình, quện gió ru

Tôi thấy hồn tôi cũng vỡ vàng
Mỗi lần thu đến, chổ buồn sang
Hơn mười năm lẻ lìa quê cũ
Như chiếc thuyền trôi giạt biển hoang

Thôi nói làm chi đợi với chờ
Chỉ đem nhung nhớ gửi vào thơ
Bao giờ trở lại, bao giờ nhỉ ?
Ngày ấy xum vầy, thỏa ước mơ

Tôi vẫn ngồi đây đếm lá thu
Vẫn chưa ngừng nghĩ bước giang hồ
Thắm, thì trong gió thu lời nhắn :
“Người ở bên trời lệ có khô?”

Nguyệt Kinh Bắc

(Philadelphia)

EM CÓ BAO GIỜ...?

Em có bao giờ nghĩ đến tôi,
Chàng trai nước Việt sống đơn côi?!
Giàng hồ lãng tử đời binh nghiệp.
Trận tuyến xông pha hiến trọn đời.

Vị quốc, hy sinh; thân thể mất.
Thôi đành chấp nhận sống mình thôi!
Cho em hạnh phúc bên người mới.
Em có bao giờ nghĩ đến tôi?!

Góc trời tôi sống mình tôi,
Xe lăn là bạn bên tôi suốt đời!
Bên ngoài héo hắt nụ cười.
Bên trong bão táp nhớ người tình xưa!

LÊ HOÀNG LONG

9-5-07

*Mến tặng các thương phế binh Mỹ Đò
và đơn vị bạn. Các anh đã sống cuộc
đời hào hùng, hy sinh, và vị tha.*



Liều buồn xanh ngắt mùa Thu

Thanh Trang

Lento moderato

p.
Một lần em đến đây Mướt mà làn tóc mây Nụ Hồng trong
nắng say Ngày Hè năm ấy! Đường xa quên dấu chân!
Năm tháng qua đời vằng tạnh! Chờ em đã bao lần
Trạnh lòng Thu, Liều xanh ngần! Nơi ấy sóng đêm buồn
Ngày theo nắng mây xoay vần Đường xa biết đâu còn
tờ thư xanh in dấu son? Lòng anh vắng nơi này Đàn ngân phím tơ trong
ngày Câu hát chưa xong lời Mùa gió Đông về đến nơi
Rit.
Một lần em Mùa gió Đông về đến nơi!

Nam Cali, 30 tháng 07, 2008

MÙA HÈ Ở SALZBURG

VŨ NAM

Sau khi đọc bài viết về nhạc sĩ thiên tài người Áo, Wolfgang Mozart, trên báo Cỏ Thơm của nhà văn, nhà biên khảo Phạm Văn Tuấn, người viết lấy một ngày cuối tuần để đi đến thành phố Salzburg, xem nơi nhạc sĩ ra đời, cảnh trí, đời sống ra sao. Trên toàn nước Đức lâu rồi đã có những chuyến xe lửa đi cuối tuần giá rất rẻ, lại đi được mỗi lần một group 5 người. Cứ lựa chọn, hoặc đi và về trong ngày thứ bảy, hoặc chủ nhật. Còn ngủ qua đêm thì hôm sau lại phải mua một vé mới. Đó là trên toàn nước Đức. Còn ở mỗi tiểu bang cũng có những vé đi về trong lãnh thổ tiểu bang, trong một ngày, cũng cho 5 người.

Thành phố Salzburg của nước Áo người viết nghe từ lâu nhưng chưa có dịp đến. Salzburg nằm cạnh ranh giới với nước Đức, góc đông nam. Một lần từ Đức đi thành phố Linz của Áo, xe có chạy ngoài xa lộ ngang qua ngoại thành của Salzburg, nhưng bận việc nên tôi không có thời giờ ghé vào thành phố.

Trên đường đến Linz, có những thăm cỏ bao la. Rất ngạc nhiên khi lần đầu thấy những con hươu con nai nhỏ gặm cỏ thành thoi bên dòng đường xa lộ đầy xe. Ở Đức không có thấy cảnh này. Trong những con vật hình như không biết sợ xe, sợ người. Hình ảnh vài con hươu đứng gặm cỏ dưới bầu trời xanh, hoặc đang nhìn ngơ ngác những chiếc xe chạy trên đường, xa xa là rặng núi Alpen, tôi thấy được cả sự yên bình của nước Áo. Trong hồn tự nhiên làng

làng niềm an ổn, quên đi nơi đây là đất nước nổi tiếng vì tuyết, vì lạnh, vì có ngọn núi cao và trùng trùng điệp điệp những hàng núi đan khít nhau, ngọn cao ngất ngưỡng. Cho tị nạn ở đây chắc...chết vì lạnh. Trên chót vót của những ngọn núi cao này, dù mùa hè nhưng vẫn còn tuyết đóng trắng. Ai đi bằng đường xe hơi từ Đức ngang thành phố Innsbruck đi về hướng Venedig của Ý sẽ thấy cảnh này. Nếu Thụy Sĩ có vẻ đẹp nhờ hồ và những con thiên nga, thì ở Áo lại có vẻ đẹp khác từ hai vùng. Một vùng nhờ bình nguyên đồng cỏ và những chú hươu nai và một vùng nhờ những ngọn núi cao trong dãy Alpen đây tuyết.

Ngày đi từ Ý về Đức ngang Áo của những năm trước gặp cơn mưa mùa hè nhỏ nhưng đủ làm áo ướt, thì tháng trước khi đến Salzburg sau cơn nắng nóng tôi cũng chịu cơn mưa hè nhỏ đủ tưới tẩm trên lá cây và vườn hoa Mirabellgarten trong thành phố.

Salzburg đẹp có lẽ nhờ dòng sông Salzach chảy ngang qua thành phố và dãy núi chạy dọc sông. Với tôi, nhà ở Salzburg cũng vậy thôi. Những lâu đài cổ ở đây cũng vậy thôi. Cũng giống những lâu đài ở miền nam nước Đức. Cũng ngất ngưỡng trên đồi núi cao. Cũng người người đi bộ, đi xe kéo, lục đục từ dưới đi lên để thăm viếng lâu đài. Có sông và núi ở Salzburg là đẹp.

Người viết thích nhất là dòng sông và những băng ghế, thảm cỏ, dọc theo hai bên bờ. Đi bộ ở bờ bên này nhìn bờ bên kia là những đồi núi xanh, những lâu đài và những ngôi nhà được cất trơ vơ trên vách

núi. Đi bên bờ bên kia nhìn bên này là những dãy nhà to lớn, những khách sạn, quán ăn và ngôi nhà thờ cổ. Không biết nhà của ông Mozart ở mé nào của dòng sông? Cứ cách vài trăm mét lại có một cây cầu bắc ngang sông cho khách qua lại.

Cứ phải "khen người chê mình" hoài cũng kỳ. Nhưng thú thật dọc dòng sông nơi đây có những nơi vệ sinh công cộng mà sạch sẽ tôi không thể ngờ, chớ không như ngược lại tôi đọc vài bài viết của những tác giả về VN,

đi chơi những nơi có nhà nước đứng ra tổ chức kinh doanh, vậy mà vào toilette một lần ra là tởm đến già không dám mò vào lần nữa. Một lần đủ tởm! Còn ở Đức

có nơi thật sạch thì cũng có nơi không được sạch lắm, nhưng không đến nỗi phải sợ mỗi khi cần đi.

Chúng tôi đi vào những con đường nhỏ trong thành phố. Cảnh bán buôn cũng giống như nước Đức. Có khác là hình như thỉnh thoảng bắt gặp một tượng hình ông Mozart. Lúc ở công viên, lúc đứng nơi trung tâm mua sắm giữa thành phố. Hình nhỏ gọn, màu đồng đen. Có thể nhờ tiếng tăm ông mà Salzburg có nhiều du khách đến thăm. Nhưng dù tài năng viết nhạc lẫy lừng như vậy nhưng trong phố, tượng ông người ta cho dựng cũng nhỏ, cũng bình

thường như một con người, không có nét gì là vĩ đại cả!

Đói bụng chúng tôi vào một lần ở quán cóc bên đường, ăn xúc-xích Áo và uống bia. Bia nước Áo làm quá ngon, người bạn đi chung với tôi khen như vậy. Tôi cũng thấy vậy. Vợ chồng người chủ quán cóc người Áo vui vẻ với hai anh đầu đen, dù chắc họ không lạ gì với những người đến từ VN, vì Áo cũng có dân tị nạn. Dù khác biệt về màu da, về ngôn ngữ nhưng họ đối



SALZBURG

xử rất thân thiện, dù có thể là nghề nghiệp của họ nhưng vẫn để lại trong lòng người khác niềm vui và những "ấn tượng" lâu dài, không như vài hàng quán ở Hà Nội hôm nay, đọc

những bài viết trên Internet về các quán ăn, cách phục vụ người ta thấy hơi ối! Muốn thêm tí nữa hả? Hãy về nhà mà ăn nhé! Cút! Xéo!

Một lần chúng tôi vào quán người Thổ để ăn Kebab và cũng uống bia Áo. Bia Đức uống thường rồi. Đến Áo mới có dịp uống bia Áo. Bia có nhãn hiệu nền trắng chữ đỏ. Các bạn khi ở xa đến Áo du lịch thử uống bia này, coi có ngon không?

Vòng vòng trên đường phố khá lâu, chúng tôi tạt vào một quán cà phê nằm ở giữa phố, cạnh dòng sông. Quán cà phê đầy người. Những tà áo mùa hè của các thiếu

nữ người Áo và những cô gái từ nước khác vào Salzburg du lịch. Quần áo đủ màu. Tiếc thay, nhìn không được lâu những màu sắc mang lại cho đời những sức sống đó, vì trời làm giông và cơn mưa hạ đổ xuống. Mọi người bật dù che, hay cuống quýt chạy núp dưới những tán cây có những cành nhánh rậm đê che mát con đường. Trời đang nắng, bỗng âm u và có mưa. Nhưng trên dòng sông chiếc tàu chở du khách cứ chậm rãi tiến bước. Tàu có mái che nên những dải nắng, những hạt mưa vẫn không làm hành khách trên tàu phải bận rộn. Họ yên tĩnh ngắm mây trời hoặc những hạt mưa sa xuống mặt sông trong ngày hè đang oi bức.

Gần ba mươi năm ở trời Âu. Vì ở miền nam nước Đức nên tôi có dịp đi nhiều ở những vùng Nam Âu, chưa có dịp nào đến Bắc Âu, ngoại trừ một lần đi đến một thành phố Đan Mạch, nằm cạnh biên giới Đức. Tôi thấy các nước phía Nam Âu châu này mỗi nước có một vẻ đẹp riêng. Do trời đất tạo, nên họ có những khác biệt. Thụy sĩ đẹp nhờ hồ, núi. Hồ ở Thụy sĩ đẹp như một bức tranh. Mặt hồ phẳng lặng như mặt gương. Nhưng khi có một chiếc thuyền du lịch chạy qua thì mặt hồ rẽ ra hai làn sóng con con đều đặn ở hai bên thuyền. Đứng từ mũi thuyền mà nhìn mặt hồ phía sau thuyền, sau khi thuyền đã đi qua, giờ như một thân cây cho hai bên hai hàng nhánh cây mỏng đều đặn trên mặt nước. Ý đẹp nhờ biển và nắng ấm. Áo đẹp nhờ gì? Nhờ những rặng núi cao của dãy Alpen và những bình nguyên cỏ có hươu nai đứng ngơ ngác cạnh đường. Hy Lạp đẹp nhờ nhiều đảo nhỏ. Từ trên phi cơ nhìn xuống các hòn đảo cứ nối nhau thật ngoạn mục. Những đường viêng màu trắng của sóng biển quanh đảo hiện rõ trong ánh nắng ban trưa, mặt nước biển màu xanh dương trong

trẻo với đủ loại thuyền tàu lớn bé đi về khắp mọi nơi trên biển. Hoà Lan có gió biển, những con đê đồ sộ và ngêi sò ốc hén đầy trên bãi biển. Tiệp Khắc có những đồng cỏ hoang và những cô gái mũi nhỏ gọn, đẹp. Còn Đức và Pháp ắt cũng có những cái đẹp. Người Việt tị nạn ở Ý khi qua Đức họ khen Đức đẹp nhờ xa lộ, những rừng thông, rừng cây sồi cây dẻ và những lâu đài cổ. Còn Pháp đẹp chắc là ngoài những bãi biển dài đẹp họ còn có những thành phố nổi tiếng. Và nhất là Paris bao giờ cũng quyến rũ du khách trên khắp địa cầu này. Dòng sông Seine, tháp Eiffel, Khải Hoàn Môn... là những thắng cảnh của Paris.

Còn Việt Nam mình đẹp nhờ gì? Chắc nhờ bãi biển dài, những ngày hè mặt biển lóng lánh ánh nắng mặt trời. Nhờ núi non trùng điệp miền bắc miền trung. Nhờ phù sa sông ngòi miền tây. Và nhờ các cô gái VN, như lời người cán bộ cao cấp nhất nước đã nói.

Trên đường từ Salzburg trở về nhà, ánh nắng chiều óng ả rải xuống những cánh đồng dưới rặng Alpen. Mặt cánh đồng uốn lượn như những triền sóng trên mặt biển ngày tôi đi vượt biên. Mặt biển ngày ấy, khi ra gần đến hải phận, có màu xanh âm u buồn thảm. Hành trình còn xa vời vợi, chưa biết ngày mai sẽ ra sao, khi chiếc ghe nhỏ nhoi đang chập chùng trên sóng nước, lúc đang thả neo để cho máy nghỉ ... Xe lửa đang chạy chậm chạp qua vùng miền đông nam nước Đức. Nhìn những đàn bò sữa xa xa đang cúi đầu gặm cỏ, trong ánh nắng chiều vàng nhạt, tôi nhớ lại cuốn truyện Sữa Mùa Thu (Herbstmilch) của tác giả nữ Anna Wimschneider. Đây chính là vùng mà tác giả, cũng là nhân vật chính trong truyện kể lại cuộc đời bà, nơi quê hương bà, trong những ngày trước và sau thế chiến

Thứ Hai. Sinh ra và lớn lên trên một quê hương đầy băng tuyết, những ngày còn nhỏ trong mùa đông cũng phải đi về vài cây số để đến trường học và trở về nhà. Thế chiến Thứ Hai bùng nổ, đã phải chịu cùng chung số phận với dân tộc quê hương, phải chia tay người tình là nông dân, để anh đi vào chiến trận, với nỗi mong chờ đêm ngày cho ngày trở lại khi chấm dứt chiến tranh. Kết thúc của câu chuyện rất có hậu. Sau chiến tranh anh đã trở về lành lặn, đám cưới, một mái gia đình, anh bỏ việc làm nông gia, vào làm trong nhà máy, có tiền hưu trí sau mười năm làm việc. Những quang cảnh tôi thấy và đọc trong phim, truyện SỮA MÙA THU, bây giờ tôi đi ngang nó đây.

Tôi thật sự bàng hoàng trước cảnh đẹp của vùng này khi xe lửa chạy qua. Những cánh đồng cỏ màu xanh phẳng lì. Những cánh rừng thông đứng thẳng hàng, chụm lại từng khu, từng khu. Xa xa có vài ngôi nhà. Những khe suối chạy ngoằn ngoèo. Nếu nói giống "y chang" như một bức tranh vẽ thật không ngoa chút nào. Ở Âu châu có những hình ảnh đẹp như tranh! Những họa sĩ Việt Nam đang ở đâu? Chắc họ đang bận vẽ những mái tranh nghèo sống ven sông với đời người tạm bợ, ngật nghèo; những mẹ già da má nhăn nheo; những em nhỏ hai bàn chân không "lội" đi bán vé số suốt ngày trong thành phố. Hay họ vẽ những tay nhà giàu thời đổi mới đang học làm sang trong những sân quần vợt; quần vợt, áo "cá sấu", giày vớ trắng tinh, hay đang "chơi Golf" trên những sân Golf vừa lập ra rẫy đây trên đất nước. Hay họ đang bận vẽ những cô gái vẫn còn còng lưng trên những cánh đồng để cấy cho xong những mảng lúa vàng, cây mang nặng hạt. Họ hãy đến đây để vẽ những cánh rừng thông, những đồng cỏ phẳng hoặc cánh đồng lúa chín bạt

ngàn, mà nhiệm vụ gặt chỉ có 3 chiếc xe có cùng chung một nhiệm vụ cấy cày bừa gặt v. v... Một đất nước mà chỉ sau ngày chấm dứt chiến tranh khoảng 20 năm ai ai ở Việt Nam không nghe và biết đến "made in West Germany". Trông người mà nghĩ đến ta!

Hai đất nước, hai tình cảm, tôi cứ bị cầm tù trong cách suy nghĩ so sánh hết sức là... mệt! Tự nhủ lòng không để hận thù trải lên trang giấy, nhưng sự phân biệt rạch ròi phải trái tôi đã học được từ người Đức qua gần ba mươi năm ở xứ người, làm cho tôi không thể còn là người "sao cũng được" được. Chắc các bạn Việt Nam đang ở Đức cũng thấy vậy. Nhưng ở Việt Nam từ mấy chục năm trước cũng đã có những câu thơ "thương cứ bảo là thương, ghét cứ bảo là ghét ..." kia mà. Sự trùng hợp bao giờ cũng có, thời nào cũng có. Như mấy năm trước, trời ở Đức chỉ thấy "mưa ngâu" như ở Huế, Hà Nội quê mình, thì nay, đang nắng, mây đen từ đâu kéo về, một đám mưa rào thật mạnh đổ xuống làm mờ mịt đất trời. Chốc lát trời lại khô rang, nắng lại lên. Y như những cơn mưa ở Sài Gòn. Khí hậu nước Đức bây giờ "hoi giống" Việt Nam rồi. Global hết rồi!

Gió mùa thu đã về. Trời gần cuối tháng tám đã có những buổi chiều hơi lạnh. Trước nhà, trên đường những chiếc lá đã rời cành, nằm rải trên đường. Cuộc sống cứ tuần hoàn. Vui hay buồn trước mỗi sự việc; đứng đưng hay thấy có lửa trong hồn trước mỗi hoàn cảnh chắc là tùy vào cách sống của mỗi cá nhân. Đó là Tự Do của mỗi con người.

VŨ NAM (Germany)

Đêm năm Canh, Ngày sáu khắc tính như thế nào?

Hàn Lâm Nguyễn Phú Thứ

Thưở xa xưa, những bậc tiền nhân thường dùng Thập Nhị Địa Chi tức 12 con Giáp để gọi cho Năm, Tháng, Ngày, Giờ. Số 12 con Giáp tức 12 con vật tượng trưng đó được sắp theo thứ tự như sau: Tý (Chuột), Sửu (Trâu), Dần (Cọp), Mão hay Mẹo (Mèo), Thìn (Rồng), Ty (Rắn), Ngọ (Ngựa), Mùi (Dê), Thân (Khỉ), Dậu (Gà), Tuất (Chó) và Hợi (Heo).

Ngoài ra, phương cách dùng để tính các tháng theo con Giáp thì: GIÊNG (Dần = Cọp), HAI (Mão hay Mẹo = Mèo, BA (Thìn = Rồng), TƯ (Ty = Rắn), NĂM (Ngọ = Ngựa), SÁU (Mùi = Dê), BẢY (Thân = Khỉ), TÁM (Dậu = Gà), CHÍN (Tuất = Chó), MƯỜI (Hợi = Heo), MƯỜI MỘT (Tý = Chuột) và CHẠP (Sửu = Trâu).

Nhưng tại sao, thời kỳ xa xưa đó lại đặt tháng Giêng là tháng đầu năm mà không gọi là tháng Một?

Theo thiên nghi của tôi, bởi vì lúc bấy giờ, dưới thời quân chủ còn Vua Chúa, thường dành con số Một để chỉ nhà Vua, là thiên tử (con trời) để cai trị dân chúng tức nhứt nhân (người đứng đầu, người lớn hơn hết), từ đó trong thiên hạ phải kiêng cử, cho nên mới đặt tháng Giêng?

Ngoài ra, khi sanh con để cái cũng không thể gọi con đầu lòng là con Một mà chỉ gọi là con Trưởng hay con Hai hoặc con Cả, vì sợ húy kỵ đến nhà vua, bằng chứng ở

Việt Nam không có nhà nào gọi con đầu lòng là con Một là thế đó!

Còn tháng Giêng tại sao là Tháng Dần ?

Căn cứ theo sách xưa, xin trích dẫn như sau :

Nhân sinh ư Dần (Loại người sanh ra ở hội Dần).

Nhứt niên chi kế tại ư Xuân (Kế hoạch trong 1 năm phải được sắp đặt ở mùa Xuân)

Nhứt nhựt chi kế tại ư Dần (Kế hoạch trong 1 ngày phải sắp đặt ở giờ Dần).

Hơn nữa, trong 12 con Giáp, con Cọp là chúa sơn lâm, rất mạnh bạo hơn 11 con Giáp kia, cho nên người xưa chọn tháng Giêng là tháng Dần cho con Cọp cảm tình là như thế?

Người xưa, tại sao tháng gọi tháng Chạp là tháng cuối năm mà không là tháng Mười Hai như năm Dương Lịch?

Theo thiên nghi của tôi, nước chúng ta thời bấy giờ phần đông làm ruộng, cho nên tháng cuối cùng của một năm, ruộng đã làm xong, đã đem lúa vô bờ, vì thế phần đông dành thời gian này lo các lễ cúng, tiệc tùng để tạ ơn Thần Nông hoặc cúng Đình Thần sau khi vụ mùa đã hoàn tất, hết nhà này đến nhà khác, có khi kéo dài cho đến Tết Nguyên Đán. Hơn nữa, chữ Chạp là lễ cúng. Vì thế, nó còn có các tên lễ cúng khác như: Giỗ Chạp, Chạp Miếu, Chạp Mả...

Do vậy, thay vì gọi tháng Mười Hai là tháng Chạp là thế đó!

<Khi nhắc đến Lễ Cúng Đình Thần, hằng năm thường cử hành lễ này (được biết ngày xưa các vị cựu quan chức ngày xưa, đơn cử như: Cụ Nguyễn Trung Trực (Rạch Giá) là người có công trạng chống Pháp, nên sau khi Cụ bị quân Pháp chặt đầu, Cụ được vua ban Sắc Chỉ Thần và được thờ tại Đình Thần Nguyễn Trung Trực Rạch Giá ngày nay, nếu cần xin xem quyển **Danh Nhân Việt Nam hậu bán thế kỷ 19** cùng tác giả Nguyễn Phú Thứ từ trang 161 đến trang 195) trong các ngày Lễ Cúng Đình Thần, các vị bô lão cùng Ban Hội Tề mặc áo dài khăn đóng để đi rước sắc thần, (nếu làng xã đó chưa hoàn thành Đình Thần, để an vị nơi làm lễ cúng Thần), đặc biệt phải có các học trò lễ đứng hai hàng để: dâng hương, dâng trà, dâng rượu... và lễ bái (lạy)>.

Ngoài ra, phải nói đến Hát Bộ (có người gọi Hát Bội) để cúng Thần, thông thường Ông Hương Cả trong làng là người đứng đầu chủ xướng lễ cúng Đình và là người có thực quyền hơn hết, cho nên mỗi lần có gánh hát về hát cúng Đình, Ông Hương Cả chính là người Chăm Châu để đánh những hồi trống châu thưởng phạt cho nghệ sĩ, bởi vì Ông Hương Cả là bực thâm nho lại rất rành tuồng tích, kể cả cách dậm mặt và các câu hát tuồng tích của các nghệ sĩ, cho nên Ông Hương Cả chăm châu để khen thưởng hoặc bắt lỗi các đào kép trong lúc trình diễn, vì các nghệ sĩ không thuộc tuồng hát cương, cho nên không thể bắt một người nào đó đến chăm châu mà không rành tuồng tích.

Thời xưa, các nghệ sĩ nào được Ông Hương Cả đánh nhiều hồi trống châu, thì sau

khi hát xong, sẽ được Ban Hội Tề (*) thưởng phẩm vật tặng riêng cho cá nhân nghệ sĩ đó.

Còn trái lại, các nghệ sĩ nào bị Ông Hương Cả đánh Khắc là gõ bên vành trống kêu cắc cắc thì các nghệ sĩ đó bị Ông Hương Cả phạt vì hát sai, hát cương, dề nghệ sĩ biết thân mà hát lại cho đúng và nghệ sĩ nào bị đánh khắc nhiều lần, sau khi hát xong sẽ bị Ban Hội Tề cùng Ông Bầu đoàn hát quở phạt. Đó là, luật lệ thưởng phạt công minh của người Chăm Châu đối với nghệ sĩ.

Mặc dù, Ông Hương Cả là người có thực quyền ở trong làng, nhưng những hồi trống châu đôi khi cũng không hài lòng hết mọi người, cho nên cũng bị chê trách như thường.

Vì thế, trong dân gian mới có câu:

Ở đời có bốn cái ngu,

Làm mai, lãnh nợ gác cu, chăm châu.

(*) Được biết, thời xưa Ban Hội Tề trong làng có 12 vị Hương Chức như sau : Hương Cả, Hương Chủ, Hương Sư, Hương Trưởng, Hương Chánh, Hương Giáo, Hương Bộ, Hương Quán, Hương Thân, Hương Hào, Xã Trưởng là người có bốn phận giữ con dấu để thu thuế Điền, thuế Thân trong làng và Chánh Lục Bộ là người có bốn phận giữ Sổ Bộ Đòi như : Khai Sanh, Khai Tử, Hôn Thụ ...)

Đêm Năm Canh, Ngày Sáu Khắc

Được biết, niên lịch cổ truyền Á Đông đã xuất hiện từ đời Hoàng Đế bên Tàu, 2637 trước Thiên Chúa năm 61.

Còn đối với : **Đêm Năm Canh, Ngày Sáu Khắc như thế nào ?**

Chúng ta để ý sẽ thấy : Ngày tính Khắc, Đêm tính Canh, cho nên chúng ta đã từng nghe thấy như sau:

Canh Một dọn cửa, dọn nhà

Canh Hai dẹt củi, canh Ba Đì nằm...
 Hoặc là : Nửa đêm giờ Tý canh Ba
 Theo thiên nghĩ, chúng ta thấy câu:
 Nửa đêm giờ Tý canh Ba thì chúng ta có thể đoán được chữ nửa đêm (tức khoảng 12 giờ đêm hoặc 0 giờ), còn giờ Tý canh Ba

(tức khoảng 23 giờ đêm đến 1 giờ sáng).
 Bởi vì, các bậc tiền nhân dùng 12 con vật cầm tinh tượng trưng tức 12 con Giáp, để phân chia bảng Giờ trong một ngày có 24 giờ như sau:

Bảng giờ trong 1 ngày của 12 con giáp

Giờ	Thời Gian	Giờ	Thời Gian
ý	Từ 23 giờ đến 1 giờ sáng	Ngo	Từ 11 giờ đến 13 giờ trưa
Sửu	Từ 1 giờ đến 3 giờ sáng	Mùi	Từ 13 giờ đến 15 giờ xế trưa
Dần	Từ 3 giờ đến 5 giờ sáng	Thân	Từ 15 giờ đến 17 giờ chiều
Mão	Từ 5 giờ đến 7 giờ sáng	Dậu	Từ 17 giờ đến 19 giờ tối
Thìn	Từ 7 giờ đến 9 giờ sáng	Tuất	Từ 19 giờ đến 21 giờ tối
Tỵ	Từ 9 giờ đến 11 giờ sáng	Hợi	Từ 21 giờ đến 23 giờ khuya

Căn cứ sự phân chia giờ ở trên, chúng ta thấy :

a)- Ban ngày dài được 14 giờ, còn ban đêm dài được 10 giờ và thấy được giờ Tý canh Ba, từ đó chúng ta tính được bảng 5 Canh như sau :

Tên Canh	Thời Gian
Canh 1	Từ 19 giờ đến 21 giờ tức giờ Tuất
Canh 2	Từ 21 giờ đến 23 giờ khuya tức giờ Hợi
Canh 3	Từ 23 giờ đến 1 giờ sáng tức giờ Tý
Canh 4	Từ 1 giờ đến 3 giờ sáng tức giờ Sửu
Canh 5	Từ 3 giờ đến 5 giờ sáng tức giờ Dần

Do vậy, nếu chúng ta đem so sánh Canh với giờ, thì có hai giờ bằng một Canh và nếu đem so sánh bảng Giờ trong một ngày của 12 con Giáp ở trước sẽ thấy đúng.

b)- Mỗi ban ngày dài 14 giờ, được chia cho 6 khắc như bảng sau đây :

Tên Khắc	Thời Gian	Tên Khắc	Thời Gian
Khắc 1	Từ 5 giờ đến 7 giờ 20 sáng	Khắc 4	Từ 12 giờ đến 14 giờ 20 xế trưa
Khắc 2	Từ 7 giờ 20 đến 9 giờ 40 sáng	Khắc 5	Từ 14 giờ 20 đến 16 giờ 40 chiều
Khắc 3	Từ 9 giờ 40 đến 12 giờ trưa	Khắc 6	Từ 16 giờ 40 đến 19 giờ tối

Như vậy, nếu chúng ta đem so sánh Khắc với Giờ, thì có 2 giờ 20 phút bằng 1 Khắc. Bởi vì, ban ngày dài 14 giờ, đem chia đều cho 6 Khắc, thì được 140 phút, tức là 2 giờ 20 phút. Thế nên, chúng ta thường thấy câu : Đêm Năm Canh, Ngày Sáu Khắc là quả đúng vậy.

(Trích dẫn từ trang 60 đến trang 70 quyển **Từ-vi & Địa-Lý Thực-hành** của Hàn Lâm **Nguyễn Phú Thứ**)

Như Cảnh Bèo Trôi

Đỗ Phú

Vào thập niên 1990 nền kinh tế thế giới bước qua thời kỳ ngưng trệ sang thời kỳ phát triển, kỹ nghệ điện toán, thông tin đẩy thị trường chứng khoán lên cao, các ngành như địa ốc, sản xuất tàu bè, xe hơi, vật dụng đều gia tăng theo tốc độ phi mã. Chỉ số chứng khoán, giá cả địa ốc, xăng dầu đều tăng vùn vụt trung bình 10% hàng năm. Thị trường Âu Châu, Mỹ Châu, Châu Mỹ La Tinh tràn ngập sản phẩm rẻ tiền được sản xuất từ các nước Á Châu nhất là từ Trung Cộng. Nhiều công ty lớn của Âu Châu, Nhật Bản và Mỹ Châu đưa sản phẩm sang chế biến và sản xuất tại các nước Á Châu như Bangladesh, Ấn Độ, Trung Hoa và Việt Nam để hưởng giá rẻ nhờ phí tổn công nhân thấp. Công nhân học hỏi nhanh, thông minh, có trình độ khá cao và lương lại rất thấp. Sang đến năm 2000 thì hầu hết các nhu yếu phẩm gia dụng như quần áo, giày dép, đồ dùng trong nhà nội niên xoong chảo đều mang nhãn hiệu Trung Hoa, Việt Nam hay Ấn Độ, nhiều nhất là từ Trung Hoa. Chữ Made in China đã bắt đầu phổ biến đến nhiều gia đình.

Hồng Kông, Singapore là những Trung Tâm thương mại lớn của Á Châu, các ngân hàng, các cơ sở tài chánh lớn như Bank of America, American Express,

Lehman Brothers, Central Bank of Russia, Thailand, Indonesia, Japan, Chartered Bank of England, Banque Nationale de France, Visa, Master Card., và các hãng lớn như GE, GM, Ford, Sony, Samsung, Mitsubishi đều có đại diện ở Hongkong. Ngân hàng nơi Dững làm việc cũng là một ngân hàng lớn có hạng và có tên tuổi trên thị trường tài chánh quốc tế. Nhờ kinh tế phát triển, nhờ sự kí gởi tiền vào ngân hàng gia tăng mạnh, số thân chủ vay tiền làm ăn buôn bán, đầu tư, mua chứng khoán, mua nhà cửa tăng, nhu cầu đầu tư tiền của thân chủ và cho vay tiền của ngân hàng tăng nhanh. Thị trường địa ốc hầu như lên giá gấp đôi trong một thời gian ngắn. Dững được ngân hàng cử đi Hongkong 1 tháng để giúp chi nhánh tại đó giải quyết đồng hồ sơ vay tiền của thân chủ ứ đọng mà chi nhánh không làm kịp. Vì lượng tiền tệ ký thác vào ngân hàng tăng nhanh, lãi xuất trả cho các thân chủ từ 6% đến 10%, nên ngân hàng có nhiều áp lực phải cho số lượng tiền ký thác luân chuyển nhanh. Các ngân hàng đưa ra nhiều sáng kiến cạnh tranh trong việc thu hút khách hàng vay tiền, càng ngày càng hấp dẫn và dễ dãi hơn. Điều kiện cho thân chủ vay tiền được nới lỏng từng ngày. Trong tuần lễ đầu ở Hongkong, Dững bù đầu vào công việc, chỗ nào cũng thấy giấy tờ và con số, lúc ngồi ăn cũng nghĩ

đến con số, ngủ cũng còn mơ thấy những hàng chữ số bao quanh. Ngụ trong khách sạn Langham, 5 sao, khách sạn sang hàng đầu của Hongkong, nằm trên đường Tsim Sa Tsui, trung tâm thị tứ, nhìn xuống hải cảng, vậy mà hai tuần lễ đầu Dũng không có lúc nào thư giãn để ngắm cảnh đẹp xung quanh. Người ra vào khách sạn 24 giờ mỗi ngày lúc nào cũng tấp nập, nhiều thương kỹ nghệ gia, và du khách giàu có đến đi suốt ngày.

Vào một tối Dũng đang ngồi đợi thức ăn đưa ra trong phòng Tang Dynasty thì một đoàn thương gia Trung Hoa đi qua, người đi đầu chợt đứng lại trước bàn của Dũng, hỏi: có phải ông là Dũng, rồi hấn lại tự nói tiếp đúng Dũng rồi. Dũng đứng lên, chưa kịp trả lời, hấn ôm chầm lấy Dũng, miệng lẩm bẩm, lâu quá, bây giờ mới gặp lại. Quách Thái đây, đã nhận ra tớ chưa. Dũng nói rồi nhưng thật ra Dũng còn đang suy nghĩ, chưa thực sự nhận ra Thái, vì hấn to béo, sồ sề hơn ngày còn ở Sài Gòn nhiều. Thân hình Quách Thái cũng tăng trưởng theo mức ăn ra làm nên của hấn. Quách Thái tiếp tục nói như đại liên nổ, làm như thể nếu hấn ngưng thì hấn sẽ không còn cơ hội nào nói nữa. Hấn tiếp tục: tớ vừa họp xong, ra đây ăn tối với các đại biểu, nhưng thôi tớ bỏ họ tối nay, muốn đi chơi với cậu. Đã ăn chưa, nhìn thấy bàn Dũng chưa có thức ăn, hấn gọi bồi bảo dừng dọn thức ăn ra cho bàn này nữa, nếu cần tính tiền cứ tính vào hấn. Hấn kéo Dũng đứng dậy đi theo hấn. Anh em mình trên 20 chục năm không gặp

nhau, tối nay, tớ đãi cậu chúng mình phải tâm sự với nhau cho đã. Hấn đưa Dũng tới tiệm ăn Central Ocean Seafood Grill thưởng thức vài món hải sản đặc biệt của Hongkong. Vì Quách Thái là dân Tàu Chợ Lớn, bây giờ là thổ công của vùng đất Hongkong, Taiwan, Singapore, nên hấn chọn những món ăn hết sức ngon, cũng tôm nướng, cũng cá nướng, sao mà Dũng ăn ngon đến thế. Một phần nữa là chủ nhà hàng quen biết Quách Thái nên khi thấy hấn tới, chính chủ nhân ra mời hai người vào một phòng ăn nhỏ hết sức sang trọng, giới thiệu món ăn, mang đãi rượu vang quý. Hấn giới thiệu Dũng là bạn xa xưa, chủ nhà hàng nói khi bắt đầu vào tiệc họ sẽ mời một nữ ca sĩ trẻ đẹp của nhà hàng ca tặng bản nhạc mới đang thịnh hành: Ngộ cố tri. Đây là bản nhạc Tàu theo điệu slow, giọng ca của cô ca sĩ nhẹ nhàng như gió thoảng, nhiều lúc anh phải nhắm mắt lại để tìm hơi thanh nhạc nơi cô, mặc dù Dũng không hiểu lời ca nhưng anh đâu cần hiểu khi âm điệu của bài hát quá hay. Khi giọng ca đã dứt mà Dũng còn cảm thấy như âm thanh, hơi thở, ý tứ còn đọng lại đâu đó trong cảm xúc của anh tựa như thưởng thức một ly trà thiết quan âm, sau mỗi hớp trà, hương vị thơm ngọt, chất dễ thương của trà như quyện vào trong miệng, và lưu luyến trong hơi thở của anh hàng giờ. Sau vài ly rượu mạnh, Quách Thái say sưa dốc bầu tâm sự, hấn muốn khoe với Dũng, muốn Dũng nghe phần đời của hấn mà Dũng chưa biết.

Quách Thái kể cho Dũng nghe những chuỗi ngày bỏ miền Nam ra đi. Hấn và gia đình sang định cư ở Paris, nước Pháp. Hấn mở một tiệm ăn và một tiệm bán thực phẩm Á Châu lớn bậc nhất của người Á Châu ở Paris. Dũng nói mừng cho cậu, nghe nói cậu bị kẹt lại vài năm mà sao còn mang đi được nhiều tiền thế? Trước tháng tư 1975, Quách Thái là một thương gia Việt gốc Hoa trẻ tuổi, thành công bậc nhất. Ở tuổi 30, hấn đã làm chủ hai rạp hát lớn, nhiều hãng xưởng sản xuất đồ gia dụng bằng nhôm, bằng plastic như nồi niêu nhôm, rổ rá, giầy dép plastic. Khi miền Nam sụp đổ, hấn nói hấn đã cùng nhiều bạn bè thương gia tiên đoán được tình hình, vậy mà hấn vẫn không sửa soạn kịp vì hấn có quá nhiều sản nghiệp, hơn nữa hấn tin rằng, cũng như các bạn hấn trong các bang Trung Hoa, như bang Triều Châu, bang Phước Kiến, bang Quảng Đông... nếu CS có chiếm được miền Nam, CS cũng không giám chiếm đoạt tài sản của họ. Họ tiên đoán đúng nhưng cũng chỉ đúng một phần nào mà thôi. Thái kể khi CS chiếm miền Nam chúng dòm ngó ngay tới sản nghiệp của dân miền Nam đặc biệt là tài sản của người Hoa ở Chợ Lớn. Một số cán bộ CS Trung Hoa nằm vùng đã xuất hiện ngay hợp tác với chính quyền mới. Phần đông những cán bộ người Hoa tỏ vẻ giúp đỡ người Hoa ở lại hiểu và hợp tác với CS Việt Nam. Dũng có nhớ Diệp D không?, bạn của chúng mình, ai ngờ hấn lại là cán bộ CS Tàu nằm vùng, hấn ra công khai sau ngày

30/4/1975. Hấn tập trung những doanh gia người Hoa lại, giải thích cho họ các thức đối phó với CSVN, chẳng hạn như CS giao cho mỗi gia đình một hồ sơ dày đến 10 trang giấy bắt khai lí lịch, theo chỉ dẫn của CS Trung Hoa, từ 5 đời trước trở lại. Phải khai lí lịch các cụ, ông bà, cha mẹ, ngày và nơi sanh ở đâu, cho tới cá nhân đương sự. Đầu tháng năm 1975, Đại sứ Trung Cộng tại Hà Nội đã có mặt ở Sài Gòn để họp với các Bang Trung Hoa, về nhiều vấn đề trong đó có vấn đề bảo vệ tài sản không để lọt vào tay Việt Cộng. Trên nguyên tắc CS VN không có quyền tịch thu tài sản của người ngoại quốc gồm cả của người Hoa làm ăn tại VN. Đa số những doanh gia người Hoa có thêm một hay hai tên khác cùng mang thêm một quốc tịch khác. Họ từ chối khai báo vào những giấy tờ CS VN đưa cho họ, họ phần đông nói họ mang tên Tàu, cha mẹ họ đều là người Tàu và họ không sanh đẻ tại VN. CS không thể tìm được bằng chứng gì minh xác các thương gia Hoa là người Việt hay Việt gốc Hoa. Quách Thái kể hấn và các bạn mà Dũng cũng biết như Bành Đại, Ly Thiếu Mẫn, Trịnh H... lên đường qua Pháp an toàn, tài sản chỉ bị mất một phần. Trước 1979, khi CS Trung Hoa tràn qua đánh VN để trả đũa vụ VN xâm lăng đồng minh của họ là Cam Bốt, những người CS Hoa nằm vùng biến đi hết. Cậu còn nhớ Ly Trung, Quan Hoai, Dương Triệu Xan bây giờ mang tên Hoa và là những dân buôn người Hoa giàu có ở Úc đấy.

Quách Thái nói bây giờ bạn hỏi tên Quách Thái này thì không ai biết hết. Tên mới của Quách Thái bây giờ là Rick Wang. Nhìn tấm danh thiếp vàng chói, với tên Rick Wang, Giám Đốc J.P. Enterprise, dân biểu hải ngoại của Đài Loan, Dũng há hốc miệng ngạc nhiên. Quách Thái giải thích, sau 1980, hắn thường sang Đài Loan lo công việc kinh doanh, nhờ nhiều bạn bè quen từ trước đề bạt, Chính Phủ Đài Loan đưa tiền cho hắn làm ăn, mấy cơ sở thương mại của hắn bây giờ thực chất là do vốn của Đài Loan. Quốc Hội Đài Loan lại tặng cho hắn danh hiệu dân biểu hải ngoại, vai trò của hắn là một cố vấn tài chánh cho Quốc Hội và chính phủ Đài Loan. Hắn chia thời gian, sống với vợ con 5, 6 tháng ở Pháp, còn ở Đài Loan, Hongkong, Thái Lan thỉnh thoảng ở Trung Hoa Lục Địa những ngày còn lại. Hắn kể tiếp mấy năm đầu ở Paris cơ sở bán buôn bán sỉ và lẻ thực phẩm Á Đông và Công ty JP phát triển quá nhanh vì họ có khả năng buôn tận gốc bán tận ngọn. Hàng nhập cảng thẳng từ Hongkong, Đài Loan, nội địa Trung Hoa, Singapore không qua trung gian, nên thực phẩm rẻ được 1/3 giá bán cho người tiêu thụ. Về thực phẩm sống, thịt, cá và rau tươi, họ mua thẳng từ những nông trại ở miền quê xa, nghèo ở miền Nam nước Pháp, mua thịt cá từ các hải cảng theo hợp đồng dài hạn. Công Ty còn mở nhiều tiệm ăn tây, ta, bán cả phở, hủ tíu do đầu bếp Việt nấu, v.v nên nhiều tiệm chạp phô, tiệm ăn tây, ta nhỏ của người Việt và một số dân Á đông lần lượt

đóng cửa. Hắn nói trên thương trường khi món hàng hay thực phẩm, trái cây nào gặp cạnh tranh thì Công Ty cho giảm giá ngay xuống 50% có khi hơn nữa cho đến khi đối thủ kiệt sức hay chết. Đó là chưa kể còn nhiều độc chiêu khác. Thái nói nhiều lúc hắn cảm thấy có tội khi thấy nhiều tiệm ăn Tây Ta nhỏ đã mở cửa từ 15, 20 năm phải từ từ đóng cửa, nhiều nhất ở Quận 13.

Khi chia tay, Thái nói hắn mời Dũng qua Taipei chơi với hắn vài ngày trước khi về lại Hoa Kỳ. Hắn muốn thù tạc Dũng và muốn bật mí cho Dũng một chuyện tình vui mới của hắn.

Trước tháng Tư năm 1975, Thái thỉnh thoảng ghé ngân hàng nơi Dũng làm việc, lúc đó Dũng đang đặc trách phần vụ xuất nhập, cấp phát tín dụng. Qua sự giới thiệu của ông Giám Đốc Ngân Hàng, hai người quen biết nhau. Thái mời Dũng và vài chuyên viên cao cấp của ngân hàng đến thăm viếng cơ xưởng sản xuất đồ gia dụng bằng plastic của hắn đang trở nên thịnh hành, mục đích để quyết định mức cho hắn vay thêm vốn ngân hàng. Sau đó Dũng được mời đến nhà riêng vài lần dự tiếp tân sinh nhật, kỷ niệm ngày cưới của vợ chồng Thái, tình bạn theo ngày tháng gia tăng. Khi đã thân nhau khá đủ, Thái mời Dũng cùng với các bạn thân của hắn đi thưởng ngoạn vài cơ sở làm ăn ở Nha Trang, Vũng Tàu, đi du hí nhậu nhẹt ở các câu lạc bộ xanh, đỏ, dành cho những con buôn, chính khách xoi thịt, nơi môi giới, trao đổi những dịch vụ bí mật, lành mạnh lẫn phi pháp mới được lập ra nhưng mau

chóng nổi tiếng trong giới làm ăn, áp phe. Vào thời điểm đó, từ 1970-1975, xẹt xanh, xẹt đỏ là nơi ăn chơi, và cũng là nơi tụ tập của những trùm, những thương gia, những quan chức lớn của chế độ. Nơi đây chỉ dành cho một thiểu số có máu mặt mà thôi. Tại đây Dũng đã biết thế giới ăn chơi, đã quen thêm nhiều bộ mặt như Bành Thiều, Ly Đại, Lâm Tiểu A ... những người tiêu tiền không biết đếm. Khi đã quen nhau ở đây, bên những chai rượu Whisky, Champagne thượng hạng, đắt tiền nhất, bên những cô gái được chọn lọc kỹ càng như gái Việt, gái tàu Chợ Lớn, Hongkong, Thái



Land, Mã Lai... qua cũng có thì người ta cũng dễ thân nhau và tâm sự cho nhau nghe nhiều chuyện kể cả những chuyện rất riêng tư. Dũng được nhiều người ưa thích vì anh biết gợi chuyện, biết nghe, và kiên nhẫn nghe cả những chuyện tầm phào. Thái đã kể cho Dũng nghe về cuộc đời sôi nổi của hắn, từ những ngày nghèo khổ, bố mẹ đi nhặt ve chai dành dụm từng xu cho đến những mảnh lời ngón nghề tranh ăn, diệt đối thủ, những âm mưu, thủ đoạn mà người Tàu họ dùng đối với nhau. Dù họ tranh ăn, giết nhau nhưng họ thường che đậy khéo léo, bịa nhiều huyền thoại về chữ tín của họ làm cho nhiều người Việt tìm góp vốn làm ăn với người họ. Khi Bá Dương viết về người Trung Hoa xấu xí, nói lên sự thật về thói hư, tật

xấu thì bị nhiều đồng hương phản đối, ông nói ai cũng chỉ muốn nghe nói hay về mình mà quên đi sự thực, được khen để rồi còn được gì nữa? Để rồi tự kiêu, tự đại, tưởng mình hay, giỏi thật rồi đi vào sai lầm, làm bậy. Bá Dương nói. Thái và Dũng đã cùng nhau đi chơi, ăn nhậu, nhẩy đầm triển miên cho đến ngày miền Nam bị cưỡng chiếm.

Dũng tìm được thời giờ bay qua Đài Loan gặp Thái. Thái đã là một đại gia, bây giờ hắn tiếp tục là đại gia, bên cạnh Đài Loan là nhiều nước nghèo nên nhip sống như quý tộc, cao sang, kiêu kỳ của hắn cũng gia tăng, dù bận rộn với công việc, ở đâu hắn cũng có bộ, có người yêu đeo theo chiều chuộng.

Thái khoe hắn rất có giá vì cả Đài Loan và Trung Hoa lục địa đều cần hắn, sẵn sàng bỏ tiền cho hắn làm ăn, buôn bán ở Pháp và Âu Châu. Họ bỏ vốn làm ăn ở bất cứ nơi nào họ có thể xâm nhập được, cạnh tranh với người bản xứ và cả với nhau nữa. Dân Việt gốc Hoa Chợ Lớn đã có thành tích làm ăn nổi tiếng từ lâu hơn cả dân Đài Loan, và Tàu Cộng thì khỏi nói không có kinh nghiệm buôn bán (thời điểm 1990). Sau khi đưa Dũng đi chơi một ngày ở Taipei, Thủ Đô của Đài Loan, khu Peitou, bây giờ là Beitou, vùng nổi tiếng với suối nước nóng, công viên Youmingshang, nhiều khách sạn sang trọng được xây cạnh suối nước nóng hay

chung quanh công viên, với các phòng spa, và tắm nước suối có nhiều chất vôi, Thái kể trước đây khu này nhiều khách sạn rẻ tiền dùng cho du khách đến tìm gái trẻ đẹp, nhiều nhà trọ, hộp đêm cung cấp dịch vụ tình dục. Đa số gái phục vụ, gái nhảy đều rất trẻ, nhiều em là học sinh, sinh viên đi làm, đi nhảy dù để kiếm tiền ăn học, để ăn diện, chính phủ bên ngoài cấm mãi dâm hoặc ở vài nơi cho phép mãi dâm có kiểm soát nhưng làm ngơ để thu ngoại tệ. Binh sĩ Hoa Kỳ chiến đấu tại VN sang Đài Loan nghỉ phép và xả hơi tình dục. Mỗi cuối tuần hàng ngàn thanh niên Nhật đáp Boeing 747 xuống Taipei để chơi gái và tiêu tiền, trên thân sắc trinh trắng của mấy nàng kiều. Bây giờ Taipei đã thay đổi được bộ mặt và tiếng tăm. Thái mời Dũng đi ăn vài món ăn ngon đặc biệt của Đài Loan ở Shang Palace. Taipei có thể là nơi có nhiều tiệm ăn nhất ở các thành phố Á Châu, đường nào cũng có vài ba tiệm ăn, Tây, Tàu, Thái, Nhật đều có cả.

Ngày hôm sau hai người bay đi thăm Huelien, miền núi cao của Đài Loan, nơi nghỉ mát, buổi chiều xuống miền Nam, tỉnh Kaohsiung thăm vài cơ sở thương mại nhỏ của Harry Wong. Kaohsiung là tỉnh cuối phía Nam của Đài Loan, là trung tâm kỹ nghệ phát triển và thương mại đang phát đạt. Thái có y khoa với Dũng và Bành Hoài về 1 minh tinh Đài Loan đang lên nhờ hấn lăng sê, hiện ở Cao Chung.

Khi Dũng hỏi Thái đã trở lại VN làm ăn chưa? Thái nói VN đối với hấn đã là quá khứ, đúng ra hấn quá bận rộn để nghĩ

về VN, với hàng tá bồ, con rơi mà hấn đã bỏ lại. Hấn vênh vênh tự đắc, VN đã là một thời huy hoàng, một thời vui của hấn, nhưng bây giờ hấn lại vui hơn vì tầm làm ăn rộng lớn hơn, không gian ăn chơi bao la hơn, và sức khỏe lại sung mãn hơn thời 30. Rồi bỗng hấn trở nên suy tư, vì nói về VN, hấn nhớ tới một câu chuyện buồn của một thiếu nữ Việt về nhà chồng ở Cao Chung, hấn nói: 'tôi sẽ đưa cậu đi thăm em Hường lấy chồng Đài Loan, tôi gặp em này tại quán ăn hải sản Wen Chen, có lẽ vì đẹp và thông minh em được cho làm phụ thu tiền và hướng dẫn khách vào bàn, tôi ngạc nhiên khi thấy em là người Việt, làm sao lại lạc lõng tới vùng biển này. Tôi tò mò có hỏi cha manager, hấn không nói gì nhiều, chỉ cho biết cô ta đã bỏ chồng đến làm ở đây, có thể hấn dấu để giữ con mồi cho hấn chăng. Họ càng úp mở tôi lại càng muốn biết thêm và không hiểu tại sao tôi thấy muốn bắt con nhỏ này quá. Hấn cười tôi muốn thì cái gì chả xong.' Đến tiệm Wen Chen, chủ nhân đích thân ra chào đón, Thái yêu cầu dành cho hấn, Bành Hoài đến sau và Dũng 1 phòng ăn đặc biệt và giới thiệu Dũng là khách quý của hấn, là người Việt nên muốn xin Hường ra tiếp chuyện khách đồng hương từ xa tới. Dũng ngạc nhiên thấy Hường không những quá trẻ, xinh đẹp, lại biết ăn nói duyên dáng ngoài sự suy đoán của Dũng. Hường kể cô đã học gần xong cấp ba thì bố cô gặp tai nạn, nhà nghèo mẹ cô và ba chị em đều còn nhỏ không có thể làm gì ra tiền để sinh sống. Ngay cả

những thanh niên trai tráng cũng chỉ tùm năm tám ba ăn nhậu, đánh lộn, hoặc lang thang không có việc làm. Qua môi giới cô được lãnh 1000 đô la, một số tiền lớn cho gia đình, chồng tương lai của cô tên Cheng, trẻ đẹp, ngoài 30 tuổi, trông khoảng 27, 28 tuổi, nhà có vài mẫu đất giồng trà, bán trà. Sau gần 2 tháng làm thủ tục lấy chồng, người chú họ chồng còn rất trẻ qua rước dâu về Taichung thay Cheng mới bị tai nạn gãy chân không qua VN đón dâu được. Trên đường về Đài Loan, ông Yang đã đưa cô đi Singapore rồi Malaysia chơi, lợi dụng sự ngây thơ, xa lạ, sợ sệt không biết tiếng Tàu khi xa nhà đã hãm hiếp cô. Về đến Taichung cô mới hay chồng cô là phế nhân bẩm sinh chứ không phải mới bị tai nạn. Gia đình muốn tìm cho hắn người vợ tồi tệ hơn là vợ đúng nghĩa. Yang vẫn tiếp tục theo tán tỉnh đòi làm tình với cô đến khi mọi việc vỡ lở, gia đình Cheng sáo trộn, luôn luôn xảy ra cãi vã đưa đến đánh lộn đến nỗi chính quyền địa phương phải can thiệp. Hội Phụ Nữ đã đưa Hường xuống Cao Chung và giúp tìm việc cho cô ở tiệm ăn này. Hường kể tâm trạng lo buồn, u sầu khi nhận tiền làm vợ cho 1 người xa lạ, không biết cuộc đời mình sẽ ra sao, không biết ngày nào mới nhìn lại được cha mẹ, chị em, những người thân, bạn bè, lối xóm. Thân phận người phụ nữ Việt như cánh lùa đào, phát phơ giữa chợ, biết vào tay ai, cô như cánh bèo trôi dạt trên sóng nước, nếu vào tay bọn sỏ khanh thì làm sao đây, có lẽ còn tệ hơn cánh bèo, nó có

thể tan mau như bọt nước. Vào tuổi 20, tuổi thơ mộng, tuổi đẹp nhất của người con gái thì Hường đã đi trên con đường đầy rẫy gai, luôn luôn làm mỗi cho lương gạt, bịp bợm, lợi dụng tình dục. Bây giờ cô tạm thời tránh khỏi được đe dọa, áp bức hay đánh đập bởi bọn người vũ phu, cô cũng chưa dám nghĩ đến việc trở về lại quê hương, nơi đó một chế độ hà khắc, bất công, phi nhân, và đói khổ vì không có việc làm đang chờ đợi. Tương lai của người con gái này còn mờ mịt. Nét mặt Thái chùng xuống, đôi mắt hấn chớp chớp, một thoáng buồn giăng ngang rồi hấn thở dài như đã chia sẻ nỗi đau đớn của Hường. Từ trong đáy tâm hồn, hấn vẫn còn một trái tim. Bóng mây của một thời thơ ấu, nghèo hèn chắc đang chen vào tâm hồn cao ngạo của hấn, nhắc nhở hấn. Bành Hoài cũng phát biểu sự cảm thông.

Hường học tiếng Tàu khá nhanh, sau hai năm cô đã nói khá trôi chảy tiếng Quan Thoại. Thấy Hường có chí tiến thủ và muốn ở lại Đài Loan làm ăn, nên Dũng đề nghị Thái giúp phương tiện cho Hường có thể ra làm ăn tự lập với sự tiếp tay của Dũng. Thái hoan nghênh với cả hai tay. Dũng yêu cầu Hường suy nghĩ về một dự án làm ăn như mở một tiệm ăn, mở cửa hàng bán mỹ phẩm, bán quần áo v.v hay một ngành tiểu thương nào mà Hường đã biết hay có thể học hỏi nhanh chóng. Dũng sẽ trở lại giúp cách vay tiền ngân hàng. Trong thời kinh tế thịnh vượng, vấn đề uy tín cá nhân, khả năng trả nợ của thân chủ quan trọng hơn tài sản thế chấp.

Trên máy bay Cathay Pacific trở lại Hongkong làm việc, Dũng suy nghĩ mông lung về Hường, nàng có nhiều nét quen thuộc, hao hao giống Hằng Nga. Trước 1970, Dũng ở trọ trong hẻm 134/ đường Công Lý, đầu hẻm là một căn biệt thự lớn của một gia đình sĩ quan cao cấp, có hai cô con gái vị thành niên nhí nhảnh, xinh đẹp. Một buổi sáng chạy xe tới đầu ngõ, Dũng gặp cô gái đang đứng đợi xe, anh xà lại gần nói: cô đi học muộn, tôi có thể chở cô đi được không? Sau một thoáng do dự, cô bằng lòng nhờ chở đến trường Gia Long. Em tên là Hằng Nga, hôm nay cả hai bố mẹ phải đi sớm nên không có tài xế đưa em đi học, may gặp anh, nếu không chắc đến lớp trễ. Dũng vừa giới thiệu tên thì Nga đã nói cô biết anh là 1 trong ba sinh viên trọ học ở nhà ông Sáu Lê. Dũng thầm nghĩ nhỏ này hay thiệt mình chưa biết cổ mà cổ đã biết mình. Đến gần trường thì Nga đòi xuống đi bộ một quãng vì không muốn ai thấy có người chở đi học. Sau hôm may mắn đó cuối tuần nào, Dũng cũng lang thang trong ngõ gần cửa sau nhà Nga, mong có dịp gặp lại người đẹp. Hai tuần sau, anh gặp lại Nga đi bộ ra ngõ, Dũng sáp lại hỏi thăm và mời Nga đi phố hay đi dạo. Nga nói cũng có cảm tình với Dũng ngay sau khi gặp mặt lần đầu. Hai người bắt đầu hò hẹn và đi chơi tuần đi Biên Hòa hái bưởi, tuần đi Lái Thiêu ăn trái cây. Dũng thấy yêu đời hơn, học hành chăm chỉ hơn, anh đang học ban văn chương và nhận dịch sách truyện cho một nhà xuất bản lớn nên có đồng ra đồng

vào. Năm sau khi tốt nghiệp cử nhân văn chương, Dũng dự tính xin Nga cho ra mắt bố mẹ cô thì Nga cho hay bố mẹ cô khi biết cô quen Dũng, muốn cô cắt mọi liên lạc với Dũng, ép cô phải lấy Thành con một người bạn của gia đình. Thành học giỏi, đẹp trai đang du học về thương mại ở Pháp, sắp tốt nghiệp trở về. Hai gia đình thân nhau nên Nga biết Thành từ nhỏ, họ đã có tình bạn nhưng chưa có tình yêu, cả Thành cũng vậy nhưng khi được cha mẹ nói sẽ hỏi Nga cho thì Thành rất hoan hỉ đón nhận. Nga phản đối cuộc hôn nhân sắp đặt của cha mẹ một cách yếu ớt, để rồi khi quyết định ngày hôn nhân đã tới, cô chỉ còn biết khóc từ biệt Dũng.

Hai mươi năm sau, qua bao cuộc biến động, biển dâu, ông bà Phạm, bố mẹ Hằng Nga đã ra đi, vợ chồng Thành bị đuổi đi vùng kinh tế mới, sống lây lất trong nghèo khổ, bệnh tật với ba cô con gái và Hường là chị cả. Sau hai lần gặp lại Hường ở Đài Chung, anh đã rõ Hường là con của Hằng Nga, anh giúp Hường vay được một số vốn từ Ngân Hàng của anh và Thái cho người cố vấn giúp Hường mở một tiệm ăn lớn ở Đài Bắc. Dũng không cho Hường biết rõ thân thế của anh, anh mong Hường sẽ xây dựng được một cuộc sống mới, tự lập, tự tin, tìm lại được niềm tin yêu vào cuộc đời, giúp đỡ bố mẹ, hai em ở quê nhà. Cánh bèo bé nhỏ đã tìm được chỗ nước trong để tồn tại.

Đã Phú (Virginia)

Lễ Mãn Khóa Lớp Học Tiếng Việt năm thứ 33

Phạm Xuân Thái

Lễ Mãn Khóa Lớp Học Tiếng Việt năm thứ 33 do Hội Giáo Dục Trẻ Em Việt Nam vùng Hoa Thịnh Đốn (VYEA) vừa tổ chức vào ngày 6 tháng 8 năm 2009, tại sảnh đường Little Theater của trường trung học Lake Braddock Secondary School, vùng Burke, Virginia, đã thu hút được 800 khách tham dự.



(Photographs courtesy Vũ Hùng)

Sau phần nghi lễ chào Quốc Kỳ, cô Chủ Nhật Anh đại diện Hội Giáo Dục Trẻ Em Việt Nam vùng Hoa Thịnh Đốn (VYEA) đã ngỏ lời chào mừng và cảm ơn Quan Khách, quý vị Cố Vấn Đoàn, quý vị Phụ Huynh Học Sinh, quý Thầy Cô, các cơ quan ngôn luận và các hội đoàn trong vùng. Cô cho biết:

“Hội Giáo Dục Trẻ Em Việt nam vùng HTĐ được khởi xướng vào năm 1977 khi mà người Việt của chúng ta còn mới chân ướt chân ráo đặt chân đến đất Mỹ bởi cố chủ tịch Chủ Bá Anh và nữ sĩ Vi Khuê. Ngay từ giây phút phôi thai, mở đầu cho cuộc sống mới đầy khó khăn ấy, tình yêu thương Tiếng Việt mạnh mẽ đã là một động lực thôi thúc thành lập HGDTEVNVHTĐ. Trong tinh thần bất vụ lợi, chúng tôi vẫn luôn cố gắng gìn giữ và phát huy Ngôn Ngữ Việt, Văn Hóa Việt cho thế hệ con cháu chúng ta ngày sau; với hi vọng các em có được ít nhiều niềm căn bản về Tiếng Mẹ.

Qua hơn 30 năm, HGDTEVNVHTĐ vẫn tồn tại và lớn mạnh. Đây là kết quả của cả một tiến trình đóng góp kiên trì, một đoạn đường dài 33 năm bởi các bậc trưởng thượng, cha mẹ, anh cô chú bác, lớp người đi trước và của chính tất cả chúng ta ngày hôm nay.”



Sau đó là Lời Ngỏ của cô Nguyễn-Phan Trinh, Hiệu Trưởng lớp Hè Tiếng Việt 2009. Cô Trinh đã bắt đầu lời ngỏ của cô trích từ nhạc phẩm Tình Ca của nhạc sĩ Phạm Duy:

*“Tôi yêu tiếng nước tôi từ khi mới ra đời, người ơi
Mẹ hiền ru những câu xa vời
À à ơi ! Tiếng ru muôn đời. “*

Cô Trinh cho biết đó là một trong những lý do mà Ban Chấp Hành và Ban Giảng Huấn đã dấn thân làm việc để duy trì và dạy tiếng Việt cho các em. Cô gửi lời cảm ơn quý phụ huynh đã quan tâm đến việc học tiếng Việt của các em, sự tận tụy của các giáo chức, sự chăm chỉ học hành của các học sinh. Cô cũng cảm ơn sự đóng góp thiện nguyện của quý phụ huynh làm việc trong các ban Giám Thị, Trật Tự, Âm Thực, Nghệ Thuật và Văn Nghệ.



Ban Chấp Hành VYEA



Các Thầy Cô đồng ca Viễn Du



Nữ sĩ Vi Khuê, sáng lập Hội Giáo Dục Trẻ Em vùng HTĐ và các học sinh đoạt giải thưởng Chủ Bá Anh



Các em Học Sinh trong phần văn nghệ đặc sắc qua sự hướng dẫn của các thầy cô



Tiếp theo là phần giới thiệu Ban Tu Thư, Ban Chấp Hành và ban Giảng Huấn của VYEA; Lễ Phát Thưởng cho các học sinh đoạt Giải Thưởng CBA & Giải Thưởng Học Sinh Xuất Sắc; và giới thiệu các thầy cô cùng các em học sinh trong 18 lớp học.

Chương trình Lễ Mãn Khóa và chương trình văn nghệ đã được phối hợp bởi cô Âu Dương Lệ Ty, qua phần giới thiệu và điều khiển nhịp nhàng của BS Đặng



Vũ Phương Anh, và TS Huỳnh Tường Minh. Các màn trình diễn của các em đều rất ngoạn mục và dễ thương, bao gồm: đơn ca, hợp ca, nhạc cảnh dân ca ba miền, trình diễn Áo Dài, và phần hợp ca của các cô thầy qua nhạc phẩm Viễn Du đã được tất cả Phụ Huynh Học Sinh và quan khách tán thưởng nhiệt liệt.

Trong 33 năm qua, các em học sinh Lớp Hè Tiếng Việt không chỉ đơn thuần đến trường để học tiếng Việt, mà các em còn đến trường để sinh hoạt cùng các bạn Việt Nam cùng trang lứa trong môi trường tốt đẹp. Các em cũng cố dấp được gần gũi với nền văn hóa Việt, và nhận thức được nguồn gốc của mình. Các em từng theo học Lớp Hè Tiếng Việt trong 33 năm qua, đã và đang tiếp tục góp tay cùng các thế hệ cha anh xây dựng cộng đồng người Việt Hải Ngoại, cùng phát huy và bảo trì nền văn hoá Việt. Các em là niềm hãnh diện và tự hào cho cộng đồng người Việt hải Ngoại và các thế hệ cha anh. Việc làm của Hội Giáo Dục Trẻ Em Việt Nam vùng Hoa Thịnh Đốn (VYEA) trong 33 năm qua cần phải được tiếp tục duy trì, hun đúc, bảo trợ, và bảo vệ.



Chương trình Lễ Mãn Khoá Lớp Hè Tiếng Việt đã được kết thúc bằng nhạc phẩm Việt Nam, Việt Nam.

Vâng,

“Việt Nam Việt Nam nghe từ vào đời
Việt Nam hai câu nói trên vành môi
Việt Nam nước tôi
Việt Nam Việt Nam tên gọi là người
Việt Nam hai câu nói sau cùng khi lìa đời.”

Phạm Xuân Thái
(Virginia)

CÀNH HOA TRƯỚC GIÓ

Phong Thu

(Viết theo dòng thời sự)

Lời người viết: Anh Thanh đã đi thật rồi sao? Lệ Châu ơi! Chị đừng khóc nữa. Tôi viết cho chị những lời thương mến, để an ủi, chia sẻ nỗi mất mát quá lớn trong cuộc đời của chị, mà sao nước mắt tôi cứ chảy quanh. Xin gửi lại đây những dòng tưởng niệm để nhớ đến anh, một người anh hùng vô danh đã vì nước quên mình. Tôi cũng trân trọng gửi đến chị lòng ngưỡng mộ của tôi về nghị lực, lòng can đảm, thủy chung của chị đối với người chồng bạc mệnh. Nơi chân trời mệnh mông huyền diệu, anh sẽ không còn đau khổ, vương vấn cõi trần đầy đau thương và nhiều bất trắc. Tôi cầu nguyện cho linh hồn anh được bình yên trong cõi thiên đường. Anh là một người tù bị lãng quên cũng như hàng ngàn những người anh hùng khác chết thẫm lặng không ai biết và nhớ đến....

Ngày rằm, chùa đông nghẹt không còn có chỗ chen chân. Lệ Châu nắm tay tôi len lỏi từng bước. Hơn nửa tiếng đồng hồ chúng tôi mới vào được chánh điện. Lệ Châu lôi trong giỏ ra một bó hoa, một thẻ nhang thơm, hai cây đèn cầy đỏ, một đĩa trái cây và đặt tất cả dưới chân bức tượng Phật lớn sơn màu thếp vàng. Khói nhang từ chiếc lư hương đồng màu đen bay lên mù mịt làm mờ đi ánh sáng của ngọn đèn điện trên trần. Hàng

mấy trăm người đứng, quỳ khắp nơi trong chánh điện. Tiếng kinh cầu vãng vọng, tiếng gõ mõ từng hồi hoà lẫn tiếng nói lao xao làm tôi nghẹt thở. Lệ Châu đốt nhang và lâm râm cầu nguyện. Chị dẫn tôi đi khắp nơi để cảm nhang xuống từng pho tượng đặt xung quanh. Cuối chánh điện, chúng tôi rẽ vào một căn phòng rộng lớn trong đó có rất nhiều bình đựng hài cốt người quá cố. Những chiếc bình bằng sành với nhiều hình dáng khác nhau đặt trên những chiếc kệ bằng gỗ. Tôi quan sát một vòng thấy người chết ở nhiều lứa tuổi khác nhau. Họ được thân nhân đưa vào đây để linh hồn được thanh thân, bình yên ngày đêm nghe tiếng kinh cầu. Tôi thì thâm vào tai chị:

- Khi em còn ở Việt Nam, chùa không được mở cửa. Nhiều ngôi chùa bị bỏ hoang hoặc bị đập phá. Không ngờ bây giờ chùa xây nhiều và rất khang trang. Người ta đi chùa đông nghẹt, mọi người yêu Phật quá há chị.

Lệ Châu cười:

-Không phải chỉ có dân mà mấy ông cán bộ bây giờ mê tín dị đoan hơn cả dân Sài Gòn ngày xưa. Họ xem bói toán, xin xăm và cầu nguyện nhiều hơn dân.

Tôi đùa một câu:

- Họ đã quá giàu thì vào chùa để xin cái gì thêm? Hay là chùa cho bớt tội với đất trời?

- Chùa xây nhiều, to, lộng lẫy cũng là một dịch vụ kiếm ăn đó em. Em có nghe ngôi chùa Bát Nhã ở Lâm Đồng đang gặp nạn không? Chùa càng to nạn càng lớn.

Chẳng biết các quan lớn đi chùa nhiều để tịnh tâm, tu đạo, kiếm hãm dục vọng hay họ muốn gì. Có thể muốn cho giàu hơn, ngôi cái ghế đó lâu hơn. Và cũng có thể cầu nguyện cho kẻ thù của họ mau chết.

Tôi hơi tức cười về câu nói đầy ngụ ý của chị. Nhìn quanh căn phòng chứa đầy hài cốt người chết, tôi hơi sợ nên hỏi:

- Chùa thờ nhiều hài cốt như vậy mai một đâu còn chỗ để thờ.

Lệ Châu buồn bã thở dài:

-Người ta bây giờ chết lãng xẹt lắm em. Phần lớn là bị xe đụng chết hay bị bệnh kỳ quặc rồi chết non. Em biết chị dẫn em vào đây để thăm ai không?

-Em nghĩ chị thăm các Sư Cô, Sư Bà trong chùa.

-Các Sư cô, Sư Bà bây giờ già yếu và không còn có quyền hành gì trong chùa này đâu em. Ngày xưa, thùng tiền cúng hỉ chỉ có một bây giờ mấy chục cái, ở khắp nơi. Thế nhưng các Sư Cô, Sư Bà không có quyền đụng đến. Đã có người của nhà nước lo rồi em.

Lệ Châu nói xong và nhìn tôi một lúc thật lâu. Đôi mắt sáng, to, hơi xéch của chị bây giờ vẫn đẹp và quyn rũ người đối diện. Chị không nói gì thêm nên nắm tay tôi đi sâu vào một góc phòng. Chị dừng lại bên một chiếc bình màu lam có khắc những hoa vân màu ngọc thạch làm nổi bật một cánh hoa cúc màu vàng sậm. Chị sờ tay lên chiếc bình và thì thầm “Hôm nay là ngày giỗ đầu tiên của anh. Em đến để đưa anh đến nơi anh mong ước. Anh thân yêu! Anh ngủ yên và không còn vương vấn gì. Còn em sao cứ mãi ray rức nhớ anh”. Lệ Châu áp chiếc bình lạnh giá vào má và nước mắt chị chảy quanh. Tôi sững sờ đến lặng người khi biết anh Thạnh chồng chị đã qua

đời. Lệ Châu không cho tôi biết hôm nay là ngày giỗ đầu của anh Thạnh. Chị mời tôi đến chơi vì tôi từ Hoa Kỳ về thăm gia đình và hình như chị muốn tôi biết thêm câu chuyện bí ẩn mà đã hơn một phần tư thế kỷ chị chưa hề tiết lộ cùng ai. Tôi và Lệ Châu dạy học chung một trường. Lệ Châu lớn tuổi hơn tôi. Chị dạy ban Sư Địa, còn tôi dạy Văn. Do bản tính vui vẻ và dễ thân thiện, Lệ Châu đã gây cho tôi mối thiện cảm ngay hôm gặp chị lần đầu. Khi tôi về dạy tại trường Hoà Bình, tôi vẫn còn rất trẻ và đơn độc, Lệ Châu đã có gia đình và có một cháu trai. Anh Thạnh làm ở Sài Gòn lâu lâu mới về thăm vợ con. Tôi nhiều lần đến chơi nhưng không bao giờ gặp anh. Một ngày cuối năm, tôi đi chợ gặp chị đi chung với một người đàn ông nhỏ nhắn, khuôn mặt xương xương với làn môi mím chặt. Anh đứng hơi thấp hơn chị. Chị dẫn anh Thạnh đến giới thiệu với tôi. Đó là lần đầu tiên và lần sau cùng tôi gặp anh. Vài tháng sau, cả trường xôn xao báo tin chồng chị bị bắt vì anh tham gia chống chế độ. Chị vào trường mặt ngọt nhạt, tái xanh, đôi mắt buồn rầu sưng húp. Tôi thương chị quá nhưng không biết nói lời gì để an ủi bạn. Những người trong trường ái ngại nhìn chị xầm xì. Riêng tôi vẫn thân thiện và quý mến chị như xưa. Tôi càng gần bó với chị, cái nhìn của những người xung quanh về tôi không mấy thiện cảm nhất là đối với Ban Giám Hiệu và những người Đảng Viên cầm đầu các ban trong trường. Tôi cóc cần họ. Nhiều lần tôi muốn hỏi thăm về anh Thạnh và những vấn đề xung quanh vụ án của anh. Nhưng Lệ Châu chỉ biết khóc và nói rằng vô vọng, anh có thể bị tử hình, không còn hy vọng anh trở về với vợ con. Người thiếu phụ xinh đẹp, thông minh, hai

mười năm sống cô đơn phòng không chiếc bóng. Tuổi xuân thì của chị héo tàn như một cành hoa trước cơn bão dữ, và nước mắt người thiếu phụ chờ chồng rơi từng đêm như những cơn mưa lũ.

Ngày tôi rời Việt Nam, chị không dám đưa tôi ra sân bay vì sợ liên lụy. Hai mươi năm tôi trở về nhìn đất nước mà nhiều người cho rằng đã thay đổi. Sự đổi thay tốt hay xấu tùy theo góc độ nhìn của mỗi người nông hay cạn. Còn tôi, nhìn những mảnh vườn, ruộng lúa êm ả, tỉnh lặng, thơ mộng đã biến mất khiến lòng tôi bồi hồi luyến tiếc. Nhiều nhà cao tầng mọc lên, đường sá khang trang, đời sống người dân có vẻ sung túc hơn xưa. Nhưng đất nước phát triển trong tình trạng hỗn loạn, cảnh giàu nghèo chênh lệch đến ghê rợn, lối sống ăn chơi, nhậu nhẹt, và cách làm tiền cũng lắm mưu ma chước quỷ làm tôi ngao ngán. Bàn tay chị lần tìm tay tôi và nắm chặt:

- Đi em. Chị có việc quan trọng phải làm.

Tôi lặng lẽ theo chân chị. Tôi trách:

-Sao chị không báo tin cho em biết là anh Thanh đã chết?

Lệ Châu nhìn tôi, nước mắt ràn rụa:

-Làm sao chị có thể báo tin cho Trinh được. Em ở xa quá! Nếu em còn ở Việt Nam thì chị đâu đến nỗi buồn và cô đơn như bây giờ.

-Tại sao anh chết? Chị nói với em rằng anh được ra tù mà.

Chị lau nước mắt bằng một chiếc khăn vuông nhỏ và nói:

- Chị sẽ kể cho em nghe. Bây giờ em ra trước cổng chùa đứng chờ chị. Chị làm vài thủ tục với nhà chùa để đem hài cốt anh đi. Chị sẽ ra gặp em.

Tôi nhìn nét tiêu tụy, buồn phiền hiện lên trên mặt Lệ Châu và cảm thấy ái ngại.

Lệ Châu quay lưng đi. Tôi quan sát mái tóc Lệ Châu ngày xưa dài ngang vai bây giờ ngắn cùn cớn và đã bạc quá nửa. Vóc dáng cao lớn, nụ cười duyên dáng của chị đã héo tàn theo thời gian và bao đau khổ. Chồng ở tù hai mươi năm, Lệ Châu vẫn sống một mình nuôi con, thăm nuôi chồng và chờ ngày anh Thanh trở về. Hai mươi năm xưa khi tôi còn ở Việt Nam, anh Thanh bị bắt ở tù vì tội chống lại chính sách cải tạo tư sản mại bản, cách ruộng đất và ngăn sông cấm chợ của chính quyền cộng sản. Anh bị kết án hai mươi năm tù giam cùng với một số đồng đội của anh. Người cầm đầu bị án tử hình. Cứ mỗi một nghị quyết, một chính sách sai lầm của nhà nước đưa ra là có một số người chết và tù tội mà không bao giờ có toà án nào minh oan cho họ. Mới đây nhất, hàng loạt luật sư và những trí thức ưu tú bất đồng chính kiến bị bắt bỏ tù vì lên tiếng đòi tự do, dân chủ. Và mấy tháng nay tin tức về một luật sư trẻ, tài năng, linh hoạt có tâm lòng yêu tổ quốc cũng đã bị bắt khẩn cấp và bị đẩy ra khỏi hoạt động của xã hội. Một luật sư khác vì bệnh vực cho nhà thờ Thái Bình ở ngoài Bắc cũng đã bị sách nhiễu và gán cho tội ngoại tình. Tôi đọc báo Việt Nam trên liên mạng, tôi thấy chính quyền Việt Nam mở cửa hé hé, rồi đóng cửa bắt tù làm nhiều người kẹt tay kẹt chân trong tù. Cai trị một quốc gia mà làm việc tùy hứng, tùy thời và tùy theo tình hình thế giới y hệt thời kỳ chiến tranh. Nhưng tệ nhất là những ai sống trong xã hội Việt Nam đều bọc mình trong một lớp vỏ dây cộm của loài ốc mượn hồn. Tôi đọc hàng trăm tờ báo Việt Nam, và thấy họ lên án những trí thức nghiên cứu, đọc và tham khảo tài liệu nước ngoài. Nổi bật nhất là vụ án luật sư Lê Đình. Ông là một luật sư du

học tại Hoa Kỳ và Pháp. Ông mang những kiến thức Tây Âu vào để khai sáng nền luật pháp tối tăm của Việt Nam. Tại sao tham khảo những tư tưởng tiến bộ lại là phản động? Tại sao nhà cầm quyền cộng sản Hà Nội mở cửa cho sinh viên đi du học lại ngồi xồm trên óc họ để điều khiển. Sự đầu tư tiền của, tim óc của gia đình và bản thân họ có giúp ích được gì cho đất nước Việt Nam tăm tối, u mê? Đây là sự phá sản lớn nhất, tiêu hao nhiều nhất. Nó là sự hoang phí lớn gấp ngàn lần những vụ tham nhũng của chính quyền Việt Nam từ trước đến nay. Bởi sản phẩm trí tuệ vô giá, nó sẽ là cứu cánh cho cả dân tộc Việt Nam được nhìn thấy ánh sáng văn minh nhân loại, giúp cho đất nước giàu mạnh, thịnh vượng mà không cần phải bỏ bằng hai tay và hai chân đi ăn mày Tàu hay bất cứ nước Tây Âu nào. Tôi có cảm giác, nhà cầm quyền cộng sản Hà Nội quen thói ăn mày nên không biết xấu hổ và biết nhục. Nhìn khuôn mặt trẻ trung của vợ luật sư Lê Đình, tôi cảm thấy đau xót. Vì cô là hình ảnh của Lê Châu bạn tôi hơn hai mươi bốn năm về trước. Số phận người miền Nam được lập lại nguyên bản làm tim tôi bồi hồi rỉ máu, thương xót, đau khổ, căm phẫn và tức giận. Bao nhiêu trạng thái đó bỗng phủ chụp trong tim, óc tôi lúc này ngay trong ngôi chùa linh thiêng cổ kính mà tôi thường viếng thăm, thấp hương cầu nguyện. Tôi cầu nguyện đã hơn triệu lần để mong ước đất nước tôi, bạn bè tôi, dân tộc tôi thoát khỏi khổ nạn. Nhưng Phật ở đâu mà dân tộc tôi cứ mãi chìm đắm trong đau khổ, bất hạnh. Tôi nắm chặt hai bàn tay lại. Những cây nhang đang cháy bỗng gãy ngang rơi xuống đất. Lê Châu vỗ nhẹ vào vai tôi:

- Em đang nghĩ gì mà bề nhang gãy vụn hết vậy? Sao mặt em xanh lè như đang giận ai.

Tôi nhìn thẳng vào mắt chị:

- Em đang liên tưởng đến những ngày sắp tới của luật sư Lê Đình và vợ anh ấy. Số phận của họ sẽ là bản sao của chị và anh Thạnh. Em đau xót quá!

- Đất nước này như vậy đó em. Người ta lập lại tất cả những gì cổ xưa nhất để trị dân. Có vậy mới gọi là cộng sản chớ. Thôi mình đi ra sông nhé!

Chiếc xe gắn máy tróc sơn, củ kỹ, già nua của chị gầm lên, phóng lướt trên con đường Thị Xã đầy đặc xe cộ và bụi mù.

* * * *

Dòng sông Sài Gòn nước đang lên đục ngầu màu phù sa. Những đám lục bình to lớn trôi bèo bồng xuôi dòng. Những chuyến đò chở khách sang sông vẫn lừ đừ rời bến. Hai bên bờ người dân buôn bán tấp nập, ghe thuyền đậu dọc theo bờ sông. Chị không dừng lại ở bến Bạch Đằng mà chở tôi xuôi về miệt vườn, nơi có một khoảng sông vắng lặng và yên tĩnh. Chị dựng xe dưới một tàng cây hoa bằng lăng đang nở hoa tím nhạt và đem cái bình hài cốt của anh Thạnh đặt trên chiếc khăn vuông màu hoa cà. Chị lấy nhang ra thấp khẩn vái. Tôi biết chị đang làm gì nên cũng lặng lẽ thấp nhang van vái anh tha thứ vì sự vô tình của tôi. Người chèo đò đưa chúng tôi ra giữa dòng sông. Dòng sông rộng và nước đang lớn. Mặt trời hắt những con nóng gắt, chói chang trên mặt nước lấp lánh ánh bạc. Tôi giúp chị mở một giỏ đầy hoa cúc đủ màu. Chị ngồi trước đầu con thuyền nhỏ, bàn tay chị rải từng đoá hoa xuống lòng sông. Chị mở nắp bình hài cốt và nói thầm

qua tiếng nước nở nghẹn ngào “Em đã thực hiện lời nguyện ước cuối cùng của anh. Bây giờ anh sẽ nằm lại đây dưới dòng sông tuổi thơ. Anh sẽ hoà vào dòng nước, hoà vào phù sa để nuôi dưỡng những mơ ước mà anh ấp ủ trong lòng người dân Việt Nam. Rồi mai đây, em cũng sẽ về với anh. Chúng mình sẽ bơi lội trong dòng nước yêu thương đong đầy những kỷ niệm ngày xưa”.

Bờ vai chị rung lên. Gió sông lao xao, lao xao và nước mắt tôi đã rơi xuống dòng sông lúc nào không hay.

Người chèo đò nhận tiền tôi tặng rồi lặng lẽ bỏ đi. Lệ Châu vẫn còn ngồi dưới gốc cây dừa lửa. Mắt chị đỏ hoe. Tôi im lặng không muốn khuấy động niềm đau người goá phụ nên kiên nhẫn đứng chờ. Chị nhìn ra dòng sông một lúc thật lâu, đôi mắt xa vắng và câu chuyện hơn một phần tư thế kỷ đã hiện về....

.....-Mẹ ơi! Ba về, ba về.

Tiếng reo của bé Tài làm Lệ Châu giật mình. Nàng lau nhanh hai bàn tay vào chiếc khăn treo ở gần bếp và đi nhanh lên nhà. Thanh đang nhắc bổng bé Tài lên khỏi đầu và dụi mặt vào bụng thẳng bé. Nó cười hăng hắc khoái chí nhưng cũng phụng phịu:

-Ba làm con nhột quá.

Thanh ôm bé Tài vào lòng và hôn bé liên tục vào má và trán nó. Lệ Châu đứng nhìn hai cha con đùa nghịch, lòng hạnh phúc, sung sướng. Nàng hỏi chồng:

-Hôm nay thứ ba sao anh về sớm vậy. Bộ công ty cho nghỉ phép hả?

-Nhớ em và con nên về thăm.

Thanh một tay ẵm bé Tài một tay ôm siết vợ vào lòng và hôn nàng. Giọng Thanh nồng nàn:

-Em hơi gầy và mắt em quầng thâm. Em không ngủ phải không?

Lệ Châu nhìn chồng âu yếm:

-Nhớ anh nên không ngủ ngon. Anh à! Anh xin đổi về đây sống gần em nhé! Em và con nhớ anh quá! Một tuần về thăm em có hai ngày rồi đi. Em buồn quá!

Thanh dí ngón tay vào mũi vợ:

-Cái tật nhờn nhẹo không bỏ. Anh mà về đây là vợ chồng con cái đói rã ruột. Lương hàng tháng không đủ anh ăn một tuần, lấy đâu nuôi vợ, nuôi con.

-Em cũng đi làm mà.

Thanh gật đầu và cười lớn:

-Làm giáo viên bây giờ chỉ có ăn phần thôi cô nương.

-Em có thể đi buôn bán lật vặt để có thêm thu nhập.

-Anh không muốn em vất vả. Anh làm ở Sài Gòn thu nhập khá hơn. Khi nào dành dụm được một ít tiền, anh sẽ mua nhà và đưa hai mẹ con em về Sài Gòn sống. Dù sao sống gần mặt trời mà đỡ nóng hơn.

Bữa cơm chiều rộn ràng và vui mỗi khi Thanh về thăm nhà. Lệ Châu đi chợ mua thêm một ít cá lòng tong kho tiêu và mua thêm ít rau thơm, hai cái trứng chiên. Bữa cơm đạm bạc, nghèo nàn nhưng đầy tiếng cười. Những ngày không có Thanh ở nhà, Lệ Châu chỉ nấu bo-bo ăn với muối xã ớt, còn cơm và cá để dành cho con. Nàng sợ những ngày không tiền mua bột ngọt, tiêu, đường, dầu để giúp cho bữa cơm thêm ngon miệng. Cái gì cũng thiếu thốn nhưng hầu như không ai dám kêu ca. Đêm đó, bé Tài không chịu ngủ sớm. Nó xí chỗ nằm và chen vào nằm giữa ba mẹ. Một chân nó gát ba, một chân gát mẹ. Nó hết xoay bên này rồi đổi bên kia để hôn cho được ba mẹ trước khi nó ngủ thiếp đi, đầu gối trên cánh

tay của Thạnh. Đẩy bé Tài sang một bên, Thạnh bắt đầu hôn Lê Châu. Chàng ghi chặt nàng vào lòng thì thầm:

- Bé Tài lớn nhanh như thổi. Anh mong rằng khi nó lớn lên có thể thay anh chăm sóc cho em.

Lê Châu ôm ngang lưng Thạnh hỏi nhỏ:

-Tôi nay anh nói năng thật lạ. Khi yêu em, anh luôn nói rằng anh sẽ đi theo em suốt cả cuộc đời, phải không?

-Anh vẫn mong ước sẽ lo lắng chăm sóc em suốt đời. Nhưng nếu lỡ mai sau anh có bề gì thì ai sẽ lo cho con và em?

Lê Châu nũng nịu dựa đầu vào ngực chồng:

-Sao hôm nay anh nói gì kỳ vậy.

-Nhiều lúc chúng mình mong ước hạnh phúc bên nhau suốt đời nhưng hoàn cảnh nào đó phải xa nhau thì sao?

Lê Châu ngạc nhiên hỏi:

-Sao lại xa nhau. Không ai có thể làm cho vợ chồng mình chia cắt.

Thạnh chợt nhồm đậy. Cả hai nghe tiếng xe hơi đỗ trước sân và nhiều tiếng chân lao xao. Con chó Ky-Ky sủa vang, tiếp theo là tiếng gõ cửa khẩn cấp:

-Mở cửa! Mở cửa mau lên.

Bé Tài thức giấc méo máo khóc. Lê Châu hốt hoảng khoát vội chiếc áo choàng và bước ra mở cửa. Năm người đàn ông mặc sắc phục công an, mặt mày đờ đờ sát khí xuất hiện. Một người thấp lùn, mắt nhỏ hất tay ra lệnh:

-Lục soát trong nhà.

Lê Châu thất kinh hỏi:

-Các ông làm gì mà đêm tối vô nhà tôi lục xét lung tung vậy. Tôi đâu có làm gì sai trái.

Giọng ông ta đanh lại:

-Chồng bà đang trốn ở đây phải không?

Thạnh bước ra và thản nhiên nói:

-Các ông muốn tìm tôi phải không? Tôi đây, các ông muốn bắn muốn giết gì cũng được. Vợ con tôi vô tội.

Lê Châu chết điếng trong lòng. Công an nửa đêm đến đây tìm Thạnh. Anh ơi! Anh đã làm gì nên tội mà người ta đi lùng sục bắt anh. Nếu anh có mệnh hệ nào làm sao em sống nổi. Lê Châu muốn gào lên nhưng tiếng kêu của nàng tắt trong cổ họng. Nàng run rẩy khóc vì sợ hãi, lo lắng bàng hoàng. Thạnh ôm vợ vào lòng và hôn lên má. Anh nói như xin lỗi:

-Em tha lỗi cho anh. Anh đã làm cho mẹ con em đau khổ.

Hai công an đến còng tay anh và dẫn ra xe. Bé Tài hốt hoảng chạy theo gào lên:

-Ba ơi! Ba ơi! Sao người ta bắt ba rồi. Ba về với con đi...

Tiếng gào của nó thảm thiết và vang vọng trong đêm. Từ đó, Lê Châu không bao giờ còn gặp lại chồng. Nàng nhiều lần làm giấy tờ đi thăm nuôi nhưng không được chấp thuận. Công an đã mời nàng lên làm việc và nói cho nàng biết Thạnh đang hoạt động cho một tổ chức phản động ở nước ngoài chống lại chính quyền. Họ dò la xem nàng có biết gì về tổ chức của Thạnh không. Nhưng Lê Châu nói nàng không hay biết gì về chuyện Thạnh làm nên họ chỉ cảnh cáo và khuyên nàng nên làm ăn nuôi con. Một năm sau, Thạnh và bạn bè chàng bị nhà nước đem ra xét xử. Tất cả những người tù còn rất trẻ. Họ chỉ khoảng từ hai mươi lăm đến ba mươi lăm tuổi. Người cầm đầu nhóm đáng cao lớn, trán cao, mắt sáng, anh bị kêu án tử hình. Nhưng anh vẫn bình thản, lạnh lùng nhận tất cả tội về mình và không xin giảm án. Thạnh thoát khỏi án tử hình nhưng chẳng những không cho rằng mình có tội mà còn

lên tiếng tố cáo chính sách hợp tác xã nông nghiệp, chính sách ngăn sông cấm chợ của Lê Duẩn đã đẩy người dân vào cảnh đói rách không có gạo để ăn. Thanh lãnh nguyên bản án hai mươi năm tù giam. Nhiều người dân hiếu kỳ đến xem xử án đã rơi lệ và thương xót. Lê Châu đau buồn khóc nức nở than rằng Thanh không hề nghĩ đến vợ con mà chỉ nghĩ đến lý tưởng mà chàng và bạn bè chàng đeo đuổi. Vài năm sau, chính sách thăm nuôi tù tương đối dễ dàng. Lê Châu dành dụm tiền lương tháng, tiền chơi hội gom lại lặn lội đi thăm chồng đang nhốt ở trại tù ngoài Bắc. Mỗi lần gặp nhau chỉ được một tiếng đồng hồ. Trông chàng đen đui, ốm yếu, tiêu tụy, vớ vàng. Hai con mắt sâu hóm, má hóp như một ông già nhưng tinh thần chàng vẫn vững vàng, tinh táo. Thanh luôn khẳng định với Lê Châu rằng chàng vô tội, chàng có tội chẳng là tội thương dân, thương đất nước, và xin nàng hãy tha thứ vì chàng đã không làm đủ trách nhiệm một người chồng, một người cha. Quà của nàng đem thăm nuôi, chàng đem chia hết cho bạn bè trong tù với tinh thần lá lành đùm lá rách. Mỗi lần đi thăm nuôi trở về, Lê Châu lại khóc vì thương chồng và thương cho con....

....Lê Châu ngừng lại. Chị ngược mắt nhìn những tảng lá dừa đông đưa trong gió rồi chậm rãi tiếp:

-Chị cũng không biết rõ anh hoạt động cho tổ chức nào và vì sao anh lại tin tưởng và tôn thờ tổ chức của anh đến như vậy. Anh luôn khẳng định với chị rằng chế độ cộng sản đã làm những điều xấu xa, tồi tệ nên anh phải chống lại. Đôi lúc chị giận anh và không còn muốn đi thăm nuôi. Với đồng tiền lương chết đói nhưng chị không dám ăn, không dám mặc và ngay cả nuôi bé Tài

chị cũng dè xèn để nuôi anh trong tù, sợ anh chết vì đói, vì lạnh vì thiếu ăn, bệnh tật. Chị mong ước ngày anh trở về. Nhưng tất cả những món quà thăm nuôi chỉ qua ba ngày là hết sạch. Anh đem phân phát cho bạn bè như nhiệm vụ của một người cầm đầu có trách nhiệm. Chị chỉ còn biết khóc.

Tôi ngắt lời chị:

-Anh sống có lý tưởng và có trách nhiệm. Chị đau khổ vì quá yêu anh. Nhưng cuộc đấu tranh nào mà không có hy sinh hờ chị.

Chị nắc lên:

-Nhưng biết bao người sống thờ ơ, biết bao người hưởng thụ, sung sướng hạnh phúc. Họ đâu cần biết ai khổ đau, bất hạnh. Họ sống cho bản thân họ cho vợ con, gia đình của họ. Sao anh phải hy sinh mạng sống, hạnh phúc gia đình của anh? Anh có biết là anh chỉ là một viên sỏi nhỏ nằm dưới dòng sông nước chảy siết không? Anh ngu ngơ tưởng rằng lý tưởng của anh sẽ có hàng triệu người theo. Anh mơ mộng ảo huyền và anh đã hiến dâng đời mình trong nhà tù... Em nhìn xem xã hội này có bao nhiêu người nghĩ như anh. Nếu có nghĩ cũng sống giả dối, sống trơ tráo, lều láo, để yên thân. Tại sao anh không chịu tập sống như vậy? Em có biết ngày anh trở về như thế nào không? Như một xác chết.

Lê Châu lau mắt bằng chiếc khăn tay màu tím và giọng chị lại xa vắng mơ màng....

....Mưa tháng sáu ào vỡ, lá xào xạc trong vườn hoà lẫn tiếng ếch nhái, ễng ương vang lên như một bản hoà tấu về đêm. Lê Châu không thể nào ngủ được, nàng ngồi bó gối trên bộ ván gỗ màu gụ nhìn ra bầu trời đen kịt. Những giọt mưa giá lạnh rơi lộp độp trên mái tôn như gào thét cùng tiếng gió rít. Ngọn đèn dầu hột

vật vàng vọt, leo loét, chao đảo. Nàng đang nghĩ đến Thanh. Gần hai mươi năm rồi, nhiều người tù đã được phóng thích. Một số người trong nhóm anh đã ra tù nhưng họ không dám ghé thăm Lê Châu hay báo tin cho nàng biết. Thanh vẫn không được khoan hồng. Công an nói chàng là một người bướng bỉnh, ngang ngược nhất trong nhóm. Lê Châu cứ nghĩ chàng không còn màng đến vợ con mà chỉ nghĩ đến đồng đội của mình. Một năm nay, Lê Châu không còn muốn đi thăm nuôi chàng. Nàng còn phải lo cho bé Tài ăn học. Đòi nàng đã hết chỉ còn lại một đứa con trai duy nhất, giọt máu cuối cùng của chàng. Nàng muốn dành hết tình thương cho con. Có tiếng gõ cửa nhẹ, sau đó tiếng kêu nho nhỏ:

-Lê Châu em ngủ chưa. Ra mở cửa cho anh.

Lê Châu ngỡ mình nằm mơ khi nghe tiếng Thanh. Nàng lật bật đứng dậy tiến ra cửa và trước mắt nàng là một bộ xương khô đi động ướt sũng nước mưa. Mái tóc bẹp sát da đầu. Má hóp, xương sườn lòi ra dưới làn áo tù rách nát dính chặt vào cơ thể. Trên vai chàng là một cái bao vải đen dơ bẩn. Nàng muốn nhào đến ôm chàng nhưng mùi hôi từ người chàng xông lên nồng nặc khiến nàng lùi lại. Chàng run rẩy nói:

-Anh lạnh và đói lắm.

Lê Châu nắm tay chàng kéo vào trong. Những giọt nước mắt vui mừng tuông trào:

-Người ta thả anh về phải không. Anh vào trong thay quần áo nhanh lên. Sao anh phong phanh tiêu tụy như một xác chết?

Thanh gật đầu, chàng để cái bao đen xuống cái bàn tròn đặt trong góc nhà, và lôi ra một bọc vải màu xám loang lổ được vá lại bằng những miếng vải dơ bẩn, cũ kỹ. Chàng mân mê một lúc rồi thở dài:

-Em à! Cái gói vải này là kỷ vật của một người bạn tù. Em đừng bao giờ mở ra nhen em. Khi nào anh qua đời hãy mang nó trao cho người thân của người quá cố - Nói đến đây, Thanh chùi nước mắt - Anh đã mắc nợ em và mắc nợ một người mà không biết đến bao giờ mới trả. Anh chỉ cầu xin linh hồn nàng được yên ổn và nàng tha thứ cho anh. Giờ anh chỉ còn lại em và con. Anh muốn sống để trở về chăm sóc cho em và con lần sau cùng.

Lê Châu vừa khóc vừa nói:

-Em sẽ làm theo lời anh. Anh à! Nhà không còn gì để ăn. Em nấu mì cho anh ăn tạm nhen.

Bữa ăn đầu tiên của Thanh là ba gói mì. Chàng ăn nhanh và ngon lành như chưa bao giờ được ăn. Lê Châu sợ chồng bị bội thực nên thỉnh thoảng nhắc nhở. Nàng nấu một nồi nước nóng và pha nước cho Thanh tắm. Nàng đem hết sà bông trong nhà ra để cố gắng tẩy tất cả mùi ao tù và ô uế của nhà tù đang bám chặt vào da thịt Thanh. Người chàng đầy ghê lở, mụn nhọt và những vết bầm tím thâm đen. Tóc chàng đã bạc trắng và chỉ còn lưa thưa vài sợi. Nàng vừa cọ lưng, xức thuốc cho chồng mà nước mắt cứ rơi lã chã:

-Anh có đau lắm không. Em không nghĩ rằng anh sẽ trở về với em. Anh đừng giận em vì một năm nay em không thăm nuôi anh, nhà không còn tiền. Em còn phải lo cho thằng Tài ăn học.

Thanh nói như tạ lỗi:

-Em tha lỗi cho anh. Anh đã làm khổ em.

Từ khi ra tù, Thanh trở nên tự lự ít nói. Chàng vẫn còn chế độ quản thúc ba năm nên không được đi đâu xa. Mỗi lần về Sài Gòn hay đi xa phải xin giấy phép. Chàng không còn linh hoạt vui nhộn như xưa.

Thanh chỉ quanh quẩn trong nhà, giúp Lê Châu làm vườn và trồng thêm khoai sắn. Những năm trong tù, Thanh đã quen đói lạnh nên chàng không dám kêu ca về cuộc sống quá thanh đạm của gia đình. Lê Châu nhiều đêm thức giấc thấy chàng ngồi một mình bên thềm nhìn trăng. Đôi mắt chàng gởi vào cõi mệnh mông nào đó của đất trời. Chàng không còn là Thanh của ngày xưa. Tâm tư chàng chất chứa bao suy tư về số phận con người. Một đêm khuya, ánh trăng sáng vàng vạc trong vườn. Thanh trở dậy bước chầm chậm ra vườn. Tầng lá dừa, cau lao xao đong đưa trong gió. Chàng đã trở về từ cõi chết. Chàng muốn đền bù cho vợ con những ngày thiếu vắng chàng. Nhưng sức lực của chàng đã không còn. Những năm tháng tù đầy đã vắt kiệt tuổi xuân của chàng. Chàng trở về thân tàn, ma dại và xác xơ như một xác chết. Không tiền bạc không công ăn việc làm mà sống bám vào áo vợ. Chàng cảm thấy chua xót và tự hỏi những gì chàng làm có đúng không? Hình như những gì chàng làm không gây được một tác động nào đối với guồng máy khổng lồ của chính quyền Hà Nội. Họ sẵn sàng nghiền nát tất cả những ai nhìn thấy những sai lầm và tội ác của họ. Nghe tiếng chân, Thanh biết Lê Châu đang đến gần, chàng dừng lại hỏi:

-Em vẫn chưa ngủ sao? Anh không ngủ được nên ra đây nhìn trăng. Trăng không bao giờ thay đổi, trăng vẫn sáng, đẹp và thơ mộng như ngày hai chúng mình bắt đầu yêu nhau. Em và anh mơ ước nhiều về hạnh phúc. Nhưng thực tế không như vậy. Chúng mình không tìm được chốn bình yên.

Lê Châu xót xa nhìn chàng và an ủi:

-Anh à! Anh đừng có buồn và suy nghĩ nữa có được không? Anh không còn biết

vui khi sống cạnh em và con. Anh không thương mẹ con em nữa phải không?

-Sao em nói vậy. Những ngày trong tù, anh luôn mơ ước được sống bên em và con. Nhưng anh cảm thấy mình thật vô dụng. Anh không giúp được gì và lại trở thành gánh nặng cho em.

-Có anh bên cạnh là em vui rồi. Anh đừng lo lắng rồi tự làm khổ mình. Vợ chồng mình hằm hức có nhau. Một đời người rồi cũng đi qua.

-Anh không biết rồi đây con trai mình có tìm được tương lai, hạnh phúc không hay nó cũng quanh quẩn với đời sống chật hẹp như cuộc đời em và anh.

Lê Châu không thể trả lời được những câu hỏi của chồng. Nàng đã ném trải nhiều đau thương khi chồng bị ở tù. Con nàng lớn lên cũng không hiểu vì sao cha nó bị nhà nước bắt ở tù gần cả một đời son trẻ. Tuổi thơ của con nàng là những ngày buồn bã, thiếu cơm ăn áo mặc, thiếu sự chăm sóc của cha. Khi Thanh trở về, Tài đã trở thành một thanh niên. Nó chịu nhiều thua thiệt khi lý lịch không được trong sạch như con của những người dân bình thường khác....

...Lê Châu chợt đứng lên. Chị nhìn đồng hồ đeo tay và hấp tấp nói:

-Chết rồi, chút nữa chị quên. Chị còn phải đi gặp một người. Minh đi thôi kẻo trễ.

Tôi gật đầu:

-Trời nóng quá, em cũng khát nước lắm rồi.

* * * *

Lê Châu nỏ máy. Chiếc xe cà tàng của chị lăn bánh và chạy trên con đường nhỏ dọc theo bờ sông. Chị hỏi thăm dân làng và tìm đến một căn nhà ngói cổ kính có hàng

rào hoa dâm bụt, chị chạy thẳng vô và dựng xe trước cửa. Chị vào trong, còn tôi thơ thẩn đi vòng vòng trong vườn. Những hàng cây chôm chôm, măng cục đã khô quắc queo và trụi lá. Một số đang từ từ vàng lá và không còn trổ hoa. Khu vườn này ngày xưa nổi tiếng xanh mát đầy quả ngọt trĩu cành nay trông xơ xác tiêu điều. Lệ Châu bước lên thềm. Con chó nhỏ màu vàng sậm chạy theo vẫy đuôi mừng rỡ. Một người đàn bà trạc bảy mươi, lưng cong, búi tóc củ tỏi, miệng móm mém nhai trầu từ trong nhà chậm rãi bước ra hỏi:

-Hai cô tìm ai?

Lệ Châu run run trả lời:

-Thưa bà, có phải bà là bà Bảy Sầu Riêng không?

-Tôi đây. Cô tìm tôi có chuyện gì không? Thôi vào nhà chơi đi.

Bà Bảy mời chúng tôi ngồi trên phản gỗ. Lệ Châu bắt đầu kể lễ:

-Chồng cháu tên là Tư Thạnh, con bà Giáo ở làng này. Chồng cháu đã qua đời cách đây một năm. Anh muốn cháu đến thăm bà.

Bà Bảy chung hứng đập tay lên đùi cái đét và la lên:

-Trời đất, thằng Tư Thạnh chết rồi sao? Sao cháu không cho bà biết sớm. Nó bệnh gì?

-Chuyện dài lắm. Cháu sẽ kể cho bà nghe. Anh chết cho nhẹ tấm thân. Sống mà đau khổ, bệnh tật triền miên có ích gì.

Những giọt lệ ứa ra từ hốc mắt sâu hoắm cả chảy dài trên đôi má nhăn nheo của bà. Bà Bảy lấy vạt áo lau mắt, giọng bà rầu rầu:

-Nó là một đứa trẻ ngoan hiền và tốt bụng. Khi ba má nó đi vùng kinh tế mới và bị mìn nổ chết. Nó bỏ làng ra đi không bao giờ trở lại. Nhà cửa, tài sản cũng không

còn. Sau đó, nghe nói nó dạy học, có vợ con. Bà vẫn cầu nguyện cho nó hạnh phúc. Có ngờ đâu nó chết sớm như vậy.

Lệ Châu nắm bàn tay bà Bảy và ân cần nói:

-Tại phần số của anh đến đó là hết rồi.

Bà Bảy hậm hực:

-Phần số gì con. Bọn lưu manh, côn đồ, răng đen mã tấu nó tràn vô Nam vợ vét, cướp bóc, gây biết bao tội ác. Bọn nó đâu có tha cho ai, đâu chừa một thứ gì. Cháu nhìn xem. Hàng trăm mẫu đất, ruộng của bà đã vô hợp tác xã. Rồi bây giờ mảnh đất trồng rau cải phía sau cũng bị quy hoạch. Còn vườn cây ăn trái thì tàn lụi hết. Bà già rồi chết nay sống mai. Bà đâu có cần cái gì nữa. Bà thí cô hồn... trời tru đất diệt chúng nó cho xem...

Tôi chỉ mấy hàng cây trong vườn hỏi:

-Khu này ngày xưa nổi tiếng cây trái quanh năm, bây giờ sao xơ xác vậy bà?

Bà Bảy thờ ra:

-Nhà nước đô thị hóa nông thôn. Vườn cây thu hẹp, nhà máy mở rộng nhưng không chú ý đến sông rạch, ao hồ. Ứ hự! Dòng sông này ô nhiễm nặng, nước thấm vào đất và cây cối không thể đâm chồi nảy lộc nên chết hết. Hai mảnh vườn của bà hàng loạt cây sầu riêng khô héo, rồi măng cụt không còn ra hoa. Chôm chôm có hoa nhưng không kết quả. Bây giờ không còn giống như xưa đâu con. Ồ, hai đứa ngồi đây bà đi hái dừa vô uống.

Bà ra sau nhà gọi bày trẻ hàng xóm leo dừa và chặt ra lấy nước đãi khách. Ly nước dừa ngọt lịm, mát rượi làm cho cả hai cảm thấy dễ chịu. Bà Bảy cầm cây quạt giấy, quạt phành phạch và hỏi:

-Thằng Thạnh có kể chuyện về bác cho cháu nghe hả?

Lệ Châu gật đầu đáp:

-Có thưa bà. Anh có để lại cho con một lá thư nhờ chuyển cho bà. Những ngày anh sắp ra đi, anh mới kể chuyện cho con nghe về cô Út Trang...

Bà Bảy sững sờ hỏi:

-Con Út Trang có liên quan gì đến thằng Thạnh. Nó đã vượt biên sang Hoa Kỳ lâu lắm rồi nhưng không biết sao bà không nhận được tin gì của nó. Bà khóc cạn hết nước mắt vì thương nhớ nó. Cháu kể cho bà nghe đi.

Lệ Châu ứa nước mắt và bắt đầu kể lễ...

...Những ngày bị bệnh nặng, tóc Thạnh rụng gần hết như lúc chàng tù trong tù trở về. Thạnh muốn Lệ Châu cạo đầu cho chàng và đọc kinh Phật cho chàng nghe. Thạnh không ngủ được ban đêm. Chàng rên rỉ và mong cho cái chết đến sớm hơn. Sự đau đớn về thể xác đã làm cho chàng rã rời. Đêm ba mươi, nửa đêm nghe ba phát súng giao thừa nổ, Thạnh đang nằm thiêm thiếp bỗng chàng mở mắt nhìn quanh. Lệ Châu đến bên dịu dàng hỏi:

-Minh à! Anh có thấy khoẻ được chút nào không?

Thạnh nắm tay nàng:

-Con mình đâu em? Thằng Tài đâu rồi?

Tài về nhà đã hơn một tuần. Tài làm thợ xây nhà cho một nhà thầu tư nhân. Tài di chuyển hết nơi này đến nơi khác và lương chỉ đủ ngày hai bữa không giúp được gì cho mẹ. Lệ Châu mong con về nhà gần gia đình. Nhưng thời buổi khó khăn tìm việc làm không dễ dàng. Biết ba bệnh chỉ còn biết khóc thầm và nguyện cầu cho ba mau khỏe mạnh. Lệ Châu luôn động viên và nói rằng ba bệnh vài hôm sẽ khỏi, ngờ đâu ba sẽ vĩnh viễn ra đi. Tài đến bên giường khóc ròng:

-Ba ơi! Tài đây ba, con đâu ngờ ba bệnh nặng đến như vậy. Ba đi khi con còn nhỏ. Ba về con đã lớn khôn. Con không biết tại sao ba má lại khổ và con cũng khổ lây. Rồi ba trở về. Con tưởng ba sẽ hạnh phúc với má và con. Ai ngờ ba bệnh tật và bây giờ ba lại bỏ con mà đi.

Thạnh chớp chớp đôi mắt, những dòng lệ khô héo chảy xuống gối. Chàng nói với con như lời xin lỗi:

-Những gì ba làm ba không ân hận. Con à! Phải có người hy sinh để bao người được sống. Ba chọn sự hy sinh. Ba chỉ ân hận là mình không tạo được hạnh phúc cho mẹ và con. Con trai của ba, con đã khôn lớn nên người. Ba mãi nguyện lắng rồi. Ba chỉ mong con trở thành một người có ích cho xã hội, cho con người. Hãy chăm sóc cho mẹ.

Bàn tay Thạnh lỏng dần, hơi thở chàng đứt quãng. Mặt chàng cau lại lộ vẻ đau đớn. Chàng cố gắng gọi Lệ Châu đến gần và chỉ cái bọc vải trên bàn thờ:

-Lệ Châu à! Anh chưa bao giờ nói cho em biết về một người phụ nữ anh gặp trong suốt thời gian anh ở tù. Anh cũng không tiết lộ cho ai biết về thân thế của nàng. Giờ anh sắp ra đi. Anh muốn kể cho em nghe một câu chuyện buồn. Trước khi anh cưới em, có một người con gái cùng xóm yêu anh. Gia đình anh và gia đình nàng rất thân nhau. Anh xem nàng như một đứa em gái. Nhưng nàng lại yêu anh. Khi hay tin anh cưới em, nàng khóc âm thầm và chuẩn bị một chuyến vượt biên. Nàng ra đi và đã định cư tại Hoa Kỳ. Khi hay tin anh bị bắt nàng đã tìm cách trở về, tìm cách liên lạc và cung cấp tiền bạc nuôi sống các anh. Nàng đã bị bắt. Mãi sau này, anh mới biết người mang bí danh "Hoa Mười Giờ" chính là cô ấy. Trại giam cô ấy và anh gần

nhau nhưng chưa bao giờ trao đổi với nhau. Một ngày nọ, do dầm mưa nhiều ngày lao động, cô ấy bệnh và gục chết trên một gò đất khô cằn. Người bạn tù cùng phòng đã trao cho anh gói vải này và nhờ anh trao lại cho mẹ cô ấy- Nhưng lại một chút để thờ, Thanh tiếp tục nói – Em có biết cô gái đó là ai không? Cô ấy là Út Trang, con gái út của bà Bảy Sầu Riêng. Người mà thỉnh thoảng anh hay kể cho em nghe. Cô ấy chết vì anh. Làm sao anh dám gặp bà Bảy hờ em. Bà luôn hy vọng cô Út sống hạnh phúc, giàu sang nơi phương trời xa lạ. Nào ngờ...Anh không đủ can đảm làm theo những gì cô ấy nhắn gởi. Hãy thay anh thăm nom chăm sóc cho bà.

Gần sáng Thanh tắt thở....

...Bà Bảy gục xuống đất khóc không thành tiếng. Tôi và Lê Châu nâng bà dậy đặt bà nằm trên phản gỗ.

Lê Châu vừa khóc vừa xin lỗi:

-Con và anh Thanh xin lỗi bà.

Lê Châu lấy trong xách tay ra một gói vải cũ rách cột bốn góc vuông có nhiều miếng vá. Bà Bảy tháo miếng vải ra và tay bà run lên khi thấy một cái áo ngắn tay bà tự tay may cho Út Trang, một cái quần lãnh đen ngày Trang mặc khi đi vượt biên, và mười lá thư viết bằng bút chì trên những tờ giấy nhàu nát. Hàng chữ của Trang nghiêng nghiêng. Hai mươi sáu năm ngồi chờ con trở về và giờ đây bà chỉ nhận được những vật kỷ niệm này và những lá thư tuyệt mệnh. Bà Bảy khóc lóc như muốn ngắt xū:

-Con gái cưng của mẹ đã chết trong tù rồi sao? Mẹ nghĩ con đang sống đâu đó đây hạnh phúc rồi quên mẹ. Ai ngờ con đã bỏ mẹ ra đi. Sao bao nhiêu năm con không báo tin cho mẹ biết. Con ơi!

Tôi ngồi chứng kiến hai người đàn bà ôm nhau khóc. Một mái đầu tóc hầy còn xanh và một mái tóc đã bạc phơ. Họ ở hai thế hệ khác nhau, nhưng niềm đau khổ giống nhau. Họ kể nhau nghe chuyện chiến tranh, chuyện đời xưa, chuyện xóm làng tan nát. Tôi tự hỏi đến bao giờ đất nước tôi mới thật sự hoà bình? Hoà bình nhưng sao nước mắt vẫn rơi, máu vẫn tiếp tục chảy, hận thù vẫn chưa chấm dứt. Hoà Bình ơi! Hoà bình làm gì để bao người vỡ mộng, để tôi, bạn và hàng triệu người phải lưu lạc khắp địa cầu tìm con đường sinh lộ.

Trời đã về chiều. Gió làm xao động ngàn lá. Nắng thoi thóp bên kia sông. Mặt nước lăn tăn gợn sóng. Những con thuyền chao nghiêng trên dòng sông. Hai mái đầu già trẻ vẫn kề cận bên nhau. Họ chia sẻ với nhau những nỗi sầu nhân thế.

Còn tôi, ngày mai tôi sẽ lên đường trở lại Hoa Kỳ, tôi vẫn lang thang trên xứ lạ quê người. Tôi tự hỏi quê hương tôi là Việt Nam hay quê hương tôi là đất nước tạm dung? Sao đã bao năm trôi qua rồi tôi vẫn không mơ ước trở về sống trên đất mẹ? Tôi vẫn là đứa con ghè bị bỏ quên bên lề xã hội Việt Nam. Còn quê hương nữa đâu để mà về, để yêu thương, để tìm lại một chút bình yên, để được sống, được thờ như một con chim lạc đàn đang mơ ước tìm lại cội nguồn và tổ ấm.

Nhiều lần tôi an ủi và nhủ thầm “hãy quên đi...” nhưng lòng tôi làm sao có thể quên... Quê hương tôi vẫn mờ mịt trong những dòng nước mắt.

Phong Thu (Virginia)

Những ngày cuối tháng 8 năm 2009

TIỄN NGƯỜI ĐI

(Kính tặng Nhạc sĩ Lão Thành Nguyễn Túc,
Con chim đầu đàn Văn Nghệ thủ đô Hoa Thịnh Đốn)

Chiều Xuân nắng đẹp tuyệt vời!
Anh em hội tụ góp lời tiễn đưa...
Nói sao cạn ý, cho vừa!
"Tiễn Người Đi"... cũng thấy chưa muộn
màng.

Nghĩa tình văn nghệ vương mang
Chúc nhau, đưa tiễn... lòng càng nhói đau!
Anh về xứ lạ, nơi nào?

Bỏ anh em lại – làm sao cho đành?

Ngày nào tóc hãy còn xanh,
Mà nay tóc trắng, bạc quanh mái đầu!
Anh đi đâu? Anh về đâu?

Sao không ở lại cùng nhau chuyện trò?

Nơi đây còn những hẹn hò
Về bên xứ ấy – thầy trò cách xa!

Đi-Xi (DC) tình nghĩa đậm đà,
Văn chương, âm nhạc... thật là vui thay!

Ở đây ba thập niên dài,
Mọi người đều mến, ai ai cũng tình...

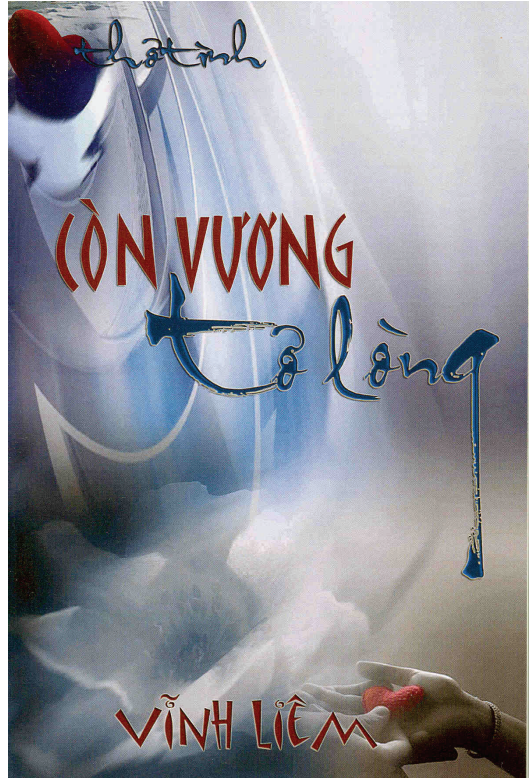
Về nơi xứ lạ một mình,
Buồn vui ai tỏ, bất bình ai hay!

• • •

Tiễn anh, xin cạn ly đầy...
Nhớ nhau, xin nhớ những ngày gần nhau.
Chúc anh quên hết buồn đau,
Cuộc đời tị nạn, nổi sầu vương mang.
Chúc anh thượng lộ bình an!

(Đức Phố, 7-6-2009)

VĨNH LIÊM



CÒN VƯƠNG TƠ LÒNG Thơ

Ấn phí: \$15.95.

Liên lạc tác giả:
vinhliem9@aol.com
<http://wvinhliem.tripod.com>

VĨNH LIÊM
1 Applegrath Court
Germantown, MD 20876-5613
(USA)

Nhạc sỹ lão thành Nguyễn Túc không còn nữa (1923 – 2009)

Nhạc sỹ Nguyễn Túc của thời tiền chiến đã vĩnh viễn ra đi vào sáng ngày mồng 3 tháng 7 năm 2009 tại Arlington, Virginia, thọ 87 tuổi.

Nguyên do đưa đến sự ra đi đột ngột của Nhạc sỹ Nguyễn Túc đã làm cho nhiều người sửng sò mặc dù ông mới thoát khỏi cơn biến mạch máu não vài tháng trước.

Theo vài thân hữu ở gần nơi cư ngụ của Nhạc sỹ Nguyễn Túc thì trước 7 giờ sáng, họ còn nói chuyện với ông và không thấy ông có triệu chứng gì đáng quan tâm.

Cũng chỉ một ngày trước đó, Nhạc sỹ Túc còn đi ăn sáng và nói chuyện vui vẻ với một số bạn văn nghệ đến thăm.

Trước ngày ông ra đi số Văn nghệ sỹ ở vùng Thủ đô Hoa Thịnh Đốn đã thay nhau đến thăm để chào tiễn chân ông vì Nhạc sỹ Nguyễn Túc đang thu xếp hành trang để lên đường về cư ngụ vĩnh viễn với các con cháu ở Tiểu bang Oklahoma.

Theo Bản Tiểu sử chính thức do ông để lại thì Nhạc sỹ Nguyễn Túc sinh năm 1923 tại Hà Nội, bạn cùng Phố Hàng Gai

với hai Nhạc sỹ nổi tiếng khác là Dương Thiệu Tước và Thẩm Óanh.

Ông biết chơi nhạc từ năm 14 tuổi, thời của Tino Rossi, ca sỹ thần tượng của dân Hà Nội. Ông tự học nhạc theo sách và nghe nhạc, bắt đầu bằng cuốn Solfège Danhauser và Mandoline.

Về đường học vấn thì từ năm 1937 đến năm 1942, ông là Sinh viên trường Bưởi, Hà Nội. Đến năm 1948, ông gia nhập Ban Quân nhạc Đệ Tam Quân khu, Hà Nội cùng với các Nhạc sỹ Hoàng Trọng, Nguyễn Cầu, Tạ Toàn, Đan Thọ, Nguyễn Khắc Cung, Văn Phụng, Nhật Bằng, Tụ Khuê, Thanh Hùng.

Sau khi di cư vào miền Nam, ông đã cùng với Ban Quân Nhạc đóng tại Nha Trang, trước khi chuyển vào Sài Gòn làm việc tại Bộ Quốc

Phòng.

Ông được tuyển qua làm việc trong ngành Ngoại giao và đã từng phục vụ tại hai Tòa Đại sứ Việt Nam Cộng hòa tại Paris và Hoa Thịnh Đốn từ 1962 đến 1973.

Về sự nghiệp Âm Nhạc, Nhạc sỹ Nguyễn Túc tốt nghiệp Conservatoire International de Musique de Paris năm 1965. Nhưng ông lại là người Nhạc sỹ rất khiêm



tôn và thích làm việc âm thầm để vui chơi với bạn bè văn nghệ hơn muốn nổi tiếng.

Ông đã cùng sáng tác chung với Nhạc sỹ Tạ Tấn trong Nhạc phẩm nổi tiếng *Bên Sông Vắng* từ năm 1944, và sau đó cùng với Hoàng Trọng cho ra đời Nhạc phẩm *Phút Chia Ly* năm 1948.

Cũng trong khoảng thời gian này, ông được coi là “người đầu đàn” trong một số Ban Nhạc làm việc thường xuyên cho một số Phòng Trà-Ca Nhạc và Trình diễn âm nhạc tại Thủ đô Hà Nội.

Ngoài ra “người dân Hà Nội cũ”, cũng không thể nào quên được Tiêm đàn Lutherie Nguyễn Túc, một thời nổi tiếng là nơi quy tụ của các “tay chơi nhạc Thành đô” trước năm 1954.

Ông đã có trên 200 Bản Nhạc sáng tác riêng hay chung với một số Nhạc sỹ nổi tiếng khác, nhưng số Bản Nhạc ông muốn in để phổ biến cho đại chúng lại không nhiều nên tên tuổi của ông trong lĩnh vực âm nhạc không được nhiều người biết đến như những Nhạc sỹ vào nghề sau ông.

Ngoài việc sáng tác và chơi nhạc, Nhạc sỹ Nguyễn Túc còn mở trường dạy

Hạ Uy Cầm tại Hà Nội năm 1944 cùng với Tạ Tấn, Thiện Tư, Hoàng Giác, Đỗ Liên. Ông cũng là người đã dạy Ký Âm cho nhiều Nhạc sỹ trong Ban Quân Nhạc Quân Khu 3 và hòa âm cho nhiều Ca Sỹ đầu thanh.

Từ năm 1975 cho đến ngày ông qua đời, Nhạc sỹ Nguyễn Túc vẫn sáng tác và hòa âm và dạy ca, dạy đàn cho nhiều người trong vùng Thủ đô Hoa Thịnh Đốn. Ông còn lập ra “Club du Jeudi”, hay Câu Lạc Bộ Ngày Thứ Năm để vào ngày này trong tuần, anh em văn nghệ vùng Hoa Thịnh Đốn đến nhà ông họp mặt, chơi đàn, ca hát, hòa âm và còn được ông nấu Phở cho ăn “miễn phí”.

Khi còn sinh tiền, hai Nhạc sỹ Văn Phụng, Nhật Bằng và Nhà Thơ Vương Đức Lệ là những người có mặt thường xuyên, vì mọi người đến với Nhạc sỹ đều muốn nói với nhau :*“Chỉ đến Apartement Nguyễn Túc mới thấy có không khí Văn nghệ của Sài Gòn ngày xưa!”*.

Để nhớ ơn người Nhạc sỹ suốt đời tận tụy phục vụ nền âm nhạc Việt Nam, đã có trên 400 người đến dự Buổi Ca Nhạc



Nhạc sỹ Nguyễn Túc tham dự Đêm Văn Nghệ Kỷ Niệm 14 Năm Sinh Hoạt Cỏ Thơm
04/05/2009 tại Falls Church, Virginia.

mang tên “Tiễn Người Đi” do các thân hữu của Nhạc sỹ tổ chức vào ngày 7/6/2009 tại Nhà hàng Thần Tài, Falls Church, Virginia.

Nhiều sáng tác của Nhạc sỹ Nguyễn Túc đã được trình diễn trong buổi hội ngộ cảm động này. CD “Bâng Khuâng” với

14 sáng tác trữ tình, nhớ quê hương của ông đã được khán gia nồng nhiệt đón nhận như một kỷ vật vì mọi người đều biết không còn bao lâu nữa, Nhạc sỹ Nguyễn Túc sẽ bỏ vùng Thủ đô để “di cư” đến Tiểu bang Oklahoma an dưỡng tuổi già



bên con, cháu.

Nhưng không ngờ buổi họp mặt vui nhiều, ngậm ngùi ít ấy lại là cuộc chia tay vĩnh viễn giữa Nhạc sỹ Nguyễn Túc với các thân hữu, bạn bè và những người yêu nhạc ông trong vùng Hoa Thịnh Đốn.

Vĩnh biệt Anh Nguyễn Túc, người Nhạc sỹ đã sống trọn vẹn với mọi người.

Phạm Trần
(Virginia 07/09)

Buddy Photo

Fully Digital Photofinishing Lab

7238 Arlington Blvd. Falls Church, Va 22042

703-698-9595

Rửa hình trong vòng 1 giờ (từ phim hay digital files)

- Phóng hình lớn - Chụp hình passport, thẻ xanh

- In photo business card - In hình từ phim slide v.v...

**Wedding Photography &
Video Production**

Xin gọi: Khánh Trần hay Hiếu Nguyễn

703-698-9595

571-278-0771

Trong Ngày Vinh Danh Nhạc Sĩ Nguyễn Túc 7 tháng 6, 2009



Nguyễn Thị Ngọc Dung đại diện Cơ Sở Cỏ
Thơm tặng plaque vinh danh Nhạc Sĩ
Nguyễn Túc.



Nhà văn Trương Anh Thụy, Chủ Nhật Anh,
nhà thơ Ngô Minh Hằng, và nữ sĩ Vi Khuê.



Nhà văn Phạm Văn Tuấn và phu nhân;
TS Nguyễn Huy Long và nữ sĩ Trương Anh Thụy



Phu nhân nhà văn Phạm Văn Tuấn, nhà thơ Vi Khuê, nhà văn Nguyễn Thị Ngọc Dung,
nhà văn Trương Anh Thụy, bà Vũ Tường Huệ (phu nhân Cố Nhạc sĩ Nhật Bằng)



50 NĂM VĂN HỌC NGHỆ THUẬT VŨ HỐI

Chủ Nhật 2 tháng 8, 2009



Ban tổ chức: Phan Anh Dũng, Tâm Hảo, Vũ Hối, Phan Khâm, Lê Tống Mộng Hoa,
MC Thu ân, MC Đào Hiếu Thảo.



Gia đình Vũ Hối



Nghệ sĩ nữ - Từ trái: Thái Hà, Kiều Nga, Kim Oanh, Thái Phượng, Christina Nguyễn, Vũ Hối, Mỹ Lan, Tâm Hảo, Hoàng Dung.



Nghệ sĩ nam- Từ trái: Phan Anh Dũng, Phạm Dương Hiến (vĩ cầm), Vũ Á Mỹ, Đào Công Minh (sáo), Trần Thạch (keyboard), Hoàng Tiếp, Vũ Hối, Đinh Minh Tiến (âm thanh, saxo), Thanh Hà (sáo), Hoàng Tường.



Trưởng ban tổ chức Phan Anh Dũng – Diễn giả Hải Bằng Hoàng Dân Bình –
Ca sĩ Hoàng Tiếp, nhạc sĩ Phạm Dương Hiển.



Vũ Hối và bức thư họa – Vũ Hối nhận plaque kỷ niệm của Cơ Sở Cỏ Thơm do Nguyễn
Thị Ngọc Dung trao tặng.



Tâm Hảo và Phạm Dương Hiển



Mỹ Lan và Anh Chí.



PHÒNG MẠCH BÁC SĨ VÕ ĐẠM



**591 University Blvd. East
Silver Spring, Md 20901**

**Nay đã được trang bị máy móc tối tân
để điều trị các chấn thương do
TAI NẠN LƯU THÔNG**

**Đ.T. (301) 434-4943
Cell Phone (24/24): (240) 422-3454**

TÁC PHẨM CỦA CUNG THỊ LAN

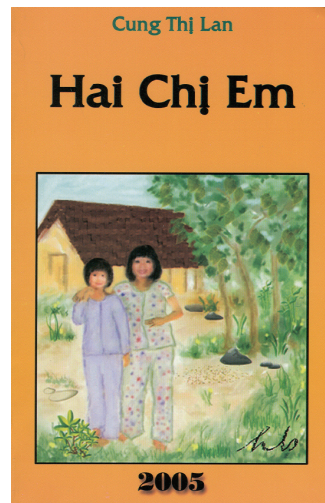
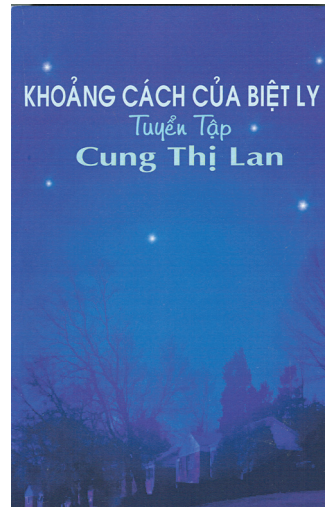
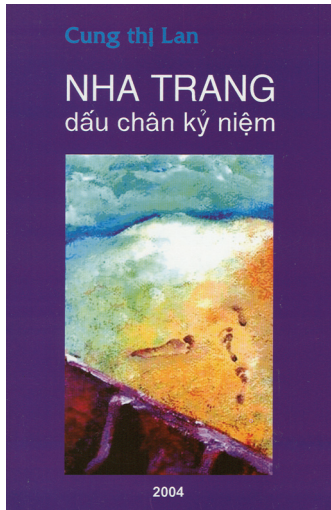
Liên Lạc:

Phạm Quang Hiệp

1604 Windham Lane

Siver Spring, MD 20902

Email: <hpham111@yahoo.com>



MÓN ĂN THEO BƯỚC DI TẢN



tập sách viết chung nhiều tác giả

Tạp truyện **MÓN ĂN THEO BƯỚC DI TẢN** do Dư Thị Diễm Buồn và Hồ Trường An chủ trương và viết chung với: Tiểu Thu, Nguyễn Thị Ngọc Dung, Thái Quốc Mưu, Phong Thu, Phan Nguyễn Ngọc An, Duy An Đông, Hoa Hường Dương, Tôn Nữ Mặc Giao, Lê Nguyễn, Cao Thanh Tâm, Vũ Nam.

Muốn có sách xin liên lạc với:

Dư Thị Diễm Buồn
1959 Tres Picos Dr.
Yuba City, CA 95993 – USA
<dtdbuon@hotmail.com>

Nguyễn Thị Ngọc Dung
11623 Chapel Cross Way
Reston, VA 20194
<dsenser@yahoo.com>



7260 Arlington blvd., (Route 50) Falls Church, VA 22042; Tel. 703-573-6000

- Nhà Hàng Trung Hoa lịch sự, sang trọng và rộng lớn vào bậc nhất trong vùng.
- 600 chỗ ngồi dành cho tiệc cưới, hỏi. Sân nhảy đẹp, rộng rãi.
- Nhà hàng đã dành ra một ngân khoản lớn để có được một dàn đầu bếp thượng thặng phục vụ quý khách.
- Thức ăn trứ danh, hợp khẩu vị người Việt.
- Ngoài ra còn có Lunch và Dinner Buffet cả 7 ngày trong tuần.
- Mời quý khách ghé qua để thưởng thức và chứng kiến về những thay đổi đặc biệt của chúng tôi.
- Quý vị cần đặt tiệc cưới, xin vui lòng liên lạc với Ban Quản Lý Nhà Hàng Harvest Moon càng sớm càng tốt.
- Hiện giờ chúng tôi đã nhận tiệc cưới cho năm 2010 & 2011.

Super buffet mỗi ngày:

- Lunch: \$7.95
- Dinner: \$9.95

Mở cửa 7 ngày trong tuần

- Sun - Thur: 11:30 - 10:00pm
- Fri - Sat: 11:30 - 11:00pm

TRÂN TRỌNG KÍNH MỜI

THƯ MỜI THAM GIA TAM CÁ NGUYỆT SAN CỎ THƠM

Xin mời quý vị tác giả, độc giả và thân hữu tham gia TAM CÁ NGUYỆT SAN CỎ THƠM, một tạp chí văn học, nghệ thuật và biên khảo. Niên liễm gia nhập Tạp Chí Cỏ Thơm là \$50 Mỹ kim. Số tiền này để trang trải chi phí in ấn và cước phí.

- _ Mỗi năm quý vị sẽ nhận được 4 số Cỏ Thơm gửi đến tận nhà bằng Media Mail.
- _ Nếu bài viết được chọn đăng, tòa soạn sẽ gửi tặng thêm 1 tập báo nữa tổng cộng là 2 tập cho mỗi số). Khi phát hành số báo kế tiếp (ba tháng sau), bài đã được đăng sẽ đưa lên Website của Cỏ Thơm:
(www.cothommagazine.com) để mở rộng cho nhiều người đọc.
- _ Hội viên sẽ được giúp đỡ kỹ thuật khi muốn in tác phẩm.
- _ Hội viên mua sách do Cỏ Thơm ấn hành với giá 40% + cước phí bưu điện.
- _ Hội viên phải tôn trọng chủ trương của Cỏ Thơm Foundation:
 - . Tạp Chí Cỏ Thơm duy trì và phát huy nền văn hóa dân tộc tại hải ngoại, mọi tranh luận không có tính cách văn học đều không được chấp nhận.
 - . Website Cỏ Thơm không được sử dụng như một hộp thư để trao đổi thư tín.

Xin mời ghi phiếu tham gia dưới đây.

Thay mặt Ban Quản Trị Tạp Chí Cỏ Thơm
Nguyễn Thị Ngọc Dung
11623 Chapel Cross Way
Reston, VA 20194, USA
(703) 471-1271, <dsenser@yahoo.com>, <www.cothommagazine.com>.



PHIẾU THAM GIA TAM CÁ NGUYỆT SAN CỎ THƠM

Tên họ _____

Ngày và nơi sinh _____

Quá trình sáng tác nếu có _____

Địa chỉ: _____

Điện Thoại: () _____ Email: _____

Đồng ý tham gia với tư cách Hội Viên kể từ ngày ____ tháng ____, 20____.

CHỮ KÝ HỘI VIÊN

Money Order, chi, ngân phiếu niên liễm \$50 Mỹ kim xin ghi Cothom Foundation và gửi về địa chỉ:

COTHOM FOUNDATION
11623 CHAPEL CROSS WAY
RESTON, VA 20194
USA



DANH SÁCH MẠNH THƯỜNG QUÂN

Ô. Hồ Trường An, B. Phạm Tường An, B. Văn Thị Kiều Anh, B. Nguyễn Ngọc Anh,
Ô. Nguyễn Văn Bá (France), Ô. Trần Hữu Bảo, Ô. Việt Bằng (CA), B. Phạm Thị Ánh Bích,
Ô.B. Hoàng Dân Bình, Ô.B. La Trung Chánh, B. Nguyễn Phương Châm,
Ô.B. Nguyễn Hùng Châu, B. Vũ Kim Châu, Ô. Trần Châu, B. Trương Minh Châu,
Ô.B. Ngô Chương, B. Nguyễn Hồng Cung, ÔB BS Nguyễn B. Cường, B. Diana Đặng,
B. Nguyễn Kim Dung, Ô. B. Phan Anh Dũng, B. Dzung Sencer, Ô.B. Don Van Dang,
B. Bùi Thị Đào, Ô. Nguyễn Hải Đăng, B. Mẫu Đơn Nguyễn, Ô. Vũ Vương Đoàn,
Ô.B. Hoàng Cung Fa, Ô.B. B.S. Giang Hoàng, B. Đỗ Thị Minh Giang, Ô. Trần Đan Hà, Germany,
B. Lê Thúy Hà, B. Nguyễn T. Song Hà, Ô.B. Nguyễn Đăng Hải, B. Đỗ Tràng Mỹ Hạnh,
B. Vương Ánh Hằng, Ô.B. Lê Hậu, B. Dương Thị Hiền, Ô. Đặng Văn Hiền,
B. Đặng Thị Hiền, Ô. Lý Thy Hiếu, B. Nguyễn Hoa, Ô.B. Trần Bội Hoàn,
B. Tô Diễm Hồng, B. Huệ Phạm, Ô.B. Huỳnh Bá Hùng, Ô. Trương Hùng,
B. Thùy Hương N.T.T, B. Quỳnh Khanh Nicholson, Ô. Lê Ngọc Kha, Ô. B. Phan Khâm,
Ô. Nguyễn Quốc Khoa, Ô. Phạm Nguyên Khôi, B. Vi Khuê, Ô. Bùi Thượng Khuê, Ô. Võ Lại,
B. Phạm Tố Lan, B. Nghiêm Xuân Lan, Ô. Nguyễn Lâm, B. Nguyễn Tuyết Lê,
B. Ngô Thị Liên, Ô. B. Nguyễn Huy Long, Ô. B. Nguyễn Phú Lon, Ô. Phạm Đình Long,
B. Hoàng Bạch Mai, B. Nguyễn Trúc Mai (CA), B. Mai Nguyễn (VA), Ô. Vũ Nam, Germany,
B. Nguyễn Phương Nga, B. Nguyễn T. Xuân Nga, Ô. Đào Nguyên, Ô. Đăng Nguyên,
B. Trần Thị Minh Nguyệt, B. Cao Mỹ Nhân, B. Nguyễn Tú Nhật, Ô. Lê Xuân Nhuận,
B. Phạm Thị Nhung, Ô. Vũ Mạnh Phát, Ô. Trần Phi, Ô. B. Đỗ Ngọc Phú,
B. Vũ Thị Phúc, B. Hoàng Hữu Phước, B. Nghiêm Thái Phước, Ô. Lê Quang Phùng,
Ô. Trần Bích San, Ô. Hồ Công Tâm, B. Nguyễn T. Minh Tâm, B. Nguyễn Minh Tân,
B. Nguyễn T. Ngọc Tân, Ô. Lê Văn Tấn, Ô.B. Nguyễn Diệu Tân (NJ), B. Nguyễn Đạp Thanh,
Ô. Lê Tam Thanh, Ô. B. Nguyễn Văn Thành, B. Thảo Nguyễn,
Ô. B. Trịnh Đức Thông, B. Lưu Nguyễn Kiều Thu, B. Nguyễn Tiểu Thu, Canada,
B. Nguyễn Hồng Thủy, B. Lương Thu Thủy, Ô. B. Lê Ngọc Thụy,
Ô. Nguyễn Hữu Thử, Ô. Lê Văn Thương, Ô. Bùi Thanh Tiên, B. Tiffany Trang Đỗ,
Ô. Nguyễn Văn Toại, Ô. Lê Văn Trạch, B. Ngô Khắc Trâm, B. Hoàng Minh Trân,
Ô. Tạ Quang Trung, Ô. B. Võ Trưng, Ô.B. Nguyễn Ân Tuấn, Ô. Nguyễn Đăng Tuấn,
B. Đặng Ngọc Tú, B. Nguyễn Tường Vân (CA), Ô. Nguyễn Tường Vân (MD), B. Khánh Vân Michalek,
Ô. Nguyễn Xuân Vân, Ô. Nguyễn Tinh Vệ, Ô. Yên Vi, B. Hoàng Hồng Yến,
Eastern Loudoun Library, Hà Nguyễn & Associates, Ivan M. Waldman & Associates,
B.S. Nguyễn T. Kim Dung, B.S. Võ Đạm, B.S. Nguyễn Quốc Quân, Sovereign Realty, INC.,
Buddy Photo, Harvest Moon Restaurant

**PHIẾU MUA/GIA HẠN/QUẢNG CÁO
(SUBSCRIPTION & ADVERTISEMENT FORM)**

Họ và tên (Reader's Name):

Địa chỉ (Address):

Phone, Fax, Email:

Ngày đặt mua (Order date): Từ số (From issue #): tới số (To issue #):

Kèm theo chi, ngân phiếu số (Enclosed check, money order #)

Số tiền (US dollar amount) \$

GIÁ MỘT NĂM BÁO CỔ THƠM

PRICE 1 YEAR, 4 ISSUES

Nội địa Hoa Kỳ và Gia Nã Đại (In USA & Canada): US \$30 []

Úc, Á và Âu Châu (Australia, Asia & Europe): US \$40 []

GIÁ QUẢNG CÁO TRẮNG ĐEN MỖI SỐ

trên Tam cá nguyệt san Cổ Thơm (7 x 8.5")

1/2 trang trong: US \$30.00 []

1 trang trong: US \$60.00 []

Trang trong bìa trước: US \$100.00 []

Trang trong bìa sau: US \$100.00 []

Trang ngoài bìa sau: US \$120.00 []

Dùng ngân phiếu, lệnh phiếu Mỹ kim, xin ghi trả và gửi về
(Check payable in US dollars to Cothom Foundation; send to):

COTHOM FOUNDATION

11623 CHAPEL CROSS WAY

RESTON, VA 20194

**QUÍ ĐỘC GIẢ MUA BÁO DÀI HẠN, QUÍ THÂN CHỦ QUẢNG CÁO
LÀ AN NHÂN YẾM TRỢ TAM CÁ NGUYỆT SAN VĂN HỌC CỔ THƠM.**

TỦ SÁCH HỘI VIÊN CỎ THƠM

TÁC GIẢ TÁC PHẨM	LOẠI VĂN	ẤN PHÍ	GIÁ HỘI VIÊN CẢ BƯU PHÍ	MUA GHI (X)
TRẦN BÍCH SAN: <i>VĂN KHẢO</i>	BIÊN KHẢO	\$15	\$ 9.	
HỒ TRƯỜNG AN: <i>TÁC PHẨM ĐẸP CỦA BAN</i>	BÌNH VĂN	\$15	\$ 9.	
QUỲNH ANH: <i>TÌNH TRONG CÔI MỘNG</i>	THƠ	\$10	\$ 6.5	
N.T. NGỌC DUNG: <i>ĐIỂM TRANG LÀM ĐÁNG CUỘC ĐỜI</i>	THƠ	\$12	\$ 7.5	
NGUYỄN THỊ NGỌC DUNG: <i>MỘT THOÁNG MÂY BAY</i>	TẬP TRUYỆN	Tuyệt	bản	
HỒ TRƯỜNG AN, NGUYỄN THỊ NGỌC DUNG, CAO MỸ NHÂN, PHAN KHÂM... : <i>HOÀI CẢM</i>	THƠ XUỐNG HỌA	\$12	\$ 7.5	
CAO MỸ NHÂN: <i>ÁO MÀU XANH</i>	THƠ	\$10	\$ 6.5	
KIM Y PHẠM LỆ OANH: <i>LIÊU TRAI TRÍ DỊ 1-2-3</i>	TRUYỆN DỊCH	\$21	\$12.	
KIM Y PHẠM LỆ OANH: <i>THI KINH QUỐC PHONG</i>	CỔ THI	\$25	\$14.	
TRƯƠNG ANH THỤY: <i>TRAM NGHỈ CHÂN</i>	TRUYỆN DÀI	\$10	\$ 6.5	
TRƯƠNG ANH THỤY: <i>ÁNH MẮT</i>	TẬP TRUYỆN	\$12	\$ 7.5	
BÙI THANH TIÊN: <i>TRĂNG NHỚ ĐÊM RẼM</i>	THƠ	\$10	\$ 6.5	
PHAN KHÂM: <i>BÊN DÒNG THẠCH HẪN</i>	THƠ	\$12	\$ 7.5	
NGUYỄN LÂN: <i>SÔI NỔI</i>	TẬP TRUYỆN	\$15	\$ 9.	
HỒ TRƯỜNG AN: <i>VƯỜN CAU QUÊ NGOÀI (tuyệt bản)</i>	THƠ	\$10	\$ 6.5	
ĐẶNG NGUYỄN: <i>ĐÃ KHỎ ĐÒNG LỆ</i>	THƠ	\$12	\$ 7.5	
VIỆT BẰNG: <i>HÌNH ẢNH TRÔI ĐI</i>	THƠ	\$12.	\$ 7.5	
N.T. NGỌC DUNG: <i>PHƯƠNG VẼN NỞ BÊN TRỜI HÀ NỘI</i>	HỒI KÝ	\$18.	\$10.5	
N.T. NGỌC DUNG: <i>SÀI GÒN NẮNG NHỚ MƯA THƯƠNG</i>	HỒI KÝ	\$20.	\$11.5	
HỒ TRƯỜNG AN: <i>GIẢI THOẠI VĂN CHƯƠNG</i> với Việt Bằng, Dư Thị Diễm Buồn, Nguyễn Thị Ngọc Dung, Phan Khâm, Vi Khuê, Vũ Nam, Trần Bích San, Tiểu Thu.	BÚT ĐÀM	\$15.	\$ 9.5	
TRƯƠNG ANH THỤY: <i>CHUYỂN MÙA</i>	TIỂU THUYẾT	\$28.	\$16.55	
PHAN KHÂM: <i>DÒNG SÔNG THAO THỨC</i>	THƠ	\$12.	\$ 7.5	
NGUYỄN T.N. DUNG. <i>NON NƯỚC ĐÁ VÀNG</i>	BÚT KÝ	\$15.	\$ 9.5	
HỒ TRƯỜNG AN. <i>NÁO NỨC HÔI TRĂNG RẼM</i>	BÚT KHẢO.	\$15.	\$ 9.5	
HOÀNG TRÙNG DƯƠNG: <i>THƠ TÌNH HOÀNG TRÙNG DƯƠNG</i>	THƠ	\$10.	\$ 7.	
BÙI THANH TIÊN. <i>KHÚC VÔ THANH</i>	THƠ	\$18.	\$11.	
CAO MỸ NHÂN. <i>QUÁN THƠ, NHỮNG NGÀY CÒN LẠI</i>	THƠ	\$15.	\$7.50	
THẢO NGUYỄN. <i>ĐỌC VÀ DỊCH THO CHỮ HÁN CỦA NGUYỄN DU</i>	BIÊN KHẢO	\$15.	\$7.50	

GIÁ BÁN CHO HỘI VIÊN LÀ NỬA TIỀN ẨM PHÍ CỘNG CƯỚC PHÍ BƯU ĐIỆN \$2.50 MỖI CUỐN.